

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN THÀNH TRUNG

CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ
CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CẤP ỦY CẤP TỈNH
Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

Hà Nội – 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

NGUYỄN THÀNH TRUNG

**CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ
CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CẤP ỦY CẤP TỈNH
Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG HIỆN NAY**

**Ngành : Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
Mã số : 9310202**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC**

Người hướng dẫn chính: TS. Trần Duy Hưng

Người hướng dẫn phụ. TS. Lê Đình Năm

Hà Nội - 2026

XÁC NHẬN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CHỈNH SỬA

Luận án đã được tiếp thu và chỉnh sửa theo khuyến nghị của Hội đồng chấm luận án Tiến sĩ cấp Học viện.

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PGS, TS Trần Thị Hương

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan nội dung công trình nghiên cứu khoa học do tôi thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn. Các tài liệu tham khảo được trích dẫn một cách hệ thống, khoa học, đầy đủ, đồng thời trích dẫn rõ ràng về nguồn gốc theo quy định của Học viện.

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2026

TÁC GIẢ

Nguyễn Thành Trung

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI	13
1.1. Các công trình nghiên cứu ở ngoài nước.....	13
1.2. Các công trình nghiên cứu ở trong nước có liên quan đến đề tài.....	16
1.3. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài và những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu	36
Chương 2: CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CẤP ỦY CẤP TỈNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG HIỆN NAY - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	39
2.1. Các tỉnh, đảng bộ cấp tỉnh, cấp ủy cấp tỉnh, ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng.....	39
2.2. Giám sát chuyên đề và công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng	67
2.3. Chất lượng công tác giám sát chuyên đề - khái niệm, yếu tố quy định và tiêu chí đánh giá công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng	78
Chương 3: CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CẤP ỦY CẤP TỈNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA	92
3.1. Thực trạng chất lượng công tác giám sát chuyên đề của Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng từ năm 2020 đến nay	92
3.2. Nguyên nhân và những vấn đề đặt ra	115
Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CẤP ỦY CẤP TỈNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG TRONG THỜI GIAN TỚI	133
4.1. Dự báo những yếu tố tác động và phương hướng nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng thời gian tới	133
4.2. Giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông hồng trong thời gian tới.....	141
KẾT LUẬN	168
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	170
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	171
PHỤ LỤC	182

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ĐBSH	Đồng bằng sông Hồng
FDI	Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	Tổng sản phẩm nội địa
GRDP	Tổng sản phẩm trên địa bàn
HĐND	Hội đồng Nhân dân
KT-XH	Kinh tế - Xã hội
MTTQ	Mặt trận Tổ quốc
Nxb	Nhà xuất bản
UBND	Ủy ban nhân dân
UBND	Ủy ban kiểm tra

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Giám sát của Đảng là việc các tổ chức đảng quan sát, theo dõi, nắm bắt, xem xét, đánh giá, kết luận hoạt động nhằm kịp thời nhắc nhở để cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát chấp hành nghiêm chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và khắc phục, sửa chữa hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có) [2]. Giám sát chuyên đề là một hình thức giám sát rất quan trọng để đi sâu giám sát các vấn đề nóng, bức xúc hoặc những lĩnh vực dễ xảy ra tiêu cực, giúp phòng ngừa, phát hiện kịp thời những hạn chế, sai sót trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao hiệu quả công tác giám sát. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng nhấn mạnh phải: *“Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng...bảo đảm mọi chủ trương, đường lối của Đảng được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả...không để “khoảng trống”, “vùng tối” mà công tác kiểm tra, giám sát của Đảng không vươn tới được...không để vi phạm nhỏ tích tụ thành vi phạm lớn”* [05, tr.139, tập I].

Các tỉnh đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) có vị trí quan trọng trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chịu sự chỉ đạo trực tiếp từ Trung ương về phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), bảo đảm an ninh quốc phòng, là vùng phát triển nhanh, bền vững, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, đi đầu về phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, xã hội số; có hạ tầng KT-XH đồng bộ, hiện đại, đô thị thông minh, có tính kết nối cao. Các Đảng bộ cấp tỉnh ở ĐBSH trong sạch, vững mạnh là nhân tố quyết định thành công việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng ở các tỉnh ĐBSH. Quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng, những năm vừa qua, các cấp ủy cấp tỉnh ở các tỉnh ĐBSH đã quan tâm đẩy mạnh công tác giám

sát, nhất là công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh. Các UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH đã tích cực, chủ động phân công ủy viên UBKT cấp ủy trực tiếp theo dõi nắm tình hình địa bàn để kịp thời tham mưu thành lập các đoàn giám sát chuyên đề; thực hiện tốt chức năng tham mưu, giúp cấp ủy cấp tỉnh kịp thời xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ giám sát chuyên đề theo quy định; nhờ đó chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH ngày một nâng lên, kịp thời phát hiện những trường hợp tổ chức đảng và đảng viên có dấu hiệu vi phạm. Qua đó, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng, kịp thời ngăn chặn, phòng ngừa hạn chế sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH vẫn còn có những hạn chế, bất cập, như: việc xác định, lựa chọn nội dung, xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề ở một số nơi còn chung chung, có nội dung chưa phù hợp; chất lượng, hiệu quả một số cuộc giám sát chuyên đề chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn; việc thực hiện quy trình giám sát chuyên đề còn lúng túng, kéo dài thời gian, một số nơi chưa thực hiện đúng quy trình, thủ tục theo hướng dẫn của Trung ương. Việc giám sát chuyên đề chủ yếu mới tập trung vào đối tượng đảng viên không giữ chức vụ, ít thực hiện nội dung này đối với đảng viên là đối tượng cấp ủy cấp trên quản lý...; việc giám sát thực hiện các kết luận sau kiểm tra, giám sát ở một số nơi chưa nhiều...; một số cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu chưa quan tâm đúng mức đến công tác giám sát chuyên đề; công tác thực hiện giám sát chuyên đề ở một số nơi thiếu quyết liệt, thiếu trọng tâm, trọng điểm, chất lượng, hiệu quả không đồng đều, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình mới; năng lực tham mưu của một số UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH còn hạn chế và thiếu quyết liệt dẫn đến việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác giám sát chuyên đề còn lúng túng,

còn có sự nhầm lẫn về phương pháp khi thực hiện hai nhiệm vụ kiểm tra và giám sát... Những hạn chế nêu trên đã làm cho chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH hiện nay chưa đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng Đảng trong thời gian sắp tới.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã mở ra kỷ nguyên phát triển mới của đất nước. Những quyết sách chiến lược mang tính cách mạng do Đại hội quyết định đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới cao hơn, đòi hỏi phải tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, trong đó, Đại hội yêu cầu phải đổi mới mạnh mẽ tư duy, phương pháp công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, chủ động phòng ngừa, cảnh báo, xử lý vi phạm từ sớm, từ xa, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành vi phạm lớn.

Trước yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng Đảng trong tình hình mới và những vấn đề còn hạn chế trong chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH hiện nay đang đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu làm rõ các vấn đề về lý luận và thực tiễn, đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH trong thời gian tới. Xuất phát từ tình hình trên, việc nghiên cứu đề tài *“Chất lượng công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng hiện nay”* có tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu của luận án

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH hiện nay, luận án đề xuất phương hướng và những giải pháp khả thi góp phần nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

Một là, tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án đã được công bố, khái quát nội dung nghiên cứu của các công trình đã tổng quan, qua đó xác định những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu và làm rõ.

Hai là, luận giải những vấn đề lý luận và thực tiễn về chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH.

Ba là, phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH từ năm 2020 đến nay, chỉ rõ ưu, khuyết điểm, xác định nguyên nhân và những vấn đề đặt ra.

Bốn là, dự báo những yếu tố thuận lợi, khó khăn, xác định phương hướng và đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án

Chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án

Một là, phạm vi về nội dung: Luận án nghiên cứu những vấn đề lý luận, thực tiễn về chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH.

Hai là, phạm vi về không gian: Luận án tập trung làm rõ thực trạng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH.

Ba là, phạm vi về thời gian: Luận án khảo sát thực trạng chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH từ năm 2020 đến nay, qua đó luận án đề ra phương hướng, giải pháp có ý nghĩa định hướng thực tiễn việc nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH đến năm 2035.

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận của luận án

Luận án được nghiên cứu trên cơ sở những quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam về công tác xây dựng Đảng, trong đó có công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

4.2. Cơ sở thực tiễn của luận án

Luận án được thực hiện trên cơ sở thực tiễn công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH. Luận án có sử dụng các báo cáo, thống kê về công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH.

4.3. Phương pháp nghiên cứu luận án

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác- Lênin và sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: logic kết hợp với lịch sử; phân tích và tổng hợp; điều tra, khảo sát thực tiễn, phỏng vấn sâu; thống kê, so sánh; tổng kết thực tiễn.

4.3.1. Phương pháp logic kết hợp với phương pháp lịch sử

Luận án sẽ tổng hợp quá trình hình thành nguyên gốc và sự phát triển qua các thời kỳ có liên quan đến công tác giám sát của đảng. Qua quá trình lịch sử, luận án sẽ làm rõ các quy định, quy luật vận động khách quan quá trình hình thành của đối tượng nghiên cứu trong từng giai đoạn của công tác giám sát, đặc biệt là công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH, luận án rút ra những vấn đề xuyên suốt chi phối việc nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH và tập trung ở chương 3 của Luận án.

4.3.2. Phương pháp phân tích kết hợp với phương pháp tổng hợp

Để có thêm nhiều thông tin, kiến thức, luận án cần nghiên cứu, phân tích, tìm hiểu nội dung các tài liệu có liên quan đến thực trạng công tác giám sát

chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH hiện nay, như: Các tài liệu, bài viết, sách, báo, báo cáo..., thống kê của các tỉnh ở ĐBSH; các báo cáo chính trị theo nhiệm kỳ, theo năm; các báo cáo sơ, tổng kết công tác kiểm tra, giám sát của các tỉnh ở ĐBSH; các tài liệu tập huấn chuyên ngành kiểm tra, giám sát của Trung ương, UBKT Trung ương và các tỉnh nhằm cung cấp các thông tin, số liệu thống kê để chỉ ra những vấn đề có liên quan đến chất lượng công tác giám sát chuyên đề theo nội dung Luận án đề cập. Từ những công trình liên quan đến luận án, những dữ liệu, số liệu được tổng hợp, Luận án sẽ tập trung phân tích thực trạng của các tỉnh ở ĐBSH để đánh giá rút ra những luận điểm, kết luận, tập trung chính ở chương 1 và chương 2 của Luận án.

4.3.3. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Để cung cấp thông tin dữ liệu đầy đủ cho luận án một cách khoa học, nghiên cứu sinh tiến hành điều tra chọn mẫu bằng bảng hỏi cấu trúc đối với các nhóm (nhóm 1, nhóm 2 - Phụ lục số 03) có tham gia vào các hoạt động của công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh hiện nay. Cụ thể, các câu hỏi được đặt ra đối với những người trực tiếp tham gia vào các công việc trên với vai trò là chủ thể giám sát và đối tượng bị giám sát khi tham gia các đoàn giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH nhằm thu thập các thông tin thực tế, phục vụ cho các yêu cầu nội dung đề tài đặt ra. Hệ thống các câu hỏi sẽ đề cập đến các nhóm vấn đề công tác giám sát chuyên đề và chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH hiện nay.

Mẫu và phương pháp chọn mẫu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập thông tin định lượng với bảng hỏi có sẵn, hướng đến lựa chọn 2 nhóm đối tượng khảo sát như đề cập ở trên tại các địa bàn đã được chọn, cụ thể:

Số lượng: 1000 phiếu

Đối tượng thực hiện bảng hỏi: Cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát cấp tỉnh/xã ở đồng bằng sông Hồng

Địa bàn: 06 tỉnh ở đồng bằng sông Hồng hiện nay, gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Ninh Bình, Bắc Ninh, Hưng Yên.

Số lượng phân bổ số phiếu:

Cụ thể: 02 thành phố trực thuộc Trung ương (Hà Nội, Hải Phòng) phân bổ 200 phiếu/địa bàn; 04 tỉnh còn lại (Quảng Ninh, Ninh Bình, Bắc Ninh, Hưng Yên) phân bổ 150 phiếu/địa bàn.

Bảng phân bổ cơ cấu mẫu dự kiến:

Địa bàn tỉnh/thành	Số phiếu
Hà Nội	200
Hải Phòng	200
Quảng Ninh	150
Ninh Bình	150
Bắc Ninh	150
Hưng Yên	150
Tổng	1000

Trong quá trình khảo sát thực tế, để đảm bảo dung lượng mẫu đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, tác giả tiến hành phát bổ sung thêm 100 phiếu khảo sát. Sau thu thập, rà soát và làm sạch dữ liệu, tổng số phiếu hợp lệ được sử dụng cho phân tích là 1.020 phiếu. Cơ cấu mẫu cụ thể được trình bày như bảng dưới đây:

Bảng cơ cấu mẫu thực tế thu thập được:

Địa bàn tỉnh/thành	Số phiếu
Hà Nội	202
Hải Phòng	206
Quảng Ninh	154
Ninh Bình	156
Bắc Ninh	151
Hưng Yên	151
Tổng	1020

Dữ liệu định tính sẽ được thu thập song song, chủ yếu nhằm giải thích và làm rõ các kết quả định lượng, đặt trong bối cảnh phù hợp để đối chiếu, so sánh.

*4.3.4. Phương pháp phỏng vấn sâu**Cỡ mẫu*

Để có thêm thông tin bổ sung cho nghiên cứu, các phỏng vấn sâu được tiến hành đối với các nhóm khách thể (có 02 nhóm)

Nhóm 1: Chủ nhiệm/Phó Chủ nhiệm UBKT cấp tỉnh, cấp xã ở các tỉnh ở ĐBSH.

Nhóm 2: Ủy viên UBKT cấp tỉnh, cấp xã ở các tỉnh ở ĐBSH..

Ngoài ra, có thể phỏng vấn mở rộng cán bộ đang công tác tại các Vụ địa bàn của UBKT Trung ương.

Phương pháp chọn mẫu:

Phương pháp chọn mẫu có chủ đích được áp dụng để chọn ra các đối tượng tham gia phỏng vấn

Phương pháp phỏng vấn sâu được sử dụng trong suốt quá trình thu thập thông tin bao gồm 3 giai đoạn:

Giai đoạn tìm hiểu và đánh giá sơ bộ về địa bàn nghiên cứu: tiến hành phỏng vấn sâu nhằm thu thập thông tin về địa bàn nghiên cứu, và giúp cho việc xây dựng thang đo, hoàn thiện bảng hỏi.

Giai đoạn tiếp theo: phỏng vấn sâu tiến hành song song với quá trình thu thập thông tin định lượng, nhằm thu thập các thông tin sâu hơn, như các thông tin về lý do, nguyên nhân, mục đích.

Giai đoạn thứ 3: phỏng vấn sâu được thực hiện sau khi thu thập và xử lý thông tin định lượng. Trong giai đoạn này, phỏng vấn sâu nhằm giúp cho việc giải thích, minh chứng cho các số liệu định lượng đã thu thập được, giúp cho việc phân tích và luận giải được cụ thể hơn.

Nội dung phỏng vấn sâu đối với các nhóm khách thể bao gồm:

Phỏng vấn sâu theo chủ yếu tập trung vào nhóm 1 và nhóm 2

Phỏng vấn sâu được tiến hành đối với các đối tượng thuộc nhóm 1 và nhóm 2 nhằm cung cấp cụ thể về thực trạng vai trò, ý nghĩa của công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh/xã trong giai đoạn hiện nay? Việc lựa chọn nội dung, đối tượng giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh/xã hiện nay được căn cứ trên những cơ sở nào? Lựa chọn nội dung giám sát có tính đến những đặc thù kinh tế - xã hội của vùng ĐBSH (như quản lý đất đai, đô thị hóa, đầu tư công) hay không? Trong quy trình giám sát chuyên đề hiện nay, khâu nào là then chốt, khâu nào còn khó khăn? Lựa chọn và áp dụng những phương pháp, hình thức giám sát chuyên đề nào, và phương pháp nào hiệu quả nhất? Chất lượng kết luận, kiến nghị sau giám sát chuyên đề hiện nay đã đáp ứng yêu cầu chưa và vì sao? Để đánh giá chất lượng công tác giám sát chuyên đề cần dựa trên những tiêu chí cơ bản nào, trong các tiêu chí đó, tiêu chí nào giữ vai trò quyết định đối với chất lượng giám sát chuyên đề trong thời gian tới? Công tác giám sát chuyên đề đã tác động như thế nào đến việc phòng ngừa vi phạm, nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong Đảng ở địa phương; những hạn

chế lớn nhất trong công tác giám sát chuyên đề hiện nay là gì, nguyên nhân chủ yếu do đâu? Trong giai đoạn từ 2020 đến nay, có sự thay đổi nào về tính chất các sai phạm mà giám sát chuyên đề khó phát hiện nhất; đề xuất những giải pháp trọng tâm nào để nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh trong thời gian tới? Mô hình giám sát chuyên đề hiện nay cần thay đổi thế nào để thích ứng với công tác chuyển đổi số? Trong bối cảnh đẩy mạnh liên kết vùng ĐBSH, UBKT cấp ủy cấp tỉnh có gặp khó khăn gì trong việc giám sát các chuyên đề mang tính liên tỉnh/thành phố không?

Phòng vấn nhóm những người am hiểu về công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan UBKT Trung ương về thực trạng ở ĐBSH.

Nội dung phỏng vấn:

Các biểu hiện, mức độ của các cuộc giám sát chuyên đề diễn ra tại địa phương; các hoạt động của công tác giám sát chuyên đề tác động đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cấp tỉnh/xã trong việc phát triển KT- XH, công tác quốc phòng, an ninh trên địa bàn như thế nào?

Nhiệm vụ của phương pháp này được tập trung làm rõ tình hình thực tiễn của công tác giám sát chuyên đề được đề cập ở chương 3 của Luận án.

4.3.5. Phương pháp xử lý và phân tích thông tin

Xử lý thông tin: Thông tin định lượng được thu thập bằng bảng hỏi và xử lý với phần mềm SPSS 23.0 để hỗ trợ phân tích, kết quả liên quan đến chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH hiện nay, tập trung ở chương 3 của Luận án.

4.3.6. Phương pháp thống kê, so sánh

Tổng hợp các số liệu có liên quan, thống kê các số liệu có liên quan đến chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH, đồng thời có sự so sánh, đối chiếu quan sát thực tế để đảm bảo độ tin cậy của các số liệu, tập trung ở chương 3 của Luận án.

4.3.7. Phương pháp tổng kết thực tiễn

Được sử dụng để nghiên cứu, đánh giá thực trạng chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH, từ đó rút ra những vấn đề đặt ra và tạo cơ sở đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Một là, Luận án đưa ra khái niệm chất lượng công tác giám sát chuyên đề và xác định 4 tiêu chí đánh giá chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH: (1) mức độ đúng đắn của chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề và việc tổ chức thực hiện; (2) mức độ quan hệ phối hợp giữa UBKT cấp ủy cấp tỉnh với các cơ quan tham mưu giúp việc cấp ủy; các tổ chức, cơ quan có liên quan; (3) mức độ kết quả công tác giám sát chuyên đề; (4) sự đồng tình của đối tượng giám sát đối với văn bản báo cáo kết quả giám sát và sự tín nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, Nhân dân đối với UBKT cấp ủy cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ giám sát chuyên đề.

Hai là, xác định những vấn đề đặt ra trong chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH, gồm: (1) những bất cập trong cơ chế giám sát và yêu cầu hoàn thiện hệ thống quy định; (2) việc thu thập, xử lý thông tin do phạm vi giám sát rộng, phức tạp và sự né tránh, thiếu hợp tác từ một số cá nhân, tổ chức; (3) năng lực, kinh nghiệm, phẩm chất của cán bộ kiểm tra, giám sát còn bất cập với yêu cầu nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác giám sát; (4) vấn đề xử lý, kết luận sau giám sát chưa triệt để, chưa tạo sức răn đe mạnh mẽ đối với các vi phạm, ảnh hưởng đến tính hiệu quả trong thực thi kết luận giám sát và yêu cầu tăng cường trách nhiệm thực hiện kiến nghị giám sát; (5) khó khăn trong việc phối hợp giữa UBKT cấp ủy cấp tỉnh với các cơ quan, đơn vị trong quá trình giám sát chuyên đề

Ba là, đề xuất một giải pháp có tính đột phá nhằm nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH trong thời gian tới là: Tăng cường sự lãnh đạo của ban thường vụ tỉnh ủy; sự phối hợp của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, các sở, ban ngành khối chính quyền, đoàn thể địa phương trong việc nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Một là, luận án góp phần làm rõ những vấn đề lý luận về chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH hiện nay.

Hai là, kết quả nghiên cứu của luận án có thể cung cấp những luận cứ khoa học cho việc tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH.

Ba là, kết quả nghiên cứu của luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho việc học tập, nghiên cứu khoa học về Xây dựng Đảng và chính quyền ở các tỉnh ĐBSH hiện nay.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình của tác giả đã công bố liên quan đến đề tài luận án, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án gồm 04 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Các công trình nghiên cứu ở ngoài nước

1.1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến công tác giám sát, giám sát chuyên đề

Shoshana Zuboff (2019), *Kỷ nguyên Chủ nghĩa tư bản Giám sát*, Sách chuyên khảo, Nxb, Chính trị Quốc gia Sự thật [83]. Nội dung cuốn sách tập trung nghiên cứu thực tiễn và đánh giá, phân tích những mức độ nghiêm trọng mà chủ nghĩa tư bản giám sát gây ra đối với nền dân chủ và quyền tự chủ cơ bản của con người..... Cuốn sách gồm 03 phần, tập trung đi sâu nghiên cứu làm rõ những nội dung sau: Phần I gồm 5 chương, đề cập đến nền tảng của chủ nghĩa tư bản giám sát, nguồn gốc ra đời và sự phát triển ban đầu của nó; Phần II gồm 5 chương, theo dõi sự phát triển của chủ nghĩa tư bản giám sát từ thế giới trực tuyến sang thế giới thực; Phần III gồm 6 chương, xem xét và phân tích quyền lực công cụ cho một giai đoạn hiện đại thứ ba.

Tần Tiến Hồng (2020), *Vấn đề Pháp trị trong cải cách Giám sát*, Sách chuyên khảo, Nxb, Chính trị Quốc gia Sự thật [59]. Nội dung cuốn sách trình bày một cách toàn diện chế độ giám sát cũng như vấn đề xây dựng pháp luật Trung Quốc về giám sát từ hai góc độ lý luận và thực tiễn, đưa ra các giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện thể chế giám sát của Trung Quốc như sự phối hợp, gắn kết giữa quyền giám sát và quyền kiểm sát, cũng như vị trí của các cơ quan giám sát để đưa ra các đề xuất cải cách thể chế giám sát, gợi ý định hướng của cải cách thể chế giám sát trong tương lai. Cuốn sách gồm 05 phần, tập trung đi sâu nghiên cứu làm rõ những nội dung sau: (1) Tìm hiểu pháp lý trong cải cách giám sát; (2) Giám sát của nhà nước trong cơ cấu hiến pháp; (3) Thực thi Luật Giám sát và các nguyên tắc pháp chế cụ thể; (4) Pháp luật về giám sát và hoàn thiện hệ thống; (5) Xây dựng hệ thống Luật Giám sát.

Lý Lương Đồng (2020), *Cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội [52]. Cuốn sách được Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật tổ chức dịch và xuất bản trên cơ sở cuốn sách gốc do tập thể các nhà nghiên cứu của Trường Đảng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc biên soạn, Nhà xuất bản Trường Đảng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc xuất bản năm 2013. Nội dung cuốn sách được kết cấu thành 9 chương: *Chương I*: Bài học lịch sử về phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của đảng cầm quyền ở các nước xã hội chủ nghĩa; *Chương II*: Quá trình phát triển và thay đổi phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền truyền thống của Đảng Cộng sản Trung Quốc; *Chương III*: Sự tích cực tìm tòi phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền từ cải cách mở cửa đến nay của Đảng Cộng sản Trung Quốc; *Chương IV*: Mục tiêu của chuyển đổi phương thức cầm quyền là thực hiện cầm quyền khoa học, cầm quyền dân chủ, cầm quyền theo pháp luật; *Chương V*: Nguyên tắc cơ bản chuyển đổi phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của đảng; *Chương VI*: Tư duy cụ thể về cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của đảng; *Chương VII*: Quyền lực của đảng cầm quyền cần chịu sự ràng buộc và giám sát nghiêm ngặt; *Chương VIII*: Mở rộng dân chủ trong đảng là bảo đảm quan trọng của chuyển đổi phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng; *Chương IX*: Đảng phải nắm chắc tiến trình chuyển đổi phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền. Cuốn sách đã đề cập đến một trong những phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc đó là thông qua công tác kiểm tra, giám sát và cơ quan chuyên trách về công tác kiểm tra, giám sát có một vai trò đặc biệt quan trọng.

Khăm Phăn Mi La Vông (2005), *Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra của Đảng (cấp tỉnh) ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào hiện nay*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội [102]. Tác giả luận án đã luận giải một số vấn

đề lý luận và quan điểm, đánh giá thực trạng và chỉ ra những nguyên nhân, rút ra một số kinh nghiệm trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra của Đảng (cấp tỉnh) ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào hiện nay; nêu lên những yêu cầu, mục tiêu, phương hướng và đề xuất các giải pháp nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra của Đảng (cấp tỉnh) ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trong giai đoạn hiện nay. Kết quả nghiên cứu của luận án là tài liệu quý để tác giả nghiên cứu, kế thừa có chọn lọc trong thực hiện đề tài luận án.

Vương Lệ Lệ (2015), *“Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật Trung ương: Dùng kỷ luật sắt để xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra, giám sát, kỷ luật”* [66]. Trong bài viết tác giả đã luận bàn việc siết chặt kỷ cương, kỷ luật, chủ động kiểm soát quyền lực để xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra, giám sát, kỷ luật có phẩm chất chính trị và đạo đức vững vàng thông qua đào tạo, bồi dưỡng. Bài viết nhấn mạnh chiến lược của Ủy ban kiểm tra Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc dùng kỷ luật sắt để xây dựng đội ngũ cán bộ giám sát và kiểm tra trung thực, trong sạch và hiệu quả. Bài viết đặt vấn đề tổ chức quán triệt sâu sắc đến tất cả các cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát việc tự soi mình trong các chuẩn mực, nêu cao tinh thần trách nhiệm, trung thực, tận tâm, tận lực và dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm để củng cố niềm tin xã hội, hiệu quả giám sát quyền lực trong Đảng.

Tiêu Bôi: *“Thúc đẩy cải cách thể chế kiểm tra kỷ luật của Đảng và thể chế giám sát của nhà nước”*, Nhân dân Nhật báo, ngày 18/3/2018, số 10 [94]. Trong bài viết tác giả thể hiện một định hướng rõ ràng trong việc đẩy mạnh cải cách thể chế kiểm tra kỷ luật của Đảng và thể chế giám sát của nhà nước để công tác kiểm tra của Đảng và giám sát của nhà nước phải đồng bộ, nhịp nhàng trong quá trình thực thi công vụ.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến chất lượng công tác giám sát chuyên đề

Chăn Sy Seng Sôm Phu (2017), *Chất lượng công tác kiểm tra của ủy ban kiểm tra đảng và nhà nước cấp tỉnh ở các tỉnh phía Bắc nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ chuyên

ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội [75]. Tác giả luận án làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về chất lượng công tác kiểm tra của uỷ ban kiểm tra đảng và nhà nước cấp tỉnh ở các tỉnh phía Bắc nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào; đánh giá thực trạng và chỉ ra nguyên nhân của thực trạng, nêu lên những vấn đề đặt ra về chất lượng công tác kiểm tra của uỷ ban kiểm tra đảng và nhà nước cấp tỉnh ở các tỉnh phía Bắc nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào; trên cơ sở đó, tác giả xác định mục tiêu, đề xuất phương hướng và giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng công tác kiểm tra của uỷ ban kiểm tra đảng và nhà nước cấp tỉnh ở các tỉnh phía Bắc của Lào.

Đào Bua La Pha Ba Vông Phết (2017), *Chất lượng công tác kiểm tra của Đảng Nhân dân cách mạng Lào trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội [81]. Luận án phân tích làm rõ những vấn đề lý luận về chất lượng công tác kiểm tra của Đảng Nhân dân cách mạng Lào trong giai đoạn hiện nay. Đánh giá thực trạng chất lượng công tác kiểm tra của Đảng Nhân dân cách mạng Lào trong những năm qua. Đề xuất phương hướng và những giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng công tác kiểm tra của Đảng Nhân dân cách mạng Lào.

1.2. Các công trình nghiên cứu ở trong nước có liên quan đến đề tài

1.2.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến công tác giám sát, giám sát chuyên đề

Đặng Đình Phú - Trần Duy Hưng (*Đồng Chủ biên*) (2008) - *Công tác giám sát trong Đảng giai đoạn hiện nay*, Sách chuyên khảo, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội [74]. Cuốn sách đã đi sâu nghiên cứu, trình bày những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác giám sát trong Đảng. Đánh giá thực trạng, nguyên nhân, kinh nghiệm và những vấn đề đặt ra và đề xuất phương hướng và những giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường về công tác giám sát trong Đảng hiện nay.

Lê Hồng Liêm (2011), *Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội [62]. Tác giả cuốn sách trình bày một số cơ sở lý luận về phòng, chống tham nhũng và công tác kiểm tra, giám sát trong đó đã làm rõ vị trí, vai trò, tác dụng, mối quan hệ giữa công tác kiểm tra, giám sát với phòng, chống tham nhũng, các nhân tố ảnh hưởng đến công tác đó và tiêu chí xác định sự tác động của công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đối với việc phòng, chống tham nhũng cũng như đưa ra kinh nghiệm và giải pháp của một số nước về vấn đề phòng, chống tham nhũng. Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận, tác giả đã đi sâu nghiên cứu về thực trạng công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đối với việc phòng, chống tham nhũng trong thời gian qua, phân tích, đánh giá những ưu điểm, tồn tại, nguyên nhân của một hạn chế, tồn tại, bất cập. Trên cơ sở đó, cùng với việc định hình về yêu cầu đổi mới, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát phòng, chống tham nhũng, tác giả cuốn sách đã đề xuất một số giải pháp phòng, chống tham nhũng thông qua công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Ngoài ra, cuốn sách còn có phần phụ lục về trình tự và phương pháp khi xử lý vụ án tham nhũng của Ủy ban Kiểm tra - Kỷ luật Trung ương, Đảng Cộng sản Trung Quốc để bạn đọc tham khảo.

Cao Văn Thống (2011), *Đổi mới phương thức kiểm tra, giám sát của Đảng*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội [85]. Cuốn sách là tài liệu thiết thực, giúp cho các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp, chi bộ, đảng viên và nhân dân nghiên cứu, vận dụng trong công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong tình hình hiện nay. Cuốn sách gồm 2 phần: Phần thứ nhất: Quan điểm của Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh về phương thức kiểm tra, giám sát và việc vận dụng thực hiện từ Đại hội X của Đảng đến nay; Phần thứ hai: Một số văn bản của Đảng về phương thức kiểm tra, giám sát.

Lê Văn Giảng, Cao Văn Thống (Đồng chủ biên) (2015), *Phương thức*

lãnh đạo của Đảng trong công tác kiểm tra, giám sát, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội [55]. Cuốn sách giúp bạn đọc có nhận thức đúng, đầy đủ về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, phục vụ thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng. Nội dung cuốn sách gồm ba chương: Chương I: Một số vấn đề chung về phương thức lãnh đạo của Đảng trong công tác kiểm tra, giám sát; Chương II: Thực trạng thực hiện phương thức lãnh đạo của Đảng trong công tác kiểm tra, giám sát; Chương III: Cơ chế, định hướng, yêu cầu, giải pháp và kiến nghị tăng cường phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác kiểm tra, giám sát trong tình hình mới.

Nguyễn Văn Nhân (Chủ nhiệm đề tài) (2015), *Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra đối với hoạt động các đoàn kiểm tra*, Đề tài khoa học mã số KHBĐ - 14, Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì [68]. Tác giả đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề khó khăn về mặt lý luận và nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát, trong đó đặc biệt là hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát; đề tài còn xác định rõ phương hướng, quan điểm, mục tiêu, yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra đối với hoạt động các đoàn kiểm tra; đồng thời đề xuất 8 giải pháp cụ thể để nâng cao chất lượng tiến hành kiểm tra, giám sát đối với hoạt động đoàn kiểm tra. Đề tài là tài liệu quý để luận án nghiên cứu hoạt động cụ thể của các đoàn kiểm tra, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả mỗi cuộc kiểm tra, giám sát là một trong những yếu tố tạo nên chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra. Những nội dung này sẽ được lồng ghép trong một số nội dung của luận án.

Hà Quốc Trị (Chủ nhiệm đề tài) (2015), *Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với phòng, chống lãng phí ở nước ta hiện nay - Những vấn đề đặt ra và giải pháp*, Đề tài khoa học mã số KHBĐ-16, Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì [88]. Tác giả đã đánh giá cơ bản tình hình thực hiện công

tác kiểm tra, giám sát của Đảng đối với việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, khóa X (2006) cho đến hết năm 2015. Việc đánh giá thực trạng công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đối với việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư từ năm 2006 đến năm 2014. Đề tài còn đưa ra dự báo tình hình, mục tiêu, phương hướng và những giải pháp chủ yếu tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với phòng, chống lãng phí có giá trị đến năm 2030. Trong hệ thống giải pháp có một số giải pháp được phân tích kỹ, đó là những nội dung quan trọng, có giá trị để luận án tiếp thu và sử dụng trong một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra, như giải pháp về tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát của Đảng; kiện toàn tổ chức bộ máy, chất lượng cán bộ ngành Kiểm tra Đảng; phát huy vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị và Nhân dân tham gia kiểm tra, giám sát.

Cao Văn Thống, Đỗ Xuân Tuất, Dương Trung Ý đồng chủ biên (2015): *Đổi mới phương thức kiểm tra giám sát của Đảng trong tình hình hiện nay* [87]. Cuốn sách đã khái quát quan điểm của V.I. Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về phương thức kiểm tra, giám sát của Đảng Cộng sản Việt Nam; Thực trạng xây dựng và thực hiện phương thức kiểm tra, giám sát của Đảng từ sau Đại hội X ở Việt Nam; Mục tiêu, quan điểm, yêu cầu và những giải pháp đổi mới phương thức kiểm tra, giám sát của Đảng góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh trong giai đoạn cách mạng mới. Công trình đã cung cấp cho người đọc những kiến thức cơ bản về lý luận của V.I. Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về phương thức kiểm tra, giám sát của Đảng Cộng sản Việt Nam, việc đổi mới phương thức kiểm tra, giám sát của Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhiệm kỳ Đại hội X. Ngoài ra, ở các mức độ tiếp cận khác nhau đã đạt được những kết quả nhất định trong việc làm rõ nội

dung, mục tiêu, quy trình, mối quan hệ, phương thức phối hợp giữa kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm với các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung; vấn đề giải quyết khiếu nại, tố cáo trong kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại, kỷ luật của Đảng từ Trung ương đến cơ sở; vấn đề kiểm tra, giám sát của Đảng trong công tác cán bộ nói riêng, đặc biệt là tiêu chuẩn, nhân cách của cán bộ kiểm tra trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Tuy nhiên, do mới dừng lại ở khía cạnh cụ thể là về phương thức kiểm tra, giám sát của Đảng, còn về vị trí, vai trò, mục đích, chủ thể, đối tượng, nội dung kiểm tra, giám sát thì công trình chỉ tìm hiểu, khai thác một cách khái lược, trong một giới hạn nhất định. Do vậy, nghiên cứu này chưa phân tích được một cách toàn diện, tổng thể về công tác kiểm tra, giám sát đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tình hình mới.

Mai Thế Dương (2016): *Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng qua 30 năm đổi mới* [32]. Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. Nội dung cuốn sách sự tổng kết quá trình phát triển lý luận về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng; luận giải quá trình phát 26 triển lý luận của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Trong đó, đã khái quát quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng (về vị trí, vai trò và tính tất yếu khách quan, về mục đích, nội dung, ý nghĩa, về phương pháp, hình thức của kiểm tra, giám sát; về xây dựng cơ quan chuyên trách và đội ngũ cán bộ kiểm tra; về kỷ luật đảng và mối quan hệ giữa kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng). Thực trạng và những vấn đề đặt ra trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng qua 30 năm đổi mới và phương hướng, mục tiêu, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng cũng được tác giả phân tích. Nội dung công tác kiểm tra, giám sát tổ chức và cán bộ đã được đề cập và

trình bày. Như vậy, công trình này đã cung cấp cho người đọc lý luận và thực tiễn công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng của Đảng trong 30 năm đổi mới đất nước. Về hướng vận dụng của Đảng, công trình làm rõ yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng là chính. Vậy nên, nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác kiểm tra, giám sát đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam chưa được luận giải toàn diện, chi tiết; Mặt khác, công trình chưa đề cập đến quan điểm mới của của Đảng Cộng sản Việt Nam ở Đại hội XIII (2021), thực trạng và các vấn đề đặt ra đối với công tác kiểm tra, giám sát đảng viên của Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội XIII cũng chưa được cập nhật, phân tích.

Nguyễn Văn Nhân (2017), *Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của uỷ ban kiểm tra đối với hoạt động các đoàn kiểm tra*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội [69]. Cuốn sách trình bày một số vấn đề lý luận về kiểm tra, giám sát, sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra giám sát của uỷ ban kiểm tra đối với hoạt động các đoàn kiểm tra; khảo sát, đánh giá thực trạng công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của uỷ ban kiểm tra đối với hoạt động các đoàn kiểm tra. Trên cơ sở đó cuốn sách đề xuất các phương hướng và giải pháp tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của uỷ ban kiểm tra đối với hoạt động các đoàn kiểm tra trong thời gian tới.

Phạm Thành Nam (2017), *Một số vấn đề về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng*, Sách chuyên khảo, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội [70]. Tác giả cuốn sách đã trình bày những nội dung về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; kỷ luật Đảng và thi hành kỷ luật trong Đảng; tổ chức bộ máy uỷ ban kiểm tra và xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra của Đảng; kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm; thẩm tra, xác minh trong công tác kiểm tra của Đảng; giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên, giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng.

Cao Văn Thống (2020), *Hoàn thiện các phương pháp cơ bản thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng*, Sách chuyên khảo, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật [97]. Cuốn sách gồm 3 chương, cung cấp những kiến thức về các phương pháp cơ bản thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; thực trạng việc sử dụng các phương pháp cơ bản thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng hiện nay và các quan điểm, giải pháp hoàn thiện các phương pháp cơ bản thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng.

Thu Phương (2022), *Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của đảng và những điều đảng viên không được làm*, Sách chuyên khảo, Nxb. Thế giới [76]. Nhận thức được tầm quan trọng cũng như tính cấp thiết của nhiệm vụ nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước, thời gian qua, nhiều quy định, hướng dẫn của Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương đã được ban hành như Hướng dẫn số 02-HD/UBKTTW ngày 29/11/2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương Thực hiện quy định về những điều đảng viên không được làm, Hướng dẫn số 08-HD/BTCTW ngày 27/09/2021 của Ban Tổ chức Trung ương Kết nạp chủ doanh nghiệp tư nhân vào Đảng, Hướng dẫn 02-HD/BTCTW ngày 12/04/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về tiêu chí, quy trình rà soát, phát hiện, giáo dục, giúp đỡ, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng... cuốn sách tập hợp những văn bản, quy định, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng để cán bộ, đảng viên nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, đồng thời làm tốt hơn nữa vai trò, trách nhiệm của mình trong tình hình mới.

Lê Văn Cường – Nguyễn Mậu Tuân (2022), *Công tác Kiểm tra, Giám sát, Kỷ luật Đảng – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Sách chuyên khảo, Nxb. Lý Luận Chính trị [31]. Nội dung cuốn sách gồm có 02 chương,

tập trung đi sâu nghiên cứu làm rõ những nội dung: (i) Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; (ii) Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng hiện nay. Cuốn sách đề cập những văn bản, quy định, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng để cán bộ, đảng viên nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, đồng thời làm tốt hơn nữa vai trò, trách nhiệm của mình trong tình hình mới, như: Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm; Quyết định số 354-QĐ/UBKTTW ngày 22/12/2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về ban hành các quy trình thực hiện kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng để cán bộ, đảng viên nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, đồng thời làm tốt hơn nữa vai trò, trách nhiệm của mình trong tình hình mới.

Trần Duy Hưng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng*, Sách chuyên khảo, Nxb. Lao động [58]. Nội dung cuốn sách tập hợp những bài viết của tác giả về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng Cộng sản Việt Nam trên nhiều tạp chí khoa học lý luận ở trong nước. Những bài viết trong cuốn sách này, trải qua nhiều năm nghiên cứu, có tính thực tiễn trong từng giai đoạn mang tính chiến lược của ngành kiểm tra, giám sát về rất nhiều khía cạnh, các luận điểm khác nhau về tổ chức, bộ máy, cán bộ kiểm tra; thẩm quyền, trách nhiệm của ủy ban kiểm tra; kiểm soát quyền lực trong công tác kiểm tra, giám sát được xuất phát từ thực tiễn trong những giai đoạn trước, đến nay vấn đề đó vẫn còn có giá trị, đã và đang đi vào cuộc sống trong thời gian tới. Cuốn sách này là sự tổng hợp các vấn đề thực tiễn, qua đó giúp cho cán bộ ngành kiểm tra, giám sát có thêm được các góc nhìn biện chứng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật

Đảng để cán bộ, đảng viên nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, đồng thời làm tốt hơn nữa vai trò, trách nhiệm của mình trong tình hình mới.

Nguyễn Thị Thành (2025), *Công tác kiểm tra, giám sát đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay theo Tư tưởng Hồ Chí Minh*. Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Chính trị học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội [100]. Luận án tập trung nghiên cứu và hệ thống hóa quan điểm của tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác kiểm tra, giám sát đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam; khẳng định giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh và đề xuất vận dụng tư tưởng trên của Người trong công tác kiểm tra, giám sát đảng viên của Đảng, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, vững mạnh, phục vụ sự nghiệp đổi mới và phát triển ở Việt Nam hiện nay; phân tích, làm rõ thực trạng công tác kiểm tra, giám sát đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra đối với công tác này trong xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở thời kỳ đổi mới và phát triển đất nước. Từ đó, phương hướng, giải pháp tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác kiểm tra, giám sát đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam có thể được sử dụng vào việc đề ra các chủ trương, chính sách để đổi mới, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong công tác phát triển đảng viên, công tác cán bộ, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Việc đề xuất các phương hướng, giải pháp có ý nghĩa thiết thực nhằm nâng cao phẩm chất và năng lực đội ngũ cán bộ, đảng viên, đáp ứng yêu cầu xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, phục vụ sự nghiệp đổi mới và phát triển bền vững đất nước hiện nay.

Nguyễn Thị Bảo Trân (2017), *Một số kinh nghiệm trong hoạt động giám sát chuyên đề của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh Vĩnh Long*, Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông, số chuyên đề 2 năm 2017 [93]. Bài viết đã khẳng định: Giám sát là chức năng lãnh đạo và là một bộ phận trong công tác xây dựng Đảng. Trong đó, giám sát chuyên đề đi sâu

giám sát việc thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, làm cho công tác giám sát có trọng tâm hơn. Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Khối các Cơ quan tỉnh Vĩnh Long đã chú trọng thực hiện giám sát chuyên đề, góp phần tích cực vào xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Cao Văn Thống (2019), *Hoàn thiện mô hình ủy ban kiểm tra đảng các cấp nhằm tối ưu hoá kiểm soát quyền lực gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng*, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 31/12/2019 [95]. Tác giả bài viết khẳng định vai trò của ủy ban kiểm tra đảng các cấp và sự cần thiết tiếp tục hoàn thiện mô hình ủy ban kiểm tra các cấp nhằm đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ, nhất là đòi hỏi của việc kiểm soát quyền lực và yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng hiện nay. Trên cơ sở đó, tác giả bài viết đã đề xuất hoàn thiện mô hình ủy ban kiểm tra các cấp dựa trên ba căn cứ lý luận và thực tiễn.

Trần Đức Thắng (2019), *Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp*, Tạp chí Cộng sản - Số 932 [96]. Tác giả bài viết nhấn mạnh công tác Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức luôn là đòi hỏi cấp thiết và có tính khách quan; muốn vậy, Đảng phải luôn tự đổi mới và tiến hành đồng bộ các mặt công tác, trong đó có công tác giám sát. Cùng với các chủ thể khác, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp là lực lượng nòng cốt trong tập trung mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động giám sát. Cần phải coi đó là một trong những nhiệm vụ trọng tâm khi đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội XIII của Đảng đang đến gần.

Trần Duy Hưng (2020), *Một số vấn đề nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống cơ quan kiểm tra của Đảng*, Tạp chí Xây dựng Đảng điện tử, ngày 08/6/2020 [57]. Tác giả bài viết đi phân tích, nêu lên sự cần thiết phải đổi mới cách thức thành lập ủy ban kiểm tra; đổi mới hoạt động của ủy ban kiểm tra; đổi mới tổ chức bộ máy và hoạt động của cơ quan

ủy ban kiểm tra các cấp. Để đổi mới tổ chức bộ máy và hoạt động của cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp, tác giả đã nêu lên 4 giải pháp: *Một là*, phải đổi mới nhận thức của đội ngũ cán bộ cơ quan ủy ban kiểm tra; *Hai là*, khi họp ban lãnh đạo cơ quan ủy ban kiểm tra (thường trực ủy ban) liên quan đến lĩnh vực, địa bàn, đơn vị do đồng chí ủy viên ủy ban trực tiếp phụ trách thì nhất thiết phải mời đồng chí ủy viên ủy ban đó dự họp; *Ba là*, phân định rạch ròi giữa cơ chế thủ trưởng trong hoạt động của cơ quan ủy ban kiểm tra với cơ chế tập thể trong hoạt động của ủy ban kiểm tra, đồng thời xác định rõ những công việc điều hành, quản lý trực tuyến và công việc quản lý, điều hành có tầng nấc trung gian (gián tiếp), những công việc phải kết hợp giữa quản lý, điều hành trực tuyến với gián tiếp; *Bốn là*, trong hoạt động của cơ quan ủy ban kiểm tra cần có cơ chế giám sát nội bộ; có cơ chế, chế tài về trách nhiệm của cán bộ kiểm tra theo dõi lĩnh vực, địa bàn để nơi đó mất ổn định chính trị - xã hội, tham nhũng, tiêu cực lớn.

Đặng Thị Kim Ngân và Lương Văn Liệu (2020), *Một số quan điểm đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác kiểm tra, giám sát trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng*, Tạp chí Kiểm tra số 116 [64]. Bài viết đã xác định rõ quan điểm đổi mới, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp trong công tác phòng, chống tham nhũng là yêu cầu cấp bách hiện nay và phải được thực hiện đồng bộ, thống nhất về nội dung và phương thức, phải kiên quyết, có lộ trình phù hợp với những bước đi vững chắc, tích cực và có trọng tâm, trọng điểm.

Nguyễn Phú Trọng (2020), *Công tác kiểm tra, giám sát góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XII*, Tạp chí Kiểm tra số 123 [99]. Bài viết đã làm rõ vai trò của công tác kiểm tra, giám sát trong việc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến,

tự chuyển hóa” trong nội bộ và đấu tranh phòng, chống lãng phí, tiêu cực; giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất, trong sạch của Đảng. Đồng thời cũng chỉ ra những tồn tại, hạn chế và các nội dung cần tập trung thực hiện tốt trong công tác kiểm tra, giám sát thời gian tới.

Phạm Quang Thanh (2022), *Bồi dưỡng phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ kiểm tra theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tạp chí Giáo dục lý luận, số 337, (3/2022) [101]. Bài viết đã phân tích quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tầm quan trọng của việc bồi dưỡng cán bộ kiểm tra. Trên cơ sở đó, tác giả bài viết đề xuất các giải pháp bồi dưỡng phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ kiểm tra: *Một là*, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, cán bộ chủ trì các cấp đối với đối với hoạt động bồi dưỡng phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ kiểm tra; *Hai là*, xác định đúng nội dung và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, phương pháp bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ kiểm tra; *Ba là*, phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác, sáng tạo của đội ngũ cán bộ kiểm tra trong quá trình tự học tập, tự tu dưỡng rèn luyện.

Vũ Trọng Lâm (2022), *Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát người đứng đầu cấp ủy, làm căn cứ để đánh giá và rà soát, sàng lọc cán bộ*, Tạp chí Cộng sản ngày 16/10/2022 [65]. Bài viết có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn hiện nay, nhằm giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao chất lượng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, kiểm soát quyền lực, nhất là quyền lực của người đứng đầu cấp ủy, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật trong Đảng; qua đó, có cơ sở để đánh giá và rà soát, sàng lọc cán bộ một cách hiệu quả.

Cao Văn Thống (2017), *Cấp ủy các cấp của Đảng Cộng sản Trung Quốc thực hiện công tác giám sát trong Đảng*, Tạp Chí Cộng sản, ngày 18/10/2017 [91]. Nội dung chủ yếu của giám sát trong Đảng Cộng sản Trung Quốc thể hiện trên tám phương diện. *Thứ nhất*, về tuân thủ Điều lệ, quy định của Đảng, kiên định lý tưởng, thực thi tôn chỉ của Đảng, tuân thủ

Hiến pháp và pháp luật. *Thứ hai*, bảo vệ sự lãnh đạo thống nhất, tập trung trong Đảng; quán triệt thực hiện lý luận, đường lối, phương châm, chính sách của Đảng, bảo đảm tuân thủ mệnh lệnh và những điều cấm. *Thứ ba*, về thực hiện nguyên tắc kiên trì chế độ tập trung dân chủ, sinh hoạt trong Đảng. *Thứ tư*, về triển khai trách nhiệm quản lý đảng viên của tổ chức đảng trong việc chấp hành kỷ luật Đảng, nhất là kỷ luật chính trị và quy tắc chính trị, tác phong liêm chính trong Đảng và chống tham nhũng. *Thứ năm*, về thực hiện “8 điều quy định” của Trung ương. *Thứ sáu*, về thực hiện các tiêu chí trong công tác tổ chức, cán bộ của Đảng. *Thứ bảy*, việc thực hiện sử dụng quyền lực vào mục đích công vụ. *Thứ tám*, việc hoàn thành nhiệm vụ được tổ chức đảng cấp trên giao.

Trần Thu Minh (2017), *Những phát triển mới trong chế độ kiểm tra, giám sát của Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 1, 2017 [67]. Bài viết nêu các nội dung của chế độ kiểm tra, giám sát trong Đảng Cộng sản Trung Quốc bao gồm: tư tưởng và nguyên tắc chỉ đạo; cơ cấu tổ chức và nhân sự; phạm vi và nội dung kiểm tra, giám sát; phương thức làm việc và quyền hạn; quy trình làm việc; kỷ luật và trách nhiệm. Bài viết nêu những điểm mới trong các khía cạnh trên để thấy được sự phát triển của chế độ kiểm tra, giám sát trong Đảng từ sau Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Hoàng Nam Hải (2020), *Mô hình cơ quan chống tham nhũng của Trung Quốc và giá trị tham khảo với Việt Nam*, Trang thông tin điện tử tổng hợp Ban Nội chính Trung ương, ngày 12/02/2022 [60]. Bài viết giới thiệu khái quát về các cơ quan chống tham nhũng của Trung Quốc hiện nay: Ủy ban Kiểm tra kỷ luật Trung ương; Ủy ban Giám sát Nhà nước (NSC); Ủy ban Chính pháp Trung ương; Cục phòng, chống tham nhũng quốc gia; Viện kiểm sát nhân dân và Tổng cục chống tham ô, hối lộ. Bài viết nêu

lên những ưu điểm, hạn chế trong thiết kế mô hình cơ quan chuyên trách chống tham nhũng của Trung Quốc và giá trị tham khảo cho Việt Nam.

Vũ Kiều Oanh (2021), *Ủy ban Giám sát nhà nước – thiết chế đặc biệt kiểm soát quyền lực nhà nước ở Trung Quốc*, Khoa học xã hội Việt Nam số 12 năm 2021 [73]. Bài viết đã khẳng định: Sự ra đời của hệ thống cơ quan giám sát đã thực sự làm thay đổi tổ chức thể chế nhà nước ở Trung Quốc, từ thể chế “một Chính phủ, hai viện” chuyển sang mô hình “một Chính phủ, một Ủy ban, hai Viện”. Với nhiều nhà nghiên cứu Trung Quốc hiện nay cho rằng cơ chế giám sát này chính là sự sáng tạo to lớn của người Đảng viên trong quá trình xây dựng thể chế chính trị của đất nước, là bước tiến cải cách sâu sắc của thể chế giám sát nhà nước ở Trung Quốc, thể hiện ưu thế chính trị xã hội chủ nghĩa mang màu sắc đặc trưng của Trung Quốc khi đặt ra mục tiêu khiến cho ai đó ‘không dám tham nhũng’ đã bước đầu được thực hiện, Đảng và Nhà nước Trung Quốc mong muốn thông qua hệ thống cơ quan này nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của công tác kiểm tra kỷ luật Đảng và tăng cường năng lực giám sát thực thi quyền lực công của công chức nhà nước, mở rộng phạm vi giám sát bao trùm toàn diện lên toàn nhà nước, để “cái lòng” khiến cho “không thể tham nhũng” càng bó chặt, để “rào chắn” khiến cho “không muốn tham nhũng” được xây dựng và củng cố trở thành thành trì vững chắc, mang đến hiệu quả lâu dài cho công tác phòng, chống tham nhũng ở Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay.

Trần Ánh Tuyết (2023), *Công tác xây dựng Đảng của Đảng Cộng sản Trung Quốc và một số gợi mở đối với Việt Nam*, Tạp Chí Cộng sản ngày 12/9/2023. Bài viết đã nhấn mạnh tăng cường công tác xây dựng kỷ luật đảng, đặt xây dựng kỷ luật lên vị trí nổi bật hơn, kỷ luật đảng cần phải nghiêm khắc hơn pháp luật, “đặt quyền lực vào trong chiếc lồng chế độ”, thúc đẩy quản lý Đảng dựa trên chế độ và nguyên tắc, bảo đảm sự nghiêm minh và toàn diện

nhằm “*siết chặt*” chiếc lồng chế độ, tăng cường giám sát nhằm thúc đẩy đấu tranh, trừng trị tham nhũng, bảo đảm “không dám tham nhũng, không thể tham nhũng và không muốn tham nhũng”, kiên trì trị “cả gốc lẫn ngọn” là biện pháp quan trọng, then chốt để xây dựng Đảng trong sạch, nỗ lực “đan dày chiếc lồng chế độ”, đẩy mạnh xây dựng các quy định về phòng, chống tham nhũng, giám sát quyền lực nhằm tăng cường ý thức chấp hành pháp luật và tuân thủ kỷ luật đảng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là tăng cường giám sát đối với “người đứng đầu”. Chú trọng vận dụng hiệu quả của công tác thị sát, coi thị sát là vấn đề mang tính chiến lược để thúc đẩy giám sát trong Đảng. Đặc biệt, công tác thị sát cần làm nổi bật sự lãnh đạo của Đảng, tập trung vào quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện, bám sát trọng điểm, nâng cao độ chuẩn xác trong phát hiện vấn đề, làm trong sạch Đảng với tinh thần quyết tâm cao để ngăn chặn tham nhũng lan rộng. Trên cơ sở những điểm tương đồng trong công tác xây dựng Đảng hiện nay giữa hai Đảng, qua đó có thể gợi mở một số vấn đề nhằm đổi mới công tác kiểm tra, giám sát quyền lực, phòng ngừa ngay từ ban đầu, từ gốc rễ vấn đề trong công tác phòng, chống tham nhũng.

Cù Thị Thúy Lan (2023), *Cải cách cơ chế giám sát và vận hành và vận hành quyền lực ở Trung Quốc*, Tạp Chí Cộng sản ngày 26/11/2023 [98]. Bài viết đã tập trung phân tích và làm rõ công cuộc đẩy mạnh công cuộc phòng, chống tham nhũng bằng việc đẩy mạnh công cuộc cải cách toàn diện, đặc biệt là cải cách cơ chế giám sát và vận hành quyền lực ở Trung Quốc. Điều này góp phần đẩy mạnh và đưa đến những thành công nhất định trong cuộc chiến chống tham nhũng của Trung Quốc trong những năm gần đây.

Phạm Thái Hà (2026), *Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát ở cấp xã trong bối cảnh chính quyền địa phương 2 cấp hiện nay*. Tạp chí Cộng sản (tháng 5/2026). Bài viết đánh giá tình hình hiện thực hóa mô hình chính quyền địa phương 2 cấp từ ngày 01/7/2025 đến nay đặt ra yêu cầu mới là cấp ủy,

UBKT cấp tỉnh và UBKT cấp xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã) chủ động, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát. Khi không tổ chức cấp huyện, vận hành chính quyền cấp xã mới có khối lượng công việc tăng rất lớn, mô hình tổ chức bộ máy mới với nhiều quy định mới về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh vi phạm trong lĩnh vực tài chính, ngân sách, đầu tư, đất đai, xây dựng; đồng thời, với yêu cầu ngày càng cao về tính công khai, minh bạch, ứng dụng công nghệ số, đặt ra nhiều thách thức phải đổi mới công tác kiểm tra, giám sát ở cấp tỉnh và cấp xã. Qua đó đề xuất một số nhiệm vụ trọng tâm đối với cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp tỉnh và cấp xã nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm tổ chức bộ máy hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả; khẩn trương triển khai các nghị quyết của Bộ Chính trị mới ban hành; nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả, tạo sức lan tỏa, đồng thuận xã hội...

Nguyễn Thị Minh Phương (2026), *Một số vấn đề lý luận về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đối với việc lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và sử dụng đất đai*. Tạp chí điện tử lý luận chính trị (tháng 5/2026). Bài viết tập trung làm rõ các vấn đề lý luận về khái niệm, vị trí, vai trò, đặc điểm, mục tiêu, nội dung, phương pháp và cơ chế thực hiện; đồng thời phân tích các mối quan hệ trong quá trình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đối với việc lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và sử dụng đất đai; thực tiễn quản lý, sử dụng đất đai góp phần hoàn thiện công tác này trong thời gian tới. Việc nghiên cứu, hệ thống các cơ sở lý luận về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng nêu trên, giúp cho công tác kiểm tra, giám sát của đảng ngày càng được hoàn thiện, bảo đảm tính khoa học, đồng bộ, thống nhất, chặt chẽ, sát thực tế, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phù hợp với giai đoạn phát triển mới, tạo cơ sở chính trị, pháp lý cho cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện có chất lượng, hiệu lực, hiệu quả theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

được giao. Có ý nghĩa làm cho nguồn lực đất đai được quản lý, khai thác, sử dụng bảo đảm tiết kiệm, bền vững, đạt hiệu quả cao nhất.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến chất lượng công tác giám sát chuyên đề

Lê Văn Giảng (2008), *Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giám sát của Ủy ban kiểm tra các cấp*, Sách chuyên khảo, Nxb [53]. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Nội dung cuốn sách gồm 3 chương: Chương I- Cơ sở lý luận của công tác giám sát của Ủy ban kiểm tra các cấp; Chương II- Tình hình thực hiện giám sát trong thời gian qua (2001-2005); Chương III- Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giám sát của Ủy ban kiểm tra các cấp.

Cao Văn Thống (2012), *Nâng cao chất lượng công tác tham mưu của ủy ban kiểm tra trong tình hình hiện nay*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội [86]. Cuốn sách đã đi trình bày về những vấn đề lý luận về tham mưu và công tác tham mưu về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của Ủy ban kiểm tra. Khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng công tác tham mưu về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và ủy ban kiểm tra các tỉnh, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương (từ 2001-2009). Trên cơ sở đó tác giả cuốn sách đề xuất một số giải pháp mang tính khả thi cao nhằm nâng cao chất lượng công tác tham mưu về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của ủy ban kiểm tra trong tình hình hiện nay.

Lê Văn Giảng (2014), *Giải pháp nâng cao chất lượng kiểm tra, giám sát cán bộ giai đoạn hiện nay*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội [54]. Cuốn sách đã làm rõ một số vấn đề lý luận về kiểm tra, giám sát cán bộ của Đảng; khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng kiểm tra, giám sát cán bộ; Đồng thời nêu lên mục tiêu, yêu cầu và một số giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng kiểm tra, giám sát cán bộ giai đoạn hiện nay.

Phạm Quang Thanh (2016), *Chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của Đảng ủy Học viện, Trường Sĩ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng, Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng, Hà Nội [92]. Luận án tập trung nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, thực tiễn chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của Đảng ủy học viện, trường sĩ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam; cung cấp cơ sở khoa học cho Đảng ủy, Ban Giám đốc (Ban giám hiệu) cấp ủy, Ủy ban kiểm tra các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát góp phần xây dựng các Đảng bộ Học viện, trường sĩ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam trong sạch vững mạnh.

Phạm Thành Nam (2017), *Chất lượng công tác kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy ở Đồng Bằng sông Hồng giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội [71]. Luận án nghiên cứu một cách có hệ thống các quan điểm, luận giải làm sâu sắc hơn lý luận về công tác kiểm tra, chất lượng công tác kiểm tra của Đảng nói chung, của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy ở đồng bằng sông Hồng nói riêng. Trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng chất lượng công tác kiểm tra của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy ở đồng bằng sông Hồng đã xác định rõ những vấn đề đặt ra đối với nâng cao chất lượng công tác kiểm tra của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy ở đồng bằng sông Hồng. Đề xuất được một số nội dung, biện pháp có tính khả thi trong kiện toàn ủy ban kiểm tra và tổ chức bộ máy cơ quan ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy ở đồng bằng sông Hồng; trong đổi mới phương pháp; hoàn thiện quy chế phối hợp của ủy ban kiểm tra với các tổ chức có liên quan.

Phạm Ngọc Lợi (2017), *Chất lượng công tác kiểm tra của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở miền Đông Nam Bộ giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia

Hồ Chí Minh, Hà Nội [63]. Trình bày những vấn đề lý luận về chất lượng công tác kiểm tra của uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ vùng Đông Nam Bộ hiện nay. Khảo sát, đánh giá thực trạng chất lượng công tác kiểm tra, chỉ ra những ưu khuyết điểm và những vấn đề thực tiễn đang đặt ra. Trên cơ sở đó, đề xuất phương hướng và những giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm tra của uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ miền Đông Nam Bộ trong thời gian tới.

Nguyễn Thị Thanh Bình (2021), *Yêu cầu về phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ kiểm tra hiện nay*, Tạp chí Giáo dục lý luận, số 10, 2021 [30]. Bài viết phân tích quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng Cộng sản Việt Nam về cán bộ kiểm tra. Để góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra, tác giả bài viết đã đưa ra những yêu cầu cơ bản về phẩm chất và năng lực của cán bộ kiểm tra để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao trong giai đoạn hiện nay.

Nguyễn Hồng Nhung (2022), *Nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong bối cảnh mới*, Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông, Chuyên đề số 1 (tháng 4/2022) [72]. Bài viết đã làm rõ thực tiễn chất lượng giám sát chuyên đề của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, nhấn mạnh vai trò, tầm quan trọng, đề xuất một số giải pháp trọng tâm nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong bối cảnh mới góp phần xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ Sơn La (2022), *Nghiên cứu đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giám sát của Ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ tỉnh Sơn La*, đề tài khoa học cấp tỉnh [82]. Đây là công trình nghiên cứu chuyên sâu về cơ sở lý luận và thực tiễn để đổi mới nâng cao chất lượng công tác giám sát của Ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ tỉnh Sơn La; từ đó đề xuất các nhóm giải pháp cụ thể như tuyên truyền, phổ biến, quán triệt về công tác kiểm tra, giám sát và hoạt động của ngành Kiểm tra Đảng; Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp

vụ cho cán bộ kiểm tra, giám sát; Đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ chuyên môn cho Ủy ban kiểm tra các cấp thuộc Đảng bộ tỉnh Sơn La.

Bùi Thị Bích Thủy (2023). *Nâng cao chất lượng công tác giám sát và phản biện xã hội góp phần thực hiện dân chủ ở cơ sở*. Tạp chí Quản Lý Nhà nước, (331), 37–41 [84]. Bài viết đã làm rõ thực trạng thực hiện dân chủ ở cơ sở góp phần “kiểm soát quyền lực nhà nước” nhằm xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nhân dân tham gia giám sát hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, đặc biệt là cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức, viên chức xuất phát từ nguyên tắc quyền lực của Nhân dân là tối thượng, là quyền lực gốc. Bên cạnh đó, với hình thức phản biện xã hội thông qua việc Nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia đóng góp, phê bình, kiến nghị với Đảng và Nhà nước về các chủ trương, chính sách cũng là một trong những biện pháp để mở rộng dân chủ và tạo ra sự đồng thuận cao trong xã hội. Bài viết nghiên cứu vai trò và thực trạng công tác giám sát, phản biện xã hội trong thời gian qua, từ đó, đề xuất một số giải pháp góp phần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện dân chủ ở cơ sở trong thời gian tới.

Hà Quốc Trị (2026), *Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong bối cảnh tinh giản biên chế và thực hiện mô hình chính quyền 3 cấp hiện nay*. Tạp chí Cộng sản (tháng 01/2026) [89]. Bài viết đánh giá thực trạng mô hình tổ chức chính quyền 3 cấp trong gia đoạn hiện nay (Trung ương - tỉnh - xã) và chủ trương tinh giản biên chế là bước cải cách quan trọng nhằm xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Điều này cũng đặt ra thách thức mới đối với công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Thời gian tới đòi hỏi cơ quan làm công tác kiểm tra, giám sát của Đảng thay đổi tư duy, cải tiến tổ chức, ứng dụng công nghệ và nâng tầm chiến lược trong hoạt động, từ đó hoàn thành tốt nhiệm vụ trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc. Nhìn một cách tổng quát, công tác kiểm tra, giám sát của Đảng không chỉ là “*cánh tay phải*” của sự lãnh đạo, mà còn là “*tấm khiên*” bảo vệ nền

tăng tư tưởng, đạo đức, kỷ luật của Đảng trong thực tiễn thực hiện nhiệm vụ chính trị. Trong bối cảnh sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, tinh giản biên chế, hệ thống chính quyền chỉ còn 3 cấp, vai trò ấy càng trở nên có ý nghĩa sống còn. Chỉ khi nào Đảng kiểm tra được chính mình một cách nghiêm minh, khoa học, hiện đại, thì mới bảo đảm rằng công cuộc đổi mới bộ máy không đi chệch hướng, không tạo ra “vùng xám” quyền lực, và không để mất lòng tin của Nhân dân vào Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

1.3. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài và những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu

1.3.1. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án

Có thể nói, công tác giám sát của đảng từ Trung ương đến địa phương đã thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước ở nhiều góc độ, cách tiếp cận khác nhau và đã đạt được nhiều kết quả về mặt lý luận và thực tiễn quan trọng, trong đó có thể kể đến là:

Một là, các công trình nghiên cứu đã làm rõ khái niệm giám sát, đề cập đến nhiều vấn đề lý luận về công tác giám sát của đảng trong những năm qua. Tuy nhiên các công trình nghiên cứu mới chỉ tập trung làm rõ các khái niệm và về giám sát, công tác giám sát thường xuyên mà chưa đề cập đến công tác giám sát chuyên đề trong lý luận kiểm soát quyền lực.

Hai là, các công trình nghiên cứu, đặc biệt là kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học, các bài báo khoa học đã đánh giá sát, đúng thực trạng công tác giám sát của đảng với những số liệu, dẫn chứng cụ thể, chính xác và chỉ ra những kinh nghiệm công tác giám sát của đảng.

Ba là, những công trình nghiên cứu khai thác dưới nhiều góc độ khác nhau và một số công trình đã đề cập đến các giải pháp tăng cường công tác giám sát của các cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp của đảng.

Như vậy, những công trình khoa học và kinh nghiệm nêu trên đã có những đóng góp lớn về cả phương diện lý luận và tổng kết thực tiễn, là nguồn tư liệu quan trọng, bổ ích có giá trị tham khảo tốt để tác giả đi sâu nghiên cứu, thực hiện đề tài luận án, nhất là cung cấp một số tư liệu và hướng tiếp cận đối tượng nghiên cứu. Tác giả kế thừa có chọn lọc kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học nêu trên trong quá trình nghiên cứu, triển khai đề tài.

1. 3.2. Những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu

Qua nghiên cứu, tác giả nhận thấy cho đến nay, các công trình nghiên cứu trên đã đề cập đến nhiều nội dung lý luận và thực tiễn về công tác giám sát và chất lượng công tác giám sát. Tuy nhiên, đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện về công tác giám sát chuyên đề với đề tài về “*Chất lượng công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng hiện nay*” trong lĩnh vực xây dựng đảng và chính quyền. Trên cơ sở kế thừa và chọn lọc những kết quả nghiên cứu đã công bố, luận án tiếp tục giải quyết những nội dung cụ thể sau:

Một là, làm rõ những vấn đề lý luận về công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH. Tập trung làm rõ khái niệm, xác định các yếu tố quy định tiêu chí đánh giá chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH.

Hai là, đánh giá đúng thực trạng chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra.

Ba là, dự báo những yếu tố tác động, xác định phương hướng, đồng thời đề xuất các giải pháp có tính khả thi để nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH trong thời gian tới, góp phần tăng cường kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị của các tỉnh ở ĐBSH, đẩy mạnh phòng ngừa, ngăn chặn các sai phạm từ sớm.

Tiểu kết Chương 1

Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước và các tác giả nước ngoài có liên quan đến đề tài luận án, có thể nhận thấy các tác giả và các nhà nghiên cứu đã nhận diện và phân tích công tác giám sát của đảng với nhiều góc độ khác nhau, từ lý luận đến thực tiễn, rất đa dạng và phong phú. Các công trình cũng đã khẳng định công tác giám sát là một hoạt động quan trọng, cần phải tiến hành thường xuyên, diễn ra liên tục, nhằm đảm bảo các chủ trương, đường lối của đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được thực hiện đúng đắn, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những rủi ro, thiếu sót, sai phạm ngay từ khi mới manh nha; đồng thời phát hiện các nhân tố mới, điển hình, mang tính đột phá, hiệu quả để nhân rộng.

Các kết quả nghiên cứu nêu trên có giá trị tham khảo, là nguồn tư liệu quan trọng giúp nghiên cứu sinh kế thừa một cách có chọn lọc các luận điểm lý luận, cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu và một số nhận định thực tiễn, qua đó tạo cơ sở cho việc triển khai và nghiên cứu về chất lượng công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng.

Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu một cách chuyên sâu, toàn diện và có hệ thống về chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH hiện nay.

Chương 2

CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CẤP ỦY CẤP TỈNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG HIỆN NAY - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

2.1. Các tỉnh, đảng bộ cấp tỉnh, cấp ủy cấp tỉnh, ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

2.1.1. Đồng bằng sông Hồng và cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng – khái niệm và đặc điểm

2.1.1.1. Khái quát đồng bằng sông Hồng

Trước khi sáp nhập đơn vị hành chính năm 2025, ĐBSH là một vùng kinh tế trọng điểm của miền Bắc Việt Nam, bao gồm 11 tỉnh, thành phố lớn như Hải Phòng, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Ninh Bình, Hà Nam, Vĩnh Phúc và Nam Định, cùng với hai đơn vị hành chính không thay đổi là Hà Nội và Quảng Ninh [19]. Vùng này là trung tâm kinh tế lớn thứ hai cả nước, đóng góp khoảng 30% vào GDP Việt Nam năm 2024 và có mật độ dân số cao nhất Việt Nam.

Sau sáp nhập Theo Đề án tái cơ cấu hành chính cấp tỉnh được nêu trong Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án sắp xếp lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, thì các tỉnh ở ĐBSH có 02 tỉnh, thành không thay đổi là Thành phố Hà Nội và tỉnh Quảng Ninh, cùng với 09 tỉnh, thành phố thuộc đối tượng sáp nhập lại còn 04 đơn vị hành chính, gồm: Bắc Ninh (Bắc Giang sáp nhập với Bắc Ninh), Thành phố Hải Phòng (Hải Dương sáp nhập với Hải Phòng), Hưng Yên (Thái Bình sáp nhập với Hưng Yên), Ninh Bình (Hà Nam và Nam Định sáp nhập với Ninh Bình). Như vậy, sau khi sáp nhập các tỉnh ở ĐBSH còn có 06 đơn vị hành chính cấp tỉnh, bao gồm 2 thành phố trực thuộc trung ương là Hà Nội và Hải Phòng, 04

tỉnh trực thuộc trung ương là Bắc Ninh, Hưng Yên, Quảng Ninh, Ninh Bình với 624 đơn vị hành chính cấp xã, phường, đặc khu và lúc này ĐBSH vẫn là một trong hai trung tâm kinh tế lớn của Việt Nam bên cạnh khu vực Đông Nam Bộ.

Bảng 2.1: Các đơn vị hành chính của các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

TT	Tên Tỉnh	Xã	Phường	Đặc khu	Tổng
1.	Hà Nội	75	51	0	126
2.	Hải Phòng	65	45	2	112
3.	Quảng Ninh	22	30	2	54
4.	Bắc Ninh	66	33	0	99
5.	Ninh Bình	97	32	0	129
6.	Hưng Yên	93	11	0	104
Tổng cộng		418	202	4	624

(Số liệu tổng hợp sau ngày 01/7/2025)

Sau khi sáp nhập, khu vực này sẽ là nơi có một số nền kinh tế địa phương có hiệu suất hoạt động cao nhất cả nước, bao gồm Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh và Quảng Ninh...và khu vực này vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng GRDP trung bình ấn tượng là hơn 8%, riêng Hải Phòng đạt mức tăng trưởng 11% theo năm [19].

Về đặc điểm kinh tế vùng và tình hình đầu tư vùng ĐBSH: Theo Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSH đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, thì cơ cấu kinh tế của ĐBSH sẽ ngày càng đa dạng hơn, tập trung mạnh vào khu vực dịch vụ và khu vực công nghiệp và xây dựng. Mặc dù các cuộc sáp nhập hành chính gần đây có thể tạo ra động lực kinh tế mới, nhưng định hướng phát triển bao trùm của khu vực vẫn nhất quán: (1) Phát triển vành đai công nghiệp thúc đẩy sản xuất và liên

kết khu vực; (2) Thúc đẩy nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản bền vững và chuyên môn hóa để tăng cường kinh tế nông thôn và an ninh lương thực; (3) Mở rộng các trung tâm dịch vụ chính, đặc biệt là trong tài chính, thương mại và hậu cần; (4) Nâng cao du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, tận dụng di sản văn hóa và cảnh quan thiên nhiên [19].

Về thành phần tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của các tỉnh ĐBSH sau khi sáp nhập hành chính cung cấp cái nhìn sâu sắc hơn về bối cảnh kinh tế địa lý của khu vực. Thành phố Hà Nội nổi bật là trung tâm dịch vụ hàng đầu, được thúc đẩy bởi hệ thống tài chính tập trung, khu vực bán lẻ đang mở rộng và ngành du lịch phát triển nhanh chóng thu hút cả du khách trong nước và quốc tế. Mặt khác, Bắc Ninh, sau khi sáp nhập với Bắc Giang, có tỷ trọng cao nhất của khu vực công nghiệp và xây dựng trong cơ cấu tổng sản phẩm nội địa (GDP) của khu vực vào năm 2024 là 69%. Trong khi công nghiệp và xây dựng chiếm ưu thế trong phần lớn khu vực, các tỉnh ven biển như Hải Phòng, Quảng Ninh và Hưng Yên, Ninh Bình lại có cơ cấu kinh tế đa dạng hơn, với đóng góp cao hơn từ các ngành dịch vụ và nông-lâm-ngư nghiệp, được hưởng lợi từ vị trí chiến lược của họ đối với phát triển kinh tế biển, hậu cần và du lịch. ĐBSH sau khi sáp nhập tiếp tục là một trong những vùng dẫn đầu của Việt Nam về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nhờ vị trí chiến lược, cơ sở hạ tầng phát triển và hệ sinh thái công nghiệp. Năm 2024, ĐBSH chiếm 55% tổng vốn FDI đăng ký của Việt Nam, với dòng vốn đầu tư tập trung vào sản xuất công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ. Bắc Ninh dẫn đầu với 6,4 tỷ USD FDI, tiếp theo là Thành phố Hải Phòng với 5,8 tỷ USD, trong khi Hà Nội ghi nhận số lượng dự án FDI cao nhất, tổng cộng 7.600 [19].

Những thay đổi tiềm tàng trong định hướng phát triển kinh tế của các tỉnh ĐBSH sau khi sáp nhập đơn vị hành chính: các tỉnh ở ĐBSH trong thời

gian gần đây cơ bản đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong địa lý kinh tế của khu vực. Trong khi Hà Nội và Quảng Ninh vẫn không thay đổi do bản sắc kinh tế đã được thiết lập và sự đầy đủ về mặt hành chính, các tỉnh khác đang trải qua quá trình hợp nhất lớn có thể định hình lại các chiến lược kinh tế địa phương, đa dạng hóa cơ sở kinh tế bằng cách kết hợp các yếu tố mới từ các tỉnh lân cận hoặc khuếch đại thêm các thế mạnh hiện có của khu vực [19]. Như vậy, ĐBSH đã hình thành chiến lược mới nhằm tăng cường sự phối hợp giữa các vùng trong cả nước và tối ưu hóa nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trong khi đó Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh vẫn tiếp tục dẫn đầu về dịch vụ, hậu cần và các ngành công nghiệp công nghệ cao, các tỉnh mới thành lập đang nổi lên như những trung tâm tăng trưởng năng động với nhiều thế mạnh khác nhau, từ sản xuất và nông nghiệp đến du lịch và năng lượng tái tạo, sự chuyển đổi này mang đến nhiều cơ hội cho các tỉnh ở ĐBSH trong việc hội nhập và phát triển KT - XH vùng [19].

2.1.1.2. Cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

Khái niệm

Cấp tỉnh là cấp hành chính trong hệ thống tổ chức chính quyền địa phương của Việt Nam, nằm dưới cấp trung ương và trên cấp xã. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cấp tỉnh bao gồm các đơn vị hành chính như xã, phường, đặc khu [106]. Đây là cấp trung gian, có vai trò quan trọng trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của đảng và nhà nước, đồng thời tổ chức quản lý hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn. Chính quyền địa phương cấp tỉnh gồm có: Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh, chịu sự lãnh đạo trực tiếp từ Trung ương, đồng thời thực hiện chức năng lãnh đạo, quản lý nhà nước đối với cấp tỉnh và các đơn vị hành chính cấp xã. HĐND tỉnh là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, có nhiệm vụ quyết định các vấn đề quan trọng của tỉnh, giám sát

hoạt động của UBND và các cơ quan trực thuộc tỉnh. UBND tỉnh là cơ quan hành chính nhà nước, có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐND và các văn bản pháp luật của cấp trên, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT - XH, giữ vững quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

Đặc điểm cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

Cấp tỉnh ở ĐBSH có những đặc điểm riêng biệt so với vùng khác trên cả nước.

Một là, cấp tỉnh ở ĐBSH được chia thành hai nhóm chính: các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương với đặc điểm phát triển khác nhau. Các tỉnh, thành phố tập trung dân cư đông đúc, có tốc độ đô thị hóa nhanh, trong khi các tỉnh có diện tích rộng, giữ vai trò phát triển nông nghiệp, dịch vụ, công nghiệp. Đối với thành phố Hà Nội và thành phố Hải Phòng là đô thị đặc biệt, có sự phân cấp quản lý sâu rộng hơn so với các tỉnh ở ĐBSH. Hệ thống hành chính cấp tỉnh ở ĐBSH chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương nhưng cũng có sự phối hợp chặt chẽ với các bộ, ban, ngành.

Hai là, cấp tỉnh còn chịu áp lực lớn trong công tác quản lý đất đai, giải phóng mặt bằng do các dự án hạ tầng và phát triển đô thị. Với sự phát triển kinh tế mạnh mẽ, cấp tỉnh có vai trò quan trọng trong thu hút đầu tư, phát triển các khu công nghiệp, khu công nghệ cao. Các nhiệm vụ hành chính ở cấp tỉnh đòi hỏi sự đổi mới, ứng dụng công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu của một đô thị hiện đại.

Ba là, về văn hóa, ĐBSH là cái nôi của nền văn hóa dân tộc Việt Nam. Đây là nơi khởi nguồn của nền văn minh lúa nước, hội tụ các giá trị lịch sử lâu đời và đóng vai trò hạt nhân trong việc lan tỏa, định hình bản sắc văn hóa truyền thống trên toàn quốc.

Bốn là, về kinh tế, ĐBSH là vùng động lực tăng trưởng kinh tế lớn nhất cả nước. Nằm ở trung tâm Bắc Bộ và thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc,

đây là đầu tàu về công nghiệp, thu hút FDI, tài chính và thương mại. Là trung tâm kinh tế lớn thứ hai cả nước, vùng liên tục dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng. Nơi đây tập trung các cực tăng trưởng có hiệu suất cao nhất bao gồm Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh và Quảng Ninh...

Năm là, về cơ sở hạ tầng, ĐBSH là vùng sở hữu mạng lưới cơ sở hạ tầng phát triển và đồng bộ nhất cả nước, tập trung mạnh vào các tuyến cao tốc, cảng biển quốc tế và hạ tầng logistics; là vùng có lợi thế là cửa ngõ kết nối Trung Quốc-ASEAN bằng cả đường bộ và đường biển, trong đó con đường qua cửa khẩu Móng Cái (Quảng Ninh) là đường kết nối ngắn nhất (khoảng 500km) giữa Vùng Đồng bằng sông Hồng với vùng kinh tế phát triển năng động nhất Trung Quốc. So với các vùng khác trên cả nước, Đồng bằng sông Hồng cũng gần khu vực Đông Bắc Á nhất.

Sáu là, về quốc phòng - an ninh, ĐBSH là địa bàn có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng - an ninh của cả nước; đảm nhận các trọng trách cốt lõi nhằm bảo vệ trung tâm đầu não Thủ đô Hà Nội và trung tâm chính trị, hành chính quốc gia, giữ vai trò kết nối, hỗ trợ hậu cần và tạo chiều sâu phòng thủ chung cho cả miền Bắc; là đầu tàu kinh tế và trung tâm văn hóa - khoa học, vùng tập trung nguồn lực lớn để giữ vững an ninh chính trị, an ninh tư tưởng và đối phó hiệu quả với các thách thức an ninh phi truyền thống.

Bảy là, về đặc điểm về dân cư - xã hội, ĐBSH là vùng có đông dân nhất cả nước và mật độ dân số cũng cao nhất cả nước. Với đặc điểm về dân cư lao động này đã tạo cho vùng một nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn. Người lao động có truyền thống kinh nghiệm sản xuất phong phú, chất lượng lao động thuộc hàng đầu của cả nước.

Tám là, về nông nghiệp - công nghiệp, ĐBSH là vùng có đất đai trù phú, phù sa màu mỡ. Diện tích và tổng sản lượng lương thực chỉ đứng sau đồng bằng sông Cửu Long nhưng là vùng có trình độ thâm canh cao, lâu đời. Không chỉ

có sản lượng lúa mà một số cây trồng khác cũng tăng cả về sản lượng và chất lượng cho cùng, đem lại hiệu quả cho ngành kinh tế của vùng; chăn nuôi gia súc và gia cầm cũng là thế mạnh của vùng. Các ngành công nghiệp mà vùng đồng bằng sông Hồng có là luyện kim, cơ chế, hóa chất, vật liệu xây dựng, chế biến thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, nhiệt điện. Các ngành công nghiệp khai thác như: khai thác khí dầu, khai thác đá vôi, khai thác cao lanh... Giá trị sản xuất công nghiệp của vùng tăng mạnh, những nơi tập trung nhiều ngành công nghiệp của vùng phải kể đến Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Bắc Ninh.

Các tỉnh, thành phố ở đồng bằng sông Hồng

Thành phố Hà Nội: Hà Nội có điều kiện tự nhiên đặc trưng của vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, kết hợp giữa địa hình thấp bằng phẳng (chiếm phần lớn diện tích) được phù sa bồi đắp với vùng gò đồi ở phía Bắc và Tây, hệ thống sông ngòi dày đặc (sông Hồng là chủ đạo) với tổng diện tích 3,360 km², dân số 8,718 nghìn người, có 126 đơn vị hành chính cấp xã (51 phường; 75 xã) và là một trong những trung tâm kinh tế lớn của miền Bắc Việt Nam, phát triển năng động với GRDP liên tục tăng khoảng 6.5%, thu nhập đầu người cao. Kinh tế Hà Nội đóng vai trò là mắt xích quan trọng trong 4/5 hành lang kinh tế (Hành lang phía Đông (Hà Nội - Hải Phòng): Kết nối trung tâm chính trị (Hà Nội) với cảng biển lớn nhất miền Bắc (Hải Phòng), thúc đẩy công nghiệp, logistics; Hành lang Đông Bắc (Hà Nội - Thái Nguyên - Lạng Sơn): Kết nối Hà Nội với các tỉnh trung du, miền núi, cửa khẩu biên giới, phát triển công nghiệp, khai khoáng; Hành lang Bắc Nam: Kết nối Hà Nội với các tỉnh phía Nam (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh...), phát triển kinh tế đa dạng; Hành lang Tây Bắc: Kết nối Hà Nội với các tỉnh miền núi phía Tây Bắc, phát triển du lịch, nông nghiệp công nghệ cao). Trên cơ sở đó Hà Nội định hướng tập trung phát triển mạnh trên các lĩnh vực, như: Thúc đẩy thương mại, hậu cần, tài chính, dịch vụ vận tải và du lịch bền

vững; phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao và tuần hoàn; phát triển nông nghiệp công nghệ cao...

Thành phố Hải Phòng (được hợp nhất từ: Thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương): Sau khi sáp nhập (từ tỉnh Hải Dương cũ), Thành phố Hải Phòng mở rộng diện tích lớn, sở hữu lợi thế tự nhiên toàn diện hơn (cảng biển, biển đảo, đất đai) với tổng diện tích 3,195 km², dân số khoảng 4,1 triệu người, có 114 đơn vị hành chính cấp xã (65 xã; 45 phường và 02 đặc khu là Bạch Long Vĩ và Cát Hải) và là một trong những trung tâm kinh tế lớn của miền Bắc Việt Nam, phát triển năng động với GRDP liên tục tăng khoảng 10.7%, thu nhập đầu người cao. Việc sáp nhập này đã cải thiện hoạt động logistics đường biển của thành phố Hải Phòng với cơ cấu nội địa của Hải Dương, đồng thời hình thành định hướng phát triển mới của Hải Phòng dựa trên các ngành sản xuất công nghệ cao, bao gồm điện tử, máy móc, ô tô...; phát triển dịch vụ cảng biển và logistics; phát triển kinh tế biển [12]. Như vậy, Hải Phòng đã tạo ra một cơ sở hạ tầng logistics kết nối với các trung tâm công nghiệp trong khu vực cảng biển quốc tế và động lực kinh tế Bắc Bộ, thúc đẩy chuỗi logistics-sản xuất, dịch vụ, du lịch sinh thái và công nghiệp, tạo không gian phát triển đô thị, công nghiệp, nông nghiệp mới trong tương lai.

Tỉnh Quảng Ninh: Quảng Ninh sở hữu điều kiện tự nhiên đa dạng (biển, đảo, núi, rừng, đồng bằng) với tổng diện tích 6,208 km², dân số 1,4 triệu người, có 54 đơn vị hành chính cấp xã (22 xã; 30 phường; 02 đặc khu là Vân Đồn, Cô Tô) và là một trong những vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc vừa thuộc Vùng duyên hải Bắc Bộ và là một tỉnh có rất nhiều lợi thế cho phát triển kinh tế xã hội năng động với GRDP liên tục tăng khoảng 8,4%, thu nhập đầu người cao, đồng thời tỉnh Quảng Ninh là cửa ngõ giao thương quan trọng với Trung Quốc, tạo thành "tam giác động lực" phát triển cùng Hà Nội, Hải Phòng. Mặc dù không thay đổi, Quảng Ninh vẫn có cơ cấu kinh tế đa

dạng, với nền kinh tế biển, du lịch và logistics mạnh và là một trọng điểm kinh tế, một đầu tàu của vùng kinh tế trọng điểm phía Đông Bắc, đồng thời là một trong bốn trung tâm du lịch lớn nhất của Việt Nam. Quảng Ninh có nhiều khu kinh tế, đặc biệt có Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Móng Cái, đầu mối giao thương giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc và các nước trong khu vực.

Tỉnh Bắc Ninh (được hợp nhất từ: tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang): Sau sáp nhập, tỉnh Bắc Ninh có diện tích 4.718,6 km², dân số khoảng 3.6 triệu người, có 99 đơn vị hành chính cấp xã (66 xã; 33 phường) và trở thành một trong những siêu đô thị công nghiệp phía Bắc với lợi thế kết nối giao thông, hệ sinh thái công nghiệp lớn, văn hóa Kinh Bắc, và mục tiêu trở thành đô thị thông minh, hướng tới phát triển bền vững, xanh hóa, tập trung vào công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ và hạ tầng trọng điểm như sân bay Gia Bình, cao tốc, tạo động lực bứt phá mạnh mẽ.

Tỉnh Ninh Bình (được hợp nhất từ: tỉnh Hà Nam, tỉnh Nam Định và tỉnh Ninh Bình): Sau sáp nhập, tỉnh Ninh Bình có lợi thế tự nhiên lớn hơn với không gian phát triển rộng mở (gần 4.000 km², có biển), dân số khoảng 4,4 triệu người, có 129 đơn vị hành chính cấp xã (97 xã; 32 phường); tài nguyên đa dạng (đá vôi, rừng Cúc Phương, biển) và vị trí chiến lược; kinh tế bứt phá nhờ hạ tầng giao thông (cao tốc, sân bay), kinh tế biển (cảng biển Ninh Cơ), thu hút đầu tư công nghiệp, nông nghiệp xanh và phát triển du lịch bền vững, hướng tới mục tiêu trở thành trung tâm kinh tế - công nghiệp - du lịch năng động, tiến tới thành phố trực thuộc Trung ương.

Tỉnh Hưng Yên (được hợp nhất từ: tỉnh Hưng Yên và tỉnh Thái Bình): Sau sáp nhập, tỉnh Hưng Yên có không gian phát triển mở rộng với diện tích khoảng 3.208 km² (có biển), dân số khoảng 2,5 triệu người, có 104 đơn vị hành chính cấp xã (93 xã, 11 phường); điều kiện tự nhiên phong phú, đất phù sa màu mỡ, sông ngòi dày đặc, khí hậu thuận lợi nông nghiệp nhưng cũng thêm lợi thế biển (từ Thái Bình) phát

triển thủy sản, tạo không gian địa lý mới rộng lớn và đa dạng, kết nối giao thông huyết mạch; kinh tế hướng đến nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế biển xanh, đô thị thông minh, với mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc trung ương hiện đại, kết nối vùng, phát triển vành đai công nghiệp gần thành phố Hà Nội, tập trung vào các ngành công nghiệp công nghệ cao; mở rộng các khu công nghiệp về phía ven biển; phát triển kinh tế biển gắn với các địa phương ven biển khác.

2.1.2. Đảng bộ cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng – khái niệm, tổ chức, và tổng quát tình hình các đảng bộ các tỉnh, thành ở đồng bằng sông Hồng

2.1.2.1. Khái niệm

Đảng bộ cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng là tổ chức đảng trực thuộc Trung ương Đảng, có vai trò lãnh đạo chính quyền, đoàn thể và Nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh. Theo quy định, đảng bộ cấp tỉnh là cấp trung gian giữa Trung ương Đảng và đảng bộ cấp xã. Ở đồng bằng sông Hồng, hệ thống đảng bộ cấp tỉnh bao gồm các Đảng bộ xã, phường, đặc khu và các đảng bộ trực thuộc, mỗi đơn vị có đặc điểm riêng về cơ cấu tổ chức, phạm vi lãnh đạo và chức năng nhiệm vụ. Đảng bộ cấp tỉnh thường tập trung lãnh đạo phát triển đô thị, dịch vụ, thương mại; đảng bộ xã có nhiệm vụ lãnh đạo phát triển nông thôn, kinh tế nông nghiệp kết hợp công nghiệp, dịch vụ; đảng bộ phường có đặc thù của một đô thị vệ tinh đang trong quá trình phát triển; đảng bộ đặc khu có đặc thù kết hợp của kinh tế đô thị và nông nghiệp gắn với biển, đảo. Dù có sự khác biệt về địa bàn quản lý, song tất cả các đảng bộ cấp tỉnh đều có chung nhiệm vụ là tổ chức quán triệt, thực hiện nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, cụ thể hóa thành các chương trình hành động phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất từ Trung ương xuống cơ sở.

2.1.2.2. Về tổ chức bộ máy

Cơ cấu tổ chức của đảng bộ cấp tỉnh ở ĐBSH được quy định bao gồm các thành phần chính sau: Đại hội đại biểu đảng bộ cấp tỉnh là cơ quan lãnh đạo đảng bộ, họp 5 năm một lần. Ban chấp hành đảng bộ cấp tỉnh (tỉnh ủy, thành ủy) là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội đảng bộ, do đại hội bầu ra hoặc Trung ương Đảng chỉ định, chịu trách nhiệm lãnh đạo tổ chức thực hiện nghị quyết của đại hội đại biểu đảng bộ cấp tỉnh và Trung ương. Ban thường vụ tỉnh ủy là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ họp ban chấp hành, có thẩm quyền quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, trực tiếp lãnh đạo và tiến hành công tác cán bộ, tổ chức, kiểm tra, giám sát. Đảng bộ cấp tỉnh có các tổ chức đảng trực thuộc cấp ủy cấp tỉnh, bao gồm: các đảng bộ cấp xã (xã, phường, đặc khu); đảng bộ quân sự tỉnh, thành phố; đảng bộ công an tỉnh, thành phố; đảng ủy khối các cơ quan tỉnh.... Bên cạnh đó, Văn phòng tỉnh ủy và các ban đảng như Ban Tổ chức tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh ủy, cơ quan UBKT tỉnh ủy, Ban Nội chính tỉnh ủy là các cơ quan có chức năng tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp tỉnh thực hiện công tác lãnh đạo.

2.1.2.3. Đảng bộ các tỉnh, thành ở đồng bằng sông Hồng

Đảng bộ thành phố Hà Nội: Được thành lập vào ngày 17 tháng 3 năm 1930, chỉ hơn một tháng sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (03/02/1930), đánh dấu sự ra đời của đảng bộ đầu tiên trong cả nước và là một cột mốc quan trọng của phong trào cách mạng Việt Nam. Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng với nhiều kết quả nổi bật. Sau sắp xếp theo Kết luận 121-KL/TW, tổ chức bộ máy ở cấp Thành phố tinh gọn, giảm 1 ban đảng, 11 ban cán sự đảng, đảng đoàn thuộc Thành ủy; kết thúc hoạt động 3 đảng bộ và thành lập mới 2 đảng bộ trực thuộc Thành ủy; giảm 6 sở (tỷ lệ 29%); 1 cơ quan ngang sở (tỷ lệ 50%); 1 đơn vị sự nghiệp thuộc

Thành phố (tỷ lệ 5%); cấp huyện giảm 30 ban đảng; 61 phòng thuộc UBND cấp huyện;... Thực hiện khoa học, nghiêm túc việc sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã theo các nghị quyết, kết luận của Trung ương, giảm từ 526 xuống còn 126 xã, phường với sự đồng thuận cao của người dân; tạo điều kiện thuận lợi triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp đạt nhiều kết quả tích cực, có chuyển biến rõ nét trong tổ chức bộ máy, phương thức quản lý và phục vụ Nhân dân, không gian phát triển mới được mở rộng, kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển [18]. Đến nay, Đảng bộ Thành phố Hà Nội có 126 Đảng bộ cấp xã (51 phường, 75 xã) với khoảng 540.000 đảng viên, là Đảng bộ có số Đảng viên lớn nhất cả nước.

Đảng bộ thành phố Hải Phòng: Được thành lập vào tháng 4 năm 1930, chỉ hơn một tháng sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3/2/1930). Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp xã, Đảng bộ Thành phố Hải Phòng chính thức được thành lập mới theo Quyết định 312-QĐ/TW ngày 18/6/2025 của Bộ Chính trị về việc thành lập Đảng bộ Thành phố Hải Phòng sau khi hợp nhất Đảng bộ Thành phố Hải Phòng (cũ) với Đảng bộ tỉnh Hải Dương với 114 Đảng bộ cấp xã (65 xã; 45 phường và 02 đặc khu là Bạch Long Vĩ và Cát Hải) với 15.500 đảng viên.

Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh: Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh được thành lập chính thức vào năm 1945, sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, nhưng tiền thân của Đảng bộ đã xuất hiện từ những năm 1930, với Chi bộ Cộng sản đầu tiên ra đời ở Hòn Gai năm 1930, đánh dấu bước hình thành tổ chức Đảng Cộng sản tại địa phương. Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh có 54 Đảng bộ cấp xã (22 xã; 30 phường; 02 đặc khu là Vân Đồn, Cô Tô) với 27.040 đảng viên.

Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh: Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh được thành lập từ tháng 11/1945. Từ ngày 1/7/2025, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh mới được thành lập theo Quyết định 310-QĐ/TW ngày 18/6/2025 của Bộ Chính trị trên cơ sở hợp nhất Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (cũ) với Đảng bộ tỉnh Bắc Giang. Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đến nay, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh có 99 Đảng bộ cấp xã (66 xã; 33 phường) với 25.256 đảng viên (trong đó Bắc Giang có 20308 đảng viên).

Đảng bộ tỉnh Ninh Bình: Đảng bộ tỉnh Ninh Bình được hình thành từ rất sớm ngay sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập vào tháng 2 năm 1930. Ngày 18/6/2025, Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 313-QĐ/TW thành lập Đảng bộ tỉnh Ninh Bình mới với việc hợp nhất Đảng bộ ba tỉnh Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình (cũ). Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, hiện nay, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình có 129 Đảng bộ cấp xã (97 xã; 32 phường) với 22.693 đảng viên (trong đó: Hà Nam có 5423 đảng viên; Nam Định có 6649 đảng viên)

Đảng bộ tỉnh Hưng Yên: Đảng bộ tỉnh Hưng Yên được thành lập vào năm 1941, đánh dấu một cột mốc quan trọng trong lịch sử cách mạng của tỉnh, và đã trải qua quá trình phát triển liên tục qua các thời kỳ của tỉnh, mặc dù có giai đoạn Đảng bộ tỉnh Hưng Yên hợp nhất với Đảng bộ tỉnh Hải Dương thành Đảng bộ tỉnh Hải Hưng (từ năm 1976), rồi tách ra và có những điều chỉnh đơn vị hành chính mới của Bộ Chính trị tại Quyết định 311-QĐ/TW ngày 18/6/2025 quyết định thành lập lại Đảng bộ tỉnh Hưng Yên trên cơ sở hợp nhất từ Đảng bộ tỉnh Hưng Yên (cũ) và Đảng bộ tỉnh Thái Bình. Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng có 104 đơn vị hành chính cấp xã (93 xã, 11 phường) với 13.562 đảng viên.

2.1.3. Cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng – khái niệm; chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn; tổ chức; vai trò và mối quan hệ

2.1.3.1. Khái niệm

Theo Quy định 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị quy định: “Cấp ủy cấp tỉnh là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ tỉnh, thành phố giữa hai kỳ Đại hội, có chức năng lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố; các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và chính sách, pháp luật của Nhà nước; đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương đối với địa phương” [18].

Cấp ủy cấp tỉnh được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tuân thủ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và các quy định của Trung ương. Cơ cấu cấp ủy cấp tỉnh gồm Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ tỉnh ủy, Bí thư tỉnh ủy, Phó Bí thư tỉnh ủy và các Ủy viên Ban Chấp hành [4]. Đây là cơ quan đầu mối trong việc định hướng phát triển địa phương, kiểm soát việc thực hiện các chính sách của đảng và nhà nước tại cấp tỉnh. Cấp ủy cấp tỉnh chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp từ Trung ương Đảng, đồng thời hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng ở cơ sở như đảng ủy xã, phường, đặc khu. Các nghị quyết của tỉnh ủy có tính chất quyết định đến định hướng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh trên địa bàn. Cấp ủy cấp tỉnh cũng đóng vai trò quan trọng trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở địa phương, tạo nguồn nhân sự chất lượng cho hệ thống chính trị.

2.1.3.2. Chức năng; nhiệm vụ và quyền hạn của cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

Về chức năng

Một là, chức năng lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện ở cấp tỉnh; lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị cấp tỉnh và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc theo quy định của Điều lệ Đảng, các quy

định, hướng dẫn của Trung ương; lãnh đạo đảng bộ thực hiện đúng chủ trương, đường lối của đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh.

Hai là, chức năng đề xuất, kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương đối với địa phương, bảo đảm sự thống nhất trong tổ chức và hành động. Đây là cấp trung gian giữa Trung ương và các tổ chức đảng ở cấp cơ sở, có trách nhiệm cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương lớn [18].

Về nhiệm vụ

Một là, lãnh đạo cụ thể hoá các chủ trương, biện pháp triển khai tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, các chủ trương, nghị quyết của Trung ương. Quyết định chương trình làm việc và chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá, hằng năm của cấp ủy; quy chế làm việc của cấp ủy, Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh. Căn cứ nội dung, tính chất của từng lĩnh vực, cấp ủy cấp tỉnh ban hành văn bản đề lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đảng bộ [18].

Hai là, lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nghị quyết của cấp ủy cấp tỉnh. Tổ chức triển khai thực hiện thí điểm các chủ trương, mô hình mới theo chỉ đạo của Trung ương [18].

Ba là, lãnh đạo công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, học tập lý luận chính trị, tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng; đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; thực hiện các quy định của Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp, thực hiện chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới [18].

Bốn là, Quyết định chủ trương, giải pháp về xây dựng, quản lý, sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế thuộc thẩm quyền. Lãnh đạo việc đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể, hợp nhất các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc; quyết định chuyển giao, tiếp nhận tổ chức đảng theo thẩm quyền và theo quy định, hướng dẫn của cấp trên. Lãnh đạo, cho ý kiến về quy hoạch, điều chỉnh địa giới hành chính, thực hiện quy trình, thủ tục thành lập, giải thể, sáp nhập, chia tách, điều chỉnh địa giới, đổi tên đơn vị hành chính theo chủ trương của cấp trên và quy định của pháp luật [18].

Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các tổ chức đảng trực thuộc trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên [18].

Năm là, lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ, quản lý đội ngũ cán bộ, thực hiện chính sách cán bộ trong hệ thống chính trị, quyết định công tác cán bộ bảo đảm đúng nguyên tắc, nội dung, quy trình, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Trung ương và địa phương về phân cấp quản lý cán bộ. Báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Căn cứ quy định, hướng dẫn của Trung ương, thảo luận, quyết định số lượng Ủy viên ban thường vụ, Ủy viên Ủy ban kiểm tra; xem xét, giới thiệu và đề nghị chỉ định Ủy viên ban chấp hành đảng bộ, Ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, Ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra và chức danh chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định. Lãnh đạo công tác bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân cấp xã, cấp tỉnh và bầu cử đại biểu Quốc hội tại địa phương [18].

Sáu là, căn cứ định hướng của Trung ương, xác định phương hướng chỉ đạo đại hội đảng bộ các cấp tại địa phương; chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập đại hội đảng bộ cấp tỉnh, hội nghị giữa nhiệm kỳ (nếu có) [18].

Bảy là, thực hiện tự phê bình và phê bình, chất vấn và lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định. Cho ý

kiến về kết quả kiểm điểm, tự phê bình và phê bình hằng năm của ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh [18].

Tám là, lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng, công tác nội chính, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên và giải quyết vấn đề đảng tịch theo Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương [18].

Chín là, lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo, thực hiện dân chủ ở cơ sở; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; chỉ đạo đổi mới phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội trong việc giám sát và phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền [18].

Mười là, lãnh đạo chính quyền địa phương thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Định hướng đối với những vấn đề đặc biệt quan trọng do hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định. Xác định nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, các chương trình, đề án, dự án trọng điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch dài hạn và trung hạn, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất của địa phương. Cho chủ trương những vấn đề chiến lược, lớn, quan trọng, nhạy cảm về kinh tế - xã hội, ngân sách, phát hành trái phiếu địa phương, quốc phòng, an ninh, các chương trình, dự án trọng điểm về đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, kinh tế đối ngoại...; chủ trương đầu tư các dự án đặc biệt quan trọng của địa phương theo quy chế

làm việc của cấp ủy cấp tỉnh. Xem xét, cho ý kiến về tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách 6 tháng và hàng năm của tỉnh; định hướng phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới [18].

Mười một là, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, công tác quân sự địa phương và chính sách hậu phương quân đội; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn; đề cao cảnh giác, giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước [18].

Mười hai là, quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý tài chính, tài sản của cấp ủy và đảng bộ theo thẩm quyền; xem xét, cho ý kiến về công tác tài chính đảng hằng năm và cuối nhiệm kỳ [18].

Mười ba là, xem xét, cho ý kiến về những công việc ban thường vụ đã giải quyết giữa hai kỳ hội nghị cấp ủy cấp tỉnh; quyết định những vấn đề quan trọng khác do ban thường vụ trình [18].

Mười bốn là, thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao [18].

2.1.3.3. Về tổ chức

Cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng được tổ chức theo mô hình chung của hệ thống Đảng Cộng sản Việt Nam, là Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, là cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh giữa hai kỳ Đại hội Đảng bộ, có số lượng, cơ cấu Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Trung ương; định hướng cơ cấu Ban Thường vụ theo quy định của Bộ Chính trị tại chỉ thị về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng mỗi nhiệm kỳ. Cấp ủy cấp tỉnh được thành lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp: Văn phòng, Ban Tổ chức, cơ quan Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Ban Nội chính; Trường Chính trị, cơ quan Báo và Phát thanh, Truyền hình của Đảng bộ tỉnh, thành phố. Biên chế cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức các cơ quan

chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy cấp tỉnh thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Trung ương, do Ban Thường vụ cấp ủy cấp tỉnh xem xét, quyết định trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao. Cấp ủy cấp tỉnh có trụ sở làm việc đặt tại trung tâm chính trị - hành chính, có con dấu và tài khoản riêng, được cấp kinh phí, trang bị cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động theo quy định [18]. Ngoài ra, cấp ủy cấp tỉnh còn có hệ thống Đảng bộ trực thuộc tại các xã, phường, đặc khu, cơ quan, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp trên địa bàn. Các tổ chức đảng này chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, đồng thời triển khai các nghị quyết, chương trình công tác phù hợp với đặc điểm từng đơn vị.

2.1.3.4. Vai trò của cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

Một là, đối với hệ thống chính trị, cấp ủy cấp tỉnh có vai trò đặc biệt quan trọng trong hệ thống chính trị, là hạt nhân lãnh đạo toàn diện trên địa bàn tỉnh. Trước hết, cấp ủy cấp tỉnh đóng vai trò định hướng, chỉ đạo việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh, thành. Đây là cơ quan quyết định các vấn đề lớn về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị của địa phương.

Hai là, đối với nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, cấp ủy cấp tỉnh có vai trò lãnh đạo thông qua các tổ chức đảng trực thuộc, hệ thống chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, giúp thực thi hiệu quả các chủ trương, chính sách mà Nghị quyết Đại hội đề ra, đặc biệt, cấp ủy cấp tỉnh còn có nhiệm vụ cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, bảo đảm tính khả thi và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Ba là, đối với cấp ủy cấp tỉnh có vai trò quan trọng trong công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh ở địa phương, mà trực tiếp, thường xuyên là ban thường vụ cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện công tác đối với các cấp

ủy, tổ chức đảng trực thuộc và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện để các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc phát huy tính chủ động, sáng tạo, hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

Bốn là, đối với Nhân dân, cấp ủy cấp tỉnh còn thể hiện vai trò trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy vai trò của nhân dân trong công cuộc xây dựng và phát triển địa phương, là trung tâm đoàn kết, tập hợp lực lượng, bảo đảm sự thống nhất trong nội bộ Đảng và trong toàn xã hội. Vai trò lãnh đạo của cấp ủy tỉnh còn thể hiện qua công tác vận động quần chúng, khuyến khích nhân dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội. Họ phải bảo đảm sự gắn kết giữa chính quyền với nhân dân, tạo sự đồng thuận để thúc đẩy các nhiệm vụ chính trị được thực hiện hiệu quả. Trong thời kỳ hội nhập, cấp ủy tỉnh cũng phải chủ động nắm bắt xu hướng phát triển mới, từ đó đề ra chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn. Một cấp ủy tỉnh hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, năng động, sáng tạo, đột phá sẽ góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của vùng đồng bằng sông Hồng, cũng như cả nước.

Năm là, đối với cấp ủy cấp tỉnh có vai trò trọng yếu trong công tác quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ để bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao cho bộ máy chính trị; lãnh đạo, chỉ đạo bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ gìn sự ổn định trên địa bàn tỉnh. Họ có trách nhiệm theo dõi, đánh giá tình hình kinh tế, xã hội để kịp thời đề xuất giải pháp phù hợp với thực tiễn địa phương. Trong bối cảnh các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng đang đẩy mạnh đô thị hóa và phát triển kinh tế tri thức, cấp ủy cấp tỉnh phải chủ động, sáng tạo trong lãnh đạo, điều hành. Điều này đòi hỏi cấp ủy phải có tầm nhìn chiến lược, linh hoạt trong chỉ đạo để tạo động lực phát triển bền vững. Không chỉ tập trung vào tăng trưởng kinh tế, cấp ủy tỉnh còn có trách nhiệm

chăm lo đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân. Họ cũng là lực lượng tiên phong trong công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn.

2.1.3.5. Mối quan hệ của cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

Với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

Một là, chấp hành nghiêm sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, mà trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư [18].

Hai là, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Trung ương. Kịp thời báo cáo, xin ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề phức tạp, đột xuất phát sinh, nhất là những vấn đề liên quan đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, dân tộc, tôn giáo hoặc những vấn đề vượt thẩm quyền [18].

Với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng: Thực hiện sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Trung ương theo quy định [18].

Với các cấp ủy trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức khác trực thuộc Trung ương; với đảng ủy quân khu, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng.

Một là, phối hợp thường xuyên, chặt chẽ và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của đảng ủy quân khu, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng về công tác quốc phòng, quân sự địa phương [18].

Hai là, phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức và cấp ủy trực thuộc Trung ương về công tác cán bộ và thực hiện các nhiệm vụ liên quan theo quy định [18].

Với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc.

Một là, cấp ủy cấp tỉnh mà trực tiếp, thường xuyên là ban thường vụ cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện công tác đối với các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện để các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc phát huy tính chủ động, sáng tạo, hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao [18].

Hai là, các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh về thực hiện nhiệm vụ được giao và những quyết định của mình. Thực hiện nghiêm chế độ thông tin báo cáo theo quy định. Kịp thời giải quyết những vấn đề nhạy cảm, phức tạp, đột xuất phát sinh theo thẩm quyền [18].

Ba là, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng trong hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội theo quy chế làm việc [18].

2.1.4. Ủy ban kiểm tra và cơ quan Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng – khái niệm; chức năng và nhiệm vụ, tổ chức

2.1.4.1. Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng – khái niệm; chức năng và nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức

Về khái niệm

Theo Quy định số 21-QĐ/TW ngày 11/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương quy định: Ủy ban kiểm tra là tổ chức đảng, được lập từ đảng ủy cơ sở

trở lên, do cấp ủy cùng cấp bầu hoặc ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định (trong trường hợp tổ chức đảng thành lập mới, do chia tách, hợp nhất, sáp nhập về tổ chức, thực hiện công tác luân chuyển cán bộ ngành kiểm tra đảng), gồm một số đồng chí trong cấp ủy và một số đồng chí ngoài cấp ủy, các thành viên ủy ban hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

Từ quy định đó, cho thấy: Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng là tổ chức đảng chuyên trách công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, do cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng bầu hoặc Bộ Chính trị chỉ định, gồm một số đồng chí trong cấp ủy và một số đồng chí ngoài cấp ủy.

Nhiệm kỳ hoạt động của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh theo nhiệm kỳ của cấp ủy cấp tỉnh. Sau khi được bầu, Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra điều hành ngay công việc của ủy ban kiểm tra, được ký các văn bản với chức danh Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra và là thủ trưởng cơ quan ủy ban Kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy cấp tỉnh và đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Về chức năng và nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

Về chức năng

Một là, chức năng tham mưu cấp ủy cấp tỉnh việc xây dựng các chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong đảng bộ tỉnh, đồng thời đề xuất với cấp ủy cấp tỉnh các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác xây dựng Đảng, đảm bảo sự nghiêm minh, công bằng trong thi hành kỷ luật đảng. Như vậy, UBKT không chỉ làm nhiệm vụ kiểm tra mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh từ cơ sở.

Hai là, chức năng kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra,

giám sát của cấp ủy cấp dưới; kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhằm kịp thời phát hiện, xử lý kịp thời những sai phạm, ngăn chặn sớm các biểu hiện vi phạm, tránh để xảy ra sai phạm nghiêm trọng, từ đó góp phần nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, đảm bảo tính nghiêm minh, giữ vững nguyên tắc và bảo vệ sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng.

Về nhiệm vụ: UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH có những nhiệm vụ cụ thể được quy định trong Điều lệ Đảng và hướng dẫn của UBKT Trung ương.

Một là, kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Đây là nhiệm vụ quan trọng giúp kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các sai phạm, nhằm đảm bảo sự trong sạch, vững mạnh của tổ chức đảng.

Hai là, giám sát tổ chức đảng và đảng viên, nhằm phát hiện sớm những vấn đề nảy sinh để có biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa hiệu quả.

Ba là, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng của tổ chức đảng cấp dưới, nhằm bảo đảm tính đồng bộ, chặt chẽ trong hệ thống kiểm tra, giám sát.

Bốn là, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến tổ chức đảng và đảng viên, bảo vệ quyền lợi chính đáng của cán bộ, đảng viên, tránh tình trạng oan sai hoặc bao che vi phạm.

Năm là, tham gia vào công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và tiêu cực trong nội bộ Đảng, góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong Đảng bộ địa phương.

Sáu là, tham mưu cho cấp ủy tỉnh trong việc xây dựng các chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát, đảm bảo tính đồng bộ, toàn diện trong công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

Về cơ cấu tổ chức bộ máy

Về cơ cấu tổ chức ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh do cấp ủy cấp tỉnh xem xét, quyết định theo nguyên tắc nêu tại điểm 2.2, khoản 2, Điều 7 Quy định 21-QĐ/TW ngày 11/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng quy định về cơ cấu tổ chức và số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra cấp tỉnh.

UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH gồm các ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh, chủ nhiệm và các phó chủ nhiệm được bầu ra theo quy chế bầu cử trong đảng. Số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng từ 11 đến 13 đồng chí ủy viên; riêng Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh: Số lượng từ 13 đến 15 ủy viên chuyên trách (do ban chấp hành đảng bộ thành phố quyết định). Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra là ủy viên ban thường vụ bầu ra, Phó Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh có từ 3 đến 4 phó chủ nhiệm (phó chủ nhiệm thường trực là cấp ủy viên) và một số ủy viên; riêng Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh không quá 5 phó chủ nhiệm.

Chủ nhiệm UBKT cấp ủy cấp tỉnh là ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy và chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ hoạt động kiểm tra, giám sát trong phạm vi quản lý. Các Phó Chủ nhiệm và Ủy viên phụ trách từng lĩnh vực cụ thể theo quy định của Đảng và cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH.

2.1.4.2. Cơ quan Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng – khái niệm; chức năng, nhiệm vụ và tổ chức

Khái niệm

Theo Quy định số 21-QĐ/TW ngày 11/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương quy định: Cơ quan Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng là cơ quan tham mưu, giúp ủy cấp tỉnh và Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Đảng bộ tỉnh theo quy định của Điều lệ Đảng và thực hiện các nhiệm vụ do cấp ủy cấp tỉnh, ban thường vụ cấp tỉnh giao; đồng thời là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng.

Chức năng và nhiệm vụ

Chức năng của cơ quan Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

Một là, cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp tỉnh và UBKT cấp ủy cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng trong đảng bộ tỉnh theo quy định của Điều lệ Đảng; cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng của cấp ủy cấp tỉnh, UBKT cấp ủy cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ do Thường trực tỉnh ủy, Ban Thường vụ tỉnh ủy, Tỉnh ủy, ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh giao.

Hai là, cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng của cấp ủy cấp tỉnh, ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh.

Nhiệm vụ của cơ quan Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

Một là, nghiên cứu, đề xuất và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, gồm:

Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh được quy định trong Điều lệ Đảng, Quy chế làm việc của UBKT cấp ủy cấp tỉnh và nhiệm vụ do cấp ủy cấp tỉnh, UBKT cấp ủy cấp tỉnh giao; tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hằng năm do ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh quyết định.

Chủ trì, phối hợp tham mưu xây dựng và triển khai tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát của cấp ủy cấp tỉnh, UBKT cấp ủy cấp tỉnh trong nhiệm kỳ và hằng năm theo quy định của Điều lệ Đảng; chuẩn bị các vụ việc kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, các đề án, báo cáo, các vụ việc về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng để ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền; các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định của cấp ủy cấp tỉnh về công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy.

Nghiên cứu, đề xuất UBKT cấp ủy cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng và đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng; thực hiện trách nhiệm, thẩm quyền trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của Đảng. Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Bộ Chính trị [9].

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy đề xuất cấp ủy cấp tỉnh, UBKT cấp ủy cấp tỉnh thành lập đoàn kiểm tra giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; xem xét, xử lý kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm theo thẩm quyền; tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát của cấp ủy cấp tỉnh, ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh.

Đề xuất ý kiến đóng góp vào sự lãnh đạo, chỉ đạo chung của cấp ủy cấp tỉnh về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng trong đảng bộ.

Thực hiện thông tin, tuyên truyền về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng; giúp cấp ủy cấp tỉnh và ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh sơ kết, tổng kết về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của UBKT cấp ủy cấp tỉnh và cơ quan UBKT cấp ủy cấp tỉnh. Thực hiện việc thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất với cấp ủy cấp tỉnh, UBKT Trung ương theo quy định.

Hai là, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát

Giúp UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng các cấp và đảng viên trong đảng bộ tỉnh thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; giúp UBKT cấp ủy cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng cho tổ chức đảng, UBKT cấp ủy trực thuộc và các cơ quan tham mưu, giúp việc cùng cấp; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác kiểm tra đảng. Giúp UBKT cấp ủy cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kiểm soát tài sản, thu nhập theo thẩm quyền.

Giúp UBKT cấp ủy cấp tỉnh kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra cấp dưới. Tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban kiểm tra theo Điều lệ Đảng quy định; quy chế làm việc, chương trình công tác kiểm tra, giám sát hằng năm.

Ba là, thẩm định, thẩm tra đề án, văn bản của các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh về những nội dung liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng khi có yêu cầu.

Bốn là, phối hợp với các cơ quan liên quan trong xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; phối hợp với văn phòng tỉnh ủy giúp cấp ủy cấp tỉnh theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy cấp tỉnh; giúp UBKT cấp ủy cấp tỉnh phối hợp với ban tổ chức tỉnh ủy trong công tác cán bộ theo quy định của cấp ủy cấp tỉnh về phân cấp quản lý cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử; trong việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người lao động của cơ quan ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh; tham gia ý kiến về các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý do cơ quan chức năng đề nghị khen thưởng theo phân cấp [11].

Năm là, thực hiện một số nhiệm vụ khác do ban thường vụ tỉnh ủy, thường trực tỉnh ủy và UBKT tỉnh ủy giao.

Về tổ chức bộ máy

Cơ quan UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH gồm chủ nhiệm và các phó chủ nhiệm, số lượng phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh được thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. Trong đó, chủ nhiệm UBKT cấp ủy cấp tỉnh là thủ trưởng cơ quan UBKT cấp ủy cấp tỉnh; các phó chủ nhiệm UBKT cấp ủy cấp tỉnh là phó thủ trưởng cơ quan UBKT cấp ủy cấp tỉnh.

Cơ quan ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh có không quá 4 phòng: Nghiệp vụ I; Nghiệp vụ II; Nghiệp vụ III; Văn phòng (đối với Hà Nội, cơ quan ủy ban kiểm tra có không quá 5 phòng)

Biên chế của cơ quan ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh do cấp ủy cấp tỉnh xem xét, quyết định theo nguyên tắc nêu tại Điều 2 Quy định 329-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

2.2. Giám sát chuyên đề và công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

2.2.1. Giám sát chuyên đề - khái niệm, nội dung, chủ thể và đối tượng, phương pháp, quy trình và vai trò của giám sát chuyên đề; phân biệt giám sát chuyên đề với giám sát thường xuyên

2.2.1.1. Khái niệm

Trước khi hiểu khái niệm “giám sát chuyên đề” cần phải làm rõ khái niệm “giám sát”, “giám sát thường xuyên” và khái niệm “chuyên đề”.

Khái niệm “giám sát” được đề cập trong một số từ điển, như: *Từ điển tiếng Việt*, *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, *Từ điển Nghiệp vụ phổ thông* của Viện Khoa học Công an, *Từ điển Luật học* và trong nhiều văn bản của Đảng, văn bản pháp luật, v.v...

Từ điển tiếng Việt: “Giám sát là theo dõi và kiểm tra xem có thực hiện đúng những điều quy định không” [2005, tr.389].

Từ điển Luật học: “Giám sát là sự theo dõi, quan sát hoạt động mang tính chủ động, thường xuyên, liên tục và sẵn sàng tác động bằng các biện pháp tích cực để buộc và hướng các hoạt động của đối tượng chịu sự giám sát đi đúng quỹ đạo, quy chế nhằm đạt được mục đích, hiệu quả đã được xác định từ trước, đảm bảo cho pháp luật được tuân theo nghiêm chỉnh” [1999, tr.174].

Quy định số 21-QĐ/TW, ngày 11/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương, “Giám sát của Đảng là việc các tổ chức đảng quan sát, theo dõi,

nắm bắt, xem xét, đánh giá, kết luận hoạt động nhằm kịp thời nhắc nhở để cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát chấp hành nghiêm chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và khắc phục, sửa chữa hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có). Giám sát gồm: giám sát thường xuyên và giám sát chuyên đề; trong giám sát chuyên đề có thực hiện thăm tra, xác minh khi cần thiết” [2026, tr.2-3].

Vậy từ các nhận định trên ta có thể hiểu: *Giám sát* là việc chủ thể có thẩm quyền quan sát, theo dõi, nắm bắt, xem xét, đánh giá, kết luận hoạt động của tổ chức, cá nhân, nhằm kịp thời nhắc nhở để tổ chức, cá nhân đó được giám sát chấp hành nghiêm nhiệm vụ và khắc phục, sửa chữa hạn chế, khuyết điểm, vi phạm nếu có.

Giám sát của Đảng là việc các tổ chức đảng quan sát, theo dõi, nắm bắt, xem xét, đánh giá, kết luận hoạt động nhằm kịp thời nhắc nhở để cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát chấp hành nghiêm chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và khắc phục, sửa chữa hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có) [3].

Giám sát trong Đảng có hai hình thức gồm: giám sát thường xuyên và giám sát chuyên đề.

Về khái niệm “*chuyên đề*”, theo Từ điển tiếng Việt, là: “Vấn đề chuyên môn có giới hạn, được nghiên cứu riêng” [2003, tr.187]. Suy rộng ra: *Chuyên đề là một chủ đề, vấn đề, hoặc lĩnh vực cụ thể nào đó mà người ta tập trung nghiên cứu, học tập, hoặc làm việc, nó có tính riêng biệt, có giới hạn chính xác và tương đối hẹp...*

Từ các nhận thức nêu trên, có thể rút ra khái niệm: *Giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng là việc ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh tiến hành giám sát một hoặc một số vấn đề có giới hạn đối với tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhằm kịp thời nhắc nhở để cấp*

ủy, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát chấp hành nghiêm chủ trương, quy định của Đảng (nghị quyết, quy chế, quy định, quyết định, chỉ thị, kết luận...), pháp luật của Nhà nước và khắc phục, sửa chữa hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có).

2.2.1.2. Chủ thể và đối tượng của giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

Chủ thể: UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH.

Đối tượng: Đối với tổ chức đảng là các tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, UBKT cấp dưới trực tiếp; đối với đảng viên là cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý ở các tỉnh ĐBSH

2.2.1.3. Nội dung giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

Đối với tổ chức đảng: UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH giám sát chuyên đề các nội dung sau đây:

Một là, việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình, pháp luật của Nhà nước.

Hai là, việc ban hành các văn bản có dấu hiệu trái với chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Ba là, việc thực hiện các kết luận, quyết định kiểm tra, giám sát và kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

Đối với đảng viên (gồm cả cấp ủy viên cùng cấp và cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý): UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH giám sát chuyên đề các nội dung sau đây:

Một là, việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình, pháp luật của Nhà nước.

Hai là, việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, quy chế làm việc, chế độ công tác.

Ba là, về tư tưởng chính trị, giữ gìn đạo đức, lối sống và trách nhiệm nêu gương theo các quy định của Đảng.

Bốn là, về tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

Năm là, việc kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

2.2.1.4. Phương pháp giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

Căn cứ quy định của Đảng và thực tiễn hoạt động của các đoàn, tổ giám sát, hoạt động giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH có 2 phương pháp chính như sau:

Một là, giám sát trực tiếp.

Căn cứ chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thông qua và quyết định thành lập đoàn giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH tiến hành giám sát trực tiếp tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên bằng cách cử thành viên tham gia các đoàn giám sát chuyên đề làm việc với các tổ chức, cá nhân liên quan để trao đổi, nghe báo cáo giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan nội dung, phạm vi giám sát, góp ý với đối tượng giám sát, trong quá trình giám sát chuyên đề nếu thấy có dấu hiệu vi phạm, thành viên đoàn có thể báo cáo trưởng đoàn xin ý kiến cấp ủy tiến hành tiến hành thẩm tra, xác minh (nếu thấy cần). Thành viên đoàn giám sát chuyên đề, căn cứ chức năng nhiệm vụ được phân công tiến hành giám sát trực tiếp bằng cách nghe đối tượng giám sát phản ánh, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; gặp gỡ, trao đổi, góp ý với đối tượng giám sát.

Hai là, giám sát gián tiếp.

Giám sát gián tiếp là phương pháp giám sát chuyên đề thông qua xem xét báo cáo tự giám sát của đối tượng giám sát về hoạt động liên quan chuyên

đề giám sát; nghiên cứu, xem xét các văn bản, báo cáo; thông báo kết luận về các cuộc kiểm tra, thông báo về kết quả giám sát (nếu có); kết quả tự phê bình và phê bình, thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao liên quan chuyên đề giám sát.

Quá trình giám sát chuyên đề tại tài liệu báo cáo, thành viên đoàn giám sát sẽ chủ động nghiên cứu các kiến nghị, phản ánh của tổ chức đảng và đảng viên, đồng thời kết hợp với báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát của các tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế; phản ánh của các phương tiện thông tin đại chúng liên quan chuyên đề giám sát.

Hai phương pháp giám sát nêu trên đều có thể ứng dụng khoa học công nghệ để kết hợp giám sát nhằm khai thác thông tin, dữ liệu đa chiều, nâng cao hiệu quả và độ chính xác. Chẳng hạn như việc sử dụng phần mềm quản lý giám sát đảng viên trực tuyến cho phép cập nhật thông tin đảng viên, từ đó kịp thời phát hiện những đảng viên có vi phạm, khuyết điểm; hoặc có thể sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích dữ liệu lớn (Big data) để chủ thể giám sát tham khảo xu hướng, phát hiện dấu hiệu bất thường trong hoạt động của tổ chức đảng. Ngoài ra, có thể kết hợp khai thác cơ sở dữ liệu từ Trung ương đến các địa phương giúp chủ thể giám sát dễ dàng theo dõi hoạt động cũng như việc chấp hành chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước của từng đảng viên ở mỗi cấp.

2.2.1.5. Quy trình giám sát chuyên đề của Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng gồm các bước sau

Bước 1 (bước chuẩn bị): Thành lập đoàn giám sát chuyên đề (căn cứ chương trình, kế hoạch giám sát năm của cấp ủy cấp tỉnh, UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH tham mưu ban hành quyết định thành lập đoàn giám sát chuyên đề theo chương trình và kế hoạch đề ra); Xây dựng đề cương giám sát chuyên đề yêu cầu

đối tượng giám sát xây dựng báo cáo theo đề cương giám sát của đoàn giám sát chuyên đề; Bảo đảm điều kiện cần thiết, kinh phí, phương tiện phục vụ đoàn giám sát thực hiện nhiệm vụ theo quy định (nếu có).

Bước 2 (bước tiến hành): Tiến hành triển khai thực hiện quyết định giám sát chuyên đề theo lịch làm việc với đối tượng giám sát và đại diện tổ chức đảng quản lý đảng viên [13]. Yêu cầu đối tượng giám sát chuẩn bị báo cáo theo đề cương gợi ý, cung cấp các hồ sơ, tài liệu; các tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp thực hiện. [13].

Bước 3 (bước kết thúc): Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát (nếu thuộc thẩm quyền cấp uỷ kết luận thì ban thường vụ cấp uỷ cho ý kiến chỉ đạo trước khi đoàn giám sát trình cấp uỷ), trình bày đầy đủ ý kiến của đối tượng giám sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan; các đề xuất, kiến nghị và thông báo kết luận; trường hợp đối tượng giám sát chuyên đề có dấu hiệu vi phạm thì tiến hành thẩm tra, xác minh khi có dấu hiệu vi phạm [13].

2.2.1.6. Phân biệt giữa giám sát chuyên đề với giám sát thường xuyên

Điểm giống nhau

Một là, về chủ thể: Giám sát thường xuyên và giám sát chuyên đề khi thực hiện nhiệm vụ phải tuân thủ các nguyên tắc quy định của Đảng, thu thập thông tin, tài liệu, phân tích, đánh giá, làm rõ kết quả đạt được, pháp luật của nhà nước; khuyết điểm, hạn chế, tồn tại, vi phạm (nếu có); nguyên nhân của khuyết điểm, tồn tại, hạn chế, vi phạm (nếu có) và nhận xét, đánh giá kết luận đối với tổ chức đảng, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ, kể cả nhiệm vụ cấp trên giao [81].

Hai là, về đối tượng: Đều là tổ chức đảng, đảng viên [81].

Ba là, về mục đích:

Mục đích chung: Đều nhằm đảm bảo việc chấp hành các quy định của Đảng; pháp luật của nhà nước; phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh [81].

Mục đích cụ thể: Được thể hiện các mặt sau:

Thứ nhất, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, sự đoàn kết thống nhất và bảo đảm thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng; phòng ngừa, ngăn chặn sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, tránh các nguy cơ sai lầm về đường lối, quan liêu, xa dân của đảng cầm quyền, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Đảng [81].

Thứ hai, tạo sự chuyển biến tích cực về tư tưởng, nhận thức và hành động trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, trước hết là trong cấp uỷ, đặc biệt là người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp. Từng bước hoàn thiện quan điểm, nội dung, phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong tình hình mới [81].

Thứ ba, kịp thời đánh giá đúng ưu điểm của tổ chức đảng và đảng viên để phát huy; phát hiện, làm rõ thiếu sót, khuyết điểm để uốn nắn, khắc phục và xử lý nghiêm minh khi có vi phạm, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phục vụ việc tổng kết thực tiễn, nhân rộng những nhân tố mới, bổ sung, hoàn thiện và phát triển đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chống tư tưởng bảo thủ, trì trệ, cục bộ, quan liêu, tham nhũng, tiêu cực. Định kỳ báo cáo với cấp uỷ, tổ chức đảng cấp trên theo quy định về tình hình thực hiện nhiệm vụ giám sát [81].

Điểm khác nhau

Một là, về phương pháp thực hiện.

Giám sát thường xuyên do tổ chức phân công cán bộ theo dõi địa bàn theo dõi liên tục các hoạt động của tổ chức, đảng viên, hoặc cá nhân để đảm bảo các quy định, kế hoạch, hoặc mục tiêu được thực hiện đúng, hiệu quả và đánh giá sự tuân thủ các quy định, kế hoạch, kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hạn chế, thiếu sót, phòng ngừa vi phạm [81].

Giám sát chuyên đề do cấp có thẩm quyền quyết định (thành lập đoàn); được thực hiện theo quy trình thủ tục chặt chẽ, tập trung giám sát sâu vào chuyên đề, lĩnh vực cụ thể, đánh giá sự tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước, kịp thời phát hiện, ngăn chặn các khuyết điểm, vi phạm [81].

Hai là, về phạm vi.

Giám sát thường xuyên là việc quan sát, nghiên cứu, đối chiếu tài liệu, đánh giá các hoạt động liên tục, sử dụng các công cụ, phương pháp giám sát phù hợp (rộng khắp các lĩnh vực); về mốc thời gian, giám sát thường xuyên thực hiện ngay khi triển khai nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận ,...liên tục theo thời gian thực hiện đến khi kết thúc để đảm bảo nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng được thực hiện nghiêm túc (không có khoảng trống) [81].

Giám sát chuyên đề là các hoạt động quan sát, nghiên cứu, đối chiếu tài liệu, đánh giá các hoạt động tập trung vào phạm vi chuyên đề, lĩnh vực cụ thể (tập trung, sâu hơn giám sát thường xuyên). Giám sát chuyên đề bắt buộc thành lập đoàn, tổ, quá trình giám sát có thể thẩm tra, xác minh, sau giám sát có ban hành kết luận giám sát; về mốc thời gian, giám sát chuyên đề có thể đánh giá ở một khoảng thời gian nhất định (thường là sự việc đã diễn ra trong quá khứ hoặc đã hoàn thành) [81].

2.2.2. Công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng – khái niệm; nội dung; vai trò

2.2.2.1. Khái niệm

Cụm từ "công tác" là từ Hán Việt chỉ công việc, nhiệm vụ được giao bởi cơ quan, tổ chức, hoặc hoạt động công việc trong thời gian nhất định. Cụm từ “ công tác” bao hàm ý nghĩa trách nhiệm, tính chuyên môn và thường gắn liền hoạt động của một công việc hoặc một nhiệm vụ cụ thể nào đó.

Từ cơ sở nêu trên, có thể rút ra khái niệm: *Công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH là hệ thống các hoạt động của ủy ban*

kiểm tra trong thực hiện giám sát chuyên đề, từ lựa chọn chuyên đề, xây dựng chương trình, kế hoạch đến tổ chức thực hiện, xử lý kết quả, sơ kết, tổng kết.

Chủ thể lãnh đạo công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH là tỉnh ủy, trong đó trực tiếp, thường xuyên là ban thường vụ tỉnh ủy.

Cơ quan UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH là cơ quan tham mưu, giúp UBKT cấp ủy cấp tỉnh thực hiện công tác giám sát chuyên đề của UBKT; đồng thời, là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH.

2.2.2.2. Nội dung công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

Một là, xây dựng chương trình, kế hoạch công tác giám sát chuyên đề. Khi xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề, chủ thể giám sát căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và tình hình thực tế của địa phương để xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát, xác định rõ nội dung (xác định một hoặc một số vấn đề chuyên sâu thuộc một số nội dung giám sát nêu trên làm chuyên đề để xây dựng kế hoạch và tiến hành giám sát), đối tượng, thời gian, phương pháp tiến hành, tổ chức thành phần đoàn giám sát để tiến hành giám sát các tổ chức đảng và đảng viên. Trong quá trình giám sát có thể mở rộng nếu cần thiết.

Hai là, thực hiện công tác giám sát chuyên đề theo chương trình, kế hoạch, phương pháp giám sát. Công tác giám sát chuyên đề cần thực hiện đúng nội dung chương trình, kế hoạch, phương pháp giám sát một cách bài bản, có sự theo dõi chặt chẽ, yêu cầu các tổ chức đảng phải báo cáo tiến độ thực hiện kết luận giám sát, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm, tạo động lực để các tổ chức đảng thực hiện nghiêm túc các quyết định, góp phần giữ vững kỷ cương, kỷ luật trong Đảng. Căn cứ chương trình và kế hoạch giám sát được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBKT cấp ủy cấp tỉnh tham mưu xây dựng, ban hành quyết định thành lập đoàn giám sát và kế hoạch giám sát theo

đúng quy định; chỉ đạo đoàn giám sát xây dựng đề cương gợi ý báo cáo để đối tượng giám sát chuẩn bị báo cáo, thông báo kế hoạch, lịch làm việc và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên đoàn để triển khai quyết định, kế hoạch giám sát, thống nhất phương pháp giám sát; yêu cầu và hướng dẫn đối tượng giám sát chuẩn bị báo cáo bằng văn bản, cung cấp hồ sơ, tài liệu; đề nghị chỉ đạo các tổ chức, cá nhân trực thuộc có liên quan phối hợp thực hiện [11].

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giám sát, đoàn giám sát và thành viên đoàn giám sát được giao nhiệm vụ tiến hành các bước giám sát theo quy định. Qua công tác giám sát phải kịp thời báo cáo, kiến nghị đoàn giám sát và cấp có thẩm quyền, tổ chức đảng và đảng viên được giám sát phát huy ưu điểm, nhắc nhở, uốn nắn, khắc phục, sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm. Đây là một trong những nội dung quan trọng trong công tác giám sát chuyên đề nhằm kịp thời phát hiện và yêu cầu tổ chức đảng và đảng viên chỉnh sửa, uốn nắn, đảm bảo không có sự sai lệch với chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Ba là, thực hiện chặt chẽ, có sự phối hợp giữa UBKT cấp ủy cấp tỉnh với các cơ quan, đơn vị có liên quan, giữa các lực lượng tham gia giám sát. Căn cứ vào chương trình, kế hoạch, quyết định thành lập đoàn giám sát, UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cùng cấp tham mưu, giúp cấp ủy cấp tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nội dung công tác giám sát chuyên đề đảm bảo đúng theo quy định. Đây là một nội dung quan trọng giúp nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề, sự phối hợp chặt chẽ giữa UBKT cấp tỉnh với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, các sở, ban, ngành khối chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương sẽ tăng khả năng nắm bắt tình hình thực tiễn ở cơ sở rất tốt, có nhiều kênh thu thập thông tin, tài liệu quan trọng giúp UBKT xác định được những vấn đề cần tập trung cần giám sát.

Bốn là, tổ chức sơ kết, tổng kết công tác giám sát chuyên đề. Sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm là một nội dung quan trọng của công tác giám sát chuyên đề giúp UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH không ngừng nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề, khắc phục những hạn chế trong quá trình thực hiện và phát huy những điểm mạnh. Việc giám sát không chỉ dừng lại ở khâu thực hiện mà còn cần được đánh giá một cách nghiêm túc sau mỗi cuộc giám sát để rút ra bài học thực tiễn, qua đó điều chỉnh phương pháp, cách thức triển khai sao cho ngày càng hiệu quả hơn.

2.2.2.3. Vai trò của công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

Một là, công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH giúp cấp ủy cấp tỉnh và các cấp ủy đảng trực thuộc nắm chắc được tình hình thực hiện các nghị quyết, chỉ thị..., chống được bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy; đồng thời đánh giá được chất lượng của các tổ chức đảng và đảng viên trong việc chấp hành các nghị quyết, quy định của Đảng và pháp luật của nhà nước. Giám sát không chỉ là xem xét đối tượng mà còn là xem xét quy định. Qua quá trình này, UBKT có thể phát hiện những quy định chưa phù hợp hoặc chồng chéo tại địa phương. Từ đó tham mưu cho ban thường vụ tỉnh ủy điều chỉnh, bổ sung các văn bản chỉ đạo cho sát với thực tế.

Hai là, chủ động phòng ngừa và ngăn chặn vi phạm. Đây là vai trò quan trọng hàng đầu. Khác với kiểm tra (thường diễn ra khi đã có dấu hiệu vi phạm), giám sát chuyên đề giúp phát hiện sớm các sơ hở trong chủ trương, cơ chế, chính sách hoặc những biểu hiện lệch hướng trong lãnh đạo, từ đó cảnh báo, nhắc nhở kịp thời các tổ chức đảng và đảng viên khi họ mới bắt đầu có dấu hiệu chủ quan, lơ là, từ đó ngăn chặn những khuyết điểm nhỏ tích tụ thành vi phạm lớn.

Ba là, tạo tiền đề cho công tác kiểm tra. Giám sát chuyên đề giúp UBKT cấp tỉnh thu thập thông tin, nắm chắc tình hình địa bàn. Nếu qua giám

sát phát hiện dấu hiệu vi phạm cụ thể, UBKT sẽ chuyển sang quy trình kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Điều này giúp việc kiểm tra trở nên chính xác, có trọng tâm và hiệu quả hơn.

Bốn là, Việc thực hiện giám sát thường xuyên, chặt chẽ giúp siết chặt kỷ luật Đảng trong toàn đảng bộ tỉnh; củng cố niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng khi thấy các mảng "nhảy cào" (đất đai, đầu tư công, công tác cán bộ...) đều được giám sát kỹ lưỡng.

2.3. Chất lượng công tác giám sát chuyên đề - khái niệm, yếu tố quy định và tiêu chí đánh giá công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

2.3.1. Khái niệm chất lượng công tác giám sát chuyên đề

Theo từ điển tiếng Việt “chất lượng” là cụm từ phản ánh cái tạo nên phẩm chất, giá trị của một con người, một sự vật hiện tượng, một hoạt động nào đó làm thay đổi bản chất tốt hơn về sự vật, hiện tượng, hoạt động này khác với cái có cũ. Đây là một thuật ngữ chỉ đặc điểm, tính chất thuộc về bản chất, giúp nhận biết, phân biệt và đánh giá mức độ tốt và xấu, giá trị của sự vật hay hiện tượng nào đó [188, tr.331].

Chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh là một phạm trù phản ánh hiệu quả, tính chính xác, toàn diện và kịp thời trong việc giám sát chuyên đề các tổ chức đảng và đảng viên theo các nội dung chuyên đề đã được xác định. Đây là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát của Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Chất lượng công tác giám sát chuyên đề không chỉ thể hiện ở việc phát hiện kịp thời những vi phạm, sai sót trong thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước mà còn giúp tổ chức đảng và đảng viên nâng cao ý thức trách nhiệm, chấn chỉnh những hạn chế, yếu kém trong quá trình triển khai nhiệm vụ. Để đảm bảo chất lượng công tác giám sát chuyên đề, UBKT cấp ủy cấp tỉnh cần có phương pháp giám sát khoa học, bài

bản, đảm bảo khách quan, công tâm, không thiên vị, đồng thời phải thực hiện đúng quy trình, nguyên tắc theo quy định của Đảng. Nếu công tác giám sát chuyên đề được thực hiện hiệu quả, chất lượng, thì không chỉ giúp phát hiện, xử lý vi phạm mà còn góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, xây dựng Đảng bộ cấp tỉnh trong sạch, vững mạnh.

Chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh còn thể hiện qua khả năng đánh giá đúng tình hình, đưa ra những kết luận khách quan, chính xác và có tính khả thi trong việc đề xuất các biện pháp khắc phục sai phạm. Một công tác giám sát chuyên đề chất lượng cao không chỉ dừng lại ở việc phát hiện vi phạm mà còn đóng vai trò định hướng, tư vấn cho tổ chức đảng trong việc điều chỉnh chính sách, nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Điều này đòi hỏi UBKT cấp ủy cấp tỉnh phải có đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát có năng lực, bản lĩnh, phẩm chất đạo đức tốt và am hiểu sâu về chuyên môn, chính trị. Đồng thời, chất lượng công tác giám sát chuyên đề còn phụ thuộc vào phương pháp giám sát, bao gồm việc thu thập thông tin, xác minh tài liệu, lấy ý kiến của các bên liên quan một cách đầy đủ, khách quan. Một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng giám sát chuyên đề là tính kịp thời và hiệu quả trong việc xử lý các vi phạm hoặc kiến nghị điều chỉnh các chính sách sai sót. Nếu UBKT cấp ủy cấp tỉnh thực hiện giám sát chuyên đề một cách hình thức, thiếu chiều sâu, không có biện pháp xử lý sau giám sát thì chất lượng giám sát sẽ bị hạn chế, không mang lại hiệu quả thực tiễn. Do đó, việc nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề đòi hỏi phải có sự đổi mới, nâng cao năng lực của UBKT, đặc biệt là việc ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao tính chính xác và hiệu quả của công tác này.

Như vậy, chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh hiện nay là tổng hợp những giá trị, những thuộc tính đặc trưng, bản

chất của công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh về các mặt hoạt động, quy định và phản ánh mức độ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Từ những nhận thức trên, có thể rút ra khái niệm: *Chất lượng công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng là tổng hợp những thuộc tính của chương trình, kế hoạch giám sát, việc thực hiện nội dung và phương pháp giám sát và kết quả công tác giám sát, phản ánh mức độ đáp ứng yêu cầu đối với công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng.*

2.3.2. Các yếu tố quy định chất lượng công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh

Một là, thể chế xây dựng Đảng nói chung và công tác giám sát nói riêng.

Chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh được quy định bởi thể chế xây dựng Đảng nói chung và công tác giám sát nói riêng, trong đó trước hết là các quy định của Đảng về công tác giám sát. Công tác giám sát của Đảng phải tuân thủ các quy định trong Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Trung ương, Ban Bí thư, Bộ Chính trị, UBKT Trung ương và tỉnh ủy, thành ủy. Các quy định này tạo nên hành lang pháp lý, xác định rõ phạm vi, nội dung, thẩm quyền và trách nhiệm của UBKT trong quá trình thực hiện giám sát chuyên đề. Nguyên tắc giám sát trong Đảng phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, chính xác, không mang tính hình thức hay bao che sai phạm. Giám sát phải được tiến hành thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm, không làm gián đoạn hoạt động bình thường của tổ chức và cá nhân chịu sự giám sát. Đồng thời, giám sát phải bảo đảm tính đảng, đặt lợi ích của Đảng lên trên hết, không bị chi phối

bởi lợi ích cá nhân, nhóm lợi ích hay các tác động tiêu cực khác. Cơ sở pháp lý vững chắc giúp cho công tác giám sát có hiệu lực, hiệu quả, hạn chế tình trạng tùy tiện, chủ quan trong đánh giá. Nếu thiếu hệ thống quy định cụ thể, việc giám sát có thể trở nên lỏng lẻo, thiếu chính xác hoặc bị lợi dụng để phục vụ động cơ cá nhân. Việc tuân thủ nguyên tắc giám sát còn giúp nâng cao nhận thức của đảng viên, tạo môi trường chính trị minh bạch, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Khi hệ thống quy định được hoàn thiện, thống nhất từ Trung ương đến cấp xã, công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh mới thực sự đạt chất lượng cao, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng.

Chất lượng công tác giám sát chuyên đề phụ thuộc lớn vào phương pháp và quy trình giám sát mà UBKT cấp ủy cấp tỉnh áp dụng. Một quy trình giám sát khoa học, hợp lý sẽ giúp xác định chính xác vấn đề cần giám sát, thu thập đầy đủ thông tin, đánh giá khách quan và đưa ra kết luận đúng đắn. Quy trình giám sát thường bao gồm các bước: xác định nội dung, đối tượng giám sát; thu thập, phân tích thông tin; tổ chức các cuộc làm việc với đối tượng giám sát; kiểm tra, đối chiếu chứng cứ; lập báo cáo kết quả giám sát; kiến nghị, đề xuất giải pháp xử lý. Nếu quy trình giám sát không được thực hiện chặt chẽ, việc thu thập thông tin có thể bị thiếu sót, dẫn đến kết luận không chính xác, ảnh hưởng đến tính khách quan của giám sát. Ngoài ra, phương pháp giám sát cần linh hoạt, phù hợp với từng nội dung, đối tượng để bảo đảm tính hiệu quả. Đối với giám sát việc thực hiện nghị quyết, quy định của Đảng, có thể sử dụng phương pháp kiểm tra hồ sơ, tài liệu, đối chiếu với thực tiễn để đánh giá mức độ tuân thủ. Đối với giám sát đạo đức, lối sống của đảng viên, có thể sử dụng phương pháp lắng nghe ý kiến phản ánh từ quần chúng, kết hợp với điều tra, xác minh thông tin. Một số nội dung cần áp dụng phương pháp giám sát đột xuất, bí mật để bảo đảm phát hiện kịp thời những

hành vi vi phạm. Việc ứng dụng công nghệ trong giám sát, như phân tích dữ liệu tài chính, quản lý kê khai tài sản bằng phần mềm cũng giúp nâng cao độ chính xác, minh bạch của công tác giám sát. Nếu phương pháp giám sát lạc hậu, cứng nhắc hoặc mang tính hình thức, kết quả giám sát sẽ không phản ánh đúng thực trạng, thậm chí có thể bị lợi dụng để hợp thức hóa sai phạm. Do đó, UBKT cấp ủy cấp tỉnh cần không ngừng đổi mới phương pháp, hoàn thiện quy trình giám sát để bảo đảm công tác giám sát đạt chất lượng cao, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của Đảng.

Hai là, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh đối với công tác giám sát chuyên đề.

Yếu tố của sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh đóng vai trò quyết định then chốt đến chất lượng, hiệu quả công tác giám sát chuyên đề. Mức độ quan tâm và hành động cụ thể của cấp ủy cấp tỉnh sẽ tác động mạnh mẽ đến mọi khía cạnh của hoạt động giám sát, từ việc xây dựng nội dung chương trình, kế hoạch đến khâu xử lý kết quả là minh chứng thể hiện sự quyết tâm chính trị cao nhất của cấp ủy đối với vai trò, vị trí của công tác giám sát chuyên đề. Sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của cấp ủy cấp tỉnh khẳng định công tác giám sát chuyên đề là một phương thức lãnh đạo quan trọng của Đảng, không phải là công việc thứ yếu hay hình thức. Được thực hiện một cách quyết liệt từ cấp cao nhất tạo động lực mạnh mẽ cho UBKT các cấp và các cơ quan tham mưu, giúp việc thực hiện nhiệm vụ một cách chủ động, không ngại va chạm, không nể nang, né tránh. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, ban thường vụ cấp tỉnh là điều kiện tiên quyết để công tác giám sát chuyên đề được thực hiện một cách hiệu quả, thực chất. Khi yếu tố này được phát huy tốt, công tác giám sát sẽ phát huy được vai trò là "tai mắt" của Đảng, là công cụ sắc bén trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Ba là, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, kinh nghiệm công tác, bản lĩnh của đội ngũ cán bộ thực hiện công tác giám sát chuyên đề.

Một yếu tố quan trọng quyết định chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh là năng lực và bản lĩnh của đội ngũ cán bộ kiểm tra. Cán bộ kiểm tra là những người trực tiếp triển khai các nội dung giám sát, thu thập thông tin, phân tích tình hình và đề xuất kết luận, giải pháp. Để bảo đảm chất lượng giám sát, cán bộ kiểm tra cần có trình độ chính trị vững vàng, am hiểu sâu sắc các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Năng lực chuyên môn, khả năng phân tích, đánh giá tình hình chính xác giúp cán bộ kiểm tra nhận diện được những dấu hiệu vi phạm, sai phạm trong tổ chức Đảng và đội ngũ đảng viên. Ngoài ra, cán bộ kiểm tra cần có kỹ năng giao tiếp, thuyết phục và ứng xử linh hoạt để bảo đảm quá trình giám sát diễn ra thuận lợi, hiệu quả. Nếu cán bộ kiểm tra thiếu trình độ, không am hiểu các quy định hoặc làm việc thiếu trách nhiệm, công tác giám sát sẽ bị ảnh hưởng, có thể dẫn đến kết luận sai lệch, gây bất công hoặc bỏ sót sai phạm. Bên cạnh năng lực chuyên môn, bản lĩnh chính trị là yêu cầu không thể thiếu đối với cán bộ kiểm tra. Khi thực hiện giám sát chuyên đề, cán bộ kiểm tra có thể gặp phải sự phản ứng, cản trở từ cá nhân hoặc tổ chức bị giám sát. Nếu không có bản lĩnh, không giữ vững nguyên tắc, cán bộ kiểm tra có thể bị tác động, dẫn đến việc giám sát không khách quan, thiếu chính xác. Để nâng cao chất lượng giám sát, UBKT cấp ủy cấp tỉnh cần thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kiểm tra về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng điều tra, xử lý tình huống. Khi đội ngũ cán bộ kiểm tra có đủ phẩm chất, năng lực, bản lĩnh, công tác giám sát mới thực sự phát huy hiệu quả, góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương của Đảng.

Bốn là, công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát đối với đội ngũ cán bộ chuyên trách; cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện phục vụ cho công tác giám sát chuyên đề.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát đối với đội ngũ cán bộ chuyên trách luôn được Đảng và Nhà nước coi trọng và đẩy mạnh, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay. Các hoạt động này nhằm mục đích nâng cao năng lực, kỹ năng, đạo đức và bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và có tính quyết định đến chất lượng, hiệu quả toàn bộ công tác kiểm tra, giám sát trong tình hình mới. Trong bối cảnh công tác xây dựng Đảng ngày càng đòi hỏi cao hơn về tính chuyên nghiệp, sự phức tạp của các sai phạm, yếu tố này có tầm ảnh hưởng lớn đến năng lực, trình độ chuyên môn và bản lĩnh cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát, đảm bảo chất lượng, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát của UBKT các cấp được thực hiện đúng nguyên tắc, quy trình, thủ tục, đảm bảo tính pháp lý, tránh sai sót dẫn đến khiếu nại, tố cáo, hợp lý hợp tình, có sức thuyết phục cao, giúp đối tượng giám sát tâm phục khẩu phục, tự giác sửa chữa sai lầm, khuyết điểm. Do vậy, công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ là một trong những ưu tiên hàng đầu của cấp ủy và UBKT các cấp hiện nay.

Việc nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện phục vụ cho công tác giám sát chuyên đề trong giai đoạn hiện nay là một trong những yếu tố giúp tối ưu hóa độ chính xác và hiệu quả của quá trình thực hiện các nhiệm vụ giám sát chuyên đề. Bởi lẽ, thực tiễn cho thấy, các đối tượng bị giám sát thường có xu hướng che giấu khuyết điểm, sai phạm; một số vụ việc sai phạm lại có nhiều nguyên nhân khác nhau, dẫn đến có thể bị làm sai lệch, hoặc phản ánh không đúng bản chất của sự việc. Do vậy, cần quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ, trang thiết bị, chuyển đổi số toàn diện, phương tiện làm việc đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới và chú trọng khai thác dữ liệu liên thông tin giữa cơ quan UBKT cấp ủy cấp tỉnh với các cơ quan có liên quan để rút ngắn thời gian và nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề.

Như vậy, việc đầu tư cho công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát đối với đội ngũ cán bộ chuyên trách; cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện phục vụ cho công tác giám sát chuyên đề là yếu tố chính cho chất lượng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đảm bảo công tác kiểm tra, giám sát thực sự là công cụ sắc bén, "tai mắt" của Đảng.

Năm là, sự tham gia xây dựng Đảng của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương.

Đây là một yếu tố cực kỳ quan trọng, được Hiến pháp, pháp luật và các Nghị quyết của Đảng (đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII, XIII) khẳng định và đề cao. Vai trò tham gia xây dựng Đảng của MTTQ và các tổ chức CT-XH ở địa phương không chỉ là quyền mà còn là trách nhiệm pháp lý, chính trị. Sự tham gia tích cực, chủ động, hiệu quả của các tổ chức này là yếu tố minh chứng cho sự trong sạch, vững mạnh của Đảng, giúp Đảng gần bó mật thiết với nhân dân, ngăn ngừa và đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

Tóm lại, chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh chịu sự chi phối của nhiều yếu tố, trong đó sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh đối với công tác giám sát chuyên đề; phẩm chất, năng lực, kinh nghiệm công tác, bản lĩnh của đội ngũ cán bộ kiểm tra thực hiện công tác giám sát chuyên đề; vai trò tham gia xây dựng Đảng của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương; cơ sở pháp lý, nguyên tắc giám sát; phương pháp, quy trình giám sát khoa học và công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát đối với đội ngũ cán bộ chuyên trách đóng vai trò then chốt. Khi các yếu tố này được bảo đảm, công tác giám sát sẽ đạt hiệu quả cao, giúp kịp thời phát hiện và xử lý sai phạm, giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Điều này không chỉ góp phần xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh mà còn tăng cường niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước.

2.3.3. Tiêu chí đánh giá chất lượng công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

Tiêu chí đánh giá chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH là dấu hiệu nhận diện, tính chất mà dựa vào đó có thể nhận biết, đánh giá được chất lượng công tác giám sát chuyên đề UBKT cấp ủy cấp tỉnh là tốt hay chưa tốt, đạt hay chưa đạt mục đích, yêu cầu đặt ra.

Từ quan điểm của Đảng, khái niệm về chất lượng và thực tiễn cho thấy chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH cần căn cứ vào các tiêu chí chủ yếu sau:

Một là, mức độ đúng đắn của chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề và việc tổ chức thực hiện.

Đây là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng của công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH hiện nay. Công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH có chất lượng hay không trước hết xem các UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH thực hiện ở mức độ nào việc chủ động xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề một cách bài bản, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm ngay từ đầu năm hoặc đầu nhiệm kỳ; việc xác định nội dung, đối tượng, thời điểm, phương pháp tiến hành, tổ chức lực lượng, phân công tổ chức, cá nhân thực hiện công tác giám sát chuyên đề; việc tập trung vào những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực, hoặc những vấn đề nổi cộm được dư luận quan tâm (ví dụ: kê khai tài sản, thu nhập, công tác cán bộ, quản lý đất đai, tài chính, dự án đầu tư). Việc xây dựng và lựa chọn chương trình, kế hoạch giám sát cần thực sự khoa học, hợp lý, bám sát yêu cầu thực tiễn của địa phương. Chương trình giám sát chuyên đề phải được xây dựng trên cơ sở phân tích tình hình thực tế, bám sát vào những vấn đề nổi cộm, dễ phát sinh sai phạm tại địa phương. Việc lựa chọn nội dung giám sát không thể làm một

cách tùy tiện mà cần có sự tính toán kỹ lưỡng, ưu tiên những vấn đề có tác động lớn đến đời sống KT - XH, công tác xây dựng Đảng, quốc phòng - an ninh. Nếu chương trình giám sát chỉ mang tính hình thức, chung chung, không tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm thì hiệu quả giám sát sẽ không cao, không phát hiện được những thiếu sót cần khắc phục. Ngoài ra, kế hoạch giám sát cũng cần được thiết lập một cách chặt chẽ, có lộ trình cụ thể, xác định rõ phương pháp giám sát, thời gian thực hiện và trách nhiệm của các bên liên quan. Một chương trình giám sát khoa học, thực tiễn sẽ giúp UBKT cấp ủy cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ hiệu quả hơn, đảm bảo chất lượng giám sát đạt yêu cầu. Thực tiễn cho thấy, nhiều nơi cấp ủy cấp tỉnh và UBKT cấp ủy cấp tỉnh nếu chú trọng quan tâm và làm tốt công tác này ngay từ thời gian đầu đã kiểm soát được những vi phạm không đáng có, kịp thời điều chỉnh, bổ sung theo đúng định hướng của Đảng, làm cho tổ chức đảng ở địa phương ngày càng trong sạch, vững mạnh, niềm tin của nhân dân vào tổ chức đảng và đảng viên ngày càng được củng cố.

Hai là, mức độ quan hệ phối hợp giữa UBKT cấp ủy cấp tỉnh với các cơ quan tham mưu giúp việc cấp ủy; các tổ chức, cơ quan có liên quan.

Chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh không chỉ phụ thuộc vào nội tại của nó mà còn chịu ảnh hưởng bởi môi trường, điều kiện công tác, bao gồm đường lối, nhiệm vụ chính trị của Đảng, tổ chức bộ máy và cơ chế, chính sách hiện hành. Công tác giám sát chuyên đề chỉ thực sự có hiệu quả khi bám sát vào những định hướng lớn của Đảng, Nhà nước và cấp ủy địa phương, đảm bảo phù hợp với thực tiễn phát triển KT - XH và các yêu cầu cấp bách đặt ra. Nếu giám sát không gắn với nhiệm vụ chính trị của tỉnh, không phù hợp với bối cảnh địa phương, thì sẽ trở nên hình thức, không mang lại giá trị thực tiễn. Ngoài ra, tổ chức bộ máy của UBKT cấp tỉnh cũng có tác động lớn đến chất lượng giám sát. Khi cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, tinh gọn nhưng

hiệu quả, cán bộ có trình độ chuyên môn cao, giám sát sẽ được thực hiện bài bản, chặt chẽ. Ngược lại, nếu bộ máy cồng kềnh, thiếu phối hợp, thì công tác giám sát sẽ gặp nhiều khó khăn, dẫn đến việc thực hiện không đồng bộ, chậm trễ. Bên cạnh đó, cơ chế, chính sách của Nhà nước về công tác kiểm tra, giám sát cũng có ảnh hưởng đáng kể. Khi có cơ chế phù hợp, rõ ràng, UBKT cấp tỉnh sẽ có điều kiện thuận lợi để thực hiện chức năng giám sát, phát hiện và xử lý các vi phạm kịp thời, góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong Đảng.

Khi mức độ phối hợp giữa các cơ quan hữu quan trong công tác giám sát chuyên đề đạt mức tốt, điều này mang lại nhiều lợi ích to lớn và tác động tích cực đến hiệu quả công việc và chất lượng giám sát. Sự phối hợp tốt giúp tận dụng chuyên môn, nghiệp vụ của nhiều cơ quan khác nhau (ví dụ: cơ quan kiểm tra của Đảng, HĐND, thanh tra nhà nước, cơ quan công an, tài chính, v.v.). Điều này đảm bảo việc giám sát được nhìn nhận từ nhiều góc độ, bao quát hết các khía cạnh của vấn đề và kịp thời phát hiện sớm và chính xác vi phạm, nhờ chia sẻ thông tin và nguồn lực, các dấu hiệu bất thường, sai phạm sẽ được phát hiện nhanh chóng và chính xác hơn bởi vì mỗi cơ quan có thể mạnh riêng trong việc nắm bắt thông tin ở lĩnh vực của mình, giúp tổng hợp bức tranh đầy đủ về đối tượng giám sát. Phối hợp tốt giúp tránh chồng chéo nội dung, đối tượng giám sát. Các cơ quan có thể thống nhất tập trung vào những vấn đề bức xúc, nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực, hoặc những lĩnh vực được dư luận quan tâm, từ đó nâng cao hiệu quả phòng ngừa, cảnh báo sớm các sai phạm.

Tóm lại, mối quan hệ của công tác giám sát chuyên đề với môi trường, điều kiện công tác cụ thể và mức độ phối hợp giữa các cơ quan hữu quan tham gia giám sát chuyên đề được thực hiện tốt là một yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giám sát chuyên đề, đảm bảo công tác này thực sự là công cụ sắc bén trong xây dựng và chỉnh đốn Đảng, quản lý nhà nước.

Ba là, mức độ kết quả công tác giám sát chuyên đề.

Tiêu chí quan trọng nhất để đánh giá chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh là kết quả thực hiện công tác giám sát chuyên đề. Công tác giám sát chuyên đề được đánh giá là có chất lượng tốt khi nó thực sự mang lại kết quả rõ ràng, giúp cấp ủy, tổ chức Đảng phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, xử lý nghiêm những sai phạm nếu có. Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ không chỉ dựa vào số lượng cuộc giám sát đã thực hiện mà quan trọng hơn là hiệu quả thực tế mà các cuộc giám sát này mang lại. Nếu sau giám sát, những vấn đề tồn tại được giải quyết triệt để, tổ chức Đảng và đảng viên được giám sát có sự điều chỉnh phù hợp, tuân thủ tốt hơn các quy định của Đảng và Nhà nước, thì đó là dấu hiệu rõ ràng về một công tác giám sát có chất lượng.

Bốn là, sự đồng tình của đối tượng giám sát đối với văn bản báo cáo kết quả giám sát và sự tín nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, Nhân dân đối với UBKT cấp ủy cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ giám sát chuyên đề.

Khi tín nhiệm này ở mức độ cao, điều đó phản ánh đúng thực chất năng lực và tính chuyên nghiệp của UBKT cấp ủy cấp tỉnh, chứng tỏ UBKT cấp tỉnh có đội ngũ cán bộ kiểm tra, giám sát giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, nắm vững các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, qua đó thực hiện tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề hàng năm có trọng tâm, trọng điểm, sát với tình hình thực tế. Các cuộc giám sát chuyên đề được tiến hành một cách công khai, minh bạch, đúng quy trình, quy định, không thiên vị, không có vùng cấm, từ đó tạo dựng được niềm tin vững chắc. Tác động tích cực đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy khi tin tưởng cơ quan UBKT và sẽ dựa vào kết quả giám sát để đưa ra các quyết sách, chỉ đạo kịp thời, chính xác hơn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo

toàn diện và Đảng bộ và cấp ủy cấp dưới và cá nhân đảng viên được giám sát sẽ nghiêm túc tiếp thu, chấp hành và triển khai thực hiện các kết luận, kiến nghị của UBKT sau giám sát chuyên đề một cách tự giác và triệt để, tạo sức răn đe, nhắc nhở, khiến cho cán bộ, đảng viên ý thức tự giác, chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng và pháp luật. Nhận diện của tiêu chí này được thể thông qua việc các cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới phối hợp chủ động, cung cấp thông tin, tài liệu đầy đủ, kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đoàn giám sát của UBKT; không có tư tưởng né tránh, giấu giếm khuyết điểm, mà sẵn sàng nhìn thẳng vào sự thật, cầu thị, sửa chữa sai phạm, qua đó giúp họ khắc phục hạn chế, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Nếu công tác giám sát chuyên đề được thực hiện nghiêm túc, minh bạch, khách quan, phản ánh đúng thực trạng, đề xuất những giải pháp phù hợp thì sẽ nhận được sự tin tưởng của các cấp ủy Đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân. Ngược lại, nếu giám sát mang tính hình thức, thiếu khách quan, bỏ sót sai phạm hoặc chỉ thực hiện để đối phó, thì uy tín của UBKT cấp ủy cấp tỉnh sẽ bị giảm sút. Khi công tác giám sát được thực hiện bài bản, khoa học, có tính thuyết phục, thì UBKT cấp ủy cấp tỉnh sẽ khẳng định được vai trò quan trọng của mình trong việc giữ vững kỷ luật Đảng, góp phần xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Tóm lại, tín nhiệm cao của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, Nhân dân đối với UBKT cấp ủy cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ giám sát chuyên đề là " tiêu chí " quan trọng nhất phản ánh chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan kiểm tra, góp phần trực tiếp vào việc củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Tiểu kết Chương 2

Tổ chức thực hiện giám sát chuyên đề đối với tổ chức đảng và đảng viên là một nhiệm vụ quan trọng của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH nhằm phòng ngừa và kịp thời phát hiện, uốn nắn, ngăn chặn sớm các sai lệch, vi phạm trong thực hiện nhiệm vụ của các tổ chức đảng và đảng viên, tránh để xảy ra sai phạm nghiêm trọng. Trước yêu cầu tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, các UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH phải đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT.

Chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh hiện nay là tổng hợp những thuộc tính của chương trình, kế hoạch giám sát, việc thực hiện nội dung và phương pháp giám sát và kết quả công tác giám sát, phản ánh mức độ đáp ứng yêu cầu đối với công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng.

Để đánh giá đúng chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH, cần căn cứ vào các tiêu chí chủ sau: (1) mức độ đúng đắn của chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề và việc tổ chức thực hiện; (2) mức độ quan hệ phối hợp giữa UBKT cấp ủy cấp tỉnh với các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy; các tổ chức, cơ quan có liên quan; (3) mức độ kết quả công tác giám sát chuyên đề; (4) sự đồng tình của đối tượng giám sát đối với văn bản báo cáo kết quả giám sát và sự tín nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, Nhân dân đối với UBKT cấp ủy cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ giám sát chuyên đề.

Chương 3

CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CẤP ỦY CẤP TỈNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Thực trạng chất lượng công tác giám sát chuyên đề của Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng từ năm 2020 đến nay

3.1.1. Ưu điểm

Một là, các chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề và việc tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng cơ bản thực hiện tốt, có nhiều chuyển biến tích cực, có hiệu quả.

Ủy ban Kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng đã chú trọng quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, chủ động tham mưu, cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch công tác giám sát chuyên đề để có cơ sở vững chắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ.

Công tác phổ biến, quán triệt các quy định của Đảng về thực hiện nhiệm vụ giám sát được các UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH thực hiện nghiêm túc, do vậy, công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH từ năm 2020 đến nay đã từng bước hoàn thiện hệ thống các yếu tố cần thiết để đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Được sự quan tâm chỉ đạo từ cấp trên, và cấp ủy cấp tỉnh, UBKT cấp ủy cấp tỉnh đã có chương trình, kế hoạch đúng đắn đối với công tác giám sát chuyên đề, đã giúp cho nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ngày một nâng lên, đi vào chiều sâu, làm thay đổi trong nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy và cơ quan kiểm tra ở cấp tỉnh. Trong thời gian qua, các cấp ủy đảng từ tỉnh đã có sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, coi công tác kiểm tra,

giám sát không chỉ là nhiệm vụ của UBKT mà còn là trách nhiệm chung của cấp ủy, các tổ chức đảng và từng đảng viên. Kết quả khảo sát cho thấy, công tác tổ chức và năng lực thực thi chương trình, kế hoạch giám sát (Phụ lục 03 - Bảng 3.10) được xây dựng bài bản, có trọng tâm, trọng điểm đạt 68,3%, đây là một tỷ lệ khá cao; đồng thời vai trò chủ động, trách nhiệm của Ủy ban Kiểm tra đạt tỷ lệ 56,1% và quy trình, phương pháp giám sát rõ ràng, chặt chẽ đạt tỷ lệ 53,2%. Các chỉ số này cho thấy hiệu quả giám sát không chỉ phụ thuộc vào yếu tố lãnh đạo mà còn gắn chặt với tính chuyên nghiệp trong tổ chức thực hiện và năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát trong việc tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch đúng đắn. Chính sự thay đổi này đã tạo điều kiện thuận lợi để UBKT cấp ủy cấp tỉnh triển khai công tác giám sát chuyên đề với sự ủng hộ tích cực từ các tổ chức đảng trực thuộc. Khi cấp ủy quan tâm, phối hợp chặt chẽ với UBKT, việc triển khai giám sát chuyên đề trở nên thuận lợi hơn, tránh được tình trạng hình thức, đối phó. Như vậy, trong gian qua, UBKT cấp ủy cấp tỉnh cũng đã chủ động, linh hoạt hơn trong công tác giám sát, từ việc lựa chọn nội dung giám sát phù hợp với thực tế, đến đổi mới phương thức giám sát để đạt hiệu quả cao. Tinh thần chủ động này không chỉ giúp công tác giám sát tránh dàn trải, hình thức mà còn đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả thực tế trong giai đoạn 2020-2025.

Giai đoạn 2020-2025, đây là giai đoạn có tốc độ phát triển nhanh, đồng thời đất nước ta cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, trong đó có bốn nguy cơ mà Đảng đã chỉ ra vẫn đang hiện hữu, có nội dung còn gay gắt hơn; tình hình kinh tế, chính trị thế giới dự báo nhiều bất ổn, diễn biến phức tạp, khó lường; các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng gay gắt; sự phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh; sự gia tăng hoạt động của các thế lực thù địch chống phá Đảng và Nhà nước ta ngày các quyết liệt với nhiều âm mưu, thủ đoạn mới; các vấn đề

phức tạp liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn phát sinh, các loại tội phạm có chiều hướng gia tăng; sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” của một bộ phận cán bộ, đảng viên dẫn đến quan liêu, tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “tư duy nhiệm kỳ” xảy ra ở nhiều cấp, nhiều ngành, với tính chất tinh vi, phức tạp, mức độ nghiêm trọng hơn; đồng hành với các vi phạm mang tính cá nhân, sẽ xuất hiện vi phạm mang tính tập thể, có tổ chức, cấu kết theo chuỗi, hoạt động ngầm hay có sự cấu kết giữa cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp với các tổ chức, cá nhân nước ngoài. Những vấn đề này sẽ tác động, ảnh hưởng đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và người dân; nếu không có biện pháp giải quyết, xử lý hiệu quả sẽ tiềm ẩn những nguy cơ lớn, là thách thức mới đặt ra cho công tác xây dựng đảng nói chung và công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy cấp tỉnh, ủy ban kiểm tra cấp tỉnh trong thời gian tới; đòi hỏi phải nắm bắt và vận dụng linh hoạt các phương pháp cơ bản trong công tác kiểm tra, giám sát của Đảng gắn với kiểm soát quyền lực nói chung và đặc biệt coi trọng công tác giám sát chuyên đề nói riêng để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, ngăn chặn ngay những vi phạm từ khi mới phát sinh, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành khuyết điểm, sai phạm lớn, nghiêm trọng, kéo dài.

Qua số liệu các báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ các tỉnh ở ĐBSH nhiệm kỳ 2025-2030, giai đoạn 2020-2025, UBKT cấp ủy cấp tỉnh đã tiến hành giám sát chuyên đề đối với 24281 tổ chức đảng, 47732 đảng viên và 132 cuộc giám sát chuyên đề (tỉnh Ninh Bình) trong việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, cụ thể: Tại thành phố Hà Nội đã tiến hành giám sát chuyên đề 4473 tổ chức đảng và 5115 đảng viên. Tại thành phố Hải Phòng: đã tiến hành giám sát chuyên đề 4986 tổ chức đảng và 5594 đảng viên (trong đó UBKT cấp ủy cấp tỉnh Hải Dương đã tiến hành giám sát chuyên đề 2208 tổ chức đảng và 2171 đảng viên). Tại tỉnh

Quảng Ninh đã tiến hành giám sát chuyên đề đối với 3965 tổ chức đảng và 4903 đảng viên. Tại tỉnh Bắc Ninh đã tiến hành giám sát chuyên đề với 4754 tổ chức đảng và 24606 đảng viên. Tại tỉnh Ninh Bình đã tiến hành giám sát 132 cuộc chuyên đề (trong đó: Hà Nam 24 cuộc, Nam Định 58 cuộc, Ninh Bình 50 cuộc). Tại tỉnh Hưng Yên đã tiến hành giám sát chuyên đề 6.103 tổ chức đảng, 7.514 đảng viên. Qua công tác giám sát chuyên đề, UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH đã chú trọng tăng cường đẩy mạnh công tác giám sát chuyên đề, chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực, kịp thời chỉ ra những ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân giúp cấp ủy và đảng viên nhận rõ trách nhiệm của mình, đồng thời đề xuất các biện pháp nhằm giúp tổ chức đảng phát huy ưu điểm, khắc phục tồn tại, hạn chế, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, đảm bảo sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ các tỉnh ở ĐBSH.

Bên cạnh đó, qua kết quả khảo sát về mức độ phù hợp và khoa học trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở khu vực ĐBSH (Phụ lục 03 - Bảng 3.4) cho thấy, các tiêu chí được đánh giá ở mức khá cao, với điểm trung bình dao động từ 3,90 đến 3,96 trên thang đo 5 mức. Khoảng dao động hẹp này phản ánh sự đồng đều tương đối giữa các nội dung thành phần, đồng thời cho thấy nhận thức và thực tiễn tổ chức giám sát chuyên đề tại khu vực này đã hình thành một mặt bằng chất lượng tương đối ổn định.

Tiêu chí đạt điểm trung bình cao nhất (3,96) là “Chương trình giám sát được xây dựng trên cơ sở phân tích sát tình hình thực tiễn của địa phương”. Kết quả này cho thấy công tác xây dựng chương trình giám sát chuyên đề của UBKT cấp tỉnh đã có sự gắn kết chặt chẽ với điều kiện cụ thể của từng địa phương, phản ánh xu hướng chuyển từ tiếp cận mang tính hình thức sang tiếp

cận dựa trên phân tích vấn đề và yêu cầu thực tiễn. Điều này góp phần khẳng định vai trò của giám sát chuyên đề như một công cụ điều chỉnh kịp thời trong quá trình lãnh đạo, quản lý tại địa phương.

Các tiêu chí liên quan đến tính chặt chẽ trong thiết kế kế hoạch và xác định trọng tâm nội dung giám sát cũng đạt mức điểm trung bình cao và khá đồng đều, gồm: “Kế hoạch giám sát được xây dựng chặt chẽ, có lộ trình, thời gian và yêu cầu cụ thể” (3,95); “Nội dung giám sát chuyên đề tập trung vào các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực” (3,95); và “Đối tượng giám sát được xác định rõ ràng, đúng thẩm quyền, đúng trọng điểm” (3,95). Những kết quả này cho thấy UBKT cấp tỉnh đã từng bước khắc phục tình trạng giám sát dàn trải, thiếu trọng tâm, đồng thời bảo đảm tương đối tốt các nguyên tắc về thẩm quyền và phạm vi trong hoạt động kiểm tra, giám sát của Đảng.

Nhóm tiêu chí đạt mức điểm trung bình từ 3,90 đến 3,94 phản ánh tương đối toàn diện các khía cạnh của quá trình tổ chức thực hiện giám sát chuyên đề, bao gồm: lựa chọn nội dung giám sát có trọng tâm, trọng điểm; phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các tổ chức, cá nhân; xây dựng chương trình giám sát chủ động, bài bản ngay từ đầu năm hoặc đầu nhiệm kỳ; tổ chức lực lượng tham gia giám sát bảo đảm năng lực, kinh nghiệm; lựa chọn thời điểm, tiến độ và phương pháp tiến hành giám sát phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Việc các tiêu chí này được đánh giá khá đồng đều cho thấy công tác giám sát chuyên đề không chỉ được chú trọng ở khâu lập kế hoạch, mà đã được quan tâm tương đối toàn diện trong các khâu triển khai, từ tổ chức lực lượng, lựa chọn phương thức đến điều phối tiến độ thực hiện.

Đáng chú ý, tiêu chí về “Phương pháp tiến hành giám sát chuyên đề được lựa chọn phù hợp, linh hoạt, hiệu quả” tuy có giá trị trung bình ở mức thấp hơn tương đối trong nhóm (3,90), song vẫn nằm trong mặt bằng đánh giá khá và không tạo ra sự lệch đáng kể so với các tiêu chí còn lại. Điều này cho

thấy phương pháp giám sát chuyên đề hiện nay về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đồng thời cũng gợi mở yêu cầu tiếp tục hoàn thiện theo hướng tăng tính linh hoạt và đa dạng hóa kỹ thuật nghiệp vụ, phù hợp với bối cảnh và đặc thù từng địa phương.

Tổng thể các kết quả trên cho phép khẳng định rằng, công tác xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở khu vực ĐBSH đã đạt mức độ phù hợp và khoa học khá cao. Tính khoa học không chỉ thể hiện ở cấu trúc văn bản kế hoạch mà còn ở sự gắn kết tương đối chặt chẽ giữa phân tích thực tiễn – xác định trọng tâm – tổ chức thực hiện – và kiểm soát tiến độ. Trên cơ sở đó, yêu cầu đặt ra trong thời gian tới là tiếp tục hoàn thiện phương pháp và kỹ thuật giám sát theo hướng tăng tính chuyên sâu, ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao năng lực phân tích, dự báo của đội ngũ cán bộ kiểm tra, nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ trong bối cảnh mới.

Như vậy, công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH từ năm 2020 đến nay đã từng bước hoàn thiện hệ thống các yếu tố cần thiết để đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Công tác giám sát chuyên đề đã được thực hiện đúng trình tự thủ tục, xác định được đúng nội dung, đối tượng, thời điểm giám sát phù hợp, phương pháp tiến hành khoa học và linh hoạt, tổ chức lực lượng, phân công tổ chức, cá nhân thực hiện một cái bài bản theo hướng dẫn của Trung ương, UBKT Trung ương; qua giám sát đã giúp cấp ủy các cấp lãnh đạo việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH có hiệu quả hơn; giúp cho công tác phân loại tổ chức đảng và đảng viên hằng năm đảm bảo chính xác, việc đánh giá, bố trí sử dụng bổ nhiệm cán bộ trúng và đúng, phát huy được hiệu quả từng vị trí công tác, góp phần cảnh báo, ngăn ngừa suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; kịp thời nhắc nhở, uốn nắn, chấn chỉnh nhiều tổ chức đảng và đảng viên

trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, việc chấp hành chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có tác dụng tốt trong phòng ngừa vi phạm kỷ luật của Đảng; giúp tổ chức đảng và đảng viên được giám sát nhận ra thiếu sót, khuyết điểm để tự điều chỉnh công tác lãnh đạo, quản lý của mình ngày càng hoàn thiện hơn.

Hai là, quan hệ phối hợp giữa UBKT cấp ủy cấp tỉnh với các cơ quan tham mưu giúp việc cấp ủy; các tổ chức, cơ quan có liên quan của cấp tỉnh khi tham gia giám sát chuyên đề ngày càng chặt chẽ, đi vào chiều sâu.

Mối quan hệ, điều kiện công tác và sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan trong thực hiện giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH (Phụ lục 03 - Bảng 3.5) cho thấy các tiêu chí được đánh giá ở mức khá, với điểm trung bình dao động từ 3,90 đến 3,95. Khoảng dao động hẹp phản ánh sự tương đối đồng đều trong đánh giá của các nhóm đối tượng khảo sát, đồng thời cho thấy mặt bằng chung về các yếu tố bảo đảm cho công tác giám sát chuyên đề đã được hình thành và vận hành khá ổn định.

Trong số các tiêu chí, nội dung “Chương trình giám sát bám sát nhiệm vụ chính trị và bối cảnh đặc thù của địa phương” đạt điểm trung bình cao nhất (3,95), cho thấy hoạt động giám sát chuyên đề cơ bản được triển khai gắn với yêu cầu nhiệm vụ chính trị của từng địa phương và phù hợp với điều kiện thực tiễn. Đây là yếu tố quan trọng bảo đảm cho tính định hướng và tính khả thi của hoạt động giám sát trong bối cảnh đa dạng về điều kiện phát triển giữa các tỉnh trong khu vực.

Các tiêu chí liên quan đến sự phối hợp và tổ chức thực hiện, như: sự tham gia tích cực của các cơ quan liên quan, việc áp dụng các phương thức, hình thức giám sát phù hợp, cơ chế trao đổi thông tin, cũng như điều kiện về thời gian, kinh phí và phương tiện phục vụ giám sát, đều có điểm trung bình ở mức xấp xỉ nhau (từ 3,92 đến 3,94). Điều này cho thấy các yếu tố

tổ chức và phối hợp trong thực hiện giám sát chuyên đề nhìn chung đã được quan tâm, tạo nền tảng cho việc triển khai hoạt động giám sát một cách tương đối đồng bộ và thống nhất giữa các chủ thể tham gia.

Tiêu chí có điểm trung bình thấp nhất là “Các cơ chế, chính sách và quy trình hiện hành tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho công tác giám sát” (3,90). Mặc dù có mức đánh giá thấp nhất trong nhóm tiêu chí, song sự chênh lệch không lớn so với các tiêu chí còn lại, cho thấy đây vẫn là nội dung được đánh giá ở mức khá, phản ánh yêu cầu tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ thể chế và quy trình nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu thực tiễn của công tác giám sát chuyên đề trong bối cảnh hiện nay.

Tổng thể kết quả khảo sát cho thấy môi trường, điều kiện công tác và sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan trong thực hiện giám sát chuyên đề tại khu vực ĐBSH đã đạt được mức độ bảo đảm tương đối, tạo nền tảng quan trọng cho việc tổ chức và triển khai hoạt động giám sát chuyên đề. Tuy nhiên, mức điểm trung bình ở mức khá cũng cho thấy vẫn còn dư địa để tiếp tục hoàn thiện, nhất là trong việc nâng cao tính đồng bộ của cơ chế, chính sách và tăng cường hiệu quả phối hợp giữa các chủ thể trong quá trình thực hiện giám sát.

Sự phối hợp tốt giúp tận dụng chuyên môn, nghiệp vụ của nhiều cơ quan khác nhau, cơ bản bao quát hết các khía cạnh của vấn đề và kịp thời phát hiện sớm và chính xác vi phạm, nhờ chia sẻ thông tin và nguồn lực, các dấu hiệu bất thường, sai phạm sẽ được phát hiện nhanh chóng và chính xác hơn bởi vì mỗi cơ quan có thể mạnh riêng trong việc nắm bắt thông tin ở lĩnh vực của mình, giúp tổng hợp bức tranh đầy đủ về đối tượng giám sát và chất lượng công tác giám sát chuyên đề ngày một nâng lên. Thực tế triển khai công tác giám sát chuyên đề của các tỉnh ở ĐBSH cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa hoạt động này với đặc điểm môi trường chính trị, kinh tế, xã hội của từng địa phương. Là vùng có hệ thống tổ chức đảng rộng lớn với nhiều cấp ủy

trực thuộc, trong đó cấp tỉnh đóng vai trò quan trọng trong điều hành, quản lý địa bàn. Môi trường công tác đặc thù này đặt ra yêu cầu cao đối với công tác giám sát chuyên đề, đặc biệt trong việc theo dõi việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng liên quan đến phát triển KT - XH, quản lý đất đai, xây dựng đô thị, phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

Trong bối cảnh ở ĐBSH liên tục đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh cũng có điều kiện áp dụng công nghệ thông tin vào quy trình kiểm tra, giám sát. Việc khai thác dữ liệu điện tử, kết nối thông tin từ nhiều nguồn giúp quá trình giám sát trở nên minh bạch, khách quan hơn. Đồng thời, sự phát triển KT-XH nhanh chóng của ĐBSH cũng tạo ra nhiều vấn đề phức tạp như tình trạng vi phạm trong quản lý đất đai, xây dựng trái phép, sử dụng ngân sách sai mục đích... Điều này đòi hỏi công tác giám sát chuyên đề phải được quan tâm đúng mức và phối hợp triển khai linh hoạt, có trọng tâm, trọng điểm và bám sát thực tiễn. Bên cạnh đó, điều kiện đặc thù của từng địa phương trong thành phố cũng ảnh hưởng đến nội dung và phương thức giám sát. Ví dụ, tại các Thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, công tác giám sát tập trung nhiều vào quản lý trật tự đô thị, sử dụng đất công, giải quyết khiếu nại của người dân. Trong khi đó, tại các tỉnh như Quảng Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình..., giám sát chuyên đề lại nhấn mạnh đến các vấn đề liên quan đến nông nghiệp, quản lý đất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Việc thích ứng linh hoạt trong công tác phối hợp bám sát điều kiện thực tiễn đã giúp nâng cao hiệu quả công tác giám sát chuyên đề tại cấp tỉnh trên địa bàn vùng ĐBSH.

Ba là, kết quả thực hiện công tác giám sát chuyên đề được đánh giá tương đối cao và ổn định.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ của công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh tại khu vực ĐBSH (Phụ lục 03 - Bảng 3.6) cho thấy

mức độ đánh giá tương đối cao và ổn định giữa các tiêu chí. Điểm trung bình các nội dung dao động từ 3,92 đến 3,96, phản ánh mức độ đáp ứng khá tốt yêu cầu đặt ra đối với hoạt động giám sát chuyên đề trong bối cảnh hiện nay.

Nội dung được đánh giá cao nhất là việc kết luận giám sát làm rõ các mặt tích cực cần phát huy và những hạn chế cần khắc phục, sửa chữa, với điểm trung bình đạt 3,96. Kết quả này cho thấy kết luận giám sát đã thể hiện được vai trò định hướng, không chỉ nhằm phát hiện sai phạm mà còn góp phần hoàn thiện hoạt động quản lý, lãnh đạo tại các tổ chức đảng và cơ quan được giám sát.

Các tiêu chí phản ánh hiệu lực và tính thực chất của giám sát chuyên đề, như việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát, mức độ hoàn thành các cuộc giám sát theo kế hoạch, cũng như sự thay đổi của đối tượng giám sát trong việc chấp hành quy định của Đảng và Nhà nước, đều đạt mức điểm trung bình xấp xỉ 3,95. Điều này cho thấy hoạt động giám sát chuyên đề đã có tác động nhất định đến việc điều chỉnh hành vi tổ chức và cá nhân, qua đó góp phần nâng cao kỷ cương, kỷ luật trong Đảng.

Tiêu chí “Giải quyết triệt để các vấn đề tồn tại, vướng mắc sau giám sát” có điểm trung bình thấp hơn so với các tiêu chí còn lại (3,92), tuy nhiên mức chênh lệch là không đáng kể. Kết quả này cho thấy nội dung này được đánh giá ở mức tương đối đồng đều với các tiêu chí khác trong nhóm.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh tại ĐBSH đã được triển khai với mức độ hiệu quả tương đối rõ nét, thể hiện ở tính đầy đủ của kết luận, mức độ tuân thủ kiến nghị sau giám sát và sự cải thiện trong việc chấp hành các quy định của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, các kết quả này cũng gợi mở yêu cầu tiếp tục hoàn thiện cơ chế theo dõi, đôn đốc và đánh giá việc khắc phục sau giám sát nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng và tính bền vững của hoạt động giám sát chuyên đề.

Bốn là, sự đồng tình của đối tượng giám sát đối với văn bản báo cáo kết quả giám sát và sự tín nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, Nhân dân đối với UBKT cấp ủy cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ giám sát chuyên đề được nâng cao.

Về uy tín của UBKT cấp tỉnh tại khu vực ĐBSH (Phụ lục 03 - Bảng 3.8) cho thấy những chỉ số tích cực. Với các điểm số vượt ngưỡng 4.0 (từ 3,96 đến 4,01), dữ liệu này khẳng định rằng UBKT không chỉ đóng vai trò là cơ quan kiểm tra mà đã trở thành điểm tựa vững chắc cho niềm tin và sự đoàn kết trong nội bộ Đảng.

Hai tiêu chí đạt điểm trung bình cao nhất (4,01) là: *“Kết quả giám sát góp phần củng cố sự đoàn kết, thống nhất và niềm tin trong nội bộ Đảng”* và *“Kết quả giám sát được cấp ủy tin tưởng sử dụng làm căn cứ cho lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành”*. Điều này cho thấy hoạt động giám sát chuyên đề của UBKT không chỉ dừng lại ở chức năng kiểm tra, phát hiện vi phạm, mà còn được nhìn nhận như một nguồn thông tin có giá trị phục vụ trực tiếp cho công tác lãnh đạo, quản lý và điều hành ở địa phương.

Bên cạnh đó, các tiêu chí liên quan đến việc tiếp thu, thực hiện kết luận và kiến nghị sau giám sát cũng đạt mức điểm cao (4,00), phản ánh mức độ chấp hành và phối hợp nghiêm túc của cấp ủy và tổ chức đảng cấp dưới đối với kết luận giám sát. Kết quả này cho thấy quy trình giám sát được triển khai tương đối chuẩn mực, bảo đảm tính công khai, minh bạch và hạn chế các biểu hiện nể nang, né tránh trong thực tiễn thực hiện.

Nhóm tiêu chí phản ánh sự hợp tác và phối hợp từ phía đối tượng giám sát, bao gồm sự tự giác thực hiện kết luận, chủ động cung cấp thông tin, tài liệu và niềm tin vào tính khách quan, công tâm của UBKT, đều đạt điểm trung bình từ 3,96 đến 3,99. Mặc dù thấp hơn nhẹ so với các tiêu chí khác, nhưng các chỉ số này vẫn nằm trong nhóm đánh giá cao, cho thấy sự chuyển

biến tích cực trong mối quan hệ giữa cơ quan giám sát và đối tượng giám sát theo hướng hợp tác, trách nhiệm và tuân thủ kỷ luật Đảng.

Tổng thể, các kết quả thu được cho thấy uy tín và mức độ tín nhiệm của UBKT cấp tỉnh tại khu vực ĐBSH đang được khẳng định khá rõ nét thông qua sự đánh giá tích cực trên tất cả các phương diện khảo sát. Đây là cơ sở thực nghiệm quan trọng để khẳng định vai trò ngày càng nổi bật của công tác giám sát chuyên đề trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của cấp ủy và xây dựng kỷ luật, kỷ cương trong Đảng.

Qua số liệu khảo sát, có thể thấy một tín hiệu rất tích cực về sự tín nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với công tác giám sát chuyên đề tại địa phương (Phụ lục 03 - Bảng 3.9). Đặc biệt, hình ảnh và vai trò của UBKT cấp tỉnh đã được nâng cao rõ rệt với mức điểm đánh giá rất cao (3,98). Điều này chứng minh rằng hoạt động của cơ quan kiểm tra không còn khép kín mà đã tạo được dấu ấn mạnh mẽ trong đời sống chính trị tại địa phương. Sự tín nhiệm này bắt nguồn từ chính chất lượng của các kết luận giám sát; chúng được nhìn nhận là sắc đáng, có cơ sở khoa học và đầy đủ tính thuyết phục. Khi những đánh giá của cơ quan kiểm tra phản ánh đúng thực tế khách quan, không né tránh sai phạm, nó không chỉ khẳng định năng lực chuyên môn mà còn tạo ra uy thế thực sự cho công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

Một điểm sáng đáng chú ý là sự đồng thuận và ủng hộ mạnh mẽ của quần chúng nhân dân đối với các hoạt động giám sát chuyên đề khi được thông tin công khai (đạt 3,96 điểm). Việc đề cao tính minh bạch và chủ động trong công tác giám sát đã giúp nhân dân hiểu rõ hơn về quy trình kiểm soát quyền lực, từ đó củng cố vững chắc niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương (3,97 điểm). Khi các hoạt động giám sát được thực hiện một cách nghiêm túc, khách quan và có sự tham gia giám sát của cộng đồng, nó trở thành cầu nối quan trọng để gắn kết giữa Đảng với nhân dân. Chính sự đồng

lòng này là minh chứng cho thấy công tác giám sát chuyên đề đang đi đúng hướng, đáp ứng được kỳ vọng của xã hội về một hệ thống chính trị liêm chính và hoạt động hiệu quả.

Không chỉ dừng lại ở việc xử lý, công tác giám sát chuyên đề còn được cán bộ, đảng viên tin tưởng ở vai trò “phòng bệnh hơn chữa bệnh”. Với mức đánh giá 3,95 điểm, đa số ý kiến tin rằng đây là công cụ hữu hiệu để phòng ngừa và ngăn chặn sớm các vi phạm trong tổ chức Đảng và đội ngũ cán bộ. Việc thực hiện giám sát một cách nghiêm túc đã tạo ra sức răn đe cần thiết, đồng thời giúp cán bộ tự soi, tự sửa, tránh sa vào những sai phạm lớn hơn. Kết quả khảo sát tổng thể cho thấy, dù ở khía cạnh nào, công tác giám sát chuyên đề cũng đều nhận được mức tín nhiệm cao, khẳng định đây là một giải pháp then chốt để xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh và bảo vệ uy tín của đội ngũ cán bộ tại địa phương.

3.1.2. Hạn chế

Một là, việc xác định nội dung chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề và việc tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở một số tỉnh ĐBSH có lúc chưa thật sự chủ động và chất lượng.

Việc chưa quan tâm đúng mức việc định hướng xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát, nếu có xây dựng thì rất chung chung, chưa cụ thể, chưa nhìn thẳng vào các vấn đề còn tồn tại của địa phương dẫn đến việc tổ giám sát chuyên đề, có lúc, có nơi còn buông lỏng, hoặc còn nể nang, né tránh, còn mang tính hình thức hoặc chỉ để hoàn thành chỉ tiêu, bởi lẽ các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng chịu áp lực từ môi trường chính trị - xã hội và sự tác động của các nhóm lợi ích. Kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ lựa chọn cao nhất 86,4% (Phụ lục 03 - Bảng 3.11), kết quả này phản ánh rằng, hạn chế về nhận thức về việc xây dựng và tổ chức thực hiện theo chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề vẫn là rào cản căn bản, có tính chi phối đối với chất lượng và

hiệu quả của công tác giám sát chuyên đề. Khi công tác giám sát chưa được nhìn nhận đúng với tư cách là công cụ phòng ngừa, chỉnh đốn và nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng, thì việc triển khai trên thực tế khó tránh khỏi biểu hiện hình thức, thiếu chiều sâu. ĐBSH là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước, nơi tập trung nhiều cơ quan lãnh đạo, doanh nghiệp lớn, dự án trọng điểm, dẫn đến môi trường giám sát phức tạp hơn so với các địa phương khác. Một số vụ việc giám sát liên quan đến cán bộ cấp cao hoặc những cá nhân có ảnh hưởng trong bộ máy chính quyền, khiến công tác kiểm tra, giám sát gặp nhiều rào cản và khó tiếp cận vụ việc. Nếu không có sự quyết tâm và bản lĩnh chính trị vững vàng, cán bộ kiểm tra có thể bị sức ép từ nhiều phía, thậm chí bị tác động để bỏ qua sai phạm hoặc làm sai lệch kết luận giám sát. Ngoài ra, sự tồn tại của nhóm lợi ích trong một số lĩnh vực như đất đai, xây dựng, tài chính công, y tế, đấu thầu dự án khiến việc giám sát trở nên khó khăn hơn. Các nhóm lợi ích thường có nhiều biện pháp để che giấu sai phạm, từ việc tạo dựng hồ sơ giả, hợp thức hóa các quy trình đến việc gây sức ép lên quá trình kiểm tra, giám sát. Nếu không có biện pháp giám sát chặt chẽ, công tác giám sát dễ bị vô hiệu hóa hoặc chỉ dừng ở mức xử lý hình thức. Hơn nữa, khi thực hiện giám sát, UBKT cấp ủy cấp tỉnh đôi khi cũng bị sức ép từ dư luận xã hội, nhất là khi xử lý các vụ việc có tính chất nhạy cảm, liên quan đến những người có ảnh hưởng. Nếu không có sự chỉ đạo sát sao từ cấp trên, các cơ quan kiểm tra cấp tỉnh có thể lúng túng, thiếu kiên quyết trong xử lý sai phạm, dẫn đến hiệu quả giám sát không cao.

Bên cạnh đó, phương pháp giám sát còn truyền thống, chậm đổi mới, ứng dụng công nghệ thông tin (Phụ lục 03 - Bảng 3.11) mới chỉ đạt tỷ lệ 35,3%, một số cuộc giám sát chưa làm rõ trách nhiệm, kết luận còn chung chung chiếm 24%, và sự phối hợp giữa UBKT với các cơ quan chức năng chưa chặt chẽ, mới chỉ dừng ở mức 21,1%. Điều này cho thấy, bên cạnh yếu

tổ con người, các vấn đề về phương thức tổ chức và phối hợp liên ngành cũng ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả của công tác giám sát chuyên đề. Như vậy, việc xác định nội dung, đối tượng, thời điểm, phương pháp tiến hành, tổ chức lực lượng, phân công tổ chức, cá nhân thực hiện công tác và tính thực thi kết luận giám sát còn hạn chế. Quy trình giám sát hiện nay vẫn còn mang tính hành chính, nặng về thủ tục, thiếu linh hoạt trong thực tế triển khai. Một số nội dung giám sát chưa trọng tâm, trọng điểm, chưa được thực hiện thường xuyên, dẫn đến việc kiểm tra chưa bao quát hết các lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm. Phương pháp giám sát chủ yếu dựa vào báo cáo, tài liệu từ tổ chức, cá nhân chịu giám sát, trong khi việc thu thập thông tin từ các nguồn độc lập chưa được chú trọng. Điều này có thể dẫn đến tình trạng giám sát không phát hiện được bản chất của vấn đề, chỉ dừng ở mức độ kiểm tra hình thức. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát còn hạn chế, chưa khai thác được dữ liệu lớn, chưa sử dụng các công cụ phân tích để phát hiện các sai phạm tiềm ẩn, nhất là trong lĩnh vực tài chính, ngân sách. Một vấn đề quan trọng khác là tính thực thi của các kết luận giám sát. Dù UBKT cấp ủy cấp tỉnh có phát hiện sai phạm và kiến nghị xử lý, nhưng nếu các cơ quan có thẩm quyền không quyết liệt thực hiện, thì các kết luận giám sát sẽ mất đi giá trị. Một số trường hợp, các sai phạm được phát hiện nhưng chỉ bị xử lý nhẹ, mang tính hình thức, không đủ sức răn đe, làm giảm hiệu quả của công tác giám sát. Nếu các kết luận giám sát không được thực thi nghiêm túc, đảng viên và nhân dân sẽ mất niềm tin vào tính minh bạch, khách quan của tổ chức Đảng. Vì vậy, để nâng cao chất lượng giám sát, UBKT cấp ủy cấp tỉnh cần có cơ chế theo dõi, đôn đốc thực hiện các kết luận giám sát, đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng để bảo đảm các kiến nghị giám sát được thực hiện nghiêm túc. Nguồn lực con người và năng lực đội ngũ cán bộ kiểm tra. Số lượng cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát ở cấp tỉnh thường không

có tính ổn định và đủ so với khối lượng công việc ngày càng tăng. Đặc biệt, tại các tỉnh, thành phố lớn với tốc độ đô thị hóa nhanh, số lượng đảng viên lớn, việc kiểm tra, giám sát thường xuyên và chuyên đề đòi hỏi nguồn nhân lực dày dặn kinh nghiệm, nhưng thực tế không phải lúc nào cũng đáp ứng được. Cán bộ kiểm tra tại một số tỉnh, thành thường kiêm nhiệm nhiều công việc khác, dẫn đến tình trạng quá tải, ảnh hưởng đến chất lượng giám sát. Hơn nữa, năng lực chuyên môn của một số cán bộ kiểm tra, giám sát chưa đồng đều, chưa được đào tạo bài bản về kỹ năng điều tra, phát hiện sai phạm, phân tích chứng cứ và lập báo cáo kết luận. Một số cán bộ thiếu kinh nghiệm trong xử lý các vụ việc phức tạp, dễ bị tác động bởi các yếu tố khách quan, khiến việc giám sát không đạt hiệu quả cao. Việc tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ kiểm tra chưa được thực hiện thường xuyên, thiếu sự cập nhật các phương pháp giám sát hiện đại, làm giảm hiệu quả công tác. Nếu cán bộ kiểm tra không có bản lĩnh chính trị vững vàng, dễ bị tác động bởi các nhóm lợi ích hoặc ngại va chạm, thì việc giám sát sẽ chỉ mang tính hình thức, không thực chất. Vì vậy, tình trạng thiếu nhân lực và năng lực không đồng đều của cán bộ kiểm tra là một trở ngại lớn làm giảm chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH.

Hai là, quan hệ phối hợp giữa UBKT cấp ủy cấp tỉnh với các cơ quan tham mưu giúp việc cấp ủy; các tổ chức, cơ quan có liên quan cấp tỉnh khi tham gia giám sát chuyên đề còn có mặt hạn chế, có khi còn dừng ở mức độ cầm chừng hoặc hình thức.

Nguyên nhân của mức độ quan hệ phối hợp giữa UBKT cấp ủy cấp tỉnh với các cơ quan hữu quan tham gia giám sát chuyên đề là “Tư duy e ngại, né tránh trong tiếp nhận giám sát, nhất là đối với người đứng đầu” với tỷ lệ 70,6% (Phụ lục 03 - Bảng 3.11). Chỉ số này cho thấy rào cản về tâm lý và văn hóa tổ chức vẫn tồn tại tương đối phổ biến, ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ

hợp tác và hiệu quả thực chất của hoạt động giám sát. Điều này cũng đặt ra yêu cầu cần tiếp tục đổi mới nhận thức về giám sát theo hướng coi đây là hoạt động hỗ trợ, chấn chỉnh và phòng ngừa, không chỉ là công cụ phát hiện và xử lý vi phạm.

Mối quan hệ này của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH hiện nay có lẽ đang chịu sức ép của quá trình đô thị hóa mạnh mẽ, với sự phát triển nhanh chóng và mở rộng mức độ ảnh hưởng ra khỏi vùng ĐBSH. Điều này kéo theo những vấn đề phức tạp về quản lý đất đai, quy hoạch đô thị, tài chính công, thu ngân sách, đầu tư công, khiến công tác giám sát trở nên khó khăn hơn. Do vậy, UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH phải đối mặt với nhiều vụ việc liên quan đến sai phạm trong quản lý đất đai, giải phóng mặt bằng, đấu thầu dự án, nhưng điều kiện giám sát lại chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tế, thậm chí có những vi phạm vượt ra ngoài đơn vị hành chính cấp tỉnh, liên đến nhiều địa phương do cùng một đối tượng tạo ra do yếu tố khách quan của môi trường chính trị tác động mạnh đến công tác giám sát, khiến quá trình giám sát đôi khi gặp phải những tác động từ các nhóm lợi ích. Một số vụ việc có tính chất phức tạp, liên quan đến cán bộ có chức vụ cao, khiến quá trình giám sát gặp phải áp lực từ nhiều phía. Nếu không có sự quyết liệt trong chỉ đạo và bản lĩnh chính trị vững vàng, UBKT cấp ủy cấp tỉnh có thể rơi vào tình trạng giám sát mang tính hình thức, né tránh những vấn đề nhạy cảm. Bên cạnh đó, điều kiện làm việc của các UBKT cấp ủy cấp tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế. Kinh phí dành cho công tác kiểm tra, giám sát còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu triển khai các cuộc giám sát chuyên đề. Một số tỉnh, thành có địa bàn rộng, điều kiện đi lại khó khăn, ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận, thu thập thông tin của các đoàn giám sát. Ngoài ra, sự phối hợp giữa UBKT cấp ủy cấp tỉnh với các cơ quan chức năng như thanh tra, kiểm toán, nội chính... chưa thực sự chặt chẽ, khiến việc giám sát nhiều khi thiếu đồng bộ, chưa tận

dụng được sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị. Nếu các điều kiện về môi trường, tài chính, cơ chế phối hợp không được cải thiện, công tác giám sát chuyên đề vẫn sẽ gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả giám sát.

Sự phối hợp chưa chặt chẽ giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị của các tỉnh ở ĐBSH có lúc, có nơi chưa chặt chẽ giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, còn có sự nể nang, né tránh làm ảnh hưởng tới chất lượng công tác giám sát chuyên đề. Công tác giám sát chuyên đề có hiệu quả, đòi hỏi sự phối hợp giữa UBKT với các cơ quan như thanh tra, kiểm toán, cơ quan nội chính, các ban xây dựng Đảng và chính quyền địa phương. Tuy nhiên, trên thực tế, sự phối hợp này đôi khi còn lỏng lẻo, dẫn đến việc chồng chéo trong nhiệm vụ, bỏ sót một số lĩnh vực giám sát quan trọng. Một số cơ quan còn e dè, thiếu chủ động trong việc cung cấp thông tin, dữ liệu, gây khó khăn cho công tác giám sát của UBKT. Ngoài ra, cơ chế phối hợp giữa UBKT cấp tỉnh với các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc chưa thực sự hiệu quả, khiến việc phát hiện, xử lý sai phạm không kịp thời. Nếu không có sự phối hợp đồng bộ, công tác giám sát sẽ thiếu sức mạnh tổng hợp, làm giảm hiệu quả kiểm tra, giám sát trong Đảng.

Ngoài ra, quá trình triển khai giám sát đôi khi chưa thực sự chủ động, còn phụ thuộc nhiều vào chỉ đạo từ cấp trên, dẫn đến việc chậm trễ trong phát hiện và xử lý sai phạm. Trong một số trường hợp, UBKT cấp ủy cấp tỉnh chỉ tập trung giám sát theo chương trình, kế hoạch mà chưa thực hiện nhiều cuộc giám sát đột xuất, khiến việc phát hiện các sai phạm mang tính hệ thống chưa kịp thời. Đặc biệt, trong các lĩnh vực nhạy cảm như tài chính, ngân sách, đất đai, đấu thầu, quy hoạch đô thị, việc lựa chọn nội dung giám sát chưa thực sự sâu sát, có nơi còn né tránh những vấn đề phức tạp, liên quan đến các nhóm lợi ích.

Ba là, kết quả thực hiện công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH có nơi còn thấp; việc xử lý trách nhiệm sau giám sát chưa

đủ nghiêm; còn có tâm lý nể nang, né tránh trong công tác giám sát; cơ chế theo dõi, đôn đốc sau giám sát chưa hiệu quả và công khai, minh bạch kết quả giám sát chưa đồng bộ.

Về kết quả thực hiện nhiệm vụ của công tác giám sát chuyên đề, thực tế cho thấy, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của công tác giám sát chuyên đề vẫn còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả giám sát và chất lượng thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng. Qua khảo sát cho thấy việc xử lý trách nhiệm sau giám sát mới chỉ đạt 21,6%, cơ chế theo dõi, đôn đốc sau giám sát 16,7% và việc công khai, minh bạch kết quả giám sát 15,7% (Phụ lục 03 - Bảng 3.11). Mặc dù không phải là những rào cản nổi trội nhất theo đánh giá của người được khảo sát, song đây là những yếu tố có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm tính rắn đẽ, tính bền vững và sức lan tỏa của hoạt động giám sát chuyên đề.

Như vậy, cho thấy nhiều cuộc giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH chưa được thực hiện một cách toàn diện, có trường hợp mang tính hình thức, chưa đi sâu vào những vấn đề cốt lõi, nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực. Điều này dẫn đến việc phát hiện sai phạm chưa kịp thời, nhiều vi phạm chỉ được phát hiện khi đã trở thành vụ việc lớn, gây ảnh hưởng tiêu cực đến tổ chức Đảng và chính quyền địa phương. Một hạn chế đáng kể là số lượng cuộc giám sát chuyên đề hàng năm tuy nhiều nhưng hiệu quả chưa cao, do thiếu sự tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu, dễ xảy ra sai phạm như quản lý đất đai, tài chính ngân sách, công tác cán bộ. Ngoài ra, trong một số trường hợp, UBKT cấp ủy cấp tỉnh chưa chủ động lựa chọn nội dung giám sát phù hợp với tình hình thực tế, dẫn đến việc giám sát chưa có trọng tâm, dàn trải, không mang lại kết quả thiết thực. Một vấn đề nữa là quy trình giám sát đôi khi còn nặng về hình thức báo cáo, chưa tăng cường kiểm tra thực tế tại cơ sở, dẫn đến những kết luận giám sát chưa sát với thực tiễn. Công tác theo dõi, đôn đốc thực hiện các kết luận sau giám sát cũng chưa được thực hiện nghiêm

túc, dẫn đến tình trạng nhiều sai phạm dù đã được chỉ ra nhưng chậm được khắc phục. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến hạn chế này là đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát ở cấp tỉnh chưa được đào tạo bài bản về chuyên môn, phương pháp giám sát hiện đại. Bên cạnh đó, công tác phối hợp giữa UBKT với các cơ quan chức năng như thanh tra, kiểm toán, công an ở cấp tỉnh chưa thực sự chặt chẽ, khiến việc thu thập thông tin, xử lý vi phạm còn gặp nhiều khó khăn. Một số cuộc giám sát chuyên đề chưa được thực hiện độc lập, còn bị chi phối bởi áp lực từ các tổ chức, cá nhân liên quan, ảnh hưởng đến tính khách quan, công tâm trong kết luận giám sát. Ngoài ra, công tác tổng kết, đánh giá kinh nghiệm từ các cuộc giám sát trước để nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề chưa được thực hiện bài bản, dẫn đến việc lặp lại những hạn chế, sai sót trong triển khai giám sát. Một vấn đề đáng chú ý khác là thời gian dành cho mỗi cuộc giám sát chuyên đề còn bị giới hạn, chưa đủ để đi sâu phân tích, đánh giá đầy đủ nguyên nhân, giải pháp khắc phục các sai phạm. Một số cuộc giám sát còn chậm trễ trong việc triển khai, dẫn đến mất tính thời sự, khiến các sai phạm không được phát hiện và xử lý kịp thời. Hạn chế này làm giảm tính răn đe của công tác giám sát, dẫn đến tình trạng tái phạm ở một số lĩnh vực đã từng được giám sát. Một thực trạng khác là việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác giám sát còn hạn chế, chưa có cơ sở dữ liệu giám sát đồng bộ, khiến việc tổng hợp, phân tích dữ liệu gặp nhiều khó khăn. Việc chưa xây dựng được hệ thống cảnh báo sớm các vi phạm thông qua công tác giám sát chuyên đề cũng là một điểm yếu, khiến công tác này chủ yếu mang tính chất kiểm tra sau vi phạm, thay vì phòng ngừa từ sớm. Một trong những nguyên nhân dẫn đến thực trạng này là một số cấp ủy cấp tỉnh chưa quan tâm đúng mức đến công tác giám sát chuyên đề, chưa xem đây là một công cụ quan trọng để nâng cao chất lượng quản lý địa phương. Do đó, dù đã có nhiều nỗ lực cải thiện, nhưng mức độ hoàn thành nhiệm vụ của công

tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp tỉnh ở ĐBSH từ năm 2020 đến nay vẫn còn nhiều vấn đề cần khắc phục để nâng cao hiệu quả thực sự.

Hạn chế trong sự chuyển biến nhận thức sau khi thực hiện giám sát chuyên đề: Đây là một trong những vấn đề cấp bách hiện nay, mục đích của công tác giám sát chuyên đề là tạo ra sự chuyển biến trong nhận thức của các tổ chức Đảng, cán bộ, đảng viên và chính quyền địa phương về kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm công vụ. Tuy nhiên, trên thực tế, sự chuyển biến nhận thức sau các cuộc giám sát chuyên đề của UBKT cấp tỉnh ở ĐBSH vẫn còn nhiều hạn chế. Trước hết, ở một số đơn vị được giám sát, sự tiếp thu, sửa đổi sau khi giám sát chưa thực sự nghiêm túc, dẫn đến việc vi phạm tiếp tục tái diễn trong các lĩnh vực như quản lý đất đai, giải phóng mặt bằng, tài chính công. Một số cán bộ, đảng viên sau khi bị giám sát vẫn chưa có sự thay đổi rõ rệt trong tư duy, vẫn tồn tại tâm lý đối phó, hình thức, chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công tác giám sát; kinh nghiệm thực tiễn và trình độ chuyên môn sâu còn hạn chế; chưa được đào tạo bài bản về các kỹ năng giám sát chuyên đề hiện đại, đặc biệt là khả năng phân tích dữ liệu trên nền tảng số, nhằm kịp thời phát hiện sai phạm được che đậy, biến tướng với các hình thức vi phạm khác nhau, nhất là các sai phạm trong lĩnh vực tài chính công, quản lý đất đai, đầu tư công ngày càng tinh vi, phức tạp, gây khó khăn trong quá trình thu thập bằng chứng, xử lý sai phạm... Điều này ảnh hưởng đến khả năng phát hiện các vi phạm tinh vi, được che đậy kỹ, dẫn đến chất lượng giám sát chuyên đề còn hạn chế. Đáng chú ý, ở một số địa phương, việc thực hiện các kết luận giám sát chưa được giám sát chặt chẽ, dẫn đến tình trạng “giám sát xong để đó”, không có tác động thực sự đến nhận thức và hành vi của đối tượng được giám sát; còn có tâm lý nể nang, né tránh trong công tác giám sát, nhất là khi đối tượng giám sát là những cán bộ lãnh đạo chủ chốt, có ảnh hưởng lớn trong hệ thống chính trị địa phương, khiến một số cuộc giám sát

chuyên đề không được thực hiện một cách khách quan, chưa thực sự quyết liệt trong phát hiện và xử lý sai phạm và ảnh hưởng đến chất lượng giám sát chuyên đề. Bên cạnh đó, việc tuyên truyền, phổ biến kết quả giám sát đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa thực sự rộng rãi, khiến công tác giám sát chưa có hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ trong xã hội. Một hạn chế khác là nhiều cơ quan, tổ chức sau khi được giám sát chưa chủ động điều chỉnh quy chế hoạt động, chưa rút ra được bài học kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, điều hành. Ngoài ra, một số địa phương chưa chú trọng đến việc tổ chức các buổi học tập, rút kinh nghiệm sau giám sát để nâng cao nhận thức chung, khiến việc sửa chữa sai sót chỉ dừng lại ở những cá nhân bị xử lý kỷ luật mà không có tính lan tỏa.

Bốn là, sự đồng tình của đối tượng giám sát đối với văn bản báo cáo kết quả giám sát và sự tin nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, Nhân dân đối với UBKT cấp ủy cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ giám sát chuyên đề có nơi còn thấp.

Thực tế qua khảo sát, chỉ số này mới dừng ở 21,3% (Phụ lục 03 - Bảng 3.10) cho thấy niềm tin của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân vào công tác giám sát chuyên đề vẫn chưa cao do một số hạn chế trong cách thức triển khai. Trước hết, do một số cuộc giám sát còn mang tính hình thức, chưa thực sự quyết liệt trong phát hiện và xử lý sai phạm, dẫn đến tâm lý hoài nghi về hiệu quả thực tế của giám sát chuyên đề. Một số trường hợp cán bộ, đảng viên vi phạm bị xử lý chưa nghiêm, hoặc có dấu hiệu nể nang, né tránh khi xử lý những sai phạm liên quan đến lãnh đạo chủ chốt ở địa phương, khiến người dân chưa thực sự tin tưởng vào tính khách quan của giám sát. Ngoài ra, có tình trạng một số cuộc giám sát chuyên đề được triển khai nhưng không công khai kết quả rõ ràng, khiến dư luận không có đủ thông tin để đánh giá tính hiệu quả của giám sát. Một hạn chế nữa là việc chưa có cơ chế tiếp nhận phản hồi từ người dân về

công tác giám sát, dẫn đến việc nhân dân không thấy rõ vai trò của mình trong quá trình kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước. Bên cạnh đó, chất lượng và cơ cấu đội ngũ cán bộ kiểm tra cũng được phản ánh rõ nét, gồm: chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra chưa đồng đều (54,1%), thiếu cán bộ kiểm tra chuyên trách hoặc số lượng cán bộ mỏng (45,6%), và công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn (42,8%) (Phụ lục 03 - Bảng 3.11). Các kết quả này cho thấy năng lực con người vẫn là một trong những khâu then chốt quyết định chất lượng giám sát chuyên đề, đồng thời phản ánh sự chưa tương xứng giữa yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ với điều kiện về nhân lực hiện nay ở một số địa phương. Những vấn đề này làm giảm sút sự tin nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với công tác giám sát chuyên đề, ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện giám sát trong thực tế.

Nhìn chung, công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh tại ĐBSH còn gặp nhiều khó khăn do hạn chế, các rào cản trong thực hiện công tác giám sát chuyên đề hiện nay chủ yếu bắt nguồn từ hạn chế về nhận thức, tư duy tiếp cận và năng lực tổ chức thực hiện, hơn là từ khuôn khổ thể chế hay điều kiện kỹ thuật. Đây là căn cứ thực tiễn quan trọng để luận án xác định trọng tâm các giải pháp nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề trong thời gian tới, theo hướng đồng thời đổi mới nhận thức, nâng cao năng lực đội ngũ và từng bước hoàn thiện phương thức, cơ chế thực hiện giám sát. Do vậy, qua khảo đánh giá thực trạng cần có giải pháp khắc phục như tăng cường đào tạo cán bộ kiểm tra, nâng cao bản lĩnh chính trị, đổi mới phương pháp giám sát, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đồng thời bảo đảm thực thi nghiêm túc các kết luận giám sát. Khi những khó khăn này được giải quyết, công tác giám sát sẽ phát huy được vai trò quan trọng trong việc giữ vững kỷ luật, kỷ cương của Đảng, bảo đảm sự trong sạch, vững mạnh của hệ thống chính trị các tỉnh ở ĐBSH.

3.2. Nguyên nhân và những vấn đề đặt ra

3.2.1. Nguyên nhân

3.2.1.1. Nguyên nhân của ưu điểm

Một là, sự quan tâm, chỉ đạo của Trung ương, UBKT Trung ương và cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH cho hoạt động của ủy ban kiểm tra các cấp ngày càng chặt chẽ, thương xuyên.

Đây là một trong những ưu điểm quan trọng của chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH trong thời gian qua chính là sự quan tâm, chỉ đạo chặt chẽ từ Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, UBKT Trung ương. Trong những năm gần đây, công tác kiểm tra, giám sát được Đảng xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và ngăn ngừa các biểu hiện suy thoái, tham nhũng, tiêu cực trong nội bộ. Qua công tác khảo sát về các nguyên nhân góp phần phát huy những ưu điểm trong công tác giám sát chuyên đề cho thấy sự phân hóa khá rõ giữa các nhóm yếu tố mang tính lãnh đạo – tổ chức và các yếu tố thuộc điều kiện bảo đảm, phương thức thực hiện. Nổi bật nhất là yếu tố “Sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của cấp ủy các cấp” với tỷ lệ lựa chọn cao nhất 89,5%. Điều này cho thấy vai trò định hướng và bảo đảm chính trị của cấp ủy giữ vị trí trung tâm trong việc quyết định chất lượng và hiệu quả của hoạt động giám sát chuyên đề. Kết quả này đồng thời phản ánh sự phụ thuộc chặt chẽ của công tác giám sát vào mức độ quan tâm và chỉ đạo trực tiếp từ chủ thể lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

Như vậy, ở ĐBSH, cấp ủy cấp tỉnh và UBKT cấp ủy cấp tỉnh cơ bản đã bám sát sự chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời các quy định, nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định, hướng dẫn quan trọng như Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII, XIII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm; Quy định số

264-QĐ/TW, ngày 14/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm; Hướng dẫn số 05-HD/UBKTTW, ngày 22/11/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về thực hiện một số điều trong Quy định số 69-QĐ/TW; Hướng dẫn số 15-HD/UBKTTW, ngày 20/3/2025 về sửa đổi, bổ sung Hướng dẫn số 05-HD/UBKTTW, ngày 22/11/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về thực hiện một số điều trong Quy định số 69-QĐ/TW. Quyết định số 89-QĐ/TW ngày 01/12/2022 của Ban Bí thư về ban hành quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng của cấp ủy tỉnh và tương đương đến cơ sở; Quyết định số 354-QĐ/UBKTTW, ngày 22/12/2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành các quy trình thực hiện kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng. Quy định số 294-QĐ/TW, ngày 26/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng. Quy định số 296-QĐ/TW, ngày 30/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Hướng dẫn số 08-HD/TW, ngày 10/6/2025 của Ban Bí thư hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy định 296- QĐ/TW.

Việc triển khai, thực hiện các văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, UBKT Trung ương đã tạo được sự chuyển biến rõ nét về tư tưởng, nhận thức, hành động của cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH đối với công tác giám sát chuyên đề; ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương của cán bộ, đảng viên được nâng lên rõ rệt; vai trò, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị được phát huy. Hệ thống các văn bản, quy định về công tác giám sát chuyên đề cơ bản được thực hiện đồng bộ, chặt chẽ, khoa học, bám sát thực tiễn của từng địa phương; kỷ luật, kỷ cương được thực hiện nghiêm minh với phương châm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”, tạo bước đột phá mới trong việc phát hiện, xử lý các

vi phạm. Phương pháp, quy trình giám sát chuyên đề có nhiều đổi mới, được tổ chức thực hiện ngay từ năm đầu nhiệm kỳ, từ khi mới ban hành để chấn chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả giám sát chuyên đề ở cấp tỉnh, đã tạo ra được hành lang pháp lý vững chắc cho UBKT cấp ủy cấp tỉnh và UBKT các cấp triển khai hoạt động giám sát chuyên đề. Đồng thời, Ủy ban Kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh và Ủy ban kiểm tra các cấp đã tích cực, chủ động bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh và các đơn vị xây dựng chương trình công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy và ủy ban kiểm tra sát với thực tế, duy trì tốt chế độ giao ban định kỳ để nắm chắc tình hình nhằm chỉ đạo công việc kịp thời. Sự chỉ đạo sát sao này không chỉ giúp UBKT cấp ủy cấp tỉnh có định hướng chính xác trong việc xây dựng kế hoạch giám sát chuyên đề, mà còn thúc đẩy trách nhiệm của đội ngũ cán bộ kiểm tra, tạo động lực để đổi mới phương pháp làm việc, nâng cao chất lượng hoạt động giám sát.

Hai là, có đội ngũ cán bộ kiểm tra ngày càng được nâng cao trình độ, năng lực. Đây là, một trong những yếu tố then chốt tạo nên chất lượng vượt trội của công tác giám sát chuyên đề tại UBKT cấp tỉnh ở ĐBSH chính là sự phát triển về chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra. Trong những năm qua, các tỉnh ở ĐBSH đã chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra, đặc biệt là nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra đã đạt tỷ lệ 56,4% (Phụ lục 03 - Bảng 3.10), chỉ số này cho thấy trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ này ngày một nâng cao.

Như vậy, với kết quả này cho thấy UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH cũng đã chủ động thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về công tác kiểm tra, giám sát cho cán bộ UBKT cấp tỉnh. Các nội dung đào tạo không chỉ tập trung vào lý thuyết mà còn chú trọng thực hành, giúp cán bộ kiểm tra nâng cao kỹ năng thu thập, phân tích thông tin, đánh giá tình hình và xử lý các tình huống phát sinh trong thực tiễn.

Bên cạnh đó, nhiều địa phương đã thực hiện luân chuyển, bố trí cán bộ kiểm tra có kinh nghiệm vào các vị trí quan trọng nhằm đảm bảo chất lượng hoạt động giám sát. Cùng với sự đổi mới về phương pháp làm việc, tinh thần trách nhiệm cao của đội ngũ cán bộ kiểm tra cũng là yếu tố quan trọng giúp nâng cao hiệu quả giám sát chuyên đề.

Ba là, có sự phối hợp chặt chẽ giữa UBKT cấp tỉnh với các cơ quan, tổ chức liên quan. Đây là, một nguyên nhân quan trọng khác dẫn đến những ưu điểm trong công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH chính là sự phối hợp ngày càng hiệu quả giữa UBKT với các cơ quan, tổ chức liên quan. Như vậy, trong quá trình triển khai giám sát chuyên đề, UBKT cấp ủy cấp tỉnh đã tăng cường phối hợp với các ban xây dựng Đảng, chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm thu thập thông tin, đánh giá khách quan tình hình thực tế. Sự phối hợp này không chỉ giúp công tác giám sát có thêm nguồn thông tin phong phú, chính xác mà còn tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các biện pháp xử lý sau giám sát.

Ngoài ra, UBKT cấp tỉnh cũng tích cực phối hợp với báo chí, dư luận xã hội để kịp thời phát hiện các vấn đề nổi cộm, từ đó xác định trọng tâm giám sát chuyên đề phù hợp. Nhờ sự kết hợp này, nhiều vụ việc tiêu cực, sai phạm đã được phát hiện kịp thời, góp phần giữ vững kỷ cương, kỷ luật trong Đảng.

Tổng thể, kết quả khảo sát và phỏng vấn chuyên gia cho thấy những ưu điểm trong công tác giám sát chuyên đề hiện nay chủ yếu được hình thành từ vai trò lãnh đạo của cấp ủy và năng lực tổ chức thực hiện của UBKT, trong khi các yếu tố về cơ chế, điều kiện bảo đảm, phương thức hiện đại hóa và sự tham gia rộng rãi của xã hội tuy có vai trò nhất định nhưng chưa được đánh giá là những nguyên nhân có tính quyết định. Việc đổi mới phương pháp giám sát cũng được đẩy mạnh, thay vì chỉ dựa vào các báo cáo định kỳ, UBKT cấp ủy cấp tỉnh đã áp dụng phương thức kiểm tra thực tế, tổ chức các cuộc làm việc trực tiếp với cơ sở, thực hiện giám sát chuyên đề một cách sâu sát hơn.

Nhờ đó, công tác giám sát không còn mang tính hình thức mà đi vào thực chất, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý đảng viên và tổ chức đảng tại địa phương. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để định hướng các giải pháp nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề theo hướng vừa củng cố vai trò lãnh đạo, vừa từng bước hoàn thiện các yếu tố hỗ trợ và điều kiện bảo đảm trong thời gian tới.

3.2.1.2. Nguyên nhân của hạn chế

Một là, nhận thức của một số UBKT cấp ủy cấp tỉnh về công tác giám sát chuyên đề còn chưa thực sự sâu sắc, đúng đắn.

Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến hạn chế trong chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH là sự chưa đồng đều trong nhận thức của một số cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ kiểm tra về tầm quan trọng, mục đích và phương pháp thực hiện giám sát. Dù công tác giám sát đã có những bước tiến đáng kể, nhưng ở một số địa phương, vẫn còn tình trạng coi giám sát như một nhiệm vụ mang tính hình thức, đối phó hoặc chỉ đơn thuần thực hiện để “hoàn thành chỉ tiêu” mà chưa thực sự chú trọng đến hiệu quả thực chất.

Không ít cán bộ, đảng viên, đặc biệt là những người đứng đầu cấp ủy, chính quyền vẫn có tư duy rằng giám sát chủ yếu nhằm phát hiện vi phạm thay vì giúp đỡ, chấn chỉnh kịp thời những thiếu sót, khuyết điểm nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý. Tâm lý e ngại, né tránh hoặc chưa thật sự cởi mở trong việc tiếp nhận, phản hồi thông tin từ các cuộc giám sát cũng làm giảm hiệu quả của hoạt động này. Khi giám sát chưa được coi là một công cụ quan trọng để phòng ngừa sai phạm và nâng cao chất lượng quản lý, thì việc triển khai trên thực tế vẫn còn mang tính chiếu lệ, thiếu chiều sâu.

Bên cạnh đó, nhận thức của một số cấp ủy, tổ chức đảng, một bộ phận cán bộ kiểm tra, giám sát về công tác giám sát chuyên đề còn chưa đầy đủ, vẫn còn hạn chế, chưa theo kịp những yêu cầu ngày càng cao trong công tác giám sát, dẫn đến việc lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện nhiệm vụ còn

hình thức, hiệu quả thấp. Điều này thể hiện ở việc một số cán bộ chưa thực sự chủ động, sắc bén trong việc phát hiện vấn đề, chưa có phương pháp giám sát hiệu quả, còn phụ thuộc quá nhiều vào báo cáo của các cơ quan, tổ chức được giám sát thay vì thu thập thông tin một cách đa chiều.

Hai là, tính chủ động trong việc lựa chọn nội dung giám sát còn hạn chế, chưa phản ánh đầy đủ các lĩnh vực trọng yếu, dễ phát sinh tiêu cực.

Đây là một trong những vấn đề đặt ra trong việc lựa chọn nội dung giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH hiện nay là còn thiếu tính chủ động trong việc lựa chọn nội dung giám sát đôi khi còn phụ thuộc nhiều vào các vấn đề đã được dư luận phản ánh mạnh mẽ, hoặc theo chỉ đạo từ cấp trên một cách thụ động, thay vì chủ động nhận diện và dự báo các nguy cơ tiềm ẩn từ sớm, thiếu sự quan sát, nắm tình hình địa bàn dẫn đến bỏ sót lĩnh vực nhạy cảm, một số lĩnh vực được cho là "trọng yếu, dễ phát sinh tiêu cực" như quản lý đất đai, tài chính - ngân sách, các dự án đầu tư công, công tác tổ chức cán bộ...chưa được đưa vào chương trình giám sát chuyên đề một cách thường xuyên, hoặc nếu có thì tính chuyên sâu còn hạn chế; chưa phản ánh đầy đủ nội dung giám sát dẫn đến dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm hoặc chỉ tập trung vào các vấn đề mang tính sự vụ, chưa bao quát được các bức xúc, tồn tại có tính hệ thống, kéo dài ở địa phương, cơ quan, đơn vị.

Việc còn hạn chế trong việc lựa chọn nội dung giám sát chuyên đề nêu trên là do còn thiếu cơ chế nhận diện rủi ro, chưa có cơ chế hiệu quả để định kỳ rà soát, đánh giá, phân tích các lĩnh vực, vị trí công tác dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng nhằm chủ động đưa vào kế hoạch giám sát; áp lực về nguồn lực thực hiện công tác giám sát đòi hỏi đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn sâu, bản lĩnh và kinh nghiệm, thiếu hụt về nhân lực, kinh phí và thời gian có thể dẫn đến việc lựa chọn các nội dung giám sát "an toàn", dễ thực hiện hơn; tính cả nể, né tránh trong việc lựa chọn nội dung giám sát chuyên đề có

thể bị ảnh hưởng bởi yếu tố chủ quan, tâm lý "ngại va chạm", né tránh động chạm đến các vấn đề phức tạp, nhạy cảm hoặc liên quan đến các cá nhân, tổ chức có ảnh hưởng; chưa phát huy hết vai trò của người dân và cơ quan báo chí trong việc tổng hợp, tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của nhân dân, có lúc, có nơi còn hình thức, chưa được khai thác triệt để để xác định nội dung giám sát, dẫn đến việc tổ chức thực hiện các nội dung giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH còn hạn chế, chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn.

Ba là, chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác giám sát chưa đồng đều, còn hạn chế về năng lực chuyên môn.

Đây là, một trong những yếu tố then chốt quyết định chất lượng giám sát chuyên đề là đội ngũ cán bộ kiểm tra. Mặc dù thời gian qua, các tỉnh ở ĐBSH đã có nhiều nỗ lực trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra cấp tỉnh, nhưng thực tế cho thấy chất lượng đội ngũ này vẫn còn những bất cập, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Năng lực, kinh nghiệm của cán bộ làm công tác giám sát chưa đồng đều; việc phối hợp cung cấp thông tin còn khó khăn; còn tâm lý nể nang, ngại va chạm, kỹ năng tổng hợp, đánh giá và kiến nghị sau giám sát chưa đồng đều, bản lĩnh trong đề xuất xử lý tiếp theo (chuyên kiểm tra, xử lý trách nhiệm) còn hạn chế.

Thứ nhất, một số cán bộ kiểm tra còn hạn chế về trình độ chuyên môn, đặc biệt là kỹ năng phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin.

Công tác giám sát chuyên đề đòi hỏi cán bộ kiểm tra phải có kiến thức sâu rộng trên nhiều lĩnh vực như quản lý nhà nước, tài chính - ngân sách, đất đai, đầu tư công, công tác tổ chức cán bộ... Tuy nhiên, không phải cán bộ nào cũng có đủ năng lực để đánh giá chính xác các vấn đề phức tạp trong thực tiễn. Điều này dẫn đến tình trạng một số cuộc giám sát chưa đi vào trọng tâm, chưa phát hiện được các sai sót tiềm ẩn hoặc chưa đề xuất được giải pháp hữu hiệu để khắc phục hạn chế.

Thứ hai, số lượng cán bộ kiểm tra ở một số tỉnh còn mỏng, trong khi khối lượng công việc giám sát ngày càng lớn. Nhiều UBKT cấp ủy cấp tỉnh phải đảm nhận cùng lúc nhiều nhiệm vụ, dẫn đến tình trạng quá tải, ảnh hưởng đến chất lượng giám sát. Khi lực lượng kiểm tra không đủ mạnh, việc triển khai các cuộc giám sát chuyên đề có thể bị chậm trễ, thiếu chiều sâu, hoặc không theo dõi, đôn đốc được kết quả sau giám sát một cách chặt chẽ.

Ngoài ra, công tác luân chuyển, bố trí cán bộ kiểm tra đôi khi chưa thực sự hợp lý, chưa có sự ổn định về nhân sự trong dài hạn, dẫn đến tình trạng một số cán bộ kiểm tra chưa có đủ thời gian để tích lũy kinh nghiệm, nắm bắt sâu sát tình hình thực tế tại địa phương.

Bốn là, phương pháp giám sát chuyên đề còn thiếu tính linh hoạt, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn; cơ chế phối hợp giữa UBKT cấp ủy cấp tỉnh với các cơ quan thanh tra, điều tra chưa đồng bộ; áp lực tâm lý của cán bộ giám sát khi đối tượng giám sát là những cán bộ lãnh đạo chủ chốt, có ảnh hưởng lớn trong hệ thống chính trị địa phương.

Công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH thời gian qua vẫn chủ yếu dựa vào các phương thức truyền thống như kiểm tra hồ sơ, báo cáo từ các cơ quan, đơn vị được giám sát, trong khi việc ứng dụng công nghệ thông tin và các phương pháp hiện đại để thu thập, xử lý thông tin còn chưa được đẩy mạnh. Điều này làm hạn chế khả năng phát hiện những vấn đề tiềm ẩn, khiến một số cuộc giám sát chưa đạt được hiệu quả cao.

Bên cạnh đó, một số cuộc giám sát chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa UBKT cấp ủy cấp tỉnh với các cơ quan chức năng, đôi khi chưa đồng bộ, dẫn đến tình trạng chồng chéo, thiếu sự thống nhất trong thực hiện giám sát, xử lý vi phạm... Bởi lẽ, công tác giám sát chuyên đề của một số địa phương chịu sức ép từ dư luận và sự phức tạp của các mối quan hệ lợi ích trong bộ máy

chính quyền địa phương, có thể gây áp lực, cản trở công tác giám sát, khiến một số kết luận giám sát chưa đạt được tính khách quan cao nhất. Bên cạnh đó, sức ép từ dư luận, mạng xã hội ngày càng lớn đối với công tác kiểm tra, giám sát. Mặc dù giám sát của nhân dân và báo chí là yếu tố tích cực, nhưng trong một số trường hợp, thông tin sai lệch, bóp méo sự thật có thể gây áp lực, ảnh hưởng đến tính khách quan của giám sát chuyên đề, không tạo ra sự thay đổi thực chất trong công tác phối hợp giữa UBKT cấp ủy cấp tỉnh với các cơ quan thanh tra, điều tra khiến một số cuộc giám sát chuyên đề không được thực hiện một cách khách quan, chưa thực sự quyết liệt trong phát hiện và xử lý sai phạm và ảnh hưởng đến chất lượng giám sát chuyên đề. Điều này dẫn đến việc giám sát chưa khai thác hết các nguồn thông tin đa chiều, làm giảm hiệu quả trong phát hiện, đánh giá và xử lý vi phạm. Khi các cơ quan chưa có cơ chế phối hợp tốt, việc giám sát dễ bị chông chéo hoặc bỏ sót những vấn đề quan trọng và ảnh hưởng đến khả năng phát hiện các vi phạm tinh vi, được che đậy kỹ, dẫn đến chất lượng giám sát chuyên đề còn hạn chế. Bên cạnh đó, còn có tâm lý nể nang, né tránh trong công tác giám sát, nhất là khi đối tượng giám sát là những cán bộ lãnh đạo chủ chốt, có ảnh hưởng lớn trong hệ thống chính trị địa phương, khiến một số cuộc giám sát chuyên đề không được thực hiện một cách khách quan, chưa thực sự quyết liệt trong phát hiện và xử lý sai phạm và ảnh hưởng đến chất lượng giám sát chuyên đề.

Ngoài ra, một số cuộc giám sát chưa thực sự được thực hiện đến nơi đến chốn, còn nặng về đánh giá chung chung, chưa tập trung làm rõ trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm tổ chức đối với những thiếu sót, khuyết điểm, một số nơi còn nhầm lẫn về phương pháp khi thực hiện hai nhiệm vụ kiểm tra và giám sát. Điều này dẫn đến tình trạng các kết luận giám sát đôi khi chưa đủ mạnh, chưa có tính răn đe cao, khiến một số vi phạm, hạn chế không được khắc phục triệt để.

Năm là, cơ chế hậu giám sát của một số UBKT cấp ủy cấp tỉnh chưa thực sự hiệu quả.

Một trong những nguyên nhân quan trọng khác dẫn đến hạn chế trong chất lượng giám sát chuyên đề là cơ chế theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận giám sát chưa thực sự hiệu quả. Hiện nay, sau khi kết luận giám sát được ban hành, việc thực hiện các kiến nghị, yêu cầu khắc phục sai sót chưa được giám sát chặt chẽ, dẫn đến tình trạng một số địa phương, đơn vị thực hiện mang tính hình thức, thậm chí chậm trễ hoặc không thực hiện đầy đủ.

Việc xử lý trách nhiệm đối với những tổ chức, cá nhân không thực hiện nghiêm túc kết luận giám sát còn chưa quyết liệt. Một số sai phạm dù đã được chỉ ra nhưng chưa có biện pháp xử lý nghiêm minh, dẫn đến tình trạng thiếu tính răn đe, thậm chí có trường hợp tái diễn sai phạm. Điều này không chỉ làm giảm hiệu quả của công tác giám sát mà còn ảnh hưởng đến niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự nghiêm minh của tổ chức đảng.

Bên cạnh đó, việc công khai kết quả giám sát cũng chưa được thực hiện một cách đồng bộ, minh bạch ở tất cả các địa phương, dẫn đến việc người dân, cán bộ, đảng viên chưa thực sự có điều kiện để theo dõi, giám sát quá trình thực hiện các kiến nghị sau giám sát.

3.2.2. Những vấn đề đặt ra đối với công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

Một là, những bất cập trong cơ chế giám sát và yêu cầu hoàn thiện hệ thống quy định

Một trong những vấn đề đặt ra đối với chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH trong thời gian qua là những bất cập trong cơ chế giám sát, đòi hỏi phải hoàn thiện hệ thống quy định, hướng dẫn. Mặc dù Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quan trọng liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, nhưng một số quy định còn chưa cụ thể, chưa bao quát được toàn bộ các lĩnh vực, đặc biệt là những lĩnh vực có

tính phức tạp như đất đai, tài chính công, đấu thầu, quản lý đầu tư công. Sự thiếu đồng bộ trong hệ thống văn bản hướng dẫn khiến UBKT cấp ủy cấp tỉnh gặp khó khăn trong quá trình triển khai giám sát chuyên đề, nhất là khi phải xử lý các vụ việc có tính chất phức tạp, liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức; chưa có sự hướng dẫn của cấp trên về quy trình thực hiện công tác giám sát chuyên đề cho phù hợp, thống nhất với từng loại hình tổ chức đảng, làm cho việc vận dụng thực hiện của cấp dưới đôi lúc còn khó khăn, lúng túng, nhất là cấp cơ sở và khối doanh nghiệp, hành chính sự nghiệp. Bên cạnh đó, một số quy định về giám sát còn mang tính chung chung, chưa quy định rõ về phương thức giám sát, quyền hạn của UBKT cấp ủy cấp tỉnh trong từng nội dung cụ thể, dẫn đến tình trạng triển khai không thống nhất giữa các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng. Nếu không có sự bổ sung, điều chỉnh kịp thời, hệ thống quy định hiện tại sẽ tiếp tục tạo ra những khoảng trống, làm giảm hiệu lực, hiệu quả của công tác giám sát chuyên đề trong thời gian tới.

Ngoài ra, cơ chế giám sát hiện nay vẫn còn những hạn chế trong việc kết nối thông tin giữa các cấp ủy, UBKT cấp ủy cấp tỉnh với các cơ quan chức năng như thanh tra, kiểm toán, cơ quan điều tra... Mặc dù có quy định về sự phối hợp, nhưng trên thực tế, sự liên kết giữa các cơ quan này chưa chặt chẽ, dẫn đến tình trạng chồng chéo trong một số nội dung giám sát hoặc bỏ sót các vụ việc quan trọng. Một số lĩnh vực có nguy cơ cao về sai phạm như quản lý tài sản công, thực hiện các dự án đầu tư từ ngân sách nhà nước, điều hành doanh nghiệp nhà nước ở cấp tỉnh vẫn chưa được giám sát thường xuyên, hoặc chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền để phát hiện sai phạm kịp thời. Do đó, để nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề, cần có sự hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành, xây dựng hệ thống văn bản pháp lý rõ ràng hơn, giúp UBKT cấp ủy cấp tỉnh có đủ thẩm quyền và công cụ cần thiết để thực hiện nhiệm vụ giám sát một cách hiệu quả, thực chất hơn.

Hai là, việc thu thập, xử lý thông tin do phạm vi giám sát rộng, phức tạp và sự né tránh, thiếu hợp tác từ một số cá nhân, tổ chức.

Đây là một trong những vấn đề ảnh hưởng tới chất lượng công tác giám sát chuyên đề... Việc thu thập, xử lý thông tin do phạm vi giám sát rộng, phức tạp là một trong những rào cản lớn nhất, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH hiện nay. Do phạm vi giám sát rộng và tính phức tạp của thông tin thường bao trùm nhiều lĩnh vực KT - XH, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền... Mỗi lĩnh vực lại đòi hỏi kiến thức chuyên môn sâu, trong khi đội ngũ cán bộ giám sát có thể không phải là chuyên gia trong tất cả các lĩnh vực đó; khối lượng thông tin rất nhiều, phạm vi rộng dẫn đến khối lượng dữ liệu cần thu thập, xử lý rất lớn (văn bản pháp quy, báo cáo, số liệu thống kê, hồ sơ dự án...). Việc sàng lọc, xác minh tính chính xác của thông tin tốn nhiều thời gian và công sức; dữ liệu có thể được lưu trữ ở nhiều nơi khác nhau, với các định dạng khác nhau, hoặc thiếu sự chuẩn hóa. Điều này gây khó khăn trong việc tổng hợp và phân tích để đưa ra cái nhìn toàn diện, khách quan. Bên cạnh đó việc né tránh, thiếu hợp tác từ cá nhân, tổ chức là một trong những thách thức lớn nhất và nhạy cảm nhất, tâm lý "ngại va chạm", "giữ an toàn" dẫn đến nhiều cá nhân, tổ chức có tâm lý e ngại, không muốn cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực vì sợ trách nhiệm, sợ ảnh hưởng đến uy tín, lợi ích của tập thể hoặc cá nhân mình. Thay vì hợp tác tích cực, một số đơn vị có thể cung cấp thông tin nhỏ giọt, mang tính đối phó, báo cáo thành tích hoặc thậm chí là làm sai lệch số liệu, che giấu khuyết điểm, vi phạm. Thiếu cơ chế ràng buộc trách nhiệm, mặc dù có các quy định pháp luật về trách nhiệm cung cấp thông tin, nhưng chế tài xử lý đối với các hành vi né tránh, cản trở, không hợp tác còn chưa đủ mạnh hoặc chưa được áp dụng

ngghiêm túc, kịp thời. Cơ chế bảo vệ người tố giác, cung cấp thông tin còn hình thức dẫn đến nhiều cá nhân và tổ chức còn lo ngại bị trù dập, trả thù là rào cản lớn khiến người dân và cán bộ cấp dưới không dám mạnh dạn cung cấp thông tin, tài liệu quan trọng.

Việc thu thập, xử lý thông tin thiếu chính xác, không đầy đủ, không trung thực sẽ dẫn đến những nhận định, đánh giá sai lệch về tình hình, làm giảm đi giá trị của báo cáo giám sát; bỏ sót sai phạm ngay từ ban đầu, không được phát hiện kịp thời, không đưa ra được các kiến nghị xác đáng có thể dẫn đến gây hậu quả nghiêm trọng, làm giảm sút uy tín của cấp ủy và UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH, niềm tin của Nhân dân vào hoạt động của cơ quan giám sát sẽ bị ảnh hưởng.

Ba là, năng lực, kinh nghiệm, phẩm chất của cán bộ kiểm tra, giám sát còn bất cập với yêu cầu nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác giám sát.

Bên cạnh những bất cập về cơ chế, chính sách, một vấn đề đáng quan tâm trong chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH là năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ kiểm tra. Dù thời gian qua đã có nhiều chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra, nhưng thực tế vẫn còn tồn tại tình trạng năng lực của một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu. Một số cán bộ kiểm tra còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn, chưa được đào tạo bài bản về các kỹ năng giám sát chuyên đề, nhất là trong các lĩnh vực phức tạp như tài chính, đầu tư công, quản lý đất đai. Điều này dẫn đến việc thực hiện giám sát chưa thực sự hiệu quả, có khi chỉ mang tính hình thức, chưa thể phát hiện những vi phạm tinh vi trong quá trình điều hành, quản lý của các cấp ủy, chính quyền địa phương. Nếu cán bộ kiểm tra không có đủ trình độ, kỹ năng, thì công tác giám sát chuyên đề khó có thể đạt chất lượng cao, khó tạo ra những thay đổi tích cực trong việc nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong Đảng.

Ngoài năng lực chuyên môn, vấn đề về phẩm chất chính trị, đạo đức của cán bộ kiểm tra cũng đặt ra yêu cầu bức thiết. Do công tác giám sát chuyên đề thường liên quan đến các vụ việc có tính chất nhạy cảm, nên cán bộ kiểm tra phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, không bị tác động bởi lợi ích nhóm, không chịu sức ép từ những cá nhân có ảnh hưởng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, vẫn còn những trường hợp cán bộ kiểm tra thiếu quyết liệt, ngại va chạm, thậm chí có biểu hiện bao che, nể nang, làm ảnh hưởng đến tính nghiêm minh của công tác giám sát. Một số cán bộ chưa thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương, thiếu sự công tâm trong khi thực hiện nhiệm vụ, dẫn đến việc giám sát không thực sự khách quan. Vì vậy, để nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề, UBKT cấp ủy cấp tỉnh cần chú trọng hơn đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, không chỉ về chuyên môn mà còn về đạo đức nghề nghiệp, bản lĩnh chính trị, nhằm bảo đảm đội ngũ kiểm tra đủ phẩm chất và năng lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Bốn là, vấn đề xử lý, kết luận sau giám sát chưa triệt để, chưa tạo sức răn đe mạnh mẽ đối với các vi phạm, ảnh hưởng đến tính hiệu quả trong thực thi kết luận giám sát và yêu cầu tăng cường trách nhiệm thực hiện kiến nghị giám sát.

Một vấn đề lớn khác trong công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH là tính hiệu quả trong thực thi kết luận giám sát. Trong nhiều trường hợp, mặc dù UBKT đã phát hiện sai phạm, kiến nghị xử lý, nhưng quá trình thực hiện các kết luận giám sát còn chậm, thiếu quyết liệt. Một số trường hợp các đơn vị bị giám sát không thực hiện nghiêm túc các khuyến nghị của UBKT, khiến sai phạm tiếp diễn hoặc không được xử lý dứt điểm. Nguyên nhân của tình trạng này là do cơ chế giám sát sau kết luận chưa thực sự hiệu quả, chưa có biện pháp chế tài mạnh mẽ đối với các trường hợp không thực hiện kiến nghị giám sát. Nếu kết luận giám sát không được thực

hiện đầy đủ, sẽ tạo ra tâm lý xem nhẹ công tác giám sát, làm giảm hiệu lực, hiệu quả của hoạt động kiểm tra, giám sát trong Đảng.

Ngoài ra, có những trường hợp UBKT cấp ủy cấp tỉnh phát hiện sai phạm nhưng không thể xử lý triệt để do thẩm quyền có hạn, phải chờ chỉ đạo từ cấp trên; thời gian giám sát chuyên đề theo quy định còn ngắn, do đó việc phát hiện những vi phạm, khuyết điểm để chuyển kiểm tra dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên còn gặp khó khăn. Điều này khiến một số vụ việc kéo dài, làm giảm hiệu quả giám sát. Hơn nữa, do chưa có cơ chế theo dõi, đánh giá cụ thể về việc thực hiện kết luận giám sát, nên chưa tạo được áp lực đủ mạnh để các tổ chức, cá nhân có vi phạm phải khắc phục kịp thời. Nếu tình trạng này không được khắc phục, công tác giám sát chuyên đề sẽ chỉ dừng lại ở mức độ hình thức, không thực sự góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Như vậy, cơ chế giám sát phải cụ thể, rõ ràng trong việc phối kết hợp giữa giám sát trong Đảng với giám sát của các tổ chức thuộc Nhà nước, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân nên chưa tạo ra được sự đồng bộ cũng như cơ sở, điều kiện kiện để thực hiện hiệu quả công tác giám sát của Đảng. Do vậy, để giải quyết vấn đề này, cần có cơ chế giám sát chặt chẽ việc thực hiện kết luận giám sát, tăng cường trách nhiệm của cấp ủy trong việc chỉ đạo thực hiện các kiến nghị của UBKT. Đồng thời, cần có chế tài đủ mạnh để bảo đảm rằng mọi kết luận giám sát đều được thực hiện nghiêm túc, không để xảy ra tình trạng “giám sát xong để đó” như đã từng tồn tại trong một số trường hợp.

Nhìn chung, chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH trong thời gian qua còn gặp nhiều vấn đề cần giải quyết. Những bất cập trong hệ thống quy định, sự hạn chế về năng lực cán bộ kiểm tra, tính hiệu quả chưa cao trong thực thi kết luận giám sát đều là những trở

ngại lớn ảnh hưởng đến hiệu quả giám sát. Để nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề, UBKT cấp tỉnh cần có những giải pháp đồng bộ như hoàn thiện cơ chế, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ kiểm tra, tăng cường trách nhiệm thực hiện kiến nghị giám sát. Khi những vấn đề này được giải quyết, công tác giám sát mới thực sự phát huy vai trò quan trọng trong việc bảo vệ kỷ luật Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển ở ĐBSH trong giai đoạn hiện nay.

Năm là, khó khăn trong việc phối hợp giữa UBKT cấp ủy cấp tỉnh với các cơ quan, đơn vị trong quá trình giám sát chuyên đề

Việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình giám sát chuyên đề còn chưa chặt chẽ, gây khó khăn trong việc tổng hợp, đánh giá kết quả là một trong những điểm nghẽn, nút thắt lớn trong hoạt động công tác giám sát hiện nay. Tình trạng này dẫn đến nhiều hệ lụy, làm giảm hiệu quả chung của công tác giám sát chuyên đề; nhiều bộ hùu quan phối hợp chưa chặt chẽ, còn chồng chéo về nội dung, phạm vi và đối tượng, nhiều cuộc giám sát được thực hiện tại cùng một đơn vị, trong cùng một thời điểm hoặc trong thời gian ngắn liên tiếp, gây quá tải, xáo trộn hoạt động bình thường của đối tượng được giám sát; thông tin về nội dung công tác giám sát chuyên đề còn hạn chế, thiếu sự chia sẻ, thường hoạt động độc lập, khép kín dẫn đến nội dung đề xuất, kiến nghị kết quả giám sát chuyên đề chưa đầy đủ, kịp thời cho cơ quan khác để tham khảo hoặc phục vụ cho hoạt động giám sát tiếp theo.

Khó khăn của việc phối hợp nêu trên là do thiếu sự phối hợp, các cơ quan có thể sử dụng các nguồn thông tin, số liệu khác nhau hoặc đánh giá khác nhau về cùng một vấn đề, dẫn đến sự thiếu thống nhất trong nhận định, gây khó khăn cho việc tổng hợp chung. Việc theo dõi, đôn đốc thực hiện các kiến nghị sau giám sát không tập trung về một đầu mối, dẫn đến tình trạng

kiến nghị bị "treo", không được giải quyết dứt điểm. Thiếu cơ chế phối hợp mang tính ràng buộc, mặc dù có các quy chế phối hợp nhưng thường mang tính nguyên tắc, chung chung, thiếu các quy định cụ thể về trách nhiệm, quyền hạn, quy trình chia sẻ thông tin. Có sự khác biệt về chức năng, nhiệm vụ và phương pháp giám sát chuyên đề, mỗi cơ quan có chức năng, nhiệm vụ và phương pháp làm việc riêng (giám sát của cơ quan dân cử khác với thanh tra của cơ quan hành pháp, kiểm toán độc lập...). Sự khác biệt này tạo ra rào cản trong việc thống nhất hành động. Có tâm lý cục bộ, "giữ miếng" của một số đơn vị, cá nhân thành viên đoàn giám sát, có tâm lý muốn bảo vệ "thành tích" của mình, ngại chia sẻ thông tin vì sợ ảnh hưởng đến uy tín hoặc sợ bị đơn vị khác "dùng" kết quả của mình. Hoặc áp lực về chỉ tiêu, kế hoạch, mỗi cơ quan đều có kế hoạch, chỉ tiêu riêng phải hoàn thành, dẫn đến việc ưu tiên thực hiện nhiệm vụ của mình hơn là phối hợp với đơn vị khác và không phải là đơn vị và cá nhân chủ trì. Hệ thống công nghệ thông tin còn hạn chế, thiếu sự kết nối, thiếu một nền tảng công nghệ chung để các cơ quan có thể dễ dàng chia sẻ, truy xuất dữ liệu, thông tin một cách hiệu quả.

Tiểu kết Chương 3

Thời gian qua, công tác giám sát chuyên đề đã được các cấp ủy cấp tỉnh, UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH quan tâm, đẩy mạnh thực hiện, nhờ đó chất lượng nâng cao nhiều mặt, như: các chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề và việc tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng cơ bản thực hiện tốt; quan hệ phối hợp giữa UBKT cấp ủy cấp tỉnh với các cơ quan tham mưu giúp việc cấp ủy; các tổ chức, cơ quan có liên quan của cấp tỉnh khi tham gia giám sát chuyên đề ngày càng chặt chẽ, đi vào chiều sâu; kết quả thực hiện công tác giám sát chuyên đề được đánh giá tương đối cao và ổn định; sự đồng tình của đối tượng giám sát đối với văn bản báo cáo kết quả giám sát và sự tín nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, Nhân dân đối với UBKT cấp ủy cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ giám sát chuyên đề được nâng cao.

Tuy nhiên, so với yêu cầu, chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH vẫn còn những hạn chế, bất cập, như: việc xác định nội dung chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề và việc tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở một số tỉnh ĐBSH có lúc chưa thật sự chủ động và chất lượng; quan hệ phối hợp giữa UBKT cấp ủy cấp tỉnh với các cơ quan tham mưu giúp việc cấp ủy; các tổ chức, cơ quan có liên quan cấp tỉnh khi tham gia giám sát chuyên đề còn có mặt hạn chế, có khi còn dừng ở mức độ cầm chừng hoặc hình thức; kết quả thực hiện công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH có nơi còn thấp; sự đồng tình của đối tượng giám sát đối với văn bản báo cáo kết quả giám sát và sự tín nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, Nhân dân đối với UBKT cấp ủy cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ giám sát chuyên đề có nơi còn thấp. Những hạn chế nêu trên đặt ra nhiều vấn đề cần quan tâm giải quyết trong thời gian tới.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CẤP ỦY CẤP TỈNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG TRONG THỜI GIAN TỚI

4.1. Dự báo những yếu tố tác động và phương hướng nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng thời gian tới

4.1.1. Dự báo những yếu tố tác động tới chất lượng công tác giám sát chuyên đề của Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng trong thời gian tới

4.1.1.1. Những yếu tố thuận lợi

Trong thời gian tới, công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH sẽ có nhiều thuận lợi quan trọng góp phần nâng cao chất lượng giám sát, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của tổ chức Đảng và chính quyền địa phương.

Một là, sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Trung ương và các cấp ủy đối với công tác kiểm tra, giám sát. Sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Trung ương tạo ra điểm tựa chính trị vững chắc, giúp UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH định hình rõ thẩm quyền. Đây là yếu tố then chốt tạo đà và tháo gỡ khó khăn, giúp chủ động phát hiện sớm vi phạm và nâng cao chất lượng các chuyên đề giám sát. Đồng thời định hướng chiến lược và hành lang pháp lý tại các nghị quyết, kết luận của Trung ương giúp UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH khắc phục tư tưởng nể nang, né tránh, từ đó mạnh dạn đưa ra các kết luận giám sát mang tính phòng ngừa (dự báo) hiệu quả. Bên cạnh đó, sự vào cuộc đồng bộ từ Trung ương sẽ giúp UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH định hướng và kết hợp chặt chẽ giữa giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán, điều tra của Nhà nước, tạo nguồn

thông tin chính xác và chiều sâu cho các đoàn giám sát chuyên đề; qua đó, đổi mới tư duy kiểm tra, giám sát từ "chờ vi phạm mới xử lý" sang "giám sát mở rộng" giúp UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH dự báo, ngăn chặn từ sớm các dấu hiệu suy thoái, vi phạm quy định của Đảng ngay tại cơ sở.

Hai là, hệ thống chính sách, văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát ngày càng được hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý vững chắc, rõ ràng cho công tác giám sát chuyên đề, giúp UBKT cấp ủy cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ giám sát chuyên đề đúng quy trình, tránh bị chi phối bởi những tác động tiêu cực. Bên cạnh đó, xu hướng đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và xây dựng chính quyền số sẽ hỗ trợ tích cực cho công tác giám sát chuyên đề. Khi chính quyền địa phương hoạt động minh bạch, ứng dụng công nghệ vào quản lý, công tác giám sát sẽ dễ dàng tiếp cận thông tin, phát hiện sai phạm kịp thời hơn.

Ba là, sự phát triển của công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn giúp UBKT cấp ủy cấp tỉnh có thêm công cụ hiện đại để phân tích dữ liệu, giám sát hoạt động của các tổ chức Đảng và chính quyền một cách khoa học, khách quan. Công tác giám sát chuyên đề cũng sẽ được hỗ trợ đáng kể nhờ việc tăng cường giám sát từ xa thông qua các hệ thống báo cáo điện tử, phần mềm phân tích dữ liệu, giúp nâng cao hiệu quả và tiết kiệm nguồn lực. Ngoài ra, sự quan tâm ngày càng cao của nhân dân, báo chí và dư luận đối với công tác kiểm tra, giám sát sẽ tạo thêm động lực để UBKT cấp tỉnh thực hiện giám sát chuyên đề một cách nghiêm túc, hiệu quả. Khi người dân có ý thức cao hơn trong việc giám sát hoạt động của chính quyền, các sai phạm sẽ được phát hiện sớm, góp phần giảm tiêu cực, nâng cao tính minh bạch trong quản lý địa phương.

Bốn là, sự phối hợp ngày càng chặt chẽ giữa UBKT cấp ủy cấp tỉnh với các cơ quan như thanh tra, kiểm toán Nhà nước, công an, viện kiểm sát, tòa án, giúp tăng cường hiệu quả giám sát, xử lý sai phạm kịp thời hơn.

Ngoài ra, công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát được chú trọng hơn, giúp nâng cao năng lực chuyên môn, tăng cường tính chuyên nghiệp trong triển khai giám sát chuyên đề. UBKT cấp ủy cấp tỉnh cũng có lợi thế khi các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, tỉnh đều nhấn mạnh vai trò quan trọng của công tác giám sát chuyên đề, từ đó tạo cơ sở để tăng cường hoạt động giám sát đối với các lĩnh vực trọng yếu như công tác cán bộ, quản lý đất đai, tài chính công...

Năm là, việc hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng giúp công tác giám sát có thể học hỏi những mô hình, kinh nghiệm giám sát hiện đại từ các nước phát triển, áp dụng vào thực tế địa phương.

Sáu là, sự quyết tâm của Đảng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao kỷ luật, kỷ cương sẽ tạo điều kiện thuận lợi để UBKT cấp ủy cấp tỉnh thực hiện giám sát chuyên đề mạnh mẽ hơn, không để xảy ra tình trạng nể nang, né tránh trong xử lý sai phạm. Nhất là việc vận hành tổ chức đảng và cả hệ thống chính trị theo mô hình tổ chức mới và chính quyền địa phương hai cấp; việc sáp nhập, mở rộng địa giới, quy mô cấp tỉnh, cấp xã có xu hướng đẩy mạnh đổi mới sự phát triển các đơn vị hành chính ở cấp tỉnh, cấp xã ở ĐBSH; việc thực hiện các quyết sách chiến lược của Bộ Chính trị, các đột phá chiến lược do Đại hội XIV của Đảng đề ra; thực hiện chủ trương “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”; chuyển mạnh từ nhận thức sang hành động; quan điểm lấy phòng ngừa, khắc phục sớm các lệch lạc là chính.

4.1.1.2. Những yếu tố khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi, công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức có thể ảnh hưởng đến chất lượng giám sát trong thời gian tới.

Một là, tính phức tạp, đa dạng của các vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển KT - XH, nhất là trong bối cảnh đô thị hóa nhanh chóng của Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh.... ; phạm vi, lĩnh vực giám sát rộng, phức tạp, đòi hỏi sự am hiểu sâu sắc và kinh nghiệm thực tiễn khi bản thân các lĩnh vực như quản lý đất đai, quy hoạch đô thị, đầu tư công, tài chính ngân sách ngày càng trở nên phức tạp, công tác giám sát chuyên đề cũng đòi hỏi phải có trình độ chuyên môn cao hơn, phương pháp giám sát hiện đại hơn.

Hai là, tình trạng thiếu hụt đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực giám sát, kiểm tra.

Hiện nay, nhiều cán bộ UBKT cấp ủy cấp tỉnh vẫn chưa được đào tạo bài bản về các kỹ năng giám sát chuyên đề hiện đại, đặc biệt là khả năng phân tích dữ liệu trên nền tảng số, kiểm tra tài chính công, phát hiện sai phạm trong quản lý đất đai, đầu tư công. Bên cạnh đó, một số UBKT cấp ủy cấp tỉnh vẫn gặp khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giám sát, khiến việc triển khai giám sát chuyên đề còn nhiều hạn chế, chưa thực sự phát huy hiệu quả tối đa. Ngoài ra, tâm lý nể nang, né tránh trong công tác giám sát vẫn tồn tại ở một số địa phương, đặc biệt khi đối tượng giám sát là những cán bộ lãnh đạo chủ chốt, có ảnh hưởng lớn trong hệ thống chính trị địa phương. Điều này khiến một số cuộc giám sát chuyên đề không được thực hiện một cách khách quan, chưa thực sự quyết liệt trong phát hiện và xử lý sai phạm.

Ba là, sự phức tạp của các mối quan hệ lợi ích trong bộ máy chính quyền địa phương, có thể gây áp lực, cản trở công tác giám sát, khiến một số kết luận giám sát chưa đạt được tính khách quan cao nhất. Việc phối hợp giữa UBKT cấp ủy cấp tỉnh với các cơ quan chức năng đôi khi chưa đồng bộ, dẫn đến tình trạng chồng chéo, thiếu sự thống nhất trong thực hiện giám sát, xử lý vi phạm. Thiếu hụt cơ chế cho phép UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH có thể huy động các chuyên gia, nhân lực chất lượng chuyên môn cao của từng

ngành, từng lĩnh vực cần thiết cho đoàn giám sát chuyên đề khi cần. Thêm vào đó, tình trạng biến tướng trong các hình thức vi phạm, nhất là các sai phạm trong lĩnh vực tài chính công, quản lý đất đai ngày càng tinh vi, phức tạp, gây khó khăn trong quá trình thu thập bằng chứng, xử lý sai phạm.

Bốn là, sức ép từ dư luận, mạng xã hội ngày càng lớn đối với công tác kiểm tra, giám sát. Mặc dù giám sát của nhân dân và báo chí là yếu tố tích cực, nhưng trong một số trường hợp, thông tin sai lệch, bóp méo sự thật có thể gây áp lực, ảnh hưởng đến tính khách quan của giám sát chuyên đề. Ngoài ra, công tác xử lý sau giám sát vẫn còn nhiều bất cập, một số kết luận giám sát chưa được thực hiện triệt để, dẫn đến tình trạng “giám sát xong để đó”, không tạo ra sự thay đổi thực chất trong bộ máy quản lý địa phương.

Năm là, một số cấp ủy cấp tỉnh chưa thực sự coi trọng công tác giám sát chuyên đề, chưa xem đây là một công cụ quan trọng để nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý địa phương. Bên cạnh đó, sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế số, các giao dịch tài chính ẩn danh, sự xuất hiện của các hình thức vi phạm mới trên không gian mạng cũng đặt ra thách thức lớn đối với công tác giám sát chuyên đề.

Sáu là, áp lực từ quá trình hội nhập quốc tế, sự xuất hiện của các chuẩn mực mới về quản trị công và sự tác động của việc sáp nhập, mở rộng địa giới, thay đổi mô hình chính quyền địa phương từ 3 cấp thành 2 cấp với quy mô cấp tỉnh, cấp xã (bỏ cấp huyện) có xu hướng đẩy mạnh đổi mới sự phát triển các đơn vị hành chính ở cấp tỉnh, cấp xã ở ĐBSH, nhiều vi phạm mới sẽ xuất hiện ngày càng tinh vi, khó dự đoán, sẽ yêu cầu UBKT cấp ủy cấp tỉnh phải đổi mới mạnh mẽ phương pháp giám sát, nếu không sẽ bị tụt hậu, không theo kịp yêu cầu thực tiễn. Những khó khăn này đòi hỏi UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH phải có những giải pháp đột phá để nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề trong thời gian tới.

4.1.2. Phương hướng nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng thời gian tới

4.1.2.1. Phương hướng chung

Hiện nay, bối cảnh thế giới có nhiều thay đổi mang tính thời đại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, tạo ra nhiều cơ hội, thuận lợi và khó khăn, thách thức lớn đan xen, khoa học công nghệ ngày càng phát triển mạnh mẽ, đột phá chưa từng có và yêu cầu công tác xây dựng Đảng ngày càng cao, chất lượng công tác giám sát và giám sát chuyên đề cần được phải nâng lên theo hướng hiệu quả, toàn diện, thiết thực, khoa học và hiện đại. Phương hướng chung đặt ra là: Tăng cường nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát và giám sát chuyên đề, tập trung giám sát các tổ chức đảng, đảng viên trong việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao gắn với kiểm soát quyền lực, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Trong đó chú trọng công tác tự kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng, kịp thời phát hiện từ nội bộ để chấn chỉnh ngay từ ban đầu, những vi phạm ngay từ khi mới phát sinh, nhằm giữ vững kỷ luật, kỷ cương, góp phần xây dựng chính đồn Đảng và hệ thống chính trị cấp tỉnh ở ĐBSH ngày càng trong sạch, vững mạnh và nâng cao năng lực lãnh đạo, sự đoàn kết, thống nhất trong hệ thống chính trị của các tỉnh ở ĐBSH.

4.1.2.2. Phương hướng cụ thể

Giám sát chuyên đề là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của UBKT cấp ủy cấp tỉnh nhằm bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát hiện sớm dấu hiệu vi phạm và góp phần xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh. Trong bối cảnh tình hình chính trị, KT-XH của các tỉnh ở ĐBSH đang có những chuyển biến nhanh chóng, yêu cầu về chất lượng giám sát ngày càng

cao, đòi hỏi UBKT cấp ủy cấp tỉnh cần có những phương hướng cụ thể để nâng cao hiệu quả công tác này.

Một là, cần đổi mới phương pháp và nội dung xây dựng Chương trình và kế hoạch giám sát chuyên đề theo hướng chủ động, có trọng tâm, trọng điểm, trên cơ sở dự báo nhu cầu và xu hướng phát triển đến năm 2030, tầm nhìn 2035. Việc xây dựng nội dung giám sát và tổ chức giám sát không thể dàn trải, hình thức mà phải tập trung vào những vấn đề nổi cộm, có tác động lớn đến đời sống chính trị, kinh tế, xã hội tại địa phương. Cần xây dựng kế hoạch giám sát chuyên đề trên cơ sở bám sát các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tiễn. Chẳng hạn, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đảng về phát triển đô thị, bảo vệ môi trường, cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí. Các chuyên đề cần được lựa chọn trên cơ sở đánh giá những lĩnh vực có nguy cơ sai phạm cao, nhất là trong quản lý đất đai, tài chính công, tuyển dụng cán bộ, thực hiện chính sách an sinh xã hội.

Hai là, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác giám sát là yếu tố then chốt quyết định hiệu quả hoạt động giám sát chuyên đề. UBKT cấp ủy cấp tỉnh cần quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, trang bị kiến thức pháp luật, kỹ năng kiểm tra, giám sát cho đội ngũ cán bộ, nhất là trong bối cảnh các hành vi vi phạm ngày càng tinh vi, phức tạp. Cần tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo chuyên đề, mời các chuyên gia có kinh nghiệm hướng dẫn kỹ năng phát hiện dấu hiệu vi phạm, kỹ năng thu thập, phân tích chứng cứ, cũng như phương pháp làm việc khoa học, chặt chẽ. Đồng thời, cần nâng cao phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, tinh thần trách nhiệm của cán bộ kiểm tra, bảo đảm tính công tâm, khách quan, không bị chi phối bởi các tác động tiêu cực.

Ba là, công tác giám sát chuyên đề cần phải được thực hiện đồng bộ, hiệu quả, chặt chẽ ngay từ khâu thu thập thông tin, đánh giá thực trạng đến

kết luận, kiến nghị và giám sát việc thực hiện kết luận sau giám sát. Tăng cường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức có liên quan, đặc biệt là các ban xây dựng Đảng, HĐND, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan báo chí để có nguồn thông tin đa chiều, khách quan. Cần có cơ chế bảo đảm thực hiện nghiêm túc các kết luận, kiến nghị sau giám sát. Một trong những hạn chế lâu nay là sau khi giám sát, các kiến nghị chưa được thực hiện đầy đủ hoặc bị kéo dài, làm giảm hiệu quả của công tác giám sát. Vì vậy, UBKT cấp ủy cấp tỉnh cần có cơ chế theo dõi, đôn đốc thực hiện, báo cáo định kỳ về kết quả khắc phục vi phạm, xử lý sai phạm. Trong trường hợp cần thiết, có thể tăng cường hình thức giám sát tái kiểm tra để bảo đảm các vi phạm được xử lý triệt để, không tái diễn.

Bốn là, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát cũng cần được chú trọng, nhằm tăng cường khả năng thu thập, xử lý thông tin nhanh chóng, chính xác, nâng cao hiệu suất làm việc của đội ngũ cán bộ kiểm tra, tích hợp lý luận, thực tiễn, kỹ năng nghiệp vụ và kỹ năng mềm.

Năm là, phát huy vai trò giám sát của nhân dân, tạo cơ chế để nhân dân tham gia vào công tác giám sát của Đảng. UBKT cấp ủy cấp tỉnh cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về vai trò, chức năng của giám sát chuyên đề, đồng thời khuyến khích người dân, cán bộ, đảng viên phản ánh các vấn đề tiêu cực, vi phạm tại địa phương. Có thể thiết lập các kênh tiếp nhận thông tin như đường dây nóng, hộp thư điện tử, ứng dụng phản ánh trên nền tảng số để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân cung cấp thông tin. Việc bảo đảm tính minh bạch, công khai trong quá trình giám sát cũng là cách để tạo sự đồng thuận, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

Như vậy, để nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH trong thời gian tới, cần tập trung vào các giải pháp: đổi mới phương pháp giám sát theo hướng có trọng tâm, trọng điểm;

nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác giám sát; tăng cường phối hợp liên ngành, ứng dụng công nghệ thông tin; bảo đảm thực hiện nghiêm túc các kết luận, kiến nghị sau giám sát; và phát huy vai trò giám sát của nhân dân. Khi thực hiện đồng bộ các giải pháp này, công tác giám sát chuyên đề sẽ trở thành công cụ hữu hiệu giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của Đảng, góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, thúc đẩy sự phát triển bền vững của các tỉnh ở ĐBSH.

4.2. Giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông hồng trong thời gian tới

4.2.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu về nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

Tiếp tục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác giám sát chuyên đề ngay từ cấp cơ sở. Tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, quán triệt, hướng dẫn và phổ biến các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng, đặc biệt là công tác giám sát chuyên đề gắn với kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Công khai kết quả giám sát chuyên đề nhằm góp phần đấu tranh, ngăn chặn, giáo dục, răn đe, đẩy lùi các hành vi có nguy cơ vi phạm ngay từ sớm, từ xa, từ khi mới manh nha bắt đầu của các tổ chức đảng và đảng viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Công tác giám sát chuyên đề của Đảng phải được chủ động, tiến hành một cách thường xuyên, toàn diện, khách quan, công khai, dân chủ, thận trọng và chặt chẽ; coi trọng phòng ngừa, lấy xây là chính; kịp thời phát hiện, nhắc nhở, chấn chỉnh, ngăn chặn hành vi vi phạm chủ trương, đường lối, quy

định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Một trong những giải pháp quan trọng nhất nhằm nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH trong thời gian tới chính là tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa về nhận thức và trách nhiệm, quyết tâm chính trị của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; nâng cao nhận thức, trách nhiệm, quyết tâm hành động của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là ở cơ sở. Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng phải xác định trách nhiệm của mình, trực tiếp, thường xuyên lãnh đạo và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát. Việc nhận thức đúng đắn về vai trò, ý nghĩa của công tác giám sát chuyên đề không chỉ giúp nâng cao chất lượng hoạt động giám sát mà còn đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp ủy, UBKT với các tổ chức, cơ quan liên quan trong hệ thống chính trị.

Thực tế cho thấy, ở một số địa phương, vẫn còn tình trạng xem nhẹ công tác giám sát chuyên đề, coi đây chỉ là hoạt động mang tính hình thức; có nơi việc xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề còn hình thức, nội dung giám sát chuyên đề còn chung chung, chưa tập trung vào lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm, tham nhũng, tiêu cực, chưa phát huy hết vai trò trong việc phòng ngừa sai phạm, chấn chỉnh những hạn chế, khuyết điểm ngay từ sớm; công tác giám sát chuyên đề nói chung vẫn còn mang tính thụ động, thiếu chủ động trong phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên; chưa xây dựng được tài liệu chuyên đề phổ biến, tuyên truyền rộng rãi đến các tổ chức đảng và cán bộ đảng viên về các loại vi phạm điển hình, các bài học kinh nghiệm rút ra qua công tác giám sát chuyên đề; việc theo dõi, đôn đốc giám sát việc thực hiện các kết luận sau giám sát chuyên đề còn thiếu quyết liệt, thực hiện các nội dung kết luận sau giám sát của một số tổ chức đảng và đảng viên còn thiếu nghiêm túc, chưa triệt để, tiến độ còn chậm và kéo dài. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ nhận thức chưa đầy đủ về

tầm quan trọng của giám sát trong công tác xây dựng Đảng, chưa thấy rõ mối quan hệ giữa giám sát và phòng ngừa vi phạm, kỷ luật. Chính vì vậy, việc nâng cao nhận thức cần phải được triển khai đồng bộ, thường xuyên và có trọng tâm, trọng điểm.

Trước hết, cấp ủy các cấp, đặc biệt là UBKT cấp ủy cấp tỉnh, cần chủ động tham mưu, đề xuất với cấp ủy về việc quán triệt, phổ biến sâu rộng các quy định, chỉ thị, nghị quyết của Đảng liên quan đến công tác giám sát thường xuyên và giám sát chuyên đề, như: Quy định số 20-QĐ/TW, ngày 08/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng thay thế Quy định số 294-QĐ/TW, ngày 26/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng; Nghị quyết số 05-NQ-TW ngày 07/4/2026 Trung ương 2 khóa XIV về đổi mới, nâng cao hiệu lực công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng. Quy định số 21-QĐ/TW, ngày 11/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng thay thế Quy định số 296-QĐ/TW, ngày 30/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Hướng dẫn số 08-HD/TW, ngày 10/6/2025 của Ban Bí thư hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy định 296- QĐ/TW. Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm; Quy định số 264-QĐ/TW, ngày 14/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm; Hướng dẫn số 05-HD/UBKTTW, ngày 22/11/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về thực hiện một số điều trong Quy định số 69-QĐ/TW; Hướng dẫn số 15-HD/UBKTTW, ngày 20/3/2025 về sửa đổi, bổ sung Hướng dẫn số 05-HD/UBKTTW, ngày 22/11/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về thực hiện một số điều trong Quy định số 69-QĐ/TW. Quy định số 195-QĐ/TW ngày 18/6/2019 của Ban Bí thư về chỉ đạo của ủy ban kiểm tra cấp trên đối

với ủy ban kiểm tra cấp dưới trong công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Quyết định 139-QĐ/TW, ngày 04/01/2024 của Bộ Chính trị về ban hành Quy trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Quyết định 164-QĐ/TW, ngày 06/6/2024 của Bộ Chính trị về ban hành Quy trình giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng trực thuộc Trung ương và đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý; Quyết định 165-QĐ/TW, ngày 06/06/2024 của Bộ Chính trị về ban hành Quy trình xem xét, thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên thuộc thẩm quyền Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Quyết định số 89-QĐ/TW ngày 01/12/2022 của Ban Bí thư về ban hành quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng của cấp ủy tỉnh và tương đương đến cơ sở; Quyết định số 354-QĐ/UBKTTW, ngày 22/12/2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành các quy trình thực hiện kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng. Quyết định số 331-QĐ/TW ngày 18/6/2025 của Ban Bí thư về quy định mẫu thực hiện kiểm tra, giám sát của các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy các cấp...

Bên cạnh đó, cần đổi mới phương pháp tuyên truyền, giáo dục về công tác giám sát chuyên đề theo hướng thiết thực, dễ tiếp cận. Không chỉ dừng lại ở việc phổ biến bằng văn bản, hội nghị, mà cần tận dụng các nền tảng truyền thông hiện đại như hội thảo chuyên đề, đào tạo trực tuyến, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn giữa các đơn vị. Việc tổ chức các buổi tọa đàm, đối thoại trực tiếp giữa UBKT cấp ủy cấp tỉnh với tổ chức cơ sở đảng, đảng viên tại cơ sở cũng sẽ giúp nâng cao nhận thức một cách hiệu quả, từ đó thúc đẩy sự chủ động, trách nhiệm của các tổ chức đảng trong việc phối hợp, thực hiện giám sát chuyên đề.

Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng phải nhận thức đầy đủ mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng, nguyên tắc của công tác giám sát; đẩy mạnh giáo dục, tuyên truyền, học tập, quán triệt mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ kiểm tra,

giám sát theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng, các nghị quyết của Trung ương, các quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, UBKT Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát một cách thiết thực, phù hợp với điều kiện, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của mình, chú trọng những lĩnh vực, nội dung còn hạn chế, yếu kém. Do vậy, người đứng đầu cấp ủy, UBKT cấp ủy cấp tỉnh đóng vai trò nòng cốt trong công tác giám sát chuyên đề. Chất lượng giám sát chuyên đề có được nâng cao hay không phụ thuộc rất lớn vào thái độ, trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức đảng. Do đó, cần có giải pháp cụ thể để đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, như:

Thứ nhất, cấp ủy cấp tỉnh cần ban hành các quy định, cơ chế đánh giá mức độ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc tổ chức, thực hiện công tác giám sát chuyên đề. Cần có cơ chế kiểm điểm trách nhiệm đối với những trường hợp lơ là, thiếu quyết liệt trong công tác này. Ngược lại, những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong việc triển khai giám sát chuyên đề cần được biểu dương, khen thưởng kịp thời, tạo động lực để nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát trong toàn hệ thống.

Thứ hai, UBKT cấp ủy cấp tỉnh cần tăng cường kiểm tra, giám sát chính những người đứng đầu cấp ủy, UBKT cấp dưới trong việc thực hiện công tác giám sát chuyên đề. Việc này nhằm đảm bảo rằng công tác giám sát không chỉ được triển khai một cách hình thức mà thực sự mang lại hiệu quả trong thực tiễn. Điều này cũng sẽ góp phần nâng cao tính gương mẫu của người đứng đầu, từ đó tạo hiệu ứng lan tỏa, thúc đẩy sự nghiêm túc, trách nhiệm trong toàn bộ hệ thống.

Thứ ba, cần phát huy mạnh mẽ vai trò nêu gương của người đứng đầu cấp ủy, UBKT cấp ủy cấp tỉnh trong công tác giám sát chuyên đề. Khi người đứng đầu thực sự gương mẫu, quyết liệt chỉ đạo và tham gia vào quá trình

giám sát, chất lượng giám sát chuyên đề sẽ được nâng lên đáng kể. Thực tế cho thấy, ở những địa phương mà Bí thư cấp ủy, chủ nhiệm UBKT quan tâm sát sao, trực tiếp chỉ đạo công tác giám sát chuyên đề, hiệu quả giám sát đều có sự cải thiện rõ rệt, góp phần phát hiện sớm và xử lý kịp thời các vi phạm, hạn chế tình trạng sai phạm kéo dài.

Thứ tư, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, phương pháp, cách thức tổ chức công tác giám sát theo tinh thần chỉ đạo tại Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 07/4/2026 của Hội nghị Trung ương lần thứ hai, khóa XIV của Đảng về đổi mới, nâng cao hiệu lực công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng, chuyển trọng tâm thực hiện tốt công tác giám sát bảo đảm các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư được tổ chức thực hiện kịp thời, có hiệu quả, đúng định hướng, đúng quy định; gắn công tác giám sát với kiểm soát quyền lực; xây dựng cơ chế giám sát hiệu quả, có khả năng cảnh báo sớm và phòng ngừa vi phạm ngay từ cơ sở, không để các vi phạm nhỏ tích tụ thành vi phạm nghiêm trọng, hình thành và lan tỏa văn hóa chính trị trách nhiệm trong nội bộ Đảng bộ tỉnh, góp phần giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh đáp ứng yêu cầu lãnh đạo đất nước trong kỷ nguyên mới; nhận diện cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả để nhân rộng. Nghiên cứu tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện đồng bộ các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát của cấp ủy đảng và UBKT các cấp, trong đó coi trọng nâng cao hiệu quả giám sát ngay từ chi bộ.

4.2.2. Chấp hành nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời cụ thể hóa để thực thi và thực thi có hiệu quả các quy định của Trung ương và xây dựng chương trình, kế hoạch công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh phù hợp với tình hình địa phương

Một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH là phải chấp hành

ng nghiêm túc, đầy đủ và kịp thời việc cụ thể hóa các quy định, quy trình của Trung ương để triển khai thực hiện một cách hiệu quả. Điều này đòi hỏi các cấp ủy, tổ chức đảng và UBKT cấp ủy cấp tỉnh phải thực sự chủ động, nghiêm túc nghiên cứu và bám sát các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, nhất là các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng.

Việc cụ thể hóa các quy định của Trung ương cần đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với tình hình thực tiễn của các tỉnh ở ĐBSH. Điều này có nghĩa là, ngoài việc tiếp thu đầy đủ các quy định chung, UBKT cấp ủy cấp tỉnh phải có kế hoạch triển khai cụ thể sao cho phù hợp với đặc thù địa phương, tránh tình trạng máy móc, dập khuôn trong thực hiện. Cụ thể, cần có hướng dẫn chi tiết về quy trình giám sát, đối tượng giám sát, nội dung giám sát và phương thức giám sát, đảm bảo rằng mỗi cuộc giám sát đều có mục tiêu rõ ràng, phương pháp khoa học, kết quả cụ thể và có giá trị thực tiễn cao. Bên cạnh đó, UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH cũng cần phải chủ động tự nghiên cứu, đề xuất với cấp có thẩm quyền về những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành các văn bản về công tác giám sát của Đảng đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của từng địa phương nếu thấy cần thiết. Cụ thể hóa cơ chế phối hợp giám sát trong Đảng với giám sát của các tổ chức thuộc Nhà nước, MTTQ và các tổ chức chính trị, xã hội và giám sát của Nhân dân với UBKT với các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH nhằm nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề. Đánh giá việc thực hiện các quy chế phối hợp với các tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị, ngành liên quan để kịp thời điều chỉnh, bổ sung, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề, nhất là khâu thẩm tra, xác minh phát hiện các hạn chế, khuyết điểm để chấn chỉnh, từ đó nâng cao chất lượng từng cuộc giám sát chuyên đề, đảm bảo tăng cường tính phòng ngừa vi phạm kỷ luật của Đảng.

Bên cạnh đó, việc chấp hành nghiêm túc các quy định phải được thể hiện trong toàn bộ quá trình thực hiện. Các cuộc giám sát chuyên đề cần được tổ chức theo đúng quy trình, đúng thẩm quyền, đảm bảo tính khách quan, minh bạch, không hình thức, chiếu lệ. Đồng thời, việc kết luận sau giám sát cũng phải đảm bảo tính chính xác, công tâm, không né tránh, không xuê xoa, đảm bảo rằng các vấn đề tồn tại được chỉ ra một cách rõ ràng và có phương án khắc phục cụ thể.

Ngoài ra, việc thực hiện nghiêm túc các quy định cũng cần gắn với trách nhiệm giải trình của các tổ chức, cá nhân liên quan. UBKT cấp ủy cấp tỉnh cần có cơ chế giám sát việc thực hiện kết luận giám sát, yêu cầu các đơn vị được giám sát phải báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị do đoàn giám sát đã chỉ ra, qua đó đảm bảo rằng những hạn chế được khắc phục một cách thực chất, không mang tính đối phó hay hình thức.

Công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH chỉ có thể đạt hiệu quả cao khi nội dung giám sát thực sự phù hợp với đặc điểm tình hình, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của từng địa phương. Nội dung giám sát chuyên đề của phải bám sát vào các chương trình, kế hoạch thực tiễn về công tác xây dựng Đảng, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, các nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá của địa phương, đơn vị. Hiện nay, cần tập trung vào các nội dung lớn như: việc thực hiện quy chế làm việc; công tác cán bộ; việc lãnh đạo và tổ chức thực hiện công tác quản lý, sử dụng đất đai; công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đầu tư công; công tác quản lý, sử dụng vốn tại các doanh nghiệp; việc thực hiện các kết luận sau thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán để xem xét, đôn đốc việc khắc phục, sửa chữa những vi phạm, khuyết điểm đã được kết luận. Đây là những vấn đề, lĩnh vực quan trọng, nổi cộm dễ phát sinh vi phạm trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tại các địa phương, cơ quan, đơn vị. Về đối tượng: giám sát những tổ chức đảng có biểu

hiện buông lỏng công tác lãnh đạo, quản lý; mất đoàn kết nội bộ, có nhiều đơn thư tố cáo; chậm khắc phục hạn chế, khuyết điểm, tồn tại; giám sát đối với người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội, thủ trưởng các cơ quan chính quyền, đơn vị hành chính, sự nghiệp trực thuộc tỉnh, thành phố trong thực hiện nhiệm vụ; cán bộ, đảng viên có dấu hiệu suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, lợi dụng vị trí công tác để vụ lợi cá nhân và vi phạm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, pháp luật Nhà nước...

Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH cần chú trọng xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát sao cho sát với thực tiễn, tránh tình trạng giám sát dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm. Việc xây dựng kế hoạch giám sát chuyên đề cần có tính linh hoạt, không chỉ bám sát các nhiệm vụ chính trị trọng tâm của địa phương mà còn phải kịp thời điều chỉnh theo những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn. UBKT cấp ủy cấp tỉnh cần có cơ chế tiếp nhận phản ánh từ nhân dân, báo chí, các tổ chức xã hội để kịp thời xác định những vấn đề cần giám sát, tránh tình trạng kế hoạch giám sát được xây dựng một cách cứng nhắc, không phù hợp với thực tế. Ngoài ra, kế hoạch giám sát cũng cần đảm bảo tính khả thi, không chạy theo số lượng mà cần tập trung vào chất lượng. Việc xác định số lượng các cuộc giám sát cần căn cứ vào năng lực thực tế của UBKT cấp ủy cấp tỉnh, tránh tình trạng quá tải dẫn đến giám sát mang tính hình thức, thiếu chiều sâu. Đồng thời, cần xây dựng lộ trình thực hiện rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể, có thời gian theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện để đảm bảo rằng mỗi cuộc giám sát đều mang lại giá trị thực tiễn cao.

Trong quá trình thực hiện, nếu cần thiết các đoàn giám sát có thể trung tập cán bộ ở các cơ quan chuyên môn, chuyên ngành tham gia đoàn; tiến hành thẩm tra, xác minh khi cần thiết đối với những nội dung có vấn đề, chưa rõ ràng; gắn giám sát tổ chức đảng với trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ

quan đơn vị; vừa kết hợp nghiên cứu báo cáo, tài liệu do đối tượng giám sát cung cấp, với tiến hành thẩm tra, xác minh; các kết luận giám sát phải chỉ rõ và cụ thể các khuyết điểm, vi phạm để cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện sửa chữa, khắc phục; nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm thì chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc yêu cầu cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp dưới tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

Một việc quan trọng khác là tăng cường sự phối hợp giữa UBKT với các cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng chương trình và kế hoạch giám sát. Việc phối hợp với các cơ quan như thanh tra, kiểm toán, công an, nội vụ, tài chính... sẽ giúp công tác giám sát có đầy đủ thông tin, dữ liệu, từ đó nâng cao tính chính xác, khách quan trong quá trình thực hiện. Khi có sự phối hợp tốt, các cuộc giám sát sẽ tránh được tình trạng chồng chéo, trùng lặp, đồng thời đảm bảo tính hiệu quả cao hơn.

4.2.3. Nâng cao chất lượng đội ngũ ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh và cán bộ, công chức của cơ quan ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới

Để nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH trong thời gian tới, một trong những giải pháp quan trọng nhất là xây dựng đội ngũ Ủy viên UBKT cấp tỉnh, cán bộ, công chức của cơ quan UBKT cấp ủy cấp tỉnh có đủ năng lực, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ; có phẩm chất đạo đức cách mạng, có bản lĩnh chính trị, kinh nghiệm, tính chiến đấu cao, có kỹ năng nghiệp vụ thuần thực, phương pháp công tác khoa học, công tâm, khách quan, sâu sát, thận trọng và ứng xử có văn hoá, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Thực tế cho thấy, chất lượng giám sát phụ thuộc rất lớn vào trình độ chuyên môn, bản lĩnh chính trị và đạo đức của cán bộ kiểm tra. Nếu đội ngũ này yếu kém về năng lực, thiếu trách nhiệm hoặc chưa được đào tạo bài bản, công tác giám sát sẽ không đạt hiệu quả,

thậm chí trở nên hình thức, không thực chất. Do đó, cần có chiến lược cụ thể trong việc tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác giám sát trong bối cảnh mới.

Trước hết, UBKT cấp ủy cấp tỉnh chủ động phối hợp với ban tổ chức cấp mình để kiến nghị với cấp ủy xây dựng hoàn thiện các quy định về đổi mới công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, khen thưởng để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát; cần quán triệt và thực hiện hiệu quả Kết luận số 23-KL/TW, ngày 10/12/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác luân chuyển cán bộ kiểm tra các cấp sang công tác ở các ngành, các cấp và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp về làm công tác kiểm tra, giám sát của Đảng để đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ kiểm tra các cấp nhằm đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ mới hiện nay. Việc tuyển chọn cán bộ vào UBKT cấp ủy cấp tỉnh cần được thực hiện theo những tiêu chí chặt chẽ hơn, bảo đảm lựa chọn được những người có năng lực chuyên môn cao, am hiểu sâu về công tác kiểm tra, giám sát. Những cán bộ được bổ nhiệm vào UBKT không chỉ cần có kiến thức vững về Điều lệ Đảng, các quy định của Trung ương, tỉnh, thành ủy mà còn phải có kinh nghiệm thực tiễn trong xử lý các vụ việc giám sát, kiểm tra. Việc đề bạt, bổ nhiệm cán bộ kiểm tra cần căn cứ vào kết quả công tác, đánh giá năng lực thực tiễn, không chạy theo hình thức hay cơ cấu. Đặc biệt, cần tránh tình trạng bổ nhiệm cán bộ kiểm tra theo kiểu "luân chuyển mang tính hình thức", không đúng chuyên môn, làm giảm hiệu quả giám sát. Quán triệt, nâng cao nhận thức những quy định, quan điểm, chủ trương mới về công tác kiểm tra, giám sát cho cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát. Chú trọng chương trình, kế hoạch, triển khai thường xuyên công tác tập huấn, đào tạo, hướng dẫn nghiệp vụ, xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thông nghiệp vụ, am hiểu pháp luật, sử

dụng hiệu quả công nghệ số, gương mẫu về phẩm chất đạo đức, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, nhất là đối với đội ngũ cán bộ kiểm tra mới được bố trí tại cấp xã và tương đương. Tăng cường năng lực và hiệu lực của UBKT các cấp, bảo đảm thống nhất trong chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn theo chiều dọc và thực hiện tốt chức năng kiểm tra, giám sát theo chiều ngang; gắn công tác kiểm tra với nhiệm vụ xây dựng tổ chức đảng, thực hiện nghiêm, thực chất trách nhiệm kiểm tra, giám sát của cấp ủy cấp trên đối với tổ chức đảng và cấp ủy viên cấp dưới. Tổ chức xây dựng tài liệu, chuyên đề bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng để đào tạo bồi dưỡng cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát từ tỉnh, thành đến cơ sở.

Bên cạnh đó, các tỉnh, thành cần nghiên cứu xây dựng cơ chế quy hoạch, đào tạo đội ngũ kế cận, bảo đảm nguồn nhân sự kế thừa có đủ trình độ, phẩm chất để tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng công tác giám sát trong tương lai; cần đổi mới nội dung, phương pháp bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ kiểm tra cấp tỉnh. Hiện nay, công tác đào tạo cán bộ kiểm tra chủ yếu dừng lại ở các lớp bồi dưỡng chung về Điều lệ Đảng, quy trình giám sát, nhưng chưa có chương trình chuyên sâu về những lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm như tài chính công, quản lý đầu tư, đấu thầu, đất đai... Trong thời gian tới, UBKT cấp ủy cấp tỉnh cần phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các khóa đào tạo chuyên đề, giúp cán bộ kiểm tra có đủ kiến thức để phát hiện những sai phạm tinh vi, nhất là trong các lĩnh vực quản lý kinh tế, sử dụng ngân sách nhà nước. Cán bộ kiểm tra cũng cần được trang bị kỹ năng điều tra, phân tích dữ liệu, kỹ năng giao tiếp, thuyết phục để nâng cao hiệu quả trong quá trình giám sát. Ngoài ra, cần tăng cường tổ chức các hội nghị, tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm giữa các đơn vị nhằm nâng cao khả năng xử lý tình huống thực tiễn của cán bộ kiểm tra.

Cùng với việc xây dựng đội ngũ Ủy viên UBKT, cán bộ, công chức cơ quan UBKT cấp ủy cấp tỉnh, việc nâng cao chất lượng chung của toàn bộ đội ngũ cán bộ kiểm tra cấp tỉnh cũng là một giải pháp quan trọng nhằm bảo đảm

hiệu quả giám sát chuyên đề. Hiện nay, số lượng cán bộ kiểm tra cấp tỉnh ĐBSH vẫn chưa đáp ứng đủ yêu cầu thực tế, nhiều đơn vị còn trong tình trạng thiếu nhân lực, dẫn đến việc giám sát không thể bao quát hết các lĩnh vực quan trọng. Để giải quyết vấn đề này, cấp ủy các tỉnh ở ĐBSH cần có kế hoạch tăng cường biên chế cho các UBKT cấp tỉnh, bảo đảm mỗi đơn vị có đủ nhân sự để thực hiện nhiệm vụ giám sát một cách toàn diện. Đồng thời, cần rà soát lại cơ cấu tổ chức của UBKT cấp tỉnh để bảo đảm sự phân công hợp lý, tránh tình trạng một số cán bộ kiểm tra phải kiêm nhiệm nhiều công việc, gây quá tải, ảnh hưởng đến chất lượng giám sát.

Ngoài ra, cần nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ kiểm tra, bảo đảm rằng đội ngũ này có đủ dũng khí, kiên quyết đấu tranh với sai phạm, không bị chi phối bởi lợi ích nhóm hay áp lực chính trị. Trong thực tế, một số vụ việc giám sát gặp khó khăn do cán bộ kiểm tra bị tác động từ các nhóm lợi ích hoặc chịu sức ép từ những người có chức vụ cao. Nếu cán bộ kiểm tra không có bản lĩnh vững vàng, rất dễ dẫn đến tình trạng né tránh, không dám xử lý triệt để các sai phạm, làm giảm hiệu quả của công tác giám sát. Để khắc phục tình trạng này, cần tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, quán triệt tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp trong đội ngũ kiểm tra; ngoài ra mỗi cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát cần phát huy tinh thần tự học tập, rèn luyện nhằm nâng cao phẩm chất, năng lực, phương pháp công tác giám sát chuyên đề. Đồng thời, cần có cơ chế bảo vệ cán bộ kiểm tra trước những sức ép tiêu cực, bảo đảm họ có thể thực hiện nhiệm vụ một cách khách quan, trung thực, không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố bên ngoài.

Một giải pháp quan trọng khác là ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kiểm tra, giám sát, giúp nâng cao hiệu quả giám sát chuyên đề. Trong bối cảnh hiện nay, nhiều vụ việc sai phạm không chỉ diễn ra dưới dạng hành vi trực tiếp mà còn liên quan đến các giao dịch tài chính phức tạp, các hình thức gian lận qua hệ thống số liệu. Do đó, cán bộ kiểm tra cần được trang bị kiến thức về

phân tích dữ liệu, kiểm toán số, sử dụng phần mềm giám sát tài chính để phát hiện dấu hiệu vi phạm sớm hơn. Các UBKT cấp ủy cấp tỉnh cũng cần đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả và từng bước ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý, khai thác dữ liệu, liên thông thông tin giữa cơ quan UBKT và các cơ quan có liên quan thuộc cấp tỉnh; kiểm tra, giám sát trên dữ liệu để bảo đảm khách quan, rút ngắn thời gian, nâng cao chất lượng, hiệu quả; từng bước kiểm soát đúng, đầy đủ để tăng cường khả năng phát hiện sai phạm từ xa. Nghiên cứu và ứng dụng các phần mềm của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và phân quyền khai thác, tra cứu thông tin, thống nhất thực hiện giám sát thường xuyên và kiểm tra dữ liệu để kịp thời tham mưu cấp ủy cấp tỉnh các cuộc giám sát chuyên đề những lĩnh vực nhạy cảm, có nguy cơ vi phạm nhằm ngăn chặn, đấu tranh các vi phạm có nguy cơ xảy ra.

Bên cạnh đó, căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết Đại hội XIV của Trung ương Đảng; Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 07/4/2026 của Hội nghị Trung ương lần thứ hai, khóa XIV của Đảng về đổi mới, nâng cao hiệu lực công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng và Đề án chuyển đổi số quốc gia yêu cầu cần phải đổi mới công tác kiểm tra, giám sát trong bối cảnh dữ liệu số, đòi hỏi cần phải tập trung nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kiểm tra, giám sát, là một trong những giải pháp cấp thiết nhằm giúp nâng cao hiệu quả giám sát chuyên đề, trong thời gian tới. Do vậy, UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH cần có hướng nghiên cứu mô hình giám sát chuyên đề chuyển từ giám sát theo vụ việc sang giám sát thông minh dựa trên dữ liệu, từ bị động sang chủ động – phòng ngừa, từ thủ công sang số hóa toàn diện, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, cần được đổi mới căn bản theo hướng hiện đại, thông minh, chủ động và phòng ngừa sớm, cụ thể như sau:

- *Một là*, chuyển từ giám sát “hậu kiểm” sang giám sát chủ động – phòng ngừa – theo thời gian thực: Thay đổi tư duy từ phát hiện vi phạm sau khi đã xảy ra sang nhận diện sớm rủi ro, dấu hiệu vi phạm; Ứng dụng dữ liệu để phân tích xu hướng, cảnh báo sớm các lĩnh vực, đơn vị, cá nhân có nguy cơ và hình thành cơ chế giám sát liên tục, không phụ thuộc hoàn toàn vào các đợt giám sát định kỳ.

- *Hai là*, xây dựng mô hình giám sát chuyên đề dựa trên dữ liệu số, thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung giữa UBKT và các cơ quan thanh tra, kiểm toán, nội chính, tài chính...; chuẩn hóa, số hóa toàn bộ hồ sơ, quy trình giám sát bảo đảm tính liên thông – đồng bộ – bảo mật cao; Lấy dữ liệu làm trung tâm trong lựa chọn nội dung giám sát chuyên đề.

- *Ba là*, đổi mới quy trình giám sát theo hướng số hóa – tự động hóa: Xây dựng quy trình giám sát điện tử khép kín, như lập kế hoạch – triển khai – kết luận – theo dõi thực hiện qua các phần mềm chuyên dụng trong công tác giám sát chuyên đề để theo dõi tiến độ và thực hiện kiến nghị sau giám sát; giảm mạnh thủ tục giấy tờ, nâng cao tính minh bạch, truy vết.

- *Bốn là*, phát triển đội ngũ cán bộ giám sát “kép”: chính trị vững - tinh thông nghiệp vụ – công nghệ giỏi: Cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát không chỉ giỏi nghiệp vụ kiểm tra Đảng mà còn có tư duy số, khả năng khai thác dữ liệu, hiểu biết cơ bản về AI, phân tích dữ liệu, an ninh mạng, hình thành các tổ giám sát chuyên đề số, có sự tham gia của chuyên gia công nghệ khi cần thiết.

- *Năm là*, mở rộng không gian và phương thức giám sát, giám sát không chỉ diễn ra trực tiếp mà còn chủ động giám sát từ xa, qua hệ thống dữ liệu, nền tảng số, khai thác phản ánh từ cổng thông tin điện tử, mạng xã hội, hệ thống tiếp nhận kiến nghị số; tăng cường tương tác hai chiều giữa UBKT với tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên.

- *Sáu là*, nâng cao chất lượng kết luận giám sát trong môi trường số, kết luận giám sát được hỗ trợ bởi chứng cứ dữ liệu số, bảo đảm khách quan, chính xác; kiến nghị giám sát gắn với chỉ số đánh giá (KPI) và được theo dõi tự động; tăng cường trách nhiệm giải trình thông qua hệ thống số.

- *Bảy là*, bảo đảm an toàn, bảo mật và đạo đức trong giám sát số, hoàn thiện khung pháp lý, quy định nội bộ về quản trị dữ liệu, bảo mật thông tin, quyền riêng tư; kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng AI, tránh lệ thuộc máy móc, bảo đảm vai trò quyết định của con người; xây dựng văn hóa giám sát số minh bạch, liêm chính.

Ngoài ra, cần có chính sách đãi ngộ phù hợp để giữ chân những cán bộ kiểm tra có năng lực, trách nhiệm. Hiện nay, một số cán bộ kiểm tra có kinh nghiệm thường được điều chuyển sang các vị trí khác, gây thiếu hụt nhân sự chất lượng cao trong công tác giám sát. Do đó, cần có cơ chế tạo động lực cho cán bộ kiểm tra tiếp tục gắn bó với ngành, như chế độ khen thưởng, nâng lương, hỗ trợ đào tạo chuyên sâu, bảo đảm họ có điều kiện làm việc tốt hơn, từ đó nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề. Đặc biệt, cần nghiên cứu xây dựng cơ chế bảo vệ, khuyến khích cán bộ, đảng viên làm công tác kiểm tra, giám sát của đảng, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì sự phát triển chung của tỉnh và đất nước.

Tóm lại, để nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH trong thời gian tới, cần có chiến lược bài bản trong việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra. Điều này bao gồm việc tuyển chọn cán bộ theo tiêu chí chặt chẽ, tăng cường đào tạo chuyên môn, bồi dưỡng kỹ năng thực tiễn, bảo đảm cán bộ có đủ bản lĩnh, năng lực để thực hiện nhiệm vụ giám sát hiệu quả. Đồng thời, cần có cơ chế hỗ trợ, bảo vệ cán bộ kiểm tra trước những tác động tiêu cực, tạo môi trường làm việc minh bạch, công bằng. Khi đội ngũ cán bộ kiểm tra được nâng cao về chất lượng, công tác giám sát chuyên đề mới thực sự đạt hiệu quả, góp phần xây dựng

Đảng bộ các tỉnh ở ĐBSH trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

4.2.4. Phát huy mạnh mẽ vai trò của toàn hệ thống chính trị cấp tỉnh và các tầng lớp nhân dân địa phương trong việc tham gia công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

Trong bối cảnh xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh đóng vai trò quan trọng nhằm kịp thời phát hiện những sai phạm, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng tại địa phương. Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng công tác này, bên cạnh việc hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ kiểm tra, cần phải phát huy mạnh mẽ vai trò của toàn hệ thống chính trị cấp tỉnh cũng như huy động sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân địa phương. Việc mở rộng phạm vi giám sát, thu hút sự tham gia của nhiều chủ thể trong hệ thống chính trị và cộng đồng dân cư không chỉ giúp tăng cường tính minh bạch, khách quan mà còn nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả của giám sát chuyên đề.

Trước hết, cần xác định rằng công tác giám sát chuyên đề không phải chỉ là nhiệm vụ riêng của UBKT cấp tỉnh, mà phải trở thành trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị, bao gồm cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, HĐND và toàn thể nhân dân. Do đó, việc phối hợp giữa các lực lượng trong hệ thống chính trị cần được thực hiện một cách bài bản, chặt chẽ. Cấp ủy cấp tỉnh cần chỉ đạo cụ thể về cơ chế phối hợp giữa UBKT với các ban xây dựng Đảng, cơ quan thanh tra, HĐND, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm bảo đảm việc giám sát được triển khai đồng bộ, tránh chồng chéo nhưng vẫn bảo đảm tính hiệu quả. Mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị có những kênh thông tin, cách tiếp cận khác nhau, vì vậy khi

phối hợp chặt chẽ, công tác giám sát chuyên đề sẽ có nhiều nguồn thông tin đa dạng, đầy đủ hơn, giúp phát hiện sớm các dấu hiệu vi phạm.

Bên cạnh đó, vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh cần được tăng cường để phát huy sức mạnh tổng hợp trong công tác giám sát chuyên đề. MTTQ có mạng lưới rộng khắp từ tỉnh đến xã và nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Do đó, khi MTTQ phối hợp với UBKT trong việc tiếp nhận ý kiến phản ánh từ nhân dân, công tác giám sát sẽ có thêm nhiều thông tin xác thực từ thực tế cơ sở. Đặc biệt, cần có cơ chế để MTTQ chủ động tham gia giám sát việc thực hiện các kết luận, kiến nghị sau giám sát, tránh tình trạng các sai phạm bị bỏ qua hoặc xử lý không triệt để. Các tổ chức chính trị - xã hội như Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cũng cần được phát huy vai trò trong việc giám sát các lĩnh vực liên quan đến lợi ích của hội viên, đoàn viên như chính sách hỗ trợ nông dân, các chương trình an sinh xã hội, quy hoạch đô thị, môi trường, giáo dục, y tế.

Cùng với đó, cần nâng cao vai trò của HĐND cấp tỉnh trong công tác giám sát chuyên đề. Là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, HĐND có chức năng giám sát các hoạt động của chính quyền, các cơ quan tư pháp và các lĩnh vực quan trọng khác. Việc tăng cường phối hợp giữa UBKT và các ban của HĐND sẽ giúp công tác giám sát chuyên đề đạt hiệu quả cao hơn, tránh tình trạng giám sát mang tính hình thức, không đi vào thực chất. Các đại biểu HĐND, đặc biệt là những đại biểu hoạt động chuyên trách, cần được tạo điều kiện để tham gia vào quá trình giám sát của UBKT, qua đó góp phần phát hiện, phản ánh kịp thời những sai phạm và đề xuất các giải pháp xử lý phù hợp.

Không thể không nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của nhân dân trong công tác giám sát chuyên đề. Nhân dân chính là những người trực tiếp chịu tác động từ các chính sách, quyết định của chính quyền địa phương, do đó họ có khả năng phát hiện sớm những bất cập, vi phạm trong quá trình thực

hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Để phát huy vai trò giám sát của nhân dân, cần tạo cơ chế thuận lợi để người dân có thể phản ánh các dấu hiệu vi phạm một cách kịp thời và an toàn. Việc thiết lập các kênh tiếp nhận thông tin từ nhân dân như đường dây nóng, hộp thư điện tử, cổng thông tin trực tuyến hay ứng dụng phản ánh trên điện thoại thông minh sẽ giúp người dân dễ dàng gửi kiến nghị, phản ánh sai phạm mà không gặp rào cản về thủ tục hành chính. Đồng thời, UBKT cấp ủy cấp tỉnh cần có cơ chế bảo vệ người tố giác, tránh tình trạng bị đe dọa, trù dập, gây tâm lý e ngại trong việc tố cáo vi phạm.

Một giải pháp quan trọng khác là đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của nhân dân về vai trò, quyền hạn của UBKT cấp ủy cấp tỉnh và ý nghĩa của công tác giám sát chuyên đề. Nhiều người dân còn chưa hiểu rõ về chức năng giám sát của Đảng, hoặc có tâm lý ngại va chạm, không muốn tham gia giám sát. Vì vậy, cần có các chương trình truyền thông phù hợp, tổ chức các buổi tọa đàm, hội nghị để tuyên truyền về quyền và trách nhiệm của nhân dân trong giám sát. Các phương tiện truyền thông địa phương như đài phát thanh, truyền hình tỉnh, báo chí và mạng xã hội cũng cần được khai thác hiệu quả để phổ biến thông tin về công tác giám sát chuyên đề, qua đó khuyến khích sự tham gia của nhân dân.

Như vậy, để nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH trong thời gian tới, việc phát huy vai trò của toàn hệ thống chính trị cấp tỉnh và các tầng lớp nhân dân địa phương là giải pháp có ý nghĩa chiến lược. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của HĐND, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội và đặc biệt là nhân dân sẽ giúp nâng cao tính hiệu quả, thực chất của công tác giám sát, bảo đảm sự nghiêm minh của kỷ luật Đảng, góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của các tỉnh ở ĐBSH.

4.2.5. Tăng cường sự lãnh đạo của ban thường vụ tỉnh ủy; sự phối hợp của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, các sở, ban khối chính quyền, đoàn thể địa phương trong việc nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề

Một trong những giải pháp quan trọng hàng đầu để nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH chính là tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của ban thường vụ tỉnh ủy. Công tác giám sát chuyên đề chỉ có thể đạt hiệu quả cao khi nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của cấp ủy, đặc biệt là trong việc định hướng nội dung giám sát phù hợp với thực tiễn của địa phương, đảm bảo công tác giám sát đi vào trọng tâm, trọng điểm và tránh hình thức, dàn trải.

Ban thường vụ tỉnh ủy cần tiếp tục có các chỉ thị, nghị quyết chuyên đề về công tác kiểm tra, giám sát, qua đó xác định rõ trách nhiệm của từng cấp ủy, UBKT trong việc triển khai giám sát chuyên đề. Việc lồng ghép nội dung giám sát chuyên đề vào chương trình làm việc toàn khóa của tỉnh ủy sẽ giúp đảm bảo tính liên tục, có trọng tâm và không để giám sát trở thành một nhiệm vụ mang tính hình thức.

Mặt khác, cấp ủy cấp tỉnh cũng cần nâng cao vai trò chỉ đạo của mình trong công tác giám sát chuyên đề. Một số cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH thời gian qua vẫn chưa thực sự coi giám sát chuyên đề là một công cụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, dẫn đến việc triển khai còn mang tính đối phó, chưa phát huy hết tiềm năng giám sát trong việc phát hiện, phòng ngừa vi phạm. Do đó, trong thời gian tới, cấp ủy cấp tỉnh cần chủ động chỉ đạo UBKT cùng cấp rà soát, điều chỉnh kế hoạch giám sát chuyên đề theo hướng bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, đồng thời đảm bảo công tác giám sát không chỉ dừng lại ở việc phát hiện vấn đề mà còn có giải pháp khắc phục hiệu quả.

Bên cạnh đó, cấp ủy các cấp cần quán triệt sâu sắc đến đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, đặc biệt là người đứng đầu tổ chức đảng, về trách nhiệm phối hợp với UBKT trong công tác giám sát chuyên đề. Việc người đứng đầu các cấp ủy, chính quyền có thái độ nghiêm túc, cầu thị đối với công tác giám sát sẽ tạo hiệu ứng lan tỏa, giúp hoạt động giám sát thực sự đi vào thực chất, phát huy hiệu quả trong thực tiễn.

Bên cạnh sự chỉ đạo của cấp ủy, một yếu tố quan trọng khác giúp nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề là sự phối hợp chặt chẽ giữa UBKT cấp ủy cấp tỉnh với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, các sở, ban, ngành khối chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương. Một trong những thực tế đặt ra là công tác giám sát chuyên đề thường gặp khó khăn trong việc thu thập thông tin, tài liệu, hoặc thiếu sự hợp tác từ một số đơn vị, dẫn đến việc đánh giá, kết luận giám sát chưa thực sự toàn diện. Do đó, cần có giải pháp cụ thể để khắc phục tình trạng này.

Trước hết, tỉnh ủy cần ban hành các quy chế, cơ chế phối hợp giữa UBKT cấp ủy cấp tỉnh với các cơ quan tham mưu, giúp việc như Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Nội chính, Văn phòng tỉnh ủy, qua đó tạo điều kiện để UBKT có thể khai thác thông tin đầy đủ, chính xác hơn phục vụ cho công tác giám sát chuyên đề. Chẳng hạn, trong các nội dung giám sát liên quan đến công tác tổ chức cán bộ, cần có sự phối hợp chặt chẽ với Ban Tổ chức để đảm bảo giám sát hiệu quả hơn các vấn đề về bổ nhiệm, quy hoạch, luân chuyển cán bộ.

Ngoài ra, UBKT cấp ủy cấp tỉnh cũng cần đẩy mạnh việc phối hợp với khối chính quyền, bao gồm HĐND, UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh... để đảm bảo công tác giám sát được thực hiện đồng bộ, chặt chẽ. Các cơ quan này không chỉ là nguồn cung cấp thông tin quan trọng mà còn có

thể tham gia trực tiếp vào quá trình giám sát để đảm bảo đánh giá khách quan, toàn diện hơn.

Bên cạnh đó, UBKT cấp tỉnh cũng cần tăng cường phối hợp với MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, ... trong công tác giám sát chuyên đề. Đây là các tổ chức có khả năng nắm bắt tình hình thực tiễn ở cơ sở rất tốt, có thể cung cấp thông tin quan trọng giúp UBKT xác định được những vấn đề cần tập trung giám sát. Việc lồng ghép nội dung giám sát chuyên đề của UBKT với hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội sẽ giúp mở rộng phạm vi giám sát, đồng thời tạo sự đồng thuận cao hơn trong dư luận xã hội đối với kết quả giám sát.

Một giải pháp quan trọng khác là nâng cao trách nhiệm của các đơn vị được giám sát. UBKT cấp ủy cấp tỉnh cần có cơ chế yêu cầu các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát phải báo cáo đầy đủ, kịp thời và có trách nhiệm với nội dung giám sát chuyên đề. Đối với những đơn vị cố tình né tránh, thiếu hợp tác, cần có biện pháp xử lý nghiêm để đảm bảo tính nghiêm minh của công tác giám sát.

Nhìn chung, để nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp tỉnh ở ĐBSH trong thời gian tới, cần có sự tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ từ tỉnh ủy, UBKT cấp ủy cấp tỉnh và các cấp ủy các cấp nhằm tạo sự thống nhất, quyết liệt trong triển khai giám sát chuyên đề. Đồng thời, phải đẩy mạnh sự phối hợp giữa UBKT với các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, các sở, ban ngành chính quyền và MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội để đảm bảo công tác giám sát có đầy đủ thông tin, khách quan và hiệu quả. Khi có được sự phối hợp đồng bộ từ các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh sẽ phát huy tối đa vai trò trong việc giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng tại địa phương, góp phần xây dựng Đảng bộ các tỉnh ở ĐBSH ngày càng trong sạch, vững mạnh.

4.2.6. Thường xuyên tổng kết công tác kiểm tra, giám sát, nhất là công tác giám sát chuyên đề để rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu lý luận, sơ kết, tổng kết thực tiễn, kết hợp chặt chẽ với việc hoàn thiện các quy định của cấp ủy cấp tỉnh về công tác kiểm tra, giám sát, đặc biệt là công tác giám sát chuyên đề bảo đảm thống nhất, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH trong thời gian tới.

Tổng kết, rút kinh nghiệm là một bước quan trọng giúp UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH không ngừng nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề, khắc phục những hạn chế trong quá trình thực hiện và phát huy những điểm mạnh. Việc giám sát không chỉ dừng lại ở khâu thực hiện mà còn cần được đánh giá một cách nghiêm túc sau mỗi cuộc giám sát để rút ra bài học thực tiễn, qua đó điều chỉnh phương pháp, cách thức triển khai sao cho ngày càng hiệu quả hơn.

Hiện nay, một trong những hạn chế trong công tác giám sát chuyên đề là việc chưa thực sự coi trọng công tác tổng kết, đánh giá kết quả sau giám sát. Ở một số đơn vị, việc tổng kết mới chỉ dừng lại ở các báo cáo mang tính hình thức, chưa có những phân tích sâu sắc về những tồn tại, hạn chế, những điểm được và chưa được trong quá trình thực hiện, chưa rút ra được những bài học kinh nghiệm hoặc những mô hình hay, sáng tạo để nhân rộng, lan tỏa trong hệ thống chính trị. Điều này dẫn đến tình trạng các cuộc giám sát sau vẫn lặp lại những sai sót của các cuộc giám sát trước, làm giảm hiệu quả thực chất của công tác giám sát chuyên đề.

Do đó, để nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề trong thời gian tới, việc tổng kết, rút kinh nghiệm cần phải trở thành một nhiệm vụ quan trọng, được tiến hành thường xuyên, bài bản và thực chất hơn. Đây không chỉ là một yêu cầu bắt buộc để nâng cao hiệu quả giám sát mà còn là một giải pháp quan trọng để chuẩn hóa quy trình, nâng cao trình độ chuyên môn cho

đội ngũ cán bộ kiểm tra, đồng thời tạo tiền đề cho việc xây dựng những phương pháp giám sát mới phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

Để công tác tổng kết, rút kinh nghiệm đạt hiệu quả cao, UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH cần xây dựng một cơ chế bài bản, khoa học trong việc đánh giá kết quả giám sát. Thay vì chỉ tổ chức các cuộc họp mang tính tổng hợp chung chung, cần có những phương pháp cụ thể để phân tích sâu về từng cuộc giám sát chuyên đề, từ đó đưa ra những bài học kinh nghiệm thiết thực.

Trước hết, sau mỗi cuộc giám sát chuyên đề, cần có báo cáo đánh giá không chỉ về những phát hiện, kết luận của giám sát mà còn phải xem xét các yếu tố liên quan đến quy trình triển khai, phương thức thực hiện, sự phối hợp giữa các đơn vị, mức độ khách quan và chính xác của thông tin thu thập được. Báo cáo này cần chỉ rõ những điểm mạnh để tiếp tục phát huy cũng như những hạn chế cần khắc phục, đồng thời đề xuất các biện pháp cải tiến cho các cuộc giám sát tiếp theo.

Bên cạnh đó, cần tổ chức các hội nghị chuyên đề để sơ kết, tổng kết công tác giám sát định kỳ (theo quý, theo năm) với sự tham gia của các cán bộ kiểm tra có kinh nghiệm, đại diện cấp ủy, chính quyền và thậm chí có thể mời đại diện của các tổ chức, cá nhân được giám sát để có góc nhìn đa chiều. Việc tổ chức các hội nghị này không chỉ giúp chia sẻ kinh nghiệm giữa các đơn vị mà còn giúp tạo ra một diễn đàn để các cán bộ kiểm tra học hỏi lẫn nhau, nâng cao nhận thức và trình độ nghiệp vụ.

Một giải pháp quan trọng khác là xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng giám sát chuyên đề, hoặc sổ tay giám sát, trong đó quy định rõ các chỉ số đánh giá về tính hiệu quả, tính khách quan, mức độ tác động của giám sát đối với thực tiễn. Các tiêu chí này cần cụ thể, định lượng được, có thể bao gồm các yếu tố như: tỷ lệ sai phạm được phát hiện, mức độ thực hiện các kiến nghị sau giám sát, sự thay đổi tích cực trong hoạt động của các tổ chức được giám sát... Việc có một hệ thống đánh giá rõ ràng sẽ giúp công tác tổng kết

mang tính thực chất hơn, tránh tình trạng đánh giá chủ quan hoặc mang tính hình thức.

Một trong những mục tiêu quan trọng của việc tổng kết, rút kinh nghiệm sau giám sát chuyên đề là giúp nâng cao trình độ, kỹ năng của đội ngũ cán bộ kiểm tra. Do đó, cần gắn công tác tổng kết với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra một cách bài bản, khoa học.

Trước hết, sau mỗi cuộc giám sát, cần có những buổi đào tạo nội bộ để phổ biến những bài học kinh nghiệm, hướng dẫn những kỹ năng cần thiết để nâng cao chất lượng giám sát. Những cán bộ có kinh nghiệm, năng lực tốt có thể được giao nhiệm vụ hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm cho các cán bộ trẻ, ít kinh nghiệm hơn, qua đó tạo môi trường học hỏi và phát triển chuyên môn một cách hiệu quả.

Ngoài ra, việc tổng kết cũng cần gắn với việc cập nhật kiến thức mới về công tác kiểm tra, giám sát, nhất là trong bối cảnh tình hình chính trị, KT - XH luôn thay đổi. Cán bộ kiểm tra cần được bồi dưỡng thêm về kỹ năng thu thập, phân tích dữ liệu, kỹ năng điều tra, xác minh, kỹ năng lập báo cáo giám sát... nhằm đảm bảo rằng chất lượng giám sát ngày càng chuyên sâu, không dừng lại ở mức độ nhận diện vấn đề mà có thể đi sâu vào bản chất, tìm ra nguyên nhân và đề xuất giải pháp hiệu quả.

Bên cạnh đó, có thể tổ chức các chương trình trao đổi, học tập kinh nghiệm giữa các UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng với các tỉnh, thành ở các vùng khác trên cả nước có kinh nghiệm tốt trong công tác giám sát chuyên đề. Việc học hỏi từ các mô hình giám sát hiệu quả sẽ giúp các đơn vị cải tiến cách làm, tránh những sai sót không đáng có, đồng thời tạo ra sự thống nhất trong phương pháp triển khai giám sát trên địa bàn các tỉnh ở ĐBSH.

Trong thời đại công nghệ số, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác tổng kết, đánh giá giám sát chuyên đề là một giải pháp quan trọng

giúp nâng cao hiệu quả và tính chính xác của quá trình này. Cần xây dựng hệ thống dữ liệu về công tác giám sát chuyên đề, trong đó lưu trữ đầy đủ thông tin về các cuộc giám sát, kết quả thực hiện, mức độ khắc phục sai phạm sau giám sát...

Việc sử dụng phần mềm quản lý giám sát chuyên đề có thể giúp hệ thống hóa thông tin, tạo điều kiện cho việc tổng kết, phân tích dữ liệu một cách nhanh chóng, chính xác. Đồng thời, có thể xây dựng cơ sở dữ liệu số để theo dõi việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát, đảm bảo rằng các tổ chức, cá nhân được giám sát thực hiện nghiêm túc các kết luận giám sát và có báo cáo phản hồi một cách minh bạch.

Việc tổng kết công tác giám sát chuyên đề không chỉ giúp nâng cao chất lượng kiểm tra, giám sát mà còn là chìa khóa quan trọng để cải tiến phương pháp, nâng cao hiệu quả hoạt động của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ĐBSH. Để làm được điều này, cần xây dựng cơ chế tổng kết bài bản, thực chất, gắn kết với đào tạo cán bộ và ứng dụng công nghệ hiện đại. Khi công tác tổng kết được coi trọng, được thực hiện nghiêm túc và khoa học, chất lượng giám sát sẽ ngày càng được nâng cao, góp phần đảm bảo kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và xây dựng hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Tiểu kết Chương 4

Trước yêu cầu khách quan và tình hình thực tế của công cuộc đổi mới, công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn cách mạng mới, đòi hỏi chúng ta tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, phương pháp, cách thức tổ chức thực hiện. Do vậy việc nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT của cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH là một yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa chiến lược trong việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn mới, chuyển trọng tâm thực hiện tốt công tác giám sát chuyên đề bảo đảm các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH được tổ chức thực hiện kịp thời, có hiệu quả đúng định hướng, phương hướng, đúng quy định; gắn công tác giám sát với kiểm soát quyền lực; xây dựng cơ chế giám sát chuyên đề hiệu quả có khả năng cảnh báo sớm và phòng ngừa vi phạm ngay từ cơ sở, không để các vi phạm nhỏ tích tụ thành vi phạm nghiêm trọng; cùng với đó, đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác kiểm tra, giám sát; khẩn trương hoàn thiện, vận hành các phần mềm, ứng dụng, cơ sở dữ liệu công tác kiểm tra, giám sát.

Với các giải pháp nêu trên, nếu được triển khai một cách đồng bộ, nhất quán, có sự phối hợp nhịp nhàng của các cấp, cách ngành và sự ủng hộ của Nhân dân sẽ từng bước tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ, từng bước nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH, qua đó củng cố được và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng ở các tỉnh vùng ĐBSH trong giai đoạn hiện nay. Đây cũng là một những yếu tố, điều kiện căn bản để xây dựng tổ chức đảng ở các tỉnh ĐBSH ngày càng trong sạch, vững mạnh, góp phần thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị, phát triển KT - XH, an ninh – chính được đảm bảo, giữ vững.

KẾT LUẬN

1. Giám sát chuyên đề đối với tổ chức đảng, đảng viên là việc thu thập, phân tích, đánh giá thông tin để nhận diện đầy đủ, kịp thời những diễn biến, xu hướng trong tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và những vấn đề có thể ảnh hưởng đến sự lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng. Đây là hình thức giám sát quan trọng nhằm đảm bảo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được thực hiện đúng đắn, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những sai lệch, sai phạm ngay từ khi mới manh nha; đồng thời phát hiện các nhân tố mới, điển hình, hiệu quả để nhân rộng.

2. Chất lượng công tác giám sát chuyên đề là tổng hợp những giá trị, những thuộc tính đặc trưng, bản chất của công tác giám sát chuyên đề để đánh giá dựa trên các tiêu chí như sự quan tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cấp tỉnh và ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh; tính khách quan, công bằng trong quá trình giám sát; độ sâu sát, toàn diện và đúng trọng tâm của nội dung giám sát; khả năng phát hiện sai phạm và kiến nghị biện pháp xử lý kịp thời, hiệu quả; tính kịp thời trong triển khai và báo cáo kết quả giám sát và mức độ đóng góp vào việc nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên; qua đó, góp phần nâng cao vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, củng cố kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, đồng thời thúc đẩy sự phát triển KT - XH của các tỉnh ở ĐBSH hiện nay. Để đánh giá đúng chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH, cần xem xét một số các tiêu chí sau: (1) mức độ đúng đắn của chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề và việc tổ chức thực hiện; (2) mức độ quan hệ phối hợp giữa UBKT cấp ủy cấp tỉnh với các cơ quan tham mưu giúp việc cấp ủy; các tổ chức, cơ quan có liên quan; (3) mức độ kết quả công tác giám sát chuyên đề; (4) sự đồng tình của đối tượng giám sát đối với văn bản báo cáo kết quả giám sát và sự tín nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ,

đảng viên, Nhân dân đối với UBKT cấp ủy cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ giám sát chuyên đề.

3. Công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH từ năm 2020 đến nay có nhiều ưu điểm, tiến bộ, tuy nhiên vẫn còn những hạn chế, bất cập và đang đặt ra nhiều vấn đề. Những vấn đề này xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan, cho thấy cần có cách tiếp cận mới, tổng thể và phù hợp với thực tiễn phát triển trong giai đoạn hiện nay ở vùng ĐBSH.

4. Để nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2035 cần thực hiện tốt các giải pháp sau: (1) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu về nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng; (2) Chấp hành nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời cụ thể hóa để thực thi và thực thi có hiệu quả các quy định của Trung ương và xây dựng chương trình, kế hoạch công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh phù hợp với tình hình địa phương; (3) Nâng cao chất lượng đội ngũ ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh và cán bộ, công chức của cơ quan ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSH đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; (4) Phát huy mạnh mẽ vai trò của toàn hệ thống chính trị cấp tỉnh và các tầng lớp nhân dân địa phương trong việc tham gia công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng; (5) Tăng cường sự lãnh đạo của ban thường vụ tỉnh ủy; sự phối hợp của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, các sở, ban khối chính quyền, đoàn thể địa phương trong việc nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề; (6) Thường xuyên tổng kết công tác kiểm tra, giám sát, nhất là công tác giám sát chuyên đề để rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thành Trung (2023), *Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát tại Đảng bộ quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trong giai đoạn hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông – Học viện Báo chí và Tuyên truyền.... (Số 2, 2023, tr.173)
2. Nguyễn Thành Trung (2025), *Nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề của Đảng tại Đảng bộ Thành phố Hà Nội hiện nay*, Tạp chí Quản lý nhà nước (Số 1, tháng 7/2025, tr.95)
3. Nguyễn Thành Trung (2025), *Các yếu tố, tiêu chí để nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng*, Tạp chí Quản lý nhà nước... (Số 1, tháng 10/2025, tr.95)
4. Nguyễn Thành Trung (2025), *Nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT tỉnh ủy, thành ủy vùng đồng bằng sông Hồng*, Tạp chí Tổ chức Nhà nước và Lao động (Số 9, 2025, tr.94)
5. Nguyễn Thành Trung (2025), *Chất lượng công tác giám sát chuyên đề của Ủy ban Kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông – Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Số 4, 2025, tr.192)

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương, *Quy định số 294-QĐ/TW, ngày 26/5/2025 thi hành Điều lệ Đảng*, Hà Nội, 2025.
2. Ban Chấp hành Trung ương, *Quy định số 20-QĐ/TW, ngày 08/4/2026 thi hành Điều lệ Đảng*, Hà Nội, 2026.
3. Ban Chấp hành Trung ương, *Quy định số 296-QĐ/TW, ngày 30/5/2025 về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng*, Hà Nội, 2025.
4. Ban Chấp hành Trung ương, *Quy định số 21-QĐ/TW, ngày 11/4/2026 về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng*, Hà Nội, 2026.
5. Ban Chấp hành Trung ương, *Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 07/4/2026 về đổi mới, nâng cao hiệu lực công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng*, Hà Nội, 2026.
6. Ban Bí thư, *Hướng dẫn số 08-QĐ/TW, ngày 10/6/2025 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Quy định số 296-QĐ/TW, ngày 30/5/2025*, Hà Nội, 2025.
7. Ban Bí thư, *Quyết định số 168-QĐ/TW, ngày 28/12/2018, về việc ban hành Quy chế làm việc mẫu của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương (gọi chung là tỉnh ủy)*.
8. Ban Bí thư, *Quy định số 137-QĐ/TW, ngày 01/12/2023, về việc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương*
9. Ban Bí thư, *Quy định số 329-QĐ/TW, ngày 01/7/2025, về việc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương*
10. Ban Bí thư, *Quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng của cấp ủy tỉnh và tương đương đến cơ sở ban hành kèm theo Quyết định số 89-QĐ/TW, ngày 01/12/2022*, Hà Nội, 2022.

11. Ban Bí thư, *Quy định mẫu thực hiện kiểm tra, giám sát của các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ ban hành kèm theo Quyết định số 331-QĐ/TW, ngày 18/6/2025, Hà Nội, 2025.*
12. Ủy ban Kiểm tra Trung ương, *Quy trình thực hiện kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng ban hành kèm theo Quyết định số 354-QĐ/TW, ngày 22/12/2021, Hà Nội, 2021.*
13. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2022), *Quyết định số 89-QĐ/TW ngày 14/12/2022 ban hành quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng của cấp uỷ tỉnh và tương đương đến cơ sở.*
14. Bộ Chính trị, (2012), *Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 24-02-2012 về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay", Hà Nội.*
15. Bộ Chính trị (2010), *Kết luận số 72-KL/TW ngày 17-5-2010 của Bộ Chính trị khoá X về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2020.*
16. Bộ Chính trị (2018), *Quy định số 01-QĐ/TW ngày 10/5/2018 của Bộ Chính trị quy định về trách nhiệm và thẩm quyền của Ủy ban Kiểm tra trong công tác phòng, chống tham nhũng, Hà Nội.*
17. Bộ Chính trị (2022), *Kết luận số 34-KL/TW, ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030.*
18. Bộ Chính trị (2025), *Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương.*
19. B&Company World in Intelligence (2025), *Tình hình kinh tế các tỉnh đồng bằng sông Hồng sau khi sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh. Công ty nghiên cứu thị trường và tư vấn đầu tư đến từ Nhật Bản.*

20. Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hà Nội (2025), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025-2030* (Báo cáo chính trị).
21. Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hải Phòng (2025), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030* (Báo cáo chính trị).
22. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2025), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025-2030* (Báo cáo chính trị).
23. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình (2025), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030* (Báo cáo chính trị).
24. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (2025), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030* (Báo cáo chính trị).
25. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên (2025), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030* (Báo cáo chính trị).
26. Ủy ban Kiểm tra Trung ương, *Kế hoạch số 219-KH/UBKTTW, ngày 14/3/2025 triển khai thực hiện Chỉ đạo của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng, Hà Nội, 2025.*
27. Ủy ban Kiểm tra Trung ương, *Báo cáo số 258-BC/UBKTTW, ngày 21/5/2025, Báo cáo chuyên đề Một số vi phạm điển hình thường gặp qua công tác kiểm tra, giám sát, Hà Nội, 2025.*
28. Ủy ban Kiểm tra Trung ương, *Kế hoạch số 237-KH/UBKTTW, ngày 11/6/2025 triển khai thực hiện chỉ đạo của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đối với công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng, Hà Nội, 2025.*

29. Tung Bác (2018), *“Thảo luận một số vấn đề về tăng cường pháp trị trong thực hiện quyền điều tra của Ủy ban Giám sát”*, Tạp chí Khoa học xã hội Ninh Hạ (Trung Quốc), 2018, số 3.
30. Nguyễn Thị Thanh Bình (2021), *Yêu cầu về phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ kiểm tra hiện nay*, Tạp chí Giáo dục lý luận, số 10, 2021.
31. Lê Văn Cương – Nguyễn Mậu Tuân, *Công tác Kiểm tra, Giám sát, Kỷ luật Đảng – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Sách chuyên khảo, NXB. Lý Luận Chính trị, Hà Nội.
32. Mai Thế Dương (2016), *Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng qua 30 năm đổi mới*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Nguyễn Xuân Phương (Chủ biên), *Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2017.
34. Trần Thị Kim Dung (2021), *Nội dung, phương thức thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo việc đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị, số tháng 9, 2021.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (1999), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Quy chế, quy trình về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
46. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
47. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
48. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
49. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập 1*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
50. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập 2*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. Lý Lương Đồng (2020), *Cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
53. Lê Văn Giảng (2008), *Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giám sát của Ủy ban kiểm tra các cấp*, Sách chuyên khảo, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

54. Lê Văn Giảng (2014), *Giải pháp nâng cao chất lượng kiểm tra, giám sát cán bộ giai đoạn hiện nay*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Lê Văn Giảng, Cao Văn Thống (Đồng chủ biên) (2015), *Phương thức lãnh đạo của Đảng trong công tác kiểm tra, giám sát*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2015), *Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở*, Giáo trình Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính, NXB. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
57. Trần Duy Hưng (2020), *Một số vấn đề nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống cơ quan kiểm tra của Đảng*, Tạp chí Xây dựng Đảng điện tử, ngày 08/6/220.
58. Trần Duy Hưng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng*, Sách chuyên khảo, Nxb. Lao động
59. Tần Tiến Hồng (2020), *Vấn đề Pháp trị trong cải cách Giám sát*, Sách chuyên khảo, NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật.
60. Hoàng Nam Hải (2020), *Mô hình cơ quan chống tham nhũng của Trung Quốc và giá trị tham khảo với Việt Nam*, Trang thông tin điện tử tổng hợp Ban Nội chính Trung ương, ngày 12/02/2022.
61. Lê Hồng Liêm (2010), *Một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, trở ngại của ủy ban kiểm tra các cấp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Lê Hồng Liêm (2011), *Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
63. Phạm Ngọc Lợi (2017), *Chất lượng công tác kiểm tra của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở miền Đông Nam Bộ giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

64. Đặng Thị Kim Ngân và Lương Văn Liệu (2020), *Một số quan điểm đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác kiểm tra, giám sát trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng*, Tạp chí Kiểm tra số 116.
65. Vũ Trọng Lâm (2022), *Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát người đứng đầu cấp ủy, làm căn cứ để đánh giá và rà soát, sàng lọc cán bộ*, Tạp chí Cộng sản ngày 16/10/2022.
66. Vương Lệ Lệ (2015), “*Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật Trung ương: Dùng kỷ luật sắt để xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra, giám sát, kỷ luật*”.
67. Trần Thu Minh (2017), *Những phát triển mới trong chế độ kiểm tra, giám sát của Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 1, 2017.
68. Nguyễn Văn Nhân (Chủ nhiệm đề tài) (2015), *Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra đối với hoạt động các đoàn kiểm tra*, Đề tài khoa học mã số KHBD - 14, Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì.
69. Nguyễn Văn Nhân (2017), *Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra đối với hoạt động các đoàn kiểm tra*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
70. Phạm Thành Nam (2017), *Một số vấn đề về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng*, Sách chuyên khảo, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội
71. Phạm Thành Nam (2017), *Chất lượng công tác kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy ở Đồng Bằng sông Hồng giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
72. Nguyễn Hồng Nhung (2022), *Nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong bối cảnh mới*, Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông, Chuyên đề số 1 (tháng 4/2022).

73. Vũ Kiều Oanh (2021), *Ủy ban Giám sát nhà nước – thiết chế đặc biệt kiểm soát quyền lực nhà nước ở Trung Quốc*, Khoa học xã hội Việt Nam số 12 năm 2021.
74. Đặng Đình Phú - Trần Duy Hưng (Đồng Chủ biên) (2008), *Công tác giám sát trong Đảng giai đoạn hiện nay* – Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
75. Chăn Sy Seng Sôm Phu (2017), *Chất lượng công tác kiểm tra của ủy ban kiểm tra đảng và nhà nước cấp tỉnh ở các tỉnh phía Bắc nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
76. Thu Phương (2022), *Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của đảng & những điều đảng viên không được làm*, Sách chuyên khảo, Nxb. Thế giới.
77. Đào Bua La Pha Ba Vông Phết (2017), *Chất lượng công tác kiểm tra của Đảng Nhân dân cách mạng Lào trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
78. Ủy ban Kiểm tra Trung ương (2018), *Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng* (Tài liệu nghiệp vụ dùng cho cấp cơ sở), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
79. Ủy ban Kiểm tra Trung ương (2020), *Kế hoạch số 52-KH/TW ngày 18/4/2022 thực hiện Kết luận số 34-KL/TW, ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030*.
80. Ủy ban Kiểm tra Trung ương (2021), *Quyết định số 354-QĐ/UBKTTW ngày 22/12/2021 về các quy trình thực hiện kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng để cán bộ, đảng viên*.
81. Ủy ban Kiểm tra Trung ương (2025), *Tài liệu hướng dẫn Chuyên đề năm tình hình, giám sát thường xuyên đối với tổ chức đảng và đảng viên*.

82. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Sơn La (2022), *Nghiên cứu đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giám sát của Ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ tỉnh Sơn La*, đề tài khoa học cấp tỉnh
83. Shoshana Zuboff (2019), *Kỷ nguyên Chủ nghĩa tư bản Giám sát*, Sách chuyên khảo, NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật.
84. Bùi Thị Bích Thủy (2023). *Nâng cao chất lượng công tác giám sát và phản biện xã hội góp phần thực hiện dân chủ ở cơ sở*. Tạp chí Quản Lý Nhà nước.
85. Cao Văn Thống (2011), *Đổi mới phương thức kiểm tra, giám sát của Đảng*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
86. Cao Văn Thống (2012), *Nâng cao chất lượng công tác tham mưu của ủy ban kiểm tra trong tình hình hiện nay*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
87. Cao Văn Thống, Đỗ Xuân Tuất, Dương Trung Ý đồng chủ biên (2015): *Đổi mới phương thức kiểm tra giám sát của Đảng trong tình hình hiện nay*
88. Hà Quốc Trị (Chủ nhiệm đề tài) (2015), *Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với phòng, chống lãng phí ở nước ta hiện nay - Những vấn đề đặt ra và giải pháp*, Đề tài khoa học mã số KHBĐ-16, Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì.
89. Hà Quốc Trị (2026), *Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong bối cảnh tình hình biến đổi và thực hiện mô hình chính quyền 3 cấp hiện nay*. Tạp chí Cộng sản (tháng 01/2026).
90. Cao Văn Thống (2015), *Tăng cường hiệu lực, hiệu quả giám sát của Ủy ban kiểm tra trong tình trạng hiện nay*, Lịch sử Đảng - Số 3, Tr.39-45,
91. Cao Văn Thống (2017), *Cấp ủy các cấp của Đảng Cộng sản Trung Quốc thực hiện công tác giám sát trong Đảng*, Tạp Chí Cộng sản, ngày 18/10/2017.

92. Phạm Quang Thanh (2016), *Chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của các đảng uỷ học viện, trường sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.
93. Nguyễn Thị Bảo Trân (2017), *Một số kinh nghiệm trong hoạt động giám sát chuyên đề của Ủy ban Kiểm tra Đảng uỷ Khối các cơ quan tỉnh Vĩnh Long*, Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông, số chuyên đề 2 năm 2017.
94. Tiêu Bồi (2018), “*Thúc đẩy cải cách thể chế kiểm tra kỷ luật của Đảng và thể chế giám sát của nhà nước*”, Nhân dân Nhật báo (Trung Quốc), ngày 18/3/2018, số 10.
95. Cao Văn Thống (2019), *Hoàn thiện mô hình uỷ ban kiểm tra đảng các cấp nhằm tối ưu hoá kiểm soát quyền lực gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng*, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 31/12/2019.
96. Trần Đức Thắng (2019), *Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra các cấp*, Tạp chí Cộng sản - Số 932, tháng 12/2019,
97. Cao Văn Thống (2020), *Hoàn thiện các phương pháp cơ bản thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng*, NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật.
98. Cù Thị Thúy Lan (2023), *Cải cách cơ chế giám sát và vận hành và vận hành quyền lực ở Trung Quốc*, Tạp Chí Cộng sản ngày 26/11/2023
99. Nguyễn Phú Trọng (2020), *Công tác kiểm tra, giám sát góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XII*, Tạp chí Kiểm tra số 123.
100. Nguyễn Thị Thành (2025), *Công tác kiểm tra, giám sát đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay theo Tư tưởng Hồ Chí Minh*. Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Chính trị học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

101. Phạm Quang Thanh (2022), *Bồi dưỡng phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ kiểm tra theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tạp chí Giáo dục lý luận, số 337, (3/2022).
102. Khăm Phăn Mi La Vông (2005), *Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra của Đảng (cấp tỉnh) ở nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào hiện nay*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
103. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
104. Phạm Thái Hà (2026), *Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát ở cấp xã trong bối cảnh chính quyền địa phương 2 cấp hiện nay*. Tạp chí Cộng sản (tháng 5/2026).
105. Nguyễn Thị Minh Phương (2026), *Một số vấn đề lý luận về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đối với việc lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và sử dụng đất đai*. Tạp chí điện tử lý luận chính trị (tháng 5/2026).
106. Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*.

PHỤ LỤC 1 CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG TRƯỚC KHI SÁP NHẬP

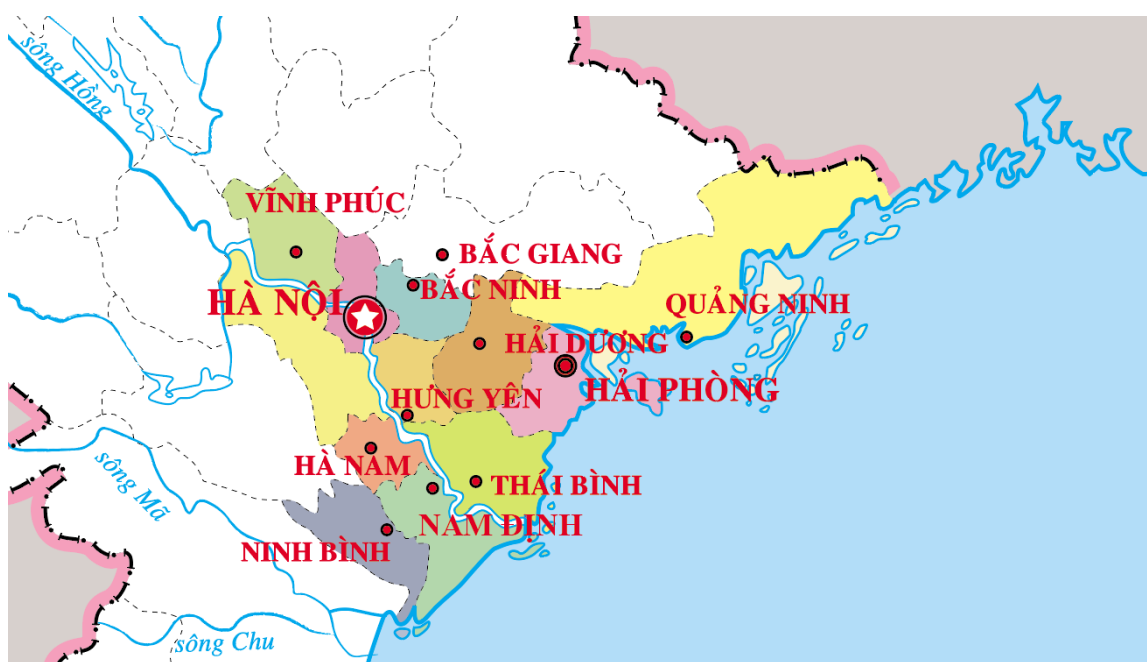
Quy hoạch của vùng đồng bằng Sông Hồng tại Quyết định 368/QĐ-TTg ngày 04/05/2024, thì vùng đồng bằng sông Hồng bao gồm toàn bộ lãnh thổ đất liền, các đảo, quần đảo và không gian biển của 11 tỉnh, thành phố.

- Phía Bắc, Đông Bắc và phía Tây, Tây Nam giáp vùng trung du và miền núi phía Bắc;

- Phía Nam giáp vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung;

- Phía Đông giáp Vịnh Bắc Bộ.

Dưới đây là bản đồ tỉnh thành vùng đồng bằng sông Hồng mới nhất hiện nay.



(Bản đồ tỉnh, thành vùng đồng bằng sông Hồng)

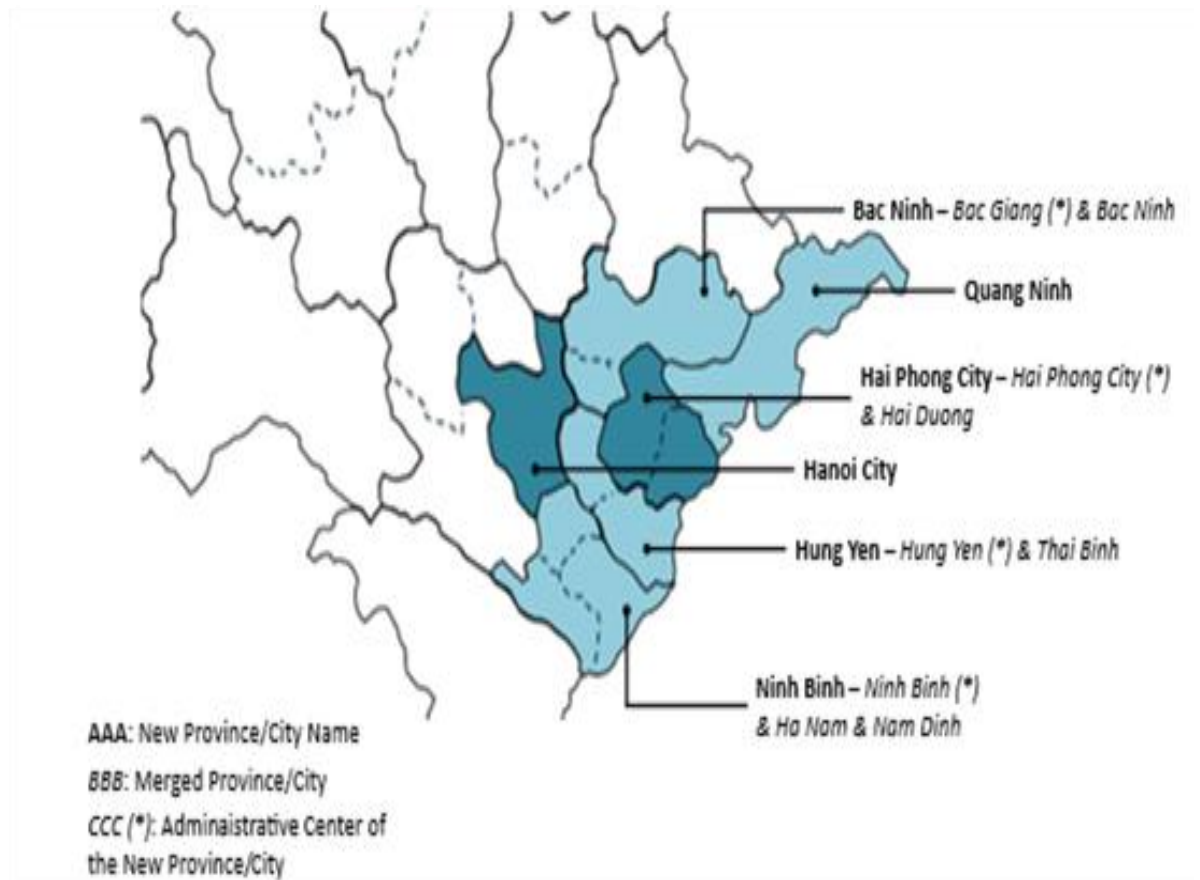
**Dân số, diện tích GDP và GRDP các tỉnh đồng bằng sông Hồng
trước khi sáp nhập đơn vị hành chính 30/6/2025**

STT	Các tỉnh	Dân số (Đơn vị tính: nghìn người)	Tổng diện tích (Đơn vị: Km²)	GDP (Đơn vị: Tỷ VND)	Tốc độ tăng trưởng (Đơn vị: %)
1	Hà Nội	8,718	3,360	1,426,000	6.52
2	Quảng Ninh	1,397	6,208	347,500	8.42
3	Hải Phòng	2,088	1,526	445,995	11.07
4	Hải Dương	1,946	1,668	212,386	10.02
5	Bắc Ninh	1,488	0,822	232,000	6.03
6	Vĩnh Phúc	1,197	1,236	173,140	7.52
7	Ninh Bình	1,010	1,411	98,900	8.52
8	Hưng Yên	1,290	0,930	159,844	7.7
9	Thái Bình	1,878	1,584	71,326	7.01
10	Hà Nam	0, 878	0,861	56,116	10.93
11	Nam Định	1,876	1,668	113,329	10.01
Tổng cộng		23,766	18,24	3336,536	8.52

PHỤ LỤC 2

CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG SAU KHI SÁP NHẬP

**Đơn vị hành chính cấp tỉnh Đồng bằng sông Hồng
sau sáp nhập đơn vị hành chính 01/7/2025**



Nguồn: B&Company

**Dân số, diện tích GDP và GRDP các tỉnh đồng bằng sông Hồng
sau khi sáp nhập đơn vị hành chính từ ngày 01/7/2025**

STT	Các tỉnh	Dân số (Đơn vị tính: nghìn người)	Tổng diện tích (Đơn vị: Km ²)	GDP (Đơn vị: Tỷ VND)	Tốc độ tăng trưởng (Đơn vị: %)
1	Thành phố Hà Nội	8,718	3,360	1,426,000	6.5
2	Thành phố Hải Phòng	4,103	3,195	658,381	10.7
3	Bắc Ninh	3,509	4,719	439,000	9.6
4	Quảng Ninh	1,397	6,208	347,500	8.4
5	Ninh Bình	3,819	3,943	268,345	9.7
6	Hưng Yên	3,208	2,515	231,170	7.5
Tổng cộng		24,754	23,938	3,374,396	8.2

*Nguồn: Nghị quyết số 60-NQ/TW, Quyết định số 759/QĐ-TTg, Tổng cục
Thống kê (GSO), Cục Thống kê Tỉnh, Tổng hợp B&Company*

Bối cảnh kinh tế và định hướng phát triển của các tỉnh
Đồng bằng sông Hồng sau khi sáp nhập

Các tỉnh	Bối cảnh kinh tế	Định hướng phát triển kinh tế có thể
Hà Nội	Mặc dù không thay đổi, Hà Nội vẫn là trung tâm kinh tế của miền Bắc Việt Nam, đóng vai trò là mắt xích quan trọng trong 4/5 hành lang kinh tế. Sự tăng trưởng của nền kinh tế Hà Nội sẽ tiếp tục được khuếch đại khi các địa phương xung quanh phát triển về quy mô kinh tế và kết nối	· Thúc đẩy thương mại, hậu cần, tài chính và du lịch bền vững; · Phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao và tuần hoàn; · Phát triển nông nghiệp công nghệ cao.
Hải Phòng <i><u>Được hợp nhất từ: Thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương.</u></i>	Việc sáp nhập này cải thiện hoạt động logistics đường biển của thành phố Hải Phòng với cơ cấu nội địa của Hải Dương. Nó tạo ra một cơ sở hạ tầng logistics kết nối với các trung tâm công nghiệp trong khu vực	· Ưu tiên các ngành sản xuất công nghệ cao, bao gồm điện tử, máy móc, ô tô, v.v. · Phát triển dịch vụ cảng biển và logistics; · Phát triển kinh tế biển.
Bắc Ninh <i><u>Được hợp nhất từ: tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang.</u></i>	Sự sáp nhập này tạo ra một tỉnh công nghiệp lớn, kết nối hệ sinh thái công nghiệp đã được thiết lập tại Bắc Ninh với thị trường lao động và đất công nghiệp tại Bắc Giang.	· Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, huy động vốn đầu tư nước ngoài
Quảng Ninh	Mặc dù không thay đổi, Quảng Ninh vẫn có cơ cấu kinh tế đa dạng, với nền kinh	· Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao; · Thúc đẩy các ngành công

	tế biển, du lịch và logistics mạnh. Việc sáp nhập giúp Quảng Ninh kết nối tốt hơn với nền kinh tế Đồng bằng sông Hồng, đồng thời phát triển kinh tế biển với các tỉnh ven biển khác	nghiệp xanh và các lĩnh vực năng lượng xanh; · Tăng cường phát triển ngành logistics, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; · Phát triển kinh tế biển.
Ninh Bình <i>Được hợp nhất từ: tỉnh Hà Nam, tỉnh Nam Định và tỉnh Ninh Bình.</i>	Sự sáp nhập này tạo ra một vùng kinh tế cân bằng với sự tăng trưởng công nghiệp và hậu cần của Hà Nam, sản xuất truyền thống của Nam Định và nền kinh tế du lịch và tài nguyên nông nghiệp của Ninh Bình.	· Phát triển du lịch bền vững lấy mạng lưới di sản làm trọng tâm; · Ưu tiên các ngành sản xuất công nghệ cao; · Thu hút đầu tư nước ngoài.
Hưng Yên <i>Được hợp nhất từ: tỉnh Hưng Yên và tỉnh Thái Bình.</i>	Việc sáp nhập mở rộng cơ sở kinh tế của Hưng Yên với nền kinh tế biển, nông nghiệp và năng lượng tái tạo của Thái Bình đồng thời củng cố ngành công nghiệp của tỉnh.	· Phát triển vành đai công nghiệp gần thành phố Hà Nội, tập trung vào các ngành công nghiệp công nghệ cao; · Mở rộng các khu công nghiệp về phía ven biển; · Phát triển kinh tế biển gắn với các địa phương ven biển khác.

Nguồn: Quy hoạch kinh tế các tỉnh Đồng bằng sông Hồng, Tổng hợp của

B&Company

PHỤ LỤC 03
BẢNG BIỂU
KẾT QUẢ KHẢO SÁT BẰNG PHIẾU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN
(Thời gian thực hiện: 2025 - 2026)

1. Khái quát về đặc điểm đại bản khảo sát và đặc điểm cơ cấu mẫu khảo sát

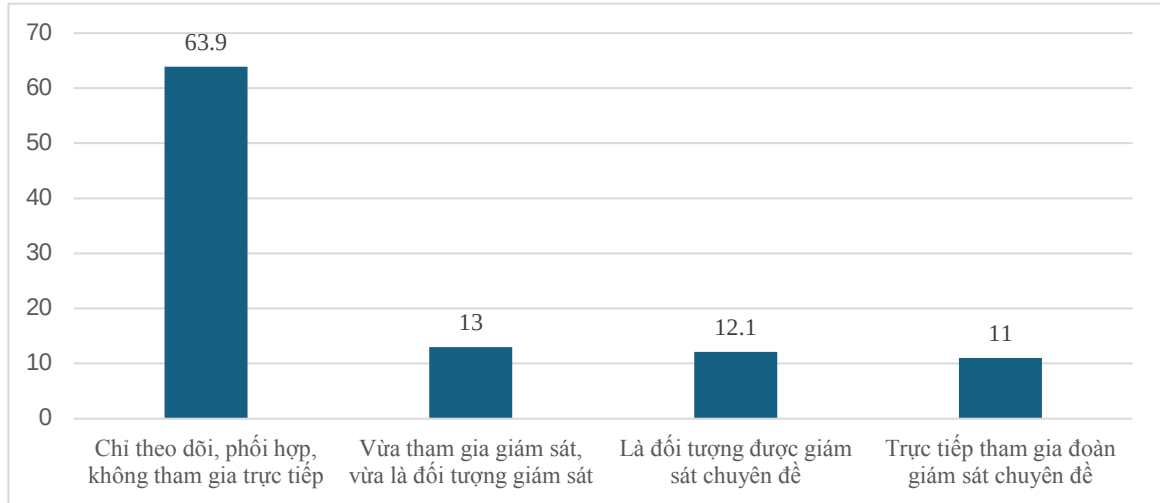
Bảng 3.1: Đặc điểm khách thể nghiên cứu

Biến khảo sát	Đối tượng	Tần suất (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	469	46
	Nữ	551	54
Nhóm tuổi	Từ 18-30	173	17
	Từ 31-40	432	42,4
	Từ 41 trở lên	415	40,7
Dân tộc	Kinh	959	94,1
	Khác	61	5,9
Địa bàn	Hà Nội	202	19,8
	Hải Phòng	206	20,2
	Quảng Ninh	154	15,1
	Ninh Bình	156	15,3
	Bắc Ninh	151	14,8
	Hưng Yên	151	14,8
Trình độ học vấn	Trung cấp	11	1,1
	Cao đẳng	3	0,3
	Đại học	640	62,7
	Sau Đại học	366	35,9
Chức danh	Lãnh đạo UBKT Tỉnh ủy	4	0,4
	Ủy viên/Kiểm tra viên	33	3,2
	Lãnh đạo cấp ủy cấp dưới/Sở, ngành	41	4
	Đảng viên	942	92,4
Thời gian sinh hoạt Đảng	Dưới 5 năm	455	44,8
	Từ 5 đến dưới 10 năm	276	27,2
	Từ 10 đến dưới 15 năm	166	16,3
	Từ 15 năm trở lên	119	11,7
Trình độ lý luận chính trị	Chưa có	200	19,6
	Đã có	820	80,4
	- Sơ cấp	385	47
	- Trung cấp	350	42,7
	- Cao cấp	85	10,4

Nguồn: Số liệu qua khảo sát tại các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

1. Sự tham gia và vai trò của đảng viên trong công tác giám sát chuyên đề.

Biểu đồ 3.1: Thống kê các trường hợp của Đảng viên trong 5 năm gần đây



Nguồn: Số liệu qua khảo sát tại các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

Bảng 3.2: Cơ cấu mức độ tham gia của đảng viên trong công tác giám sát chuyên đề theo nhóm tuổi (5 năm gần đây)

Đối tượng	18-30	31-40	Trên 40	Tỷ lệ
Trực tiếp tham gia đoàn giám sát chuyên đề	8,7	3,5	19,8	11
Là đối tượng được giám sát chuyên đề	13,3	15,5	8	12,1
Vừa tham gia giám sát, vừa là đối tượng giám sát	20,8	7,9	15,2	13
Chỉ theo dõi, phối hợp, không tham gia trực tiếp	57,2	73,1	57,1	63,9
Tổng	100			

$P < 0,05$

Nguồn: Số liệu qua khảo sát tại các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

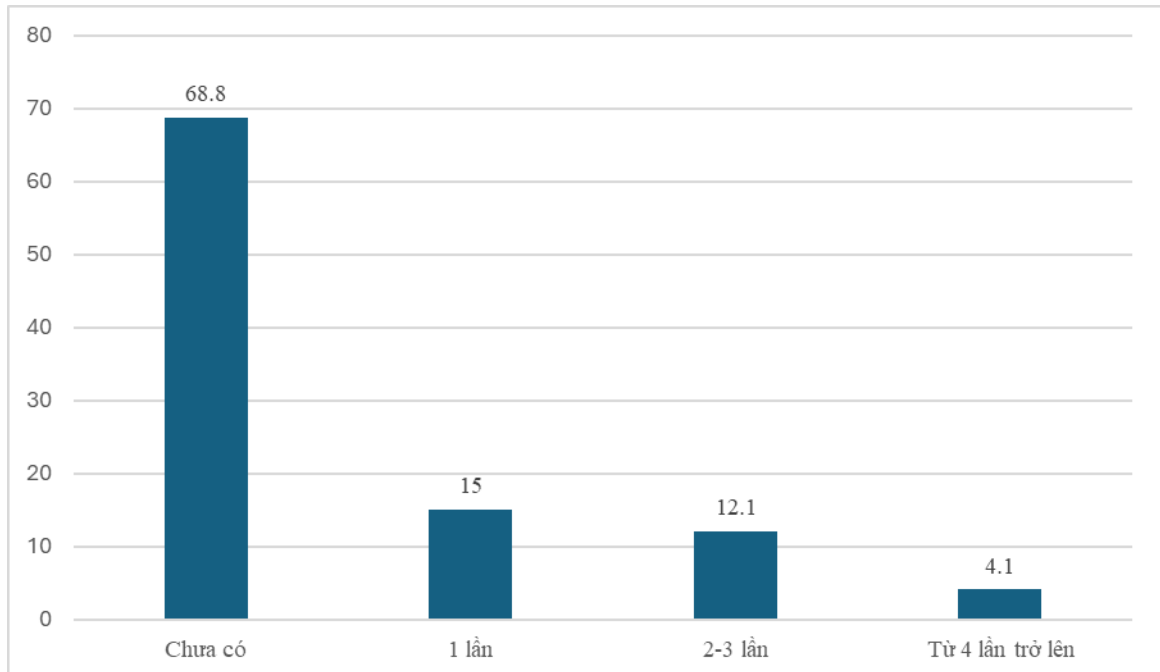
Bảng 3.3: Cơ cấu mức độ tham gia giám sát chuyên đề của đảng viên theo thâm niên sinh hoạt đảng (5 năm gần đây)

Đối tượng	Dưới 5 năm	Từ 5 đến dưới 10 năm	Từ 10 đến dưới 15 năm	Từ 15 năm trở lên	Tỷ lệ
Trực tiếp tham gia đoàn giám sát chuyên đề	5,9	13,8	16,3	16,8	11
Là đối tượng được giám sát chuyên đề	13,4	12	14,5	4,2	12,1
Vừa tham gia giám sát, vừa là đối tượng giám sát	11	10,9	15,7	22,7	13
Chỉ theo dõi, phối hợp, không tham gia trực tiếp	69,7	63,4	53,6	56,3	63,9
Tổng	100				

$P < 0,05$

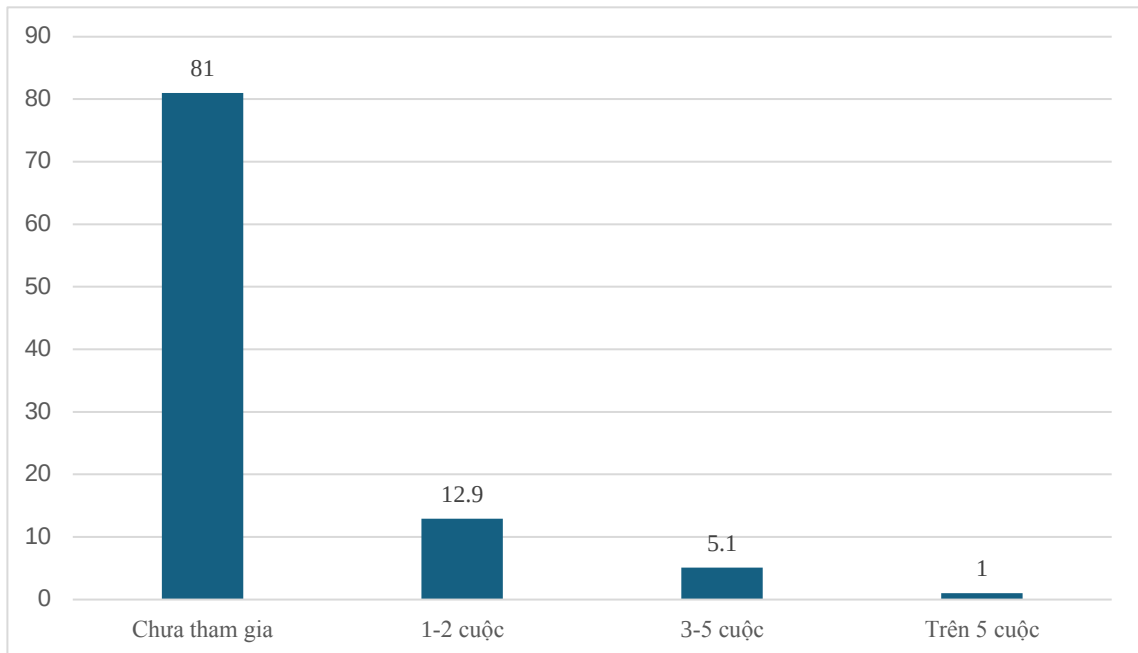
Nguồn: Số liệu qua khảo sát tại các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

Biểu đồ 3.2: Số lần tham gia đoàn giám sát chuyên đề trong 5 năm của đảng viên



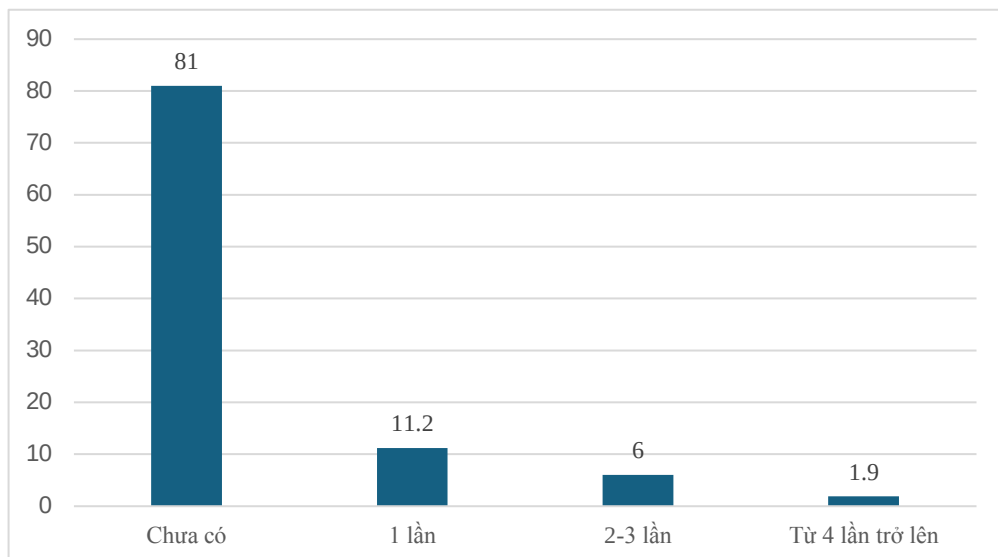
Nguồn: Số liệu qua khảo sát tại các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

Biểu đồ 3.3: Số lượng cuộc giám sát chuyên đề cấp tỉnh đảng viên tham gia



Nguồn: Số liệu qua khảo sát tại các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

Biểu đồ 3.4: Số lần đảng viên được đưa vào diện giám sát chuyên đề trong 5 năm gần đây



Nguồn: Số liệu qua khảo sát tại các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

2. Kết quả, ưu điểm và hạn chế, nguyên nhân qua công tác khảo sát

2.1. Kết quả

- Chất lượng xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề (bao gồm xác định nội dung, đối tượng, thời điểm, phương pháp, tổ chức lực lượng và phân công thực hiện)

Bảng 3.4: Đánh giá về mức độ phù hợp và khoa học trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở Đồng bằng sông Hồng

Nội dung	Trung bình
Chương trình giám sát được xây dựng trên cơ sở phân tích sát tình hình thực tiễn của địa phương	3,96
Kế hoạch giám sát được xây dựng chặt chẽ, có lộ trình, thời gian và yêu cầu cụ thể	3,95
Nội dung giám sát chuyên đề tập trung vào các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực	3,95
Đối tượng giám sát được xác định rõ ràng, đúng thẩm quyền, đúng trọng điểm	3,95
Việc lựa chọn nội dung giám sát có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, hình thức	3,94
Phân công trách nhiệm giữa các tổ chức, cá nhân trong giám sát rõ ràng, cụ thể	3,94
Việc xây dựng chương trình giám sát chuyên đề được thực hiện chủ động, bài bản ngay từ đầu năm hoặc đầu nhiệm kỳ	3,94
Việc tổ chức lực lượng tham gia giám sát bảo đảm đủ năng lực, kinh nghiệm	3,94
Thời điểm và tiến độ giám sát được lựa chọn phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương	3,94
Phương pháp tiến hành giám sát chuyên đề được lựa chọn phù hợp, linh hoạt, hiệu quả	3,90

Nguồn: Số liệu qua khảo sát tại các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

- Về mức độ phù hợp của công tác giám sát chuyên đề với điều kiện thực tiễn và hiệu quả phối hợp liên ngành.

Bảng 3.5: Các yếu tố về môi trường, điều kiện công tác và sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan hiện nay tạo thuận lợi ở mức độ nào cho việc thực hiện giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở Đồng bằng sông Hồng

Nội dung	Trung bình
Chương trình giám sát bám sát nhiệm vụ chính trị và bối cảnh đặc thù của địa phương	3,95
Kết quả giám sát chuyên đề nhận được sự đồng thuận và nhất trí cao giữa các cơ quan cùng tham gia	3,95
Các cơ quan thống nhất tập trung giám sát vào những vấn đề bức xúc, nhạy cảm dư luận quan tâm	3,94
Sự phối hợp giúp tận dụng được thế mạnh chuyên môn sâu của từng cơ quan	3,94
Tổ chức bộ máy tinh gọn và trình độ chuyên môn của cán bộ kiểm tra đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ	3,93
Cơ chế chia sẻ thông tin giữa các cơ quan giúp nắm bắt bức tranh đầy đủ về đối tượng giám sát	3,93
Việc phối hợp giúp loại bỏ hiệu quả tình trạng chồng chéo về nội dung và đối tượng giám sát	3,93
Các điều kiện về thời gian, kinh phí và phương tiện phục vụ giám sát chuyên đề được đảm bảo	3,93
Công tác phối hợp giúp phát hiện sớm và chính xác các dấu hiệu bất thường, sai phạm	3,92
Các cơ chế, chính sách và quy định hiện hành tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho công tác giám sát	3,90

Nguồn: Số liệu qua khảo sát tại các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

- Về kết quả thực hiện nhiệm vụ của công tác giám sát chuyên đề

Bảng 3.6: Đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ của công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng hiện nay

Nội dung	Trung bình
Kết luận giám sát chỉ rõ ưu điểm để phát huy và khuyết điểm để khắc phục, sửa chữa	3,96
Các kiến nghị sau giám sát được thực hiện nghiêm túc, đúng thời hạn	3,95
Các cuộc giám sát chuyên đề hoàn thành đầy đủ nội dung, yêu cầu theo kế hoạch đề ra	3,95
Đối tượng giám sát có sự chuyển biến, tuân thủ tốt hơn các quy định của Đảng, Nhà nước	3,95
Các vấn đề tồn tại, vướng mắc được giải quyết triệt để sau khi có kết luận giám sát	3,92

Nguồn: Số liệu qua khảo sát tại các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng
- Về sự chuyển biến nhận thức sau khi thực hiện giám sát chuyên đề

Bảng 3.7: Đánh giá về sự chuyển biến nhận thức của các tổ chức đảng và cá nhân đảng viên được giám sát sau kết luận giám sát chuyên đề

Nội dung	Trung bình
Tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ có sự cải thiện rõ rệt trong thực tế	3,96
Các sai sót tương tự không còn tái diễn, cho thấy nhận thức về kỷ luật đã được chuyển hóa thành hành động	3,93
Đối tượng giám sát tự giác thừa nhận và không né tránh các hạn chế, khuyết điểm được chỉ ra	3,92
Cán bộ, đảng viên chủ động đề xuất các biện pháp khắc phục sai sót mà không đợi chỉ đạo từ cấp trên	3,90
Việc tự phê bình và phê bình tại đơn vị trở nên thực chất hơn, không còn nể nang, né tránh	3,88

Nguồn: Số liệu qua khảo sát tại các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

- Về Uy tín, tín nhiệm của cấp ủy và đảng bộ cấp dưới đối với UBKT thực hiện nhiệm vụ giám sát chuyên đề

Bảng 3.8: Đánh giá về mức độ uy tín và sự tín nhiệm của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở Đồng bằng sông Hồng

Nội dung	Trung bình
Kết quả giám sát góp phần quan trọng củng cố sự đoàn kết, thống nhất và niềm tin trong nội bộ Đảng	4,01
Kết quả giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra được cấp ủy tin tưởng sử dụng làm căn cứ cho lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành ở địa phương	4,01
Kết luận và kiến nghị sau giám sát của ủy ban kiểm tra được cấp ủy và tổ chức đảng cấp dưới nghiêm túc tiếp thu, chấp hành và triển khai thực hiện	4,00
UBKT thực hiện giám sát đúng quy trình, quy định, công khai, minh bạch, không có biểu hiện nể nang hoặc né tránh	4,00
Đối tượng được giám sát tự giác, triệt để thực hiện các kết luận và kiến nghị của UBKT	3,99
Đảng bộ cấp dưới phối hợp chủ động, cung cấp thông tin trung thực, không né tránh hay giấu khuyết điểm	3,99
Cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới tin tưởng vào tính khách quan, công tâm của UBKT khi thực hiện giám sát chuyên đề	3,97
Các tổ chức đảng, cá nhân được giám sát chủ động phối hợp, cung cấp thông tin, tài liệu đầy đủ, kịp thời cho đoàn giám sát	3,96

Nguồn: Số liệu qua khảo sát tại các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

- Về sự tín nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với công tác giám sát chuyên đề

Bảng 3.9: Đánh giá về sự tín nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với công tác giám sát chuyên đề tại địa phương Đảng viên đang công tác

Nội dung	Trung bình
Qua giám sát chuyên đề, hình ảnh và vai trò của ủy ban kiểm tra cấp tỉnh được cán bộ, đảng viên và nhân dân đánh giá tích cực hơn	3,98
Kết luận giám sát chuyên đề được cán bộ, đảng viên và nhân dân nhìn nhận là xác đáng, có cơ sở và thuyết phục	3,98
Công tác giám sát chuyên đề góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng ở địa phương	3,97
Nhân dân đồng tình và ủng hộ các hoạt động giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp tỉnh khi được thông tin công khai	3,96
Cán bộ, đảng viên đánh giá cao tính nghiêm túc, khách quan của công tác giám sát chuyên đề do ủy ban kiểm tra cấp tỉnh thực hiện	3,95
Cán bộ, đảng viên tin tưởng rằng giám sát chuyên đề góp phần phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm trong tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ	3,95

Nguồn: Số liệu qua khảo sát tại các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

1.2. Ưu điểm, hạn chế và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề qua công tác khảo sát

***Nguyên nhân của những ưu điểm**

Bảng 3.10: Nguyên nhân chủ yếu giúp phát huy những ưu điểm trong công tác giám sát chuyên đề tại đơn vị hiện nay

Nội dung	Tỷ lệ
Sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của cấp ủy các cấp	89,5
Chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề được xây dựng bài bản, có trọng tâm, trọng điểm, sát thực tiễn	68,3
Vai trò chủ động, trách nhiệm của Ủy ban Kiểm tra trong tham mưu và tổ chức thực hiện giám sát chuyên đề	56,1
Đội ngũ cán bộ kiểm tra có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu	56,4
Quy trình, phương pháp giám sát chuyên đề rõ ràng, chặt chẽ, đúng quy định của Đảng	53,2
Sự phối hợp chặt chẽ giữa ủy ban kiểm tra với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình giám sát	27
Tinh thần hợp tác, chấp hành nghiêm túc của tổ chức đảng và cá nhân được giám sát	23,3
Hệ thống văn bản, cơ chế, chính sách về công tác kiểm tra, giám sát ngày càng hoàn thiện	18,3
Điều kiện bảo đảm cho công tác giám sát chuyên đề được quan tâm	13,3
Sự đồng thuận, ủng hộ của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với hoạt động giám sát chuyên đề	21,3
Đổi mới phương pháp giám sát và ứng dụng công nghệ thông tin	23,2
Nguyên nhân khác	1

Nguồn: Số liệu qua khảo sát tại các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

*** Nguyên nhân của những hạn chế**

Bảng 3.11: Nguyên nhân nào dưới đây là rào cản chủ yếu trong việc thực hiện công tác giám sát chuyên đề tại đơn vị/địa phương hiện nay

Nội dung	Tỷ lệ
Nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, ý nghĩa của công tác giám sát chuyên đề, còn coi giám sát là nhiệm vụ hình thức hoặc chỉ để hoàn thành chỉ tiêu	86,4
Tư duy e ngại, né tránh trong tiếp nhận giám sát, nhất là đối với người đứng đầu	70,6
Chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra chưa đồng đều, còn hạn chế về trình độ, kỹ năng	54,1
Thiếu cán bộ kiểm tra chuyên trách hoặc số lượng cán bộ mỏng	45,6
Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn	42,8
Phương pháp giám sát còn truyền thống, chậm đổi mới, ứng dụng CNTT chưa hiệu quả	35,3
Sự phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với các cơ quan chức năng liên quan chưa chặt chẽ	21,1
Một số cuộc giám sát chưa làm rõ trách nhiệm, kết luận còn chung chung	24
Cơ chế theo dõi, đôn đốc sau giám sát chưa hiệu quả	16,7
Việc xử lý trách nhiệm sau giám sát chưa đủ nghiêm	21,6
Công khai, minh bạch kết quả giám sát chưa đồng bộ	15,7
Nguyên nhân khác	0,9

Nguồn: Số liệu qua khảo sát tại các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

*** Giải pháp đặt ra để nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề qua khảo sát**

Bảng 3.12: Những giải pháp nào sau đây cần được ưu tiên nhằm nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng trong thời gian tới

Nội dung	Tỷ lệ
Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu về vai trò, ý nghĩa của công tác giám sát chuyên đề	88,4
Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và kịp thời các quy định, quy trình của Trung ương; cụ thể hóa phù hợp điều kiện địa phương	83,8
Xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề hằng năm có trọng tâm, trọng điểm	62
Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra	43,7
Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra về bản lĩnh, chuyên môn, kỹ năng	55,6
Đổi mới nội dung, phương pháp giám sát chuyên đề	27,9
Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giám sát	29,8
Mở rộng dân chủ trong Đảng bộ, phát huy vai trò phản biện, giám sát	13,6
Phát huy vai trò của hệ thống chính trị và nhân dân trong giám sát	15,6
Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và phối hợp liên ngành	15,1
Nâng cao hiệu quả theo dõi, đôn đốc và xử lý sau giám sát	12
Thường xuyên tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm công tác giám sát	15,5
Giải pháp khác	0,8

Nguồn: Số liệu qua khảo sát tại các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

MẪU PHIẾU KHẢO SÁT

Để giúp nghiên cứu sinh thực hiện đề tài nghiên cứu: ***“Chất lượng công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng hiện nay”***, đề nghị các đồng chí trả lời các câu hỏi dưới đây, những ý kiến đóng góp của đồng chí sẽ giúp chúng tôi hoàn thành đề tài nghiên cứu.

Kính mong đồng chí quan tâm, dành thời gian trả lời bằng câu hỏi. Mọi thông tin trả lời của đồng chí sẽ được sử dụng vào mục đích nghiên cứu, đảm bảo tính khuyết danh, đồng chí không cần ghi tên.

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ

2. Năm sinh:

3. Dân tộc:

4. Địa bàn: Các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng hiện nay

(1) Hà Nội

(2) Hải Phòng

(3) Quảng Ninh

(4) Ninh Bình

(5) Bắc Ninh

(6) Hưng Yên.

5. Trình độ học vấn

1. Trung cấp

2. Cao đẳng

3. Đại học

4. Sau đại học

6. Chức danh

(1) Lãnh đạo UBKT tỉnh ủy

(2) Ủy viên/kiểm tra viên

(3) Lãnh đạo cấp ủy cấp dưới/Sở, ngành

(4) Đảng viên

7. Năm vào đảng Chính thức:

8. Thời gian tham gia sinh hoạt Đảng tại đơn vị: năm

9. Trình độ lý luận chính trị: ☐ Sơ cấp ☐ Trung cấp ☐ Cao cấp

10. Trong 5 năm gần đây, đồng chí thuộc trường hợp nào sau đây?

(1) ☐ Trực tiếp tham gia đoàn giám sát chuyên đề

(2) ☐ Là đối tượng được giám sát chuyên đề

(3) ☐ Vừa tham gia giám sát, vừa là đối tượng giám sát

(4) ☐ Chỉ theo dõi, phối hợp, không tham gia trực tiếp

PHẦN II. NỘI DUNG: ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ CỦA UBKT CẤP ỦY CẤP TỈNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG HIỆN NAY

Câu 1: Trong 5 năm trở lại đây, đồng chí đã từng tham gia đoàn giám sát chuyên đề nào chưa?

- ☐ Chưa có
☐ 1 lần
☐ 2–3 lần
☐ Từ 4 lần trở lên

Câu 2. Đồng chí đã trực tiếp tham gia bao nhiêu cuộc giám sát chuyên đề cấp tỉnh?

- ☐ Chưa tham gia
☐ 1–2 cuộc
☐ 3–5 cuộc
☐ Trên 5 cuộc

Câu 3. Trong 5 năm gần đây, đồng chí đã từng được đưa vào diện giám sát chuyên đề cấp tỉnh bao nhiêu lần?

- ☐ Chưa có
☐ 1 lần
☐ 2–3 lần
☐ Từ 4 lần trở lên

Câu 4: Đồng chí đánh giá thế nào về mức độ phù hợp và khoa học trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng hiện nay?

(1: không phù hợp, thiếu cơ sở; 5: rất phù hợp, khoa học)

(Đánh giá thang điểm từ 1 đến 5 với các mức độ cụ thể sau):

- **5 điểm:** Thực hiện rất tốt, khoa học, bài bản, hiệu quả rất cao.
- **4 điểm:** Thực hiện tốt, đầy đủ, có hiệu quả thực tế.
- **3 điểm:** Có thực hiện nhưng còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa rõ nét.
- **2 điểm:** Thực hiện chưa đầy đủ, còn lúng túng hoặc chưa bám sát thực tiễn.
- **1 điểm:** Thực hiện rất kém hoặc không thực hiện.

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ phù hợp
1	Việc xây dựng chương trình giám sát chuyên đề được thực hiện chủ động, bài bản ngay từ đầu năm hoặc đầu nhiệm kỳ	1 2 3 4 5
2	Chương trình giám sát được xây dựng trên cơ sở phân tích sát tình hình thực tiễn của địa phương	1 2 3 4 5
3	Nội dung giám sát chuyên đề tập trung vào các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực (ví dụ: kê khai tài sản, thu nhập, công tác cán bộ, quản lý đất đai, tài chính, dự án đầu tư).	1 2 3 4 5
4	Việc lựa chọn nội dung giám sát có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, hình thức	1 2 3 4 5
5	Đối tượng giám sát được xác định rõ ràng, đúng thẩm quyền, đúng trọng điểm	1 2 3 4 5
6	Thời điểm và tiến độ giám sát được lựa chọn phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương	1 2 3 4 5
7	Phương pháp tiến hành giám sát chuyên đề được lựa chọn phù hợp, linh hoạt, hiệu quả	1 2 3 4 5
8	Việc tổ chức lực lượng tham gia giám sát bảo đảm đủ năng lực, kinh nghiệm	1 2 3 4 5
9	Phân công trách nhiệm giữa các tổ chức, cá nhân trong giám sát rõ ràng, cụ thể	1 2 3 4 5
10	Kế hoạch giám sát được xây dựng chặt chẽ, có lộ trình, thời gian và yêu cầu cụ thể	1 2 3 4 5

Câu 5: Theo đồng chí, các yếu tố về môi trường, điều kiện công tác và sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan hiện nay tạo thuận lợi ở mức độ nào cho việc thực hiện giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng?

5 điểm: Rất tốt/Rất hiệu quả

4 điểm: Tốt/Hiệu quả

3 điểm: Trung bình (Còn chông chéo/Còn mang tính hình thức).

2 điểm: Kém/Thiếu đồng bộ

1 điểm: Rất kém/Hoàn toàn không có sự phối hợp.

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ phù hợp			
1	Chương trình giám sát bám sát nhiệm vụ chính trị và bối cảnh đặc thù của địa phương.	1	2	3	4
				5	
2	Tổ chức bộ máy tinh gọn và trình độ chuyên môn của cán bộ kiểm tra đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ.	1	2	3	4
				5	
3	Các cơ chế, chính sách và quy định hiện hành tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho công tác giám sát.	1	2	3	4
				5	
4	Sự phối hợp giúp tận dụng được thế mạnh chuyên môn sâu của từng cơ quan (Thanh tra, Công an, Tài chính...).	1	2	3	4
				5	
5	Cơ chế chia sẻ thông tin giữa các cơ quan giúp nắm bắt bức tranh đầy đủ về đối tượng giám sát.	1	2	3	4
				5	
6	Công tác phối hợp giúp phát hiện sớm và chính xác các dấu hiệu bất thường, sai phạm.	1	2	3	4
				5	
7	Việc phối hợp giúp loại bỏ hiệu quả tình trạng chồng chéo về nội dung và đối tượng giám sát.	1	2	3	4
				5	
8	Các cơ quan thống nhất tập trung giám sát vào những vấn đề bức xúc, nhạy cảm dư luận quan tâm.	1	2	3	4
				5	
9	Kết quả giám sát chuyên đề nhận được sự đồng thuận và nhất trí cao giữa các cơ quan cùng tham gia.	1	2	3	4
				5	
10	Các điều kiện về thời gian, kinh phí và phương tiện phục vụ giám sát chuyên đề được đảm bảo.	1	2	3	4
				5	

Câu 6: Theo đồng chí, kết quả thực hiện nhiệm vụ của công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng hiện nay đạt mức độ nào?

5 điểm: Rất tốt/Kết quả rất rõ ràng.

4 điểm: Tốt/Có hiệu quả thực tế.

3 điểm: Trung bình/Chưa giải quyết triệt để.

2 điểm: Kém/Ít chuyển biến.

1 điểm: Rất kém/Không có kết quả.

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ phù hợp				
1	Các cuộc giám sát chuyên đề hoàn thành đầy đủ nội dung, yêu cầu theo kế hoạch đề ra.	1	2	3	4	5
2	Kết luận giám sát chỉ rõ ưu điểm để phát huy và khuyết điểm để khắc phục, sửa chữa.	1	2	3	4	5
3	Các vấn đề tồn tại, vướng mắc được giải quyết triệt để sau khi có kết luận giám sát.	1	2	3	4	5
4	Đối tượng giám sát có sự chuyển biến, tuân thủ tốt hơn các quy định của Đảng, Nhà nước.	1	2	3	4	5
5	Các kiến nghị sau giám sát được thực hiện nghiêm túc, đúng thời hạn	1	2	3	4	5

Câu 7: Đồng chí đánh giá như thế nào về sự chuyển biến nhận thức của các tổ chức đảng và cá nhân đảng viên được giám sát sau kết luận giám sát chuyên đề?

1 điểm: Hầu như không có chuyển biến

2 điểm: Có chuyển biến nhưng rất hạn chế

3 điểm: Có chuyển biến ở mức trung bình

4 điểm: Chuyển biến rõ rệt

5 điểm: Chuyển biến rất rõ rệt, bền vững

STT	Nội dung đánh giá	Điểm đánh giá				
1	Đối tượng giám sát tự giác thừa nhận và không né tránh các hạn chế, khuyết điểm được chỉ ra.	1	2	3	4	5
2	Việc tự phê bình và phê bình tại đơn vị trở nên thực chất hơn, không còn nể nang, né tránh.	1	2	3	4	5
3	Cán bộ, đảng viên chủ động đề xuất các biện pháp khắc phục sai sót mà không đợi chỉ đạo từ	1	2	3	4	5

	cấp trên.					
4	Tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ có sự cải thiện rõ rệt trong thực tế.	1	2	3	4	5
5	Các sai sót tương tự không còn tái diễn, cho thấy nhận thức về kỷ luật đã được chuyển hóa thành hành động.	1	2	3	4	5

Câu 8: Đồng chí đánh giá thế nào về mức độ uy tín và sự tin nhiệm của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng trong thực hiện giám sát chuyên đề hiện nay thể hiện ở mức độ nào thông qua các nội dung sau?

1 điểm: Uy tín rất thấp, hầu như không được tin tưởng

2 điểm: Uy tín thấp, mức độ tin tưởng còn hạn chế

3 điểm: Uy tín ở mức trung bình

4 điểm: Uy tín cao, được tin tưởng rõ rệt

5 điểm: Uy tín rất cao, được tin tưởng rộng rãi và ổn định

STT	Nội dung đánh giá	Điểm đánh giá				
1	UBKT thực hiện giám sát đúng quy trình, quy định, công khai, minh bạch, không có biểu hiện nể nang hoặc né tránh.	1	2	3	4	5
2	Các tổ chức đảng, cá nhân được giám sát chủ động phối hợp, cung cấp thông tin, tài liệu đầy đủ, kịp thời cho đoàn giám sát.	1	2	3	4	5
3	Cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới tin tưởng vào tính khách quan, công tâm của UBKT khi thực hiện giám sát chuyên đề.	1	2	3	4	5
4	Kết luận và kiến nghị sau giám sát của UBKT được cấp ủy và tổ chức đảng cấp dưới nghiêm túc tiếp thu, chấp hành và triển khai thực hiện.	1	2	3	4	5
5	Kết quả giám sát chuyên đề của UBKT được cấp ủy tin tưởng sử dụng làm căn cứ cho lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành ở địa phương.	1	2	3	4	5
6	Đối tượng được giám sát tự giác, triệt để thực hiện các kết luận và kiến nghị của UBKT.	1	2	3	4	5
7	Đảng bộ cấp dưới phối hợp chủ động, cung cấp thông tin trung thực, không né tránh hay giấu khuyết điểm.	1	2	3	4	5
8	Kết quả giám sát góp phần quan trọng củng cố sự đoàn kết, thống nhất và niềm tin trong nội bộ Đảng.	1	2	3	4	5

Câu 9: Đồng chí đánh giá như thế nào về sự tín nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với công tác giám sát chuyên đề tại địa phương đồng chí đang công tác?

5 điểm: Rất tín nhiệm; đánh giá rất cao tính minh bạch và hiệu quả.

4 điểm: Tín nhiệm; tin tưởng vào kết quả và giải pháp đề xuất.

3 điểm: Tín nhiệm trung bình; còn băn khoăn về tính khách quan hoặc thực tế.

2 điểm: Ít tín nhiệm; cho rằng giám sát còn mang tính đối phó, hình thức.

1 điểm: Không tín nhiệm; giám sát thiếu khách quan, bỏ sót nhiều sai phạm.

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ phù hợp				
1	Cán bộ, đảng viên đánh giá cao tính nghiêm túc, khách quan của công tác giám sát chuyên đề do UBKT cấp tỉnh thực hiện.	1	2	3	4	5
2	Cán bộ, đảng viên tin tưởng rằng giám sát chuyên đề góp phần phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm trong tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ.	1	2	3	4	5
3	Nhân dân đồng tình và ủng hộ các hoạt động giám sát chuyên đề của UBKT cấp tỉnh khi được thông tin công khai.	1	2	3	4	5
4	Kết luận giám sát chuyên đề được cán bộ, đảng viên và nhân dân nhìn nhận là xác đáng, có cơ sở và thuyết phục.	1	2	3	4	5
5	Công tác giám sát chuyên đề góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng ở địa phương.	1	2	3	4	5
6	Qua giám sát chuyên đề, hình ảnh và vai trò của UBKT cấp tỉnh được cán bộ, đảng viên và nhân dân đánh giá tích cực hơn.	1	2	3	4	5

Câu 10: Theo đồng chí, đâu là những nguyên nhân chủ yếu giúp phát huy những ưu điểm trong công tác giám sát chuyên đề tại đơn vị hiện nay?

(Có thể chọn tối đa 05 phương án)

1. Sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của cấp ủy các cấp.

2. Chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề được xây dựng bài bản, có trọng tâm, trọng điểm, sát thực tiễn.

3. Vai trò chủ động, trách nhiệm của Ủy ban Kiểm tra trong tham mưu và tổ chức thực hiện giám sát chuyên đề.

4. Đội ngũ cán bộ kiểm tra có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu.

5. Quy trình, phương pháp giám sát chuyên đề rõ ràng, chặt chẽ, đúng quy định của Đảng.

6. Sự phối hợp chặt chẽ giữa UBKT với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình giám sát.

7. Tinh thần hợp tác, chấp hành nghiêm túc của tổ chức đảng và cá nhân được giám sát.

8. Hệ thống văn bản, cơ chế, chính sách về công tác kiểm tra, giám sát ngày càng hoàn thiện.

9. Điều kiện bảo đảm cho công tác giám sát chuyên đề (nhân lực, thời gian, kinh phí, thông tin) được quan tâm.

10. Sự đồng thuận, ủng hộ của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với hoạt động giám sát chuyên đề.

11. Biết đổi mới phương pháp giám sát và ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập, xử lý thông tin và theo dõi kết quả giám sát chuyên đề.

12. Nguyên nhân khác (ghi rõ):

Câu 11: Theo đồng chí, những nguyên nhân nào dưới đây là rào cản chủ yếu trong việc thực hiện công tác giám sát chuyên đề tại đơn vị/địa phương hiện nay?

(Lựa chọn tối đa 05 phương án)

1. ☐ Nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, ý nghĩa của công tác giám sát chuyên đề, còn coi giám sát là nhiệm vụ hình thức hoặc chỉ để hoàn thành chỉ tiêu.

2. ☐ Tư duy e ngại, né tránh trong tiếp nhận giám sát, nhất là đối với người đứng đầu, làm giảm tính hợp tác và hiệu quả giám sát.
3. ☐ Chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra chưa đồng đều, còn hạn chế về trình độ chuyên môn, kỹ năng phân tích, tổng hợp và phát hiện vấn đề.
4. ☐ Thiếu cán bộ kiểm tra chuyên trách hoặc số lượng cán bộ mỏng, trong khi khối lượng công việc giám sát ngày càng lớn.
5. ☐ Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, chưa theo kịp yêu cầu mới của công tác giám sát chuyên đề.
6. ☐ Phương pháp giám sát còn truyền thống, chậm đổi mới, chưa linh hoạt, chưa ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong thu thập và xử lý thông tin.
7. ☐ Sự phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra với các cơ quan chức năng liên quan chưa chặt chẽ, chưa khai thác đầy đủ các nguồn thông tin đa chiều.
8. ☐ Một số cuộc giám sát chưa đi sâu làm rõ trách nhiệm tổ chức và cá nhân, dẫn đến kết luận còn chung chung, thiếu tính răn đe.
9. ☐ Cơ chế theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận sau giám sát chưa hiệu quả, việc khắc phục hạn chế còn chậm hoặc mang tính hình thức.
10. ☐ Việc xử lý trách nhiệm sau giám sát chưa đủ nghiêm, làm giảm hiệu lực, hiệu quả và niềm tin đối với công tác giám sát.
11. ☐ Công khai, minh bạch kết quả giám sát chưa đồng bộ, cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa có điều kiện theo dõi, giám sát việc thực hiện kết luận.
12. ☐ Nguyên nhân khác (xin ghi rõ):

Câu 12: Theo đồng chí, những giải pháp nào sau đây cần được ưu tiên nhằm nâng cao chất lượng công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng trong thời gian tới?

(Chọn tối đa 05 phương án)

1. ☐ Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu về vai trò, ý nghĩa của công tác giám sát chuyên đề; khắc phục tư duy hình thức, đối phó.
2. ☐ Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và kịp thời các quy định, quy trình của Trung ương về công tác giám sát; đồng thời cụ thể hóa phù hợp với điều kiện, đặc thù của địa phương.

3. ☐ Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề hằng năm bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, sát thực tiễn, khả thi và hiệu quả.

4. ☐ Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra, bảo đảm đủ số lượng, tăng cường cán bộ chuyên trách, ổn định lâu dài.

5. ☐ Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra về bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn (đào tạo văn bằng/hoặc văn bằng 2 về chuyên ngành kiểm tra Đảng), kỹ năng nghiệp vụ và phương pháp giám sát chuyên đề.

6. ☐ Đổi mới nội dung, phương pháp giám sát chuyên đề, kết hợp linh hoạt giữa giám sát trực tiếp và gián tiếp; nâng cao chất lượng phân tích, đánh giá và kết luận giám sát.

7. ☐ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giám sát, khai thác hiệu quả dữ liệu số, hồ sơ điện tử và các kênh thông tin đa chiều.

8. ☐ Mở rộng dân chủ trong Đảng bộ, tạo môi trường thuận lợi để phát huy vai trò phản biện, giám sát của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong quá trình giám sát chuyên đề.

9. ☐ Phát huy vai trò của toàn bộ hệ thống chính trị cấp tỉnh và các tầng lớp nhân dân trong việc tham gia, phối hợp, cung cấp thông tin phục vụ công tác giám sát chuyên đề.

10. ☐ Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với công tác giám sát chuyên đề; đồng thời nâng cao hiệu quả phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành, đoàn thể.

11. ☐ Nâng cao hiệu quả cơ chế theo dõi, đôn đốc và giám sát việc thực hiện kết luận sau giám sát, gắn với xử lý nghiêm trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân vi phạm.

12. ☐ Thường xuyên tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm công tác kiểm tra, giám sát, đặc biệt là giám sát chuyên đề, nhằm kịp thời điều chỉnh và nâng cao chất lượng hoạt động.

13. ☐ Giải pháp khác (xin ghi rõ):

PHỤ LỤC 04
KẾT QUẢ PHỎNG VẤN CHUYÊN SÂU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN
(Thời gian thực hiện: 2025 - 2026)

1. DANH SÁCH PHỎNG VẤN CÁC CHUYÊN GIA

TT	Họ và Tên	Chức vụ
1.	Chuyên gia 1	UVBTV, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy phường Thượng Cát, Đảng bộ Thành phố Hà Nội
2.	Chuyên gia 2	ĐUV, Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy phường Xuân Phương, Đảng bộ Thành phố Hà Nội
3.	Chuyên gia 3	ĐUV, Phó Chủ nhiệm UBKT xã Kiến Hải, Đảng bộ Thành phố Hải Phòng
4.	Chuyên gia 4	ĐUV, Phó Chủ nhiệm UBKT xã Kiến Thụy, Đảng bộ Thành phố Hải Phòng
5.	Chuyên gia 5	Ủy viên UBKT Tỉnh ủy Bắc Ninh
6.	Chuyên gia 6	Ủy viên UBKT Tỉnh ủy Bắc Ninh
7.	Chuyên gia 7	UVBTV, Chủ nhiệm UBKT xã An Lạc, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh
8.	Chuyên gia 8	ĐUV, Phó Chủ nhiệm UBKT xã An Lạc, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh
9.	Chuyên gia 9	UVBTV, Chủ nhiệm UBKT xã Tân Yên, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh;
10.	Chuyên gia 10	Phó Chủ nhiệm UBKT xã Tân Yên, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh.
11.	Chuyên gia 11	Phó Chủ nhiệm UBKT xã Tân Yên, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh.
12.	Chuyên gia 12	ĐUV, Phó Chủ nhiệm UBKT phường Hoa Lư, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình
13.	Chuyên gia 13	ĐUV, Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy xã Gia Trấn, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình
14.	Chuyên gia 14	Trưởng phòng Nghiệp vụ III, Cơ quan UBKT tỉnh Hưng Yên, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên
15.	Chuyên gia 15	Kiểm tra viên phòng nghiệp vụ III Cơ quan UBKT tỉnh Hưng Yên, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên
16.	Chuyên gia 16	UVBTV, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy xã Bắc Thái Ninh, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên
17.	Chuyên gia 17	ĐUV, Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy xã Việt Yên, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên
18.	Chuyên gia 18	Vụ Địa bàn 6 - UBKT Trung ương

2. BẢNG HỎI PHÒNG VẤN CHUYÊN GIA

2.1. Nhóm 1: Chủ nhiệm/Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra cấp tỉnh/xã

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1. Thông người người trả lời

- Họ và tên:.....
- Đơn vị công tác:.....
- Chức vụ:.....

2. Thông tin cần khai thác

- Ngày phỏng vấn:.....
- Bảng câu hỏi:.....

PHẦN II: GIỚI THIỆU

Xin chào đồng chí!

Tôi tên là: Nguyễn Thành Trung, là Nghiên cứu sinh (NCS) lớp k29.2 ngành XDD&CQNN của khoa XDD&CQNN, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Hiện tôi đang thực hiện nghiên cứu Luận án Tiến sĩ với tên Đề tài: *“Chất lượng công tác giám sát chuyên đề của Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng hiện nay”*. Kính mong đồng chí vui lòng dành chút thời gian cho phép tôi được phỏng vấn đồng chí một số câu hỏi liên quan dưới đây. Tôi chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của đồng chí. Các ý kiến trả lời của đồng chí sẽ được đảm bảo bí mật tuyệt đối. Trân trọng cảm ơn đồng chí.

III. PHẦN NỘI DUNG PHỎNG VẤN SÂU

1. Đồng chí đánh giá như thế nào về vai trò, ý nghĩa của công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh trong giai đoạn hiện nay?

.....

Việc lựa chọn nội dung, đối tượng giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh hiện nay được căn cứ trên những cơ sở nào? Lựa chọn nội dung giám sát có tính đến những đặc thù kinh tế - xã hội của vùng ĐBSH (như quản lý đất đai, đô thị hóa, đầu tư công) hay không?

.....

Đồng chí có thể mô tả quy trình giám sát chuyên đề hiện nay? Những khâu nào là then chốt, khâu nào còn khó khăn?

UBKT cấp ủy cấp tỉnh đang áp dụng những phương pháp, hình thức giám sát chuyên đề nào? Theo ông/bà, phương pháp nào hiệu quả nhất?

Theo đồng chí, chất lượng kết luận, kiến nghị sau giám sát chuyên đề hiện nay đã đáp ứng yêu cầu chưa? Vì sao?

Theo đồng chí, để đánh giá chất lượng công tác giám sát chuyên đề cần dựa trên những tiêu chí cơ bản nào? Trong các tiêu chí đó, tiêu chí nào giữ vai trò quyết định đối với chất lượng giám sát chuyên đề trong thời gian tới?

Công tác giám sát chuyên đề đã tác động như thế nào đến việc phòng ngừa vi phạm, nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong Đảng ở địa phương?

2. Theo đồng chí, những hạn chế lớn nhất trong công tác giám sát chuyên đề hiện nay là gì? Nguyên nhân chủ yếu do đâu? Trong giai đoạn từ 2020 đến nay, có sự thay đổi nào về tính chất các sai phạm mà giám sát chuyên đề khó phát hiện nhất?

Đồng chí đề xuất những giải pháp trọng tâm nào để nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh trong thời gian tới?

Với tầm nhìn đến năm 2045, theo ông/bà, mô hình giám sát chuyên đề cần thay đổi thế nào để thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số?

3. Trong bối cảnh đẩy mạnh liên kết vùng ĐBSH, UBKT cấp ủy cấp tỉnh có gặp khó khăn gì trong việc giám sát các chuyên đề mang tính liên tỉnh/thành phố không?

.....

.....

2.2. Nhóm 2: Ủy viên Ủy ban Kiểm tra / Kiểm tra viên cấp tỉnh/xã

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1. Thông người người trả lời

- Họ và tên:.....
- Đơn vị công tác:.....
- Chức vụ:.....

2. Thông tin cần khai thác

- Ngày phỏng vấn:.....
- Bảng câu hỏi:.....

PHẦN II: GIỚI THIỆU

Xin chào đồng chí!

Tôi tên là: Nguyễn Thành Trung, là Nghiên cứu sinh (NCS) lớp k29.2 ngành XDĐ&CQNN của khoa XDĐ&CQNN, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Hiện tôi đang thực hiện nghiên cứu Luận án Tiến sĩ với tên Đề tài: ***“Chất lượng công tác giám sát chuyên đề của Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng hiện nay”***. Kính mong đồng chí vui lòng dành chút thời gian cho phép tôi được phỏng vấn đồng chí một số câu hỏi liên quan dưới đây. Tôi chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của đồng chí. Các ý kiến trả lời của đồng chí sẽ được đảm bảo bí mật tuyệt đối. Trân trọng cảm ơn đồng chí.

PHẦN III: NỘI DUNG PHỎNG VẤN SÂU

1. Đồng chí đã tham gia những cuộc giám sát chuyên đề nào? Vai trò cụ thể của đồng chí trong các cuộc giám sát đó?

.....

.....

Công tác chuẩn bị (xây dựng kế hoạch, đề cương, phân công nhiệm vụ...) hiện nay được thực hiện như thế nào?

.....

.....

Trong quá trình giám sát chuyên đề, đồng chí thường sử dụng những phương pháp nào? Có gặp khó khăn gì không?

.....

.....

Việc thu thập tài liệu, làm việc với tổ chức đảng, đảng viên được giám sát có thuận lợi không?

.....

.....

Theo đồng chí, khả năng phát hiện vấn đề, dấu hiệu vi phạm qua giám sát chuyên đề hiện nay ở mức độ nào? Có trường hợp nào kết quả giám sát chuyên đề cho thấy 'tốt' nhưng sau đó thanh tra hoặc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm lại phát hiện ra sai phạm không? Nguyên nhân do đâu?

.....

.....

Sự phối hợp giữa UBKT với các ban xây dựng Đảng, cơ quan liên quan trong giám sát chuyên đề hiện nay ra sao?

.....

.....

Những khó khăn, áp lực lớn nhất đối với kiểm tra viên khi thực hiện giám sát chuyên đề là gì?

.....

.....

Theo đồng chí, năng lực chuyên môn, kỹ năng của đội ngũ cán bộ làm công tác giám sát đã đáp ứng yêu cầu chưa?

.....

.....

Đồng chí có kiến nghị gì để nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác giám sát chuyên đề trong thời gian tới?

.....

.....

Việc ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác dữ liệu số hiện nay đang hỗ trợ hay cản trở như thế nào cho các đồng chí trong quá trình giám sát?

Kết quả phỏng vấn chuyên sâu tại các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

Hộp Phỏng vấn chuyên sâu các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng

1. Chuyên gia: UVBTV, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy phường Thượng Cát, Đảng bộ Thành phố Hà Nội

Trong năm 2025, tôi đã tham gia 2 cuộc giám sát chuyên đề gồm giám sát công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐU ngày 18/8/2025 của Đảng ủy phường Thượng Cát với vai trò là phó đoàn giám sát; Giám sát công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp với vai trò là trưởng đoàn giám sát. Trong quá trình giám sát chuyên đề, đoàn giám sát thường sử dụng phương pháp giám sát trực tiếp khảo sát thực tế, nghiên cứu nội dung báo cáo theo đề cương, các tài liệu hồ sơ chứng minh, xác minh làm rõ các nội dung trong báo cáo (nếu cần).

Về khả năng phát hiện vấn đề, dấu hiệu vi phạm qua giám sát chuyên đề hiện nay ở mức tốt, thông qua các cuộc giám sát nhằm chấn chỉnh các lỗi vi phạm nhỏ không để tích tụ thành vi phạm lớn, đồng thời ghi nhận đánh giá tích cực những kết quả đã thực hiện được, kiến nghị khen thưởng biểu dương các tổ chức, cá nhân làm tốt có sáng kiến, sáng tạo. Qua giám sát chưa có trường hợp nào kết quả giám sát tốt nhưng sau đó thanh tra hoặc kiểm tra lại phát hiện ra sai phạm. Sự phối hợp giữa UBKT với các ban xây dựng Đảng, cơ quan liên quan trong giám sát chuyên đề hiện nay cơ bản nhịp nhàng, đồng bộ, đáp ứng được yêu cầu đặt ra và không có khó khăn, áp lực nào trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Năng lực chuyên môn, kỹ năng của đội ngũ cán bộ làm công tác giám sát chuyên đề hiện nay cơ bản đáp ứng được yêu cầu. Để nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác giám sát chuyên đề trong thời gian tới, các cấp ủy đảng cần phải xác định công tác kiểm tra, giám sát là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, liên tục, cần đơn giản quy trình, thủ tục, chú trọng giám sát thường xuyên và ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác dữ liệu số để hỗ

trợ trong quá trình giám sát đạt được kết quả cao.

Thời gian PV: Tháng 01 năm 2026

2. Chuyên gia: ĐUV, Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy phường Xuân Phương, Đảng bộ Thành phố Hà Nội

Công tác giám sát chuyên đề trong giai đoạn hiện nay đóng vai trò là "chìa khóa" trong phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm từ sớm, từ xa, giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật Đảng. Đây là công cụ chủ yếu để phát hiện, chỉnh sửa sai phạm kịp thời, giúp nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đồng thời góp phần quan trọng xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh.

Việc lựa chọn nội dung, đối tượng giám sát chuyên đề hiện nay được căn cứ trên nhiều yếu tố như: Căn cứ vào các Quy định, Hướng dẫn của Trung ương; từ yêu cầu nhiệm vụ chính trị, tình hình thực tế địa phương, các vụ việc nổi cộm, từ kết quả giám sát thường xuyên... Đặc biệt là việc lựa chọn nội dung giám sát có tính đến những đặc thù kinh tế - xã hội của địa phương, bởi trong các lĩnh vực quản lý đặc thù thực tiễn địa phương là những lĩnh vực dễ xảy ra sai phạm, có đơn thư tố cáo, khiếu nại kéo dài....

Về Quy trình giám sát chuyên đề hiện nay, UBKT Đảng ủy phường Xuân Phương luôn bám theo sự hướng dẫn của UBKT Trung ương và được thực hiện theo quy trình 3 bước. Trong giám sát chuyên đề, khâu then chốt là khâu: lựa chọn nội dung giám sát phải sát với thực tế; thành lập đoàn giám sát phải có năng lực cao và gắn nâng cao trách nhiệm người đứng đầu. Hiện nay, khó khăn của công tác giám sát chuyên đề nằm ở việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kiến nghị sau giám sát và chất lượng báo cáo tự kiểm tra của đơn vị được giám sát, thường mang tính đối phó hoặc thiếu chiều sâu.

Về chất lượng kết luận, kiến nghị sau giám sát chuyên đề hiện nay, cơ bản đã đáp ứng phần lớn yêu cầu. Tuy nhiên, một số kiến nghị vẫn còn

chung chung, chưa cụ thể về thời gian thực hiện và việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kết luận giám sát còn hạn chế. Do vậy, để đánh giá chất lượng công tác giám sát chuyên đề cần dựa trên tính kịp thời phát hiện sớm vi phạm, tuân thủ chặt chẽ nguyên tắc, quy trình, sự chính xác và khách quan trong kết luận, cũng như tác dụng răn đe, giáo dục, sự chuyển biến rõ rệt trong nhận thức và hành vi của đối tượng được giám sát. Trong đó, tiêu chí quan trọng nhất để đánh giá chất lượng công tác giám sát chuyên đề là sự chuyển biến rõ rệt trong nhận thức và hành vi của đối tượng được giám sát (giúp nâng cao kỷ luật, trách nhiệm), vì nó giữ vai trò quyết định.

Công tác giám sát chuyên đề hiện nay đã có tác động tích cực đến việc phòng ngừa vi phạm và nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong Đảng bằng cách chủ động nhận diện kẻ hở chính sách, cảnh báo sớm sai phạm và siết chặt trách nhiệm người đứng đầu. Qua đó, giúp ngăn chặn từ sớm, từ xa, đẩy lùi suy thoái và củng cố niềm tin trong nhân dân. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, thì công tác giám sát chuyên đề hiện nay vẫn còn có những hạn chế là chưa đi sâu vào những vấn đề bức xúc mà nhân dân đang quan tâm; khó khăn trong kết nối dữ liệu và thẩm quyền vượt ra ngoài phạm vi quản lý thông thường của một địa phương. Nguyên nhân chủ yếu do nhận thức và tư duy còn e ngại, sợ mất thành tích, các sai phạm mà giám sát chuyên đề khó phát hiện nhất đó là lãng phí vô hình và sai phạm có tổ chức và "lợi ích nhóm"; chậm đổi mới ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu (số hóa dữ liệu..)

Để khắc phục các hạn chế như nêu trên, các cấp ủy đảng, UBKT các cấp cần quan tâm lựa chọn các nội dung có trọng tâm, trọng điểm cụ thể vào các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng, lãng phí như quản lý đất đai, tài chính, đầu tư công, công tác cán bộ, kê khai tài sản và việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng để kịp thời uốn nắn, phòng ngừa, cảnh báo sớm từ ngay thời gian đầu nhiệm kỳ, từ khi mới hình thành các

nhiệm vụ. Bên cạnh đó, cần phải đổi mới ứng dụng công nghệ thông tin về nội dung, phương pháp, kỹ năng, quy trình công tác giám sát chuyên đề, như ứng dụng Big Data, AI để phát hiện sớm vi phạm, nâng cao năng lực dự báo và phòng ngừa.

Thời gian PV: Tháng 01 năm 2026

3. Chuyên gia: ĐUV, Phó Chủ nhiệm UBKT xã Kiến Hải, Đảng bộ Thành phố Hải Phòng

Công tác giám sát chuyên đề của Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Hải Phòng và Đảng ủy xã Kiến Hải trong giai đoạn hiện nay được thực hiện một cách bài bản, kịp thời nắm bắt tình hình, đánh giá đúng ưu điểm, hạn chế, khuyết điểm của tổ chức đảng, đảng viên trong việc chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước, phòng ngừa vi phạm, ngăn chặn từ sớm, từ xa ngay từ đầu nhiệm kỳ. Qua giám sát chuyên đề cũng đã kịp thời chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm, nguy cơ vi phạm trong tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên ngay từ ban đầu để nhắc nhở, chấn chỉnh ngay từ khi mới manh nha, chưa để phát triển thành vi phạm phải xử lý kỷ luật và góp phần nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương của tổ chức đảng và đảng viên. Việc thường xuyên được giám sát đã tạo ra sức ép tích cực, buộc các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, tự giác tu dưỡng, rèn luyện và chấp hành nghiêm quy định của Đảng và hạn chế tâm lý chủ quan, lơ là kỷ luật, từ đó tạo môi trường làm việc minh bạch, chặt chẽ, hạn chế phát sinh vi phạm và tạo chuyển biến trong nhận thức và hành động của việc giám sát chuyên đề giúp cấp ủy và đảng viên nhận thức rõ việc giám sát không chỉ để “bắt lỗi” mà để phòng ngừa, cảnh báo, uốn nắn, đồng thời hình thành thói quen tự kiểm tra, tự giám sát trong nội bộ.

Chất lượng kết luận, kiến nghị sau giám sát chuyên đề trên địa bàn

thành phố Hải Phòng nói chung và Đảng ủy xã Kiến Hải nói riêng hiện nay nhìn chung có nhiều chuyển biến tích cực và cơ bản đáp ứng yêu cầu, kết luận ngày càng rõ hơn, bám sát nội dung giám sát, kiến nghị có trọng tâm, phù hợp với thẩm quyền. Tuy nhiên chất lượng chưa đồng đều, chưa thực sự đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn, nhất là yêu cầu nâng cao tính phòng ngừa, răn đe và hiệu quả khắc phục sau giám sát, một số kết luận còn chung chung, chưa làm rõ bản chất vấn đề, chưa phân định rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân chưa mạnh dạn chuyển sang kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, việc theo dõi, đôn đốc sau giám sát còn hạn chế. Nguyên nhân của những hạn chế chủ yếu là do tâm lý nể nang, kỹ năng và bản lĩnh của cán bộ giám sát, cùng với hạn chế trong cơ chế theo dõi và xử lý sau giám sát.

Trong bối cảnh hiện nay, Thành phố Hải Phòng đang đẩy mạnh liên kết vùng Đồng bằng sông Hồng trong công tác quy hoạch, đầu tư hạ tầng, môi trường, logistics, phát triển đô thị, phát triển kinh tế biển...nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố còn gặp nhiều khó khăn, thách thức khi triển khai công tác giám sát chuyên đề, những khó khăn này xuất phát từ cả thể chế, tổ chức, phương thức phối hợp và năng lực thực thi trong giai đoạn thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Do vậy, việc lựa chọn đối tượng tổ chức đảng, đảng viên, cấp ủy viên, cán bộ chủ chốt thuộc phạm vi quản lý của cấp ủy cùng cấp trên cơ sở bám sát quy định của Đảng, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, tình hình thực tiễn phải bảo đảm tính trọng tâm, trọng điểm và hiệu quả của công tác giám sát góp phần phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm có thể xảy ra. Trong đó, khâu lựa chọn nội dung, đối tượng giám sát sẽ mang tính quyết định đến chất lượng của công tác giám sát có hiệu quả hay không, nếu lựa chọn không đúng sẽ dẫn đến giám sát dàn trải, hình thức. Do vậy, việc xác định nội dung và đối tượng cũng gặp không ít khó khăn mà thực tiễn đang diễn ra như: (1)

việc thu thập thông tin, tài liệu của một số cuộc chuyên đề có nội dung liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, hồ sơ phân tán, hoặc cung cấp thông tin chưa đầy đủ, kịp thời; (2) khó khăn trong đánh giá, nhận diện bản chất vấn đề, ranh giới giữa “giám sát” và “kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm” đôi khi khó phân định; (3) Tâm lý nể nang, né tránh, e dè trong nhận xét, đánh giá...; (4) Khó khăn trong theo dõi, đôn đốc sau giám sát, một số kiến nghị khắc phục thực hiện chậm hoặc hình thức, chưa có chế tài đủ mạnh để bảo đảm thực hiện nghiêm kết luận giám sát; (5) Hạn chế về năng lực, điều kiện của cán bộ làm công tác giám sát, một số cán bộ chưa thật sự sâu về lĩnh vực chuyên đề, áp lực công việc lớn, thời gian giám sát hạn hẹp...

Như vậy, để đánh giá chất lượng công tác giám sát chuyên đề có thể nhận diện trên những tiêu chí cơ bản sau: (1) Kết luận rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm; (2) Kiến nghị cụ thể, có thời hạn, có kiểm tra việc thực hiện; (3) Kiên quyết chuyển sang kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; (4) Nâng cao năng lực, bản lĩnh của cán bộ UBKT.

Trong đó tiêu chí số 1 về kết luận rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, giữ vai trò quyết định đối với chất lượng giám sát chuyên đề trong thời gian tới. Trong thời gian qua, một số kết luận còn chung chung, chưa “chỉ mặt, gọi tên”, nhận xét dừng ở biểu hiện, chưa làm rõ bản chất vấn đề, chưa phân định rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân. Kiến nghị chưa thật sự cụ thể, thiếu tính khả thi, một số kiến nghị mang tính định hướng chung, khó kiểm tra việc thực hiện, chưa gắn chặt với lộ trình, thời hạn và trách nhiệm thực hiện. Chưa mạnh dạn chuyển sang kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm (có trường hợp đã phát hiện dấu hiệu rõ nhưng vẫn dừng ở mức nhắc nhở, kiến nghị, làm giảm tính răn đe và hiệu lực của giám sát). Việc theo dõi, đôn đốc sau giám sát còn hạn chế, một số kiến nghị thực hiện chậm, hình thức, chưa có cơ chế đánh giá kết quả khắc phục một cách chặt chẽ. Nguyên nhân này có

yếu tố khách quan và chủ quan, cụ thể như: Chủ quan, có một bộ phận cán bộ làm công tác giám sát còn tâm lý nể nang, ngại va chạm, kỹ năng tổng hợp, đánh giá và kiến nghị sau giám sát chưa đồng đều, bản lĩnh trong đề xuất xử lý tiếp theo (chuyển kiểm tra, xử lý trách nhiệm) còn hạn chế. Khách quan, như nội dung giám sát ngày càng phức tạp, liên quan nhiều lĩnh vực chuyên sâu; Thẩm quyền của UBKT trong giám sát chủ yếu là kiến nghị, chưa có chế tài trực tiếp; sự phối hợp của một số cơ quan, đơn vị trong cung cấp thông tin chưa thật sự kịp thời.

Với tầm nhìn đến năm 2045, mô hình giám sát chuyên đề cần chuyển từ giám sát theo vụ việc sang giám sát thông minh dựa trên dữ liệu, từ bị động sang chủ động – phòng ngừa, từ thủ công sang số hóa toàn diện, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, cần được đổi mới căn bản theo hướng hiện đại, thông minh, chủ động và phòng ngừa sớm, cụ thể như sau:

- *Một là*, chuyển từ giám sát “hậu kiểm” sang giám sát chủ động – phòng ngừa – theo thời gian thực: Thay đổi tư duy từ phát hiện vi phạm sau khi đã xảy ra sang nhận diện sớm rủi ro, dấu hiệu vi phạm; Ứng dụng dữ liệu để phân tích xu hướng, cảnh báo sớm các lĩnh vực, đơn vị, cá nhân có nguy cơ và hình thành cơ chế giám sát liên tục, không phụ thuộc hoàn toàn vào các đợt giám sát định kỳ.

- *Hai là*, xây dựng mô hình giám sát chuyên đề dựa trên dữ liệu số, thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung giữa UBKT và các cơ quan thanh tra, kiểm toán, nội chính, tài chính...; chuẩn hóa, số hóa toàn bộ hồ sơ, quy trình giám sát bảo đảm tính liên thông – đồng bộ – bảo mật cao; Lấy dữ liệu làm trung tâm trong lựa chọn nội dung giám sát chuyên đề.

- *Ba là*, đổi mới quy trình giám sát theo hướng số hóa – tự động hóa: Xây dựng quy trình giám sát điện tử khép kín, như lập kế hoạch – triển khai

– kết luận – theo dõi thực hiện qua các phần mềm chuyên dụng trong công tác giám sát chuyên đề để theo dõi tiến độ và thực hiện kiến nghị sau giám sát; giảm mạnh thủ tục giấy tờ, nâng cao tính minh bạch, truy vết.

- *Bốn là*, phát triển đội ngũ cán bộ giám sát “kép”: chính trị vững - tinh thông nghiệp vụ – công nghệ giỏi: Cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát không chỉ giỏi nghiệp vụ kiểm tra Đảng mà còn có tư duy số, khả năng khai thác dữ liệu, hiểu biết cơ bản về AI, phân tích dữ liệu, an ninh mạng, hình thành các tổ giám sát chuyên đề số, có sự tham gia của chuyên gia công nghệ khi cần thiết.

- *Năm là*, mở rộng không gian và phương thức giám sát, giám sát không chỉ diễn ra trực tiếp mà còn chủ động giám sát từ xa, qua hệ thống dữ liệu, nền tảng số, khai thác phản ánh từ cổng thông tin điện tử, mạng xã hội, hệ thống tiếp nhận kiến nghị số; tăng cường tương tác hai chiều giữa UBKT với tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên.

- *Sáu là*, nâng cao chất lượng kết luận giám sát trong môi trường số, kết luận giám sát được hỗ trợ bởi chứng cứ dữ liệu số, bảo đảm khách quan, chính xác; kiến nghị giám sát gắn với chỉ số đánh giá (KPI) và được theo dõi tự động; tăng cường trách nhiệm giải trình thông qua hệ thống số.

- *Bảy là*, bảo đảm an toàn, bảo mật và đạo đức trong giám sát số, hoàn thiện khung pháp lý, quy định nội bộ về quản trị dữ liệu, bảo mật thông tin, quyền riêng tư; kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng AI, tránh lệ thuộc máy móc, bảo đảm vai trò quyết định của con người; xây dựng văn hóa giám sát số minh bạch, liêm chính.

Trong bối cảnh đẩy mạnh liên kết vùng Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH), UBKT cấp ủy cấp tỉnh ở đồng bằng sông Hồng sẽ gặp nhiều khó khăn, thách thức khi triển khai giám sát các chuyên đề mang tính liên tỉnh, liên thành phố. Những khó khăn này xuất phát từ cả thể chế, tổ chức, phương

thức phối hợp và năng lực thực thi, cụ thể:

- *Một là*, khó khăn về thẩm quyền và phạm vi giám sát, UBKT cấp ủy cấp tỉnh chỉ có thẩm quyền trực tiếp đối với tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi quản lý của cấp ủy mình; các chuyên đề liên kết vùng (quy hoạch, đầu tư hạ tầng, môi trường, logistics, phát triển đô thị...) thường liên quan đến nhiều địa phương, nhiều cấp, gây khó khăn trong việc tiếp cận thông tin, làm rõ trách nhiệm của từng chủ thể; chưa có cơ chế giám sát liên vùng thống nhất do Trung ương quy định.

- *Hai là*, khó khăn trong phối hợp và chia sẻ thông tin, việc phối hợp giữa UBKT các tỉnh/thành trong vùng ĐBSH chưa mang tính thường xuyên, giằng buộc mà chủ yếu theo từng vụ việc; hệ thống dữ liệu, hồ sơ của mỗi địa phương chưa được chuẩn hóa, liên thông và còn mang tính cục bộ “đóng”; tâm lý e ngại chia sẻ thông tin nhạy cảm, nhất là các vấn đề liên quan đến trách nhiệm cán bộ.

- *Ba là*, khác biệt về quy trình, phương pháp giám sát, mỗi địa phương có cách lựa chọn chuyên đề, quy trình, biểu mẫu, cách tiếp cận khác nhau gây khó khăn khi tổ chức giám sát chung hoặc đối chiếu, so sánh kết quả giám sát giữa các địa phương trong vùng.

- *Bốn là*, khó khăn trong xác định trách nhiệm và kết luận giám sát, các dự án, chương trình liên vùng thường có nhiều chủ đầu tư, nhiều cấp quyết định, nhiều giai đoạn thực hiện; việc phân định trách nhiệm chính – trách nhiệm phối hợp, trách nhiệm tập thể – cá nhân rất phức tạp dễ dẫn đến tình trạng kết luận giám sát mang tính chung chung, kiến nghị khó thực hiện hoặc thiếu đầu mối chịu trách nhiệm.

- *Năm là*, hạn chế về nguồn lực và năng lực chuyên môn, giám sát chuyên đề liên tỉnh đòi hỏi cán bộ có tầm nhìn liên vùng và hiểu biết đa ngành (quy hoạch, đầu tư, môi trường, pháp luật). Trong khi đó, nguồn lực

của UBKT cấp ủy cấp tỉnh còn hạn chế, chưa có đội ngũ chuyên sâu về các vấn đề liên kết vùng.

- *Bảy là*, áp lực về tính nhạy cảm và tác động chính trị – xã hội của các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng khác nhau, các chuyên đề liên vùng thường gắn với dự án lớn, vốn đầu tư cao, lợi ích kinh tế – xã hội đan xen giữa các địa phương. Công tác giám sát dễ gặp sức ép lợi ích, tâm lý né tránh, ngại va chạm, yêu cầu cao về bản lĩnh, phương pháp và sự chỉ đạo thống nhất từ cấp trên.

- *Tám là*, hạn chế của khung pháp lý hiện hành, các quy định hiện nay chủ yếu xây dựng cho giám sát theo địa giới hành chính thiếu hướng dẫn cụ thể về giám sát chuyên đề liên tỉnh, cơ chế phối hợp, chia sẻ kết quả, xử lý sau giám sát. Vai trò điều phối của UBKT Trung ương hoặc UBKT cấp tỉnh theo vùng chưa được thể chế hóa rõ ràng.

Tóm lại, đối với công tác giám sát chuyên đề liên tỉnh còn gặp một số khó khăn như nêu trên, thực chất ít khi có các giám sát các chuyên đề liên tỉnh trong bối cảnh liên kết vùng ĐBSH hiện nay, đây là những vấn đề mang tính hệ thống, đòi hỏi sự chỉ đạo nhất quán, thống nhất từ Trung ương, đồng thời cần đổi mới mô hình giám sát theo hướng mở rộng liên tỉnh - liên thông – liên kết – dựa trên dữ liệu do các địa phương báo cáo.

Để nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề của Ủy ban Kiểm tra (UBKT) các cấp trong thời gian tới, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp từ nhận thức, con người, nội dung, phương pháp đến tổ chức thực hiện, bảo đảm giám sát thực chất, hiệu quả, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Tập trung vào một số giải pháp trọng tâm sau:

(1) Nâng cao chất lượng lựa chọn nội dung, đối tượng giám sát, bám sát nhiệm vụ chính trị của từng tỉnh, các nghị quyết, chỉ thị mới ban hành và những vấn đề bức xúc, nổi cộm, dễ phát sinh vi phạm; ưu tiên giám sát các lĩnh vực nhạy cảm, như: quản lý đất đai, đầu tư công, tài chính – ngân sách, cán bộ, công

tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực; lựa chọn đúng đối tượng, đúng trọng tâm, tránh dàn trải, hình thức.

(2) Đổi mới phương pháp, quy trình giám sát chuyên đề kết hợp linh hoạt giữa nghiên cứu hồ sơ, báo cáo mới làm việc trực tiếp, khảo sát thực tế. Tăng cường giám sát theo dấu hiệu, chú trọng phát hiện sớm vi phạm từ giám sát. Thực hiện đầy đủ các bước: xây dựng kế hoạch – triển khai – kết luận – theo dõi, đôn đốc sau giám sát.

(3). Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ UBKT các cấp, trong đó chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ kiểm tra, giám sát; kiến thức pháp luật, quản lý nhà nước và các lĩnh vực chuyên ngành. Rèn luyện bản lĩnh chính trị, tinh thần trách nhiệm, tính khách quan, công tâm. Phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực, sở trường của từng cán bộ.

(4). Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa UBKT với các ban xây dựng Đảng, cơ quan thanh tra, kiểm toán, nội chính và các cơ quan liên quan. Phát huy vai trò giám sát của HĐND, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị – xã hội và nhân dân. Chia sẻ thông tin kịp thời để tránh chồng chéo, nâng cao hiệu quả giám sát.

(5). Nâng cao chất lượng kết luận và kiến nghị sau giám sát phải rõ ràng, chính xác, có căn cứ, chỉ rõ ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm. Kiến nghị, đề xuất giải pháp cụ thể, khả thi, gắn với lộ trình thực hiện. Tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận giám sát.

(6). Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ, dữ liệu giám sát; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát. Khai thác hiệu quả thông tin từ các kênh phản ánh, đơn thư, dư luận xã hội.

(7). Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cấp tỉnh thường xuyên quan tâm, lãnh đạo, kiểm tra việc thực hiện công tác giám sát chuyên đề. Kịp thời cho ý kiến chỉ đạo đối với những vấn đề phức tạp, nhạy cảm, phát sinh

trong quá trình giám sát.

Thời gian PV: Tháng 01 năm 2026

4. Chuyên gia: ĐUV, Phó Chủ nhiệm UBKT xã Kiến Thụy, Đảng bộ Thành phố Hải Phòng

Đã tham gia nhiều cuộc giám sát chuyên đề của cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra cấp ủy với các vai trò trưởng đoàn, phó trưởng đoàn, thành viên và thư ký đoàn với các cuộc giám sát có nội dung về: công tác quản lý đất đai, trật tự, xây dựng; công tác tài chính; việc thực hiện các Kết luận, Chỉ thị, Nghị quyết; việc thực hiện các thông báo kết luận của cấp trên; việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các phòng, ban, cơ quan đơn vị; công tác bầu cử... Qua các cuộc giám sát chuyên đề đã giúp cấp ủy xã Kiến Thụy và UBKT xã Kiến Thụy phát hiện sớm sai phạm, qua đó ngăn chặn vi phạm từ khi mới manh nha, hạn chế cho việc phải thi hành kỷ luật sau này. Qua giám sát chuyên đề có thể đánh giá đúng thực trạng, ưu điểm, hạn chế, khuyết điểm của tổ chức đảng, đảng viên; kịp thời phát hiện, làm rõ thiếu sót, khuyết điểm để uốn nắn, kiến nghị cấp trên chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế. Với ý nghĩa đó, công tác giám sát chuyên đề đã góp phần giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng, nâng cao nhận thức và hành động của các tổ chức đảng, đảng viên, chủ động khắc phục hạn chế, khuyết điểm, thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Giám sát không chỉ để “phát hiện sai phạm” mà còn mang tính giáo dục, phòng ngừa, xây dựng.

Việc lựa chọn nội dung, đối tượng giám sát chuyên đề của UBKT Thành ủy Hải Phòng và Đảng ủy xã Kiến Thụy hiện nay dựa vào nhiệm vụ chính trị và tình hình thực tiễn của Thành phố và xã về công tác xây dựng đảng, chính quyền, vận động quần chúng và phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương và tập trung vào những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm; vấn đề nổi cộm, bức xúc, dư luận xã hội quan tâm,

phản ánh của Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Hải Phòng với đặc thù trực hành lang kinh tế giữa Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh nên dễ phát sinh vi phạm trong công tác thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển nhượng, cho thuê đất trái quy định, việc thực hiện xây dựng Nông thôn mới kiểu mẫu, nông thôn mới nâng cao, việc chấp hành pháp luật về đầu tư tài chính... Nên với yêu cầu thực tiễn thì Công tác giám sát chuyên đề càng phải tích cực đẩy mạnh nhằm phòng ngừa vi phạm, nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong Đảng ở địa phương. Thông qua việc tập trung giám sát các lĩnh vực, khâu công tác dễ phát sinh tiêu cực, UBKT kịp thời phát hiện những biểu hiện tồn tại, hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo và thực thi nhiệm vụ để nhắc nhở, uốn nắn, chấn chỉnh từ sớm, từ xa. Qua đó, nâng cao ý thức chấp hành các quy định của Đảng, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương, phòng ngừa vi phạm và xây dựng tổ chức Đảng ở cơ sở ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Hiện nay đối với Đảng ủy xã thì chất lượng kết luận, kiến nghị sau giám sát chuyên đề cơ bản đáp ứng được yêu cầu, kết luận đã chỉ rõ tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và đưa ra kiến nghị, đề xuất biện pháp khắc phục hiệu quả, mang tính phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm tái diễn, góp phần củng cố tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo, phòng ngừa vi phạm, xây dựng Đảng bộ, cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh.

Để đánh giá chất lượng công tác giám sát chuyên đề của Đảng ủy xã hiện nay nhận thấy có những tiêu chí cơ bản sau: Tính hiệu quả và chuyển biến; Tính khách quan, minh bạch; việc phát hiện vấn đề, đề xuất giải pháp; công tác phối hợp. Trong đó, Tiêu chí về tính hiệu quả và chuyển biến sau giám sát chuyên đề kịp thời phát hiện thiếu sót, khuyết điểm để uốn nắn, chấn chỉnh là quan trọng.

Bên cạnh những ưu điểm đạt được thì vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: Một số cấp ủy, người đứng đầu chưa nhận thức đúng mức vai trò của giám sát thường xuyên, để sai phạm nghiêm trọng mới phát hiện; thời gian giám sát chuyên đề quy định còn ngắn, gây khó khăn trong việc phát hiện các dấu hiệu vi phạm để chuyển kiểm tra, nhiều sai phạm chậm được phát hiện trong quá trình giám sát, chỉ được phát hiện khi đã có hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến uy tín của Đảng và Nhà nước; trình độ, năng lực của cán bộ cấp cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu, một bộ phận còn ngại va chạm nên chưa phát hiện và ngăn chặn sai phạm hiệu quả. Trong giai đoạn từ 2020 đến nay, sự thay đổi về tính chất sai phạm khiến giám sát chuyên đề gặp không ít khó khăn trong việc phát hiện các vi phạm, các vi phạm ngày càng tinh vi, phức tạp, ẩn mình trong những quy trình, thủ tục tưởng chừng hợp lệ, liên quan đến công nghệ số hóa, tài chính phức tạp và lợi ích nhóm, biến tướng thành hành vi “lách luật”, khác xa các sai phạm có hình thức thường thấy, dễ thấy trước đây; đặc biệt là các sai phạm ‘nội bộ’, lợi dụng chính sách để trục lợi mà thiếu minh bạch thông tin. Giám sát chuyên đề thường có phạm vi hẹp, tập trung vào một lĩnh vực (ví dụ: đất đai, đầu tư) nên khó nhận diện các sai phạm mang tính liên kết giữa nhiều lĩnh vực, nhiều ngành khác nhau.

Để nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề trong thời gian tới, Thành ủy Hải Phòng, Đảng ủy xã Kiến Thụy cần làm tốt một số nhiệm vụ sau:

- *Một là*, tập trung giám sát vào các vấn đề như phòng chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, kê khai tài sản, thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

- *Hai là*, đổi mới phương pháp, kết hợp giám sát thường xuyên và đột xuất, trực tiếp và gián tiếp; mở rộng giám sát, gắn kiểm tra với giám sát chuyên đề để phát hiện sai phạm từ sớm, từ xa.

- *Ba là*, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát đảm

bảo về phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, chuyên môn nghiệp vụ.

- *Bốn là*, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất để theo dõi, phân tích tình hình; nghiên cứu ứng dụng AI, phân tích dữ liệu lớn để dự báo rủi ro; tăng cường ứng dụng công nghệ số đổi mới quy trình nghiệp vụ để kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin dữ liệu, đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp kiểm tra, giám sát trên cơ sở đẩy mạnh chuyển đổi số. Triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu thực hiện mô hình "*giám sát trên dữ liệu* " trong ngành kiểm tra Đảng.

- *Năm là*, coi trọng việc giám sát việc khắc phục khuyết điểm, vi phạm sau các thông báo kiểm tra, giám sát.

Thời gian PV: Tháng 01 năm 2026

5. Chuyên gia: Ủy viên UBKT Tỉnh ủy Bắc Ninh

Đã tham gia 04 đoàn giám sát chuyên đề của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, với vai trò thư ký các đoàn giám sát; 05 đoàn giám sát chuyên đề của UBKT tỉnh ủy với vai trò trưởng, phó các đoàn giám sát. Hiện nay, các cuộc giám sát chuyên đề được thực hiện theo 3 bước: Bước chuẩn bị, bước tiến hành và bước kết thúc (trình tự các bước theo hướng dẫn của Trung ương và UBKT Trung ương). Trong quá trình giám sát chuyên đề, đoàn giám sát cử thành viên đoàn dự họp, đối thoại, chất vấn; dự hội nghị, làm việc với tổ chức/cá nhân liên quan, nghe báo cáo giải trình, góp ý với đối tượng giám sát; nghe phản ánh, nghe báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, gấp gỡ, góp ý với đối tượng giám sát. Theo dõi, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ, gấp gỡ, góp ý với đảng viên; nghiên cứu báo cáo tự giám sát của đối tượng và đối chiếu với văn bản có liên quan như; thông báo kết luận kiểm tra, giám sát; kết quả tự phê bình và phê bình; nghiên cứu ý kiến phản ánh, kiến nghị của các tổ chức nhà nước, MTTQ, đoàn thể và các phương tiện thông tin đại chúng liên quan đến chuyên đề giám sát và xem xét đơn tố cáo, khiếu nại, phản ánh (nếu có)..

Việc thu thập tài liệu, làm việc với tổ chức đảng, đảng viên được giám sát

thường bám sát các quy định về giám sát trong đảng từ quy trình, phương pháp, trách nhiệm của các tổ chức đảng, đảng viên đều được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, UBKT Trung ương quy định rất rõ nên việc thực hiện không gặp khó khăn.

Hiện nay việc phát hiện dấu hiệu vi phạm qua giám sát chuyên đề còn ít; có trường hợp đã được giám sát sau đó thanh tra hoặc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm lại phát hiện ra sai phạm; khó khăn, áp lực lớn nhất đối với kiểm tra viên hiện nay khi thực hiện giám sát chuyên đề là thời gian giám sát hạn chế, lĩnh vực giám sát rộng, nhiều lĩnh vực chuyên môn sâu, khả năng phát hiện vi phạm còn hạn chế. Nguyên nhân là do: Thời gian giám sát hạn chế; ít tiến hành thẩm tra, xác minh; còn dựa nhiều vào báo cáo của đối tượng giám sát.

Sự phối hợp giữa UBKT với các ban xây dựng Đảng, cơ quan liên quan trong giám sát chuyên đề hiện nay được đảm bảo theo đúng quy định, bởi lẽ hiện nay cấp ủy các cấp tại địa phương đã chủ động ban hành Quy chế phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát đối với UBKT với các ban xây dựng Đảng, cơ quan liên quan, nên việc phối hợp được đảm bảo chặt chẽ.

Về năng lực chuyên môn, kỹ năng của đội ngũ cán bộ làm công tác giám sát đã hiện nay chưa có nhiều kinh nghiệm, chưa đáp ứng yêu cầu công tác đề ra, lý do có một số đồng chí cán bộ mới được sắp xếp nhiệm vụ mới theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, nên còn lúng túng... Do vậy, trong thời gian tới, cấp ủy các cấp và UBKT các cấp cần thường xuyên quan tâm công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, nhất là phát huy tốt vai trò tham mưu, tổ chức thực hiện giám sát chuyên đề của UBKT các cấp; Tăng cường nâng cao trình độ năng lực chuyên môn, tăng cường tập huấn đội ngũ làm công tác kiểm tra, giám sát, nhất là lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm: Đất đai, đầu tư xây dựng, tổ chức cán bộ... và chú trọng ứng dụng

công nghệ thông tin, khai thác dữ liệu số sẽ giúp ích rất nhiều cho công tác kiểm tra, giám sát, nhất là giám sát chuyên đề.

Thời gian PV: Tháng 01 năm 2026

6. Chuyên gia: Ủy viên UBKT Tỉnh ủy Bắc Ninh

Trong những năm qua, bản thân đã trực tiếp tham gia nhiều cuộc giám sát chuyên đề do UBKT Tỉnh ủy chủ trì với vai trò là thành viên đoàn giám sát, trực tiếp tham gia xây dựng đề cương giám sát, nghiên cứu hồ sơ tài liệu, làm việc với tổ chức đảng được giám sát, tổng hợp báo cáo và tham mưu kết luận, kiến nghị sau giám sát. Công tác giám sát chuyên đề hiện nay được Thường trực, Ban Thường vụ tỉnh Bắc Ninh lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện bài bản, bám theo đúng quy trình, quy định của Trung ương. Kế hoạch giám sát được xây dựng trên cơ sở nội dung chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa và hằng năm của Tỉnh ủy, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm.

Nội dung giám sát chuyên đề ngày càng cụ thể, định hướng rõ các nội dung cần tập trung làm rõ. Trong quá trình giám sát chuyên đề, chúng tôi thường sử dụng kết hợp nhiều phương pháp và hình thức khác nhau như: nghiên cứu hồ sơ, tài liệu; nghe báo cáo giải trình của tổ chức đảng được giám sát; trao đổi, phỏng vấn trực tiếp cấp ủy viên, cán bộ chủ chốt; đối chiếu giữa báo cáo với hồ sơ thực tế; khảo sát thực tiễn tại cơ sở khi cần thiết. Song, trong quá trình giám sát cũng gặp không ít khó khăn chủ yếu là một số nội dung giám sát mang tính chuyên sâu, liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên môn nên tài liệu cung cấp đôi khi chưa đầy đủ, còn mang tính báo cáo thành tích; tâm lý e ngại, né tránh của một số tổ chức đảng, cá nhân được giám sát cũng ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả phát hiện vấn đề; một số trường hợp cung cấp tài liệu chậm, tài liệu chưa đầy đủ hoặc chưa đúng trọng tâm nội dung giám sát.

Một số tổ chức đảng còn tâm lý “giám sát là hình thức nhắc nhở”, nên

chưa chủ động cung cấp thông tin phản ánh đúng thực chất tình hình. Điều này đòi hỏi kiểm tra viên phải chủ động khai thác thông tin từ nhiều nguồn, tăng cường đối chiếu, xác minh.

Khả năng phát hiện vấn đề, dấu hiệu vi phạm qua giám sát chuyên đề hiện nay đã được nâng lên so với trước, song nhìn chung vẫn ở mức phát hiện sớm, cảnh báo là chủ yếu, chưa thật sự sắc bén trong một số lĩnh vực nhạy cảm, phức tạp.

Thực tế có trường hợp kết quả giám sát chuyên đề đánh giá là “thực hiện cơ bản tốt”, nhưng sau đó qua thanh tra hoặc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm lại phát hiện sai phạm. Nguyên nhân chủ yếu là do phạm vi giám sát rộng, thời gian hạn chế; phương pháp giám sát chưa thật sự đi sâu; một số vi phạm được che giấu tinh vi; năng lực phân tích, phát hiện của một bộ phận cán bộ giám sát còn hạn chế.

Sự phối hợp giữa UBKT với các ban xây dựng Đảng, các cơ quan chuyên môn của tỉnh trong giám sát chuyên đề cơ bản nhịp nhàng. Tuy nhiên, ở một số trường hợp, việc phối hợp vẫn còn mang tính hành chính, chưa thường xuyên, kịp thời, cơ chế chia sẻ dữ liệu, thông tin giữa các cơ quan chưa thật sự đồng bộ; nội dung giám sát ngày càng phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh khiếu nại, phản ứng; áp lực về tính chính xác, khách quan, thận trọng trong kết luận giám sát cũng rất lớn, đòi hỏi cán bộ tham gia phối hợp của đoàn giám sát chuyên đề phải có bản lĩnh chính trị vững vàng và trình độ chuyên môn cao.

Đội ngũ cán bộ làm công tác giám sát hiện nay cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm. Tuy nhiên, so với yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn, vẫn còn hạn chế về kỹ năng phân tích chuyên sâu, kỹ năng phát hiện dấu hiệu vi phạm, kiến thức liên ngành và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin. Do vậy, để nâng cao hiệu quả chất lượng các cuộc giám sát chuyên đề, cần tập trung

vào một số giải pháp: tiếp tục hoàn thiện quy trình, phương pháp giám sát theo hướng đi sâu, thực chất, tránh hình thức; lựa chọn nội dung giám sát có trọng tâm, trọng điểm; nâng cao chất lượng đội ngũ kiểm tra viên thông qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu; tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin giữa UBKT với các cơ quan liên quan.

Thời gian PV: Tháng 01 năm 2026

7. Chuyên gia: UVBTV, Chủ nhiệm UBKT xã An Lạc, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh

Đã tham gia 04 cuộc giám sát chuyên đề với vai trò là trưởng đoàn và thành viên. Trong quá trình thực hiện giám sát chuyên đề của Đảng ủy, UBKT Đảng ủy xã An Lạc được thực hiện tương đối bài bản, chặt chẽ, bám sát các quy định của Trung ương và hướng dẫn của UBKT Tỉnh Bắc Ninh, nên có tác dụng phòng ngừa, nhắc nhở, uốn nắn, là hình thức quan trọng để phát hiện hạn chế, khuyết điểm.

Trong thực tiễn giám sát chuyên đề, UBKT Đảng ủy xã chủ yếu sử dụng kết hợp nghiên cứu hồ sơ, tài liệu và làm việc trực tiếp với các tổ chức đảng và đảng viên liên quan để trao đổi, làm rõ nội dung, nghe báo cáo giải trình, đối chiếu quy định của Đảng và các ý kiến kiến nghị của thành viên đoàn để kết luận. Qua công tác giám sát chuyên đề nhận thấy vẫn còn một số khó khăn, áp lực lớn đối với kiểm tra viên cấp cơ sở khi thực hiện giám sát chuyên đề hiện nay là khối lượng công việc có nội dung giám sát ngày càng rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực, trong khi nghiên cứu, cập nhật văn bản, nghiệp vụ còn hạn chế; kỹ năng phân tích hồ sơ, phát hiện vấn đề từ tài liệu, sổ sách, nhất là đối với kiểm tra viên mới còn hạn chế.

Sự phối hợp giữa UBKT Đảng ủy xã An Lạc với các ban xây dựng Đảng và cơ quan liên quan ngày càng chặt chẽ, thực chất hơn trên cơ sở chức năng nhiệm vụ và quy chế phối hợp. Cụ thể: UBKT thường xuyên trao đổi thông tin với Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy trong quá trình xây dựng kế hoạch, lựa

chọn nội dung giám sát; phối hợp trong năm tình hình tổ chức đảng, đảng viên, tránh chồng chéo nội dung.

Để nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác giám sát chuyên đề trong thời gian tới, từ thực tiễn công tác ở cơ sở, tôi xin kiến nghị một số nội dung sau: tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu cho cán bộ UBKT, nhất là kỹ năng phát hiện vấn đề qua giám sát; tăng cường công tác theo dõi, đôn đốc thực hiện kết luận giám sát, tránh giám sát xong nhưng việc khắc phục còn hình thức; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin cho công tác giám sát chuyên đề..

Thời gian PV: Tháng 01 năm 2026

8. Chuyên gia: ĐUV, Phó Chủ nhiệm UBKT xã An Lạc, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh

Với vai trò là ĐUV, Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy xã luôn bám sát định hướng chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy và Thường vụ Đảng ủy xã để tham mưu các nội dung giám sát chuyên đề đảm bảo phải trúng và đúng, chủ động nghiên cứu hồ sơ và xây dựng kế hoạch giám sát chi tiết, xác định rõ mốc thời gian và phương pháp tiến hành. Trong đó công tác xây dựng đề cương gợi ý báo cáo là bước then chốt, đề cương phải "xoáy" vào các vấn đề trọng tâm, nhạy cảm (như quản lý đất đai, tài chính...) để đối tượng giám sát không thể báo cáo chung chung. Khi nhận được báo cáo của đối tượng giám sát, thành viên đoàn giám sát không chỉ đọc mà còn phải nghiên cứu sâu, đối chiếu với các hồ sơ, tài liệu thực tế. Nếu thấy chưa rõ, sẽ yêu cầu làm việc trực tiếp với các tổ chức, cá nhân liên quan để thẩm tra, xác minh. Trong các buổi làm việc, thành viên đoàn cần phải lắng nghe đối tượng giám sát trình bày, nhưng đồng thời sẽ phải đối thoại, chất vấn để làm rõ các vấn đề. Nếu quá trình giám sát mà phát hiện dấu hiệu vi phạm, có thể báo cáo đề xuất xem xét chuyển sang kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

Hiện nay, hành lang pháp lý cho công tác giám sát đã được quy định rất cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi cho Đoàn giám sát thực thi nhiệm vụ, như: Quyền hạn được quy định rõ ràng, chủ thể giám sát có quyền yêu cầu tổ chức đảng và đảng viên có liên quan báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu theo nội dung giám sát. Ủy ban kiểm tra có quyền yêu cầu báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan khác, nếu thấy cần thiết và tổ chức đảng và cá nhân đảng viên được giám sát có trách nhiệm phải báo cáo, giải trình đầy đủ, trung thực về các nội dung được yêu cầu và phải cung cấp hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của đoàn giám sát đúng thời gian quy định. Tuy nhiên, mặc dù quy trình giám sát đã được quy định chặt chẽ, nhưng thực tiễn giám sát vẫn gặp một số khó khăn, như:

- *Một là*, khối lượng hồ sơ (nhất là lĩnh vực đất đai, đầu tư) thường rất lớn, đòi hỏi đoàn giám sát phải làm việc với cường độ cao để đảm bảo tiến độ.

- *Hai là*, chất lượng báo cáo của đối tượng giám sát tại một số nơi báo cáo còn sơ sài, mang tính đối phó, hoặc "tô hồng" thành tích, chưa bám sát đề cương gợi ý, điều này khiến đoàn giám sát mất nhiều thời gian để yêu cầu bổ sung, giải trình lại.

- *Ba là*, độ trễ trong cung cấp thông tin, mặc dù có quy định về thời hạn, nhưng trong thực tế, việc cung cấp các tài liệu liên quan đến bên thứ ba (như sao kê ngân hàng, hồ sơ dự án từ các sở ngành chuyên môn...) thường mất nhiều thời gian để thẩm tra, xác minh.

- *Bốn là*, tính phức tạp của các lĩnh vực mới có vi phạm ngày càng tinh vi, đặc biệt trong các lĩnh vực chuyên môn sâu (định giá đất, đấu thầu qua mạng, tài sản số...), điều này đòi hỏi cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát phải có kiến thức đa ngành hoặc phải phụ thuộc vào việc trưng cầu giám định, vốn tốn nhiều thời gian; hoặc kiến nghị đề xuất thẩm tra, xác minh để đề xuất yêu cầu thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí ngay qua công tác giám

sát, thì đây là nhiệm vụ mới và khó, liên quan đến việc xác định giá trị tài sản, quy trình phong tỏa, kê biên, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ với nhiều cơ quan chức năng...

- *Năm là*, thái độ hợp tác có lúc, có nơi vẫn gây cản trở, gây khó khăn, có trường hợp đối tượng giám sát tìm cách đối phó, cung cấp thông tin nhỏ giọt, hoặc viện lý do khách quan để chậm trễ, gây áp lực lên thời hạn giám sát.

- Cuối cùng, khó khăn, áp lực lớn nhất đối với kiểm tra viên cấp cơ sở khi thực hiện giám sát chuyên đề hiện nay là khối lượng công việc, cán bộ mới tiếp nhận cận việc kiểm tra giám sát, nội dung giám sát ngày càng rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực, trong khi nghiên cứu, cập nhật văn bản, nghiệp vụ còn hạn chế; kỹ năng phân tích hồ sơ, phát hiện vấn đề từ tài liệu, sổ sách, nhất là đối với kiểm tra viên mới còn hạn chế.

Về khả năng phát hiện dấu hiệu vi phạm qua giám sát chuyên đề hiện nay đang dừng ở mức trung bình, chưa thể đạt đến độ sâu như hoạt động thanh tra hay kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, bởi lẽ các cuộc giám sát hiện nay mới chỉ dừng ở nhắc nhở và mục tiêu chính của giám sát là "quan sát, theo dõi, nắm bắt, nhằm kịp thời nhắc nhở và khắc phục, sửa chữa hạn chế, khuyết điểm". Do đó, giám sát thiên về phòng ngừa, nhắc nhở hơn là đi sâu vào truy cứu trách nhiệm như thanh tra, kiểm tra. Thực tế vẫn có trường hợp xảy ra khi kết luận giám sát đánh giá tổ chức đảng/đảng viên thực hiện tốt hoặc chỉ có khuyết điểm nhỏ, nhưng sau đó Thanh tra Nhà nước hoặc UBKT cấp trên kiểm tra lại phát hiện sai phạm nghiêm trọng (thậm chí phải xử lý hình sự). Nguyên nhân của tình trạng trên thì có nhiều nguyên nhân, trong đó có một số nguyên chủ yếu đến từ các yếu tố sau:

a. Nguyên nhân từ phương pháp và thời gian (Khách quan)

- Thời gian giám sát hạn hẹp: Theo Quyết định 331-QĐ/TW, thời gian giám sát cấp tỉnh tối đa chỉ 45 ngày (cấp huyện 20 ngày). Với khoảng thời

gian này, đoàn giám sát khó có thể thẩm tra chi tiết toàn bộ hồ sơ của các lĩnh vực phức tạp (như đất đai, đầu tư công) kéo dài trong 3 năm.

- Phụ thuộc vào báo cáo: Giám sát chuyên đề chủ yếu dựa trên báo cáo của đối tượng giám sát và thẩm tra tài liệu. Nếu đối tượng giám sát báo cáo không trung thực, “tô hồng” thành tích hoặc giấu giếm hồ sơ, đoàn giám sát rất khó phát hiện nếu không có thông tin tố cáo hoặc nghiệp vụ chuyên sâu.

b. Nguyên nhân từ chủ thể và đối tượng (Chủ quan)

- Tính chất "nhắc nhở": Tâm lý của giám sát thường nhẹ nhàng hơn kiểm tra, thiên về "nhắc nhở, uốn nắn". Điều này có thể dẫn đến việc đoàn giám sát dễ dàng chấp nhận các giải trình của đối tượng mà không đi đến cùng sự việc.

- Sự thiếu trung thực của đối tượng: Quy định yêu cầu đối tượng giám sát phải báo cáo trung thực, đầy đủ. Tuy nhiên, nếu đối tượng cố tình che giấu, tẩu tán tài liệu hoặc hợp thức hóa hồ sơ, hoạt động giám sát (vốn không có các biện pháp nghiệp vụ mạnh như phong tỏa, niêm phong ngay lập tức như cơ quan điều tra) sẽ khó phát hiện ngay.

- Năng lực thẩm định: Với các lĩnh vực chuyên môn sâu (tài chính, xây dựng), nếu đoàn giám sát không trung cầu giám định chuyên môn mà chỉ dựa vào quan sát hồ sơ bề mặt, sẽ rất dễ bỏ lọt sai phạm.

Như vậy, từ thực tiễn công tác ở cơ sở, tôi xin kiến nghị một số nội dung sau: Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu cho cán bộ UBKT, nhất là kỹ năng phát hiện vấn đề qua giám sát; tăng cường công tác theo dõi, đôn đốc thực hiện kết luận giám sát, tránh giám sát xong nhưng việc khắc phục còn hình thức.

Thời gian PV: Tháng 01 năm 2026

9. Chuyên gia: Chủ nhiệm UBKT; Phó Chủ nhiệm UBKT xã Tân Yên, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh.

Hiện nay, công tác giám sát chuyên đề đã góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ủy xã Tân Yên; giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật, bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng; ngăn chặn sự suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác. Đồng thời, phát hiện sớm những tiềm ẩn dẫn đến nguy cơ sai phạm trong tổ chức Đảng và đảng viên trên địa bàn xã. Xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và tình hình thực tế của địa phương. Công tác giám sát của Đảng ủy xã luôn thực hiện tốt phương châm “giám sát phải mở rộng”, tập trung giám sát những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh sai phạm (như quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản; quản lý ngân sách và xây dựng cơ bản...). Chủ động phát hiện sớm để phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên. Thực hiện đúng nguyên tắc, thủ tục, quy trình, phương pháp trong công tác giám sát trong Đảng. Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất trong giám sát chuyên đề là các kết luận giám sát chỉ dừng ở mức độ cảnh báo, nhắc nhở, chưa kiến nghị xử lý kỷ luật được, mà phải chuyển sang kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm mới xử lý kỷ luật được.

Để nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh trong thời gian tới cần nâng cao nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên về vị trí, vai trò của công tác giám sát chuyên đề; đổi mới nội dung, phương thức giám sát chuyên đề; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giám sát chuyên đề, xây dựng hệ thống dữ liệu đồng bộ để hướng đến thực hiện và từng bước chuyển sang “*giám sát trên dữ liệu*”. Đồng thời để đánh giá hiệu quả chất lượng giám sát chuyên đề cần dựa trên tiêu chí sau: (1) Xác định nội dung giám sát phải thiết thực, phù hợp với tình hình tại địa phương; (2) Thông tin, tài liệu cung cấp cho đoàn giám sát phải đảm bảo chất lượng; (3) Cán bộ thẩm tra xác minh phải có chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu;

(4) Kết quả đạt được sau khi thực hiện giám sát phải đem lại hiệu quả...

Thời gian PV: Tháng 01 năm 2026

10. Chuyên gia: Phó Chủ nhiệm UBKT xã Tân Yên, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh.

Giám sát chuyên đề của UBKT các cấp là một trong những nhiệm vụ trọng tâm then chốt trong công tác xây dựng Đảng, giúp phát hiện, ngăn ngừa sớm, ngăn ngừa kịp thời những việc làm không đúng của cá nhân, tổ chức góp phần xây dựng bộ máy máy, tổ chức Đảng, chính quyền các cấp ngày càng tốt hơn. Do vậy, việc lựa chọn đối tượng giám sát chuyên đề của UBKT các địa phương cần căn cứ trên cơ sở việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước, nhiệm vụ cấp trên giao liên quan đến tất cả các lĩnh vực... trong đó lĩnh vực quản lý đất đai, đô thị hóa, đầu tư công cũng là một trong những vực quan trọng được chọn đưa vào nội dung giám sát. Đồng thời phải thực hiện và bám sát quy trình giám sát chuyên đề hiện nay được quy định tại Quyết định 354-QĐ/UBKTTW ngày 22/12/2021 của UBKT Trung ương về các quy trình thực hiện kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng. Trong đó, việc nghiên cứu tài liệu, trực tiếp làm việc với đơn vị được giám sát là quan trọng nhất, qua đó yêu cầu tổ chức đảng và đảng viên được giám sát báo cáo, giải trình làm rõ một số vấn đề cần làm rõ để phục vụ việc xem xét, đánh giá (khi cần thiết).

Hiện nay, chất lượng kết luận, kiến nghị sau giám sát chuyên đề cơ bản được thực hiện rất tốt, đáp ứng yêu cầu đặt ra, bởi các kết luận, kiến nghị sau giám sát có yêu cầu phải thực hiện đúng và báo cáo bằng văn bản, đúng ngày giờ quy định, nếu không thực hiện sẽ bị xử lý trách nhiệm cụ thể theo quy định, chính vì vậy có tính răn đe rất cao, đạt hiệu quả tốt. Tuy nhiên, để đánh giá chất lượng công tác giám sát chuyên đề cần dựa trên các tiêu chí như kịp thời, chủ động; tính khách quan; tuân thủ quy trình, chất lượng hiệu

quả đạt được. Trong đó, tiêu chí chất lượng, hiệu quả đạt được là quan trọng nhất nhằm tác động mạnh đến việc phòng ngừa vi phạm, nâng cao kỷ luật kỷ cương ở trong các cơ quan, đơn vị. Song bên cạnh những kết quả đạt được thì công tác giám sát chuyên đề cũng còn tồn tại một số những hạn chế như là thiếu cơ chế rõ ràng để phối hợp giám sát giữa Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Trình độ năng lực của một số cán bộ còn hạn chế; kinh phí phục vụ cho giám sát còn khó khăn, trong giai đoạn từ 2020 đến nay có sự thay đổi về tính chất các sai phạm như tính chất tinh vi của hành vi.

Trong bối cảnh đẩy mạnh liên kết vùng đồng bằng sông Hồng, UBKT cấp ủy cấp tỉnh có thể gặp một số khó khăn trong việc giám sát các chuyên đề mang tính liên tỉnh như:

- Phạm vi và địa bàn phức tạp: Chuyên đề liên tỉnh bao quát nhiều địa phương, mỗi nơi có đặc thù riêng, làm tăng khối lượng công việc và thách thức trong việc thu thập thông tin, đánh giá khách quan.

- Thiếu sự phối hợp: Việc phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành của các tỉnh, nhất là các cơ quan chuyên môn và địa phương có liên quan, thường không nhịp nhàng, dẫn đến chậm trễ và thông tin không đầy đủ.

- Nguồn lực và hậu cần: Đoàn giám sát phải di chuyển liên tục, tốn kém chi phí, thời gian, và vướng mắc về hậu cần, điều này làm giảm số lượng và chiều sâu của các buổi làm việc.

- Sự khác biệt về quy định: Các tỉnh có thể có những văn bản hướng dẫn, quy định khác nhau, gây khó khăn trong việc áp dụng một tiêu chuẩn chung để đánh giá.

- Khó khăn về dữ liệu và số liệu: Việc thu thập, đối chiếu và chuẩn hóa dữ liệu, số liệu từ nhiều nguồn khác nhau ở các tỉnh là một thách thức lớn, dễ dẫn đến sai sót.

- Tính kịp thời: Do quy trình phức tạp, kết quả giám sát có thể không

còn kịp thời để can thiệp hoặc điều chỉnh các vấn đề phát sinh hiệu quả.

Để nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh trong thời gian tới, như: Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng; tạo nguồn cán bộ, đảm bảo có đội ngũ tinh thông nghiệp vụ, chuẩn mực về đạo đức, năng động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm, nhiệt huyết trong công việc; đảm bảo nguồn kinh phí, phương tiện đầy đủ trong hoạt động giám sát chuyên đề được đảm bảo, phục vụ tốt nhất cho công việc chuyên môn; cán bộ làm công tác kiểm tra phải thường xuyên học tập, cử đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, thích ứng được với công cuộc chuyển đổi số.

Thời gian PV: Tháng 01 năm 2026

11. Chuyên gia: ĐUV, Phó Chủ nhiệm UBKT phường Hoa Lư, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình

Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng có vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng Đảng ta trong sạch vững mạnh, là một trong những chức năng lãnh đạo, nhiệm vụ thường xuyên của Đảng, trước hết là nhiệm vụ của cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy, do cấp ủy trực tiếp tiến hành, nhằm nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng. Do vậy, trong quá trình giám sát, việc lựa chọn nội dung giám sát có tính đến những đặc thù kinh tế - xã hội của địa phương là rất quan trọng; việc áp dụng nhiều phương pháp, hình thức giám sát chuyên đề đã giúp cho chất lượng của các cuộc giám sát ngày càng chất lượng, qua theo dõi và nắm tình hình đã giúp cho các cuộc giám sát chuyên đề tại địa phương rất hiệu quả.

Thực tiễn cho thấy, bất cứ tổ chức nào muốn phát triển tốt đều phải thực hiện chức năng giám sát thường xuyên và giám sát đột xuất thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý của mình. Qua giám sát mới nhận diện được những nguy cơ có thể vi phạm để kịp thời cảnh tỉnh, uốn nắn, từ đó khắc phục để không trở thành các hành vi sai phạm đến mức phải kiểm tra dấu hiệu vi phạm và xử lý kỷ luật... Song thực tế vẫn còn có những hạn chế trong công tác giám sát chuyên đề hiện

nay là chưa phát hiện ra những hành vi sai phạm của tổ chức đảng và đảng viên (nguyên nhân do trong quá trình giám sát chưa cụ thể, kế hoạch và đề cương gợi ý còn chung chung), có nơi giám sát còn mang tính hình thức, chưa phát hiện sớm sai phạm, dẫn đến việc xử lý chưa kịp thời... Do vậy, khi tổ chức giám sát thì có nội dung trọng tâm, trọng điểm, chọn các chuyên đề, lĩnh vực nhạy cảm có sự ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để giám sát chuyên đề; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số và phần mềm giám sát chuyên dụng ngành kiểm tra, giám sát của đảng; chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu về công tác kiểm tra đảng.

Thời gian PV: Tháng 01 năm 2026

12. Chuyên gia: ĐUV, Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy xã Gia Trấn, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình

Với vai trò là Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy, tôi cho rằng giám sát chuyên đề là hình thức giám sát có tính chiều sâu, giúp UBKT không chỉ phát hiện vi phạm mà quan trọng hơn là phát hiện nguy cơ vi phạm, những biểu hiện chưa đúng ngay trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Giám sát chuyên đề góp phần nâng cao ý thức tự giác của tổ chức đảng và đảng viên trong việc chấp hành Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, qua đó tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng.

Việc lựa chọn nội dung và đối tượng giám sát cần dựa trên tình hình thực tiễn ở cơ sở, nhất là những lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm, có nhiều ý kiến phản ánh hoặc có dấu hiệu chưa chấp hành nghiêm quy định của Đảng. Ở cấp Đảng ủy, UBKT thường ưu tiên giám sát các tổ chức đảng, cá nhân giữ vị trí lãnh đạo, quản lý; các lĩnh vực như quản lý tài chính – ngân sách, đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Việc lựa chọn này giúp giám sát sát thực, tránh dàn trải, hình thức.

Đối với vùng Đồng bằng sông Hồng, UBKT các cấp cần chú trọng các

nội dung liên quan đến quản lý đất đai, đầu tư công, đô thị hóa, giải phóng mặt bằng, bảo đảm phù hợp với đặc thù phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Về Quy trình giám sát chuyên đề hiện nay được thực hiện tương đối chặt chẽ, từ khâu xây dựng kế hoạch, chuẩn bị đề cương, thu thập tài liệu đến tổ chức giám sát và ban hành kết luận. Trong đó, khâu chuẩn bị đề cương và xác định trọng tâm nội dung giám sát là yếu tố quyết định chất lượng. Thực tiễn cho thấy, nếu đề cương giám sát rõ ràng, đúng vấn đề thì việc tổ chức thực hiện sẽ thuận lợi và kết luận có tính thuyết phục cao.

UBKT Đảng ủy xã thường kết hợp nhiều phương pháp như nghiên cứu hồ sơ, tài liệu; làm việc trực tiếp với tổ chức đảng, cá nhân được giám sát; trao đổi, đối chiếu thông tin với các bộ phận chuyên môn liên quan. Theo kinh nghiệm thực tiễn, phương pháp đối thoại trực tiếp, gắn với kiểm tra hồ sơ cụ thể mang lại hiệu quả cao, giúp làm rõ trách nhiệm và nhận thức của đối tượng được giám sát.

Để đánh giá chất lượng công tác giám sát chuyên đề, có thể thông qua các tiêu chí sau: mức độ sát thực của nội dung giám sát; tính khách quan, chính xác của kết luận; tính khả thi của kiến nghị; kết quả khắc phục sau giám sát. Trong đó, kết quả thực hiện kiến nghị sau giám sát là tiêu chí phản ánh rõ nhất chất lượng thực tế của công tác giám sát. Do vậy, nếu làm tốt công tác giám sát chuyên đề sẽ góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu; giúp ngăn ngừa vi phạm, hạn chế đơn thư khiếu nại, tố cáo phát sinh. Qua giám sát, nhiều tổ chức đảng đã kịp thời điều chỉnh phương pháp lãnh đạo, quản lý, góp phần giữ vững đoàn kết nội bộ và ổn định tình hình ở cơ sở.

Để nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề, theo tôi cần tập trung vào một số giải pháp trọng tâm, như: nâng cao năng lực, bản lĩnh và trách nhiệm của cán bộ UBKT; lựa chọn nội dung giám sát có trọng tâm, trọng điểm; tăng cường công tác phối hợp giữa UBKT với các cơ quan chuyên

môn; chú trọng theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận sau giám sát. Một số nội dung giám sát liên quan đến lĩnh vực chuyên môn sâu, đòi hỏi cán bộ kiểm tra phải có kiến thức tổng hợp, nhưng điều kiện bồi dưỡng, cập nhật kiến thức còn hạn chế; đặc biệt trong thời gian tới, công tác giám sát chuyên đề cần từng bước ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, qua đó nâng cao tính kịp thời, chính xác và minh bạch trong hoạt động của UBKT.

Thời gian PV: Tháng 01 năm 2026

13. Chuyên gia: Trưởng phòng Nghiệp vụ III; Kiểm tra viên phòng nghiệp vụ III Cơ quan UBKT tỉnh Hưng Yên, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên

- Đã tham gia nhiều đoàn giám sát chuyên đề như: (1) Giám sát việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và của Tỉnh ủy đối với cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu; (2) Giám sát công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng ở cấp huyện và cơ sở; (3) Giám sát việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc của cấp ủy, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; (4) Giám sát chuyên đề về công tác quản lý, sử dụng đất đai, tài chính – ngân sách, đầu tư công, gắn với trách nhiệm lãnh đạo của tổ chức đảng có liên quan; (5) Giám sát việc thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Với vai trò là có cuộc là Trưởng đoàn giám sát, có cuộc là thành viên đoàn giám sát. Khi được phân công làm Trưởng đoàn giám sát, tôi trực tiếp tham gia xây dựng kế hoạch giám sát; xác định trọng tâm, trọng điểm nội dung giám sát; chủ trì các buổi làm việc với tổ chức đảng được giám sát; chỉ đạo tổng hợp, phân tích kết quả giám sát và chịu trách nhiệm về báo cáo, kết luận giám sát.

Với vai trò thành viên đoàn giám sát, tôi thực hiện nhiệm vụ theo phân công, tập trung nghiên cứu hồ sơ, tài liệu; tham gia thẩm tra, xác minh; đề xuất nhận xét, đánh giá và kiến nghị xử lý, góp phần bảo đảm chất lượng, khách quan và toàn diện của cuộc giám sát. Thông qua việc tham gia nhiều cuộc giám sát chuyên đề với các vai trò khác nhau, tôi có điều kiện nhìn nhận đầy đủ hơn về quy trình tổ chức, phương pháp giám sát, cũng như những ưu điểm, hạn chế trong thực tiễn công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp tỉnh, làm cơ sở thực tiễn quan trọng cho nghiên cứu luận án.

- Công tác chuẩn bị cho các cuộc giám sát chuyên đề của UBKT tỉnh Hưng Yên được thực hiện tương đối bài bản, chặt chẽ và tuân thủ đúng quy trình, thẩm quyền theo quy định của Đảng, thể hiện qua một số nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, xây dựng kế hoạch giám sát được tiến hành trên cơ sở bám sát chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa và hằng năm của cấp ủy và UBKT Tỉnh ủy. Nội dung kế hoạch xác định rõ mục đích, yêu cầu, phạm vi, đối tượng, nội dung trọng tâm, phương pháp và thời gian giám sát, đồng thời bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương, đơn vị. Trong nhiều trường hợp, kế hoạch giám sát được điều chỉnh linh hoạt để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị và những vấn đề nổi lên trong thực tiễn.

Thứ hai, xây dựng đề cương giám sát được coi là khâu then chốt trong công tác chuẩn bị. Đề cương thường được xây dựng theo hướng cụ thể hóa nội dung giám sát thành các nhóm vấn đề, tiêu chí, câu hỏi gợi mở, gắn chặt với các quy định, nghị quyết, kết luận của Trung ương và của cấp ủy cấp tỉnh. Việc xây dựng đề cương giúp định hướng rõ nội dung làm việc, hạn chế tình trạng giám sát dàn trải, hình thức, đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức đảng được giám sát chuẩn bị báo cáo, tài liệu đúng trọng tâm.

Thứ ba, phân công nhiệm vụ trong đoàn giám sát được thực hiện khá

rõ ràng, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, kinh nghiệm và năng lực chuyên môn của từng thành viên. Trưởng đoàn chịu trách nhiệm chung về chỉ đạo, điều hành, tổng hợp và kết luận; các thành viên được phân công theo từng mảng nội dung cụ thể, bảo đảm phát huy vai trò, trách nhiệm cá nhân và nâng cao hiệu quả phối hợp trong quá trình giám sát.

Thứ tư, chuẩn bị tài liệu và nghiên cứu hồ sơ được chú trọng hơn so với trước đây. Trước khi tiến hành giám sát trực tiếp, đoàn giám sát thường yêu cầu đối tượng giám sát gửi báo cáo, hồ sơ liên quan để nghiên cứu trước; đồng thời tiến hành rà soát các văn bản chỉ đạo, kết luận, kiến nghị có liên quan nhằm phục vụ việc đối chiếu, đánh giá trong quá trình làm việc.

Tuy nhiên, trong thực tiễn vẫn còn một số hạn chế nhất định, như: chất lượng một số kế hoạch, đề cương giám sát chưa thật sự đồng đều; việc phân công nhiệm vụ ở một số đoàn giám sát còn mang tính kiêm nhiệm; thời gian dành cho khâu chuẩn bị đôi khi còn hạn hẹp, ảnh hưởng nhất định đến chiều sâu của nội dung giám sát.

- Trong quá trình thực hiện giám sát chuyên đề, UBKT cấp ủy cấp tỉnh hiện nay thường kết hợp nhiều phương pháp giám sát khác nhau nhằm bảo đảm tính toàn diện, khách quan và hiệu quả của hoạt động giám sát. Về phương pháp giám sát, chủ yếu sử dụng các phương pháp sau:

Thứ nhất, phương pháp nghiên cứu, phân tích hồ sơ, tài liệu. Đây là phương pháp được sử dụng thường xuyên, xuyên suốt trong toàn bộ quá trình giám sát. Thông qua việc nghiên cứu báo cáo, nghị quyết, biên bản, kết luận, hồ sơ liên quan, đoàn giám sát có cơ sở đối chiếu giữa quy định của Đảng với việc tổ chức thực hiện trong thực tiễn.

Thứ hai, phương pháp làm việc trực tiếp với tổ chức đảng và cá nhân có liên quan. Đoàn giám sát tổ chức các buổi làm việc, trao đổi, chất vấn, làm rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân, qua đó đánh giá đầy đủ hơn vai trò

lãnh đạo, chỉ đạo và mức độ chấp hành của đối tượng được giám sát.

Thứ ba, phương pháp khảo sát, xác minh thực tế. Đối với những nội dung phức tạp hoặc nhạy cảm, đoàn giám sát tiến hành khảo sát tại cơ sở, kiểm tra thực tế một số hồ sơ, vụ việc cụ thể để làm rõ tính chính xác, trung thực của báo cáo.

Thứ tư, phương pháp đối chiếu, so sánh và tổng hợp đánh giá. Kết quả giám sát được đối chiếu giữa các nguồn thông tin khác nhau (báo cáo, hồ sơ, ý kiến giải trình, thực tế kiểm tra) nhằm phát hiện những điểm chưa thống nhất, những dấu hiệu hạn chế, khuyết điểm cần làm rõ thêm.

- Về những khó khăn trong quá trình giám sát, chủ yếu tập trung ở một số vấn đề sau:

Một là, chất lượng thông tin, tài liệu phục vụ giám sát chưa đồng đều; một số báo cáo còn mang tính hình thức, chưa phản ánh đầy đủ bản chất vấn đề, gây khó khăn cho việc phân tích, đánh giá.

Hai là, tính nhạy cảm của một số nội dung giám sát khiến việc tiếp cận thông tin, xác minh thực tế gặp không ít trở ngại; một số đối tượng giám sát còn tâm lý e dè, né tránh, chưa thật sự cởi mở trong cung cấp thông tin.

Ba là, thời gian và nguồn lực dành cho giám sát chuyên đề còn hạn chế, trong khi nội dung giám sát ngày càng rộng và phức tạp, ảnh hưởng đến chiều sâu của việc đánh giá.

Bốn là, kỹ năng, kinh nghiệm của một bộ phận cán bộ tham gia giám sát chưa đồng đều, nhất là kỹ năng phát hiện vấn đề, kỹ năng phân tích, tổng hợp và kiến nghị sau giám sát.

Nhìn chung, mặc dù còn gặp những khó khăn nhất định, song việc vận dụng linh hoạt, kết hợp nhiều phương pháp giám sát đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp tỉnh, đồng thời cung cấp những luận cứ thực tiễn quan trọng cho việc hoàn thiện cơ chế,

phương pháp giám sát trong thời gian tới.

- Việc thu thập tài liệu và làm việc với tổ chức đảng, đảng viên được giám sát trong các cuộc giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh cơ bản có thuận lợi, nhất là khi cuộc giám sát được triển khai đúng quy trình, có kế hoạch và đề cương rõ ràng, bám sát các quy định của Đảng.

Về thuận lợi, có thể khái quát một số điểm sau:

Thứ nhất, nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên về vai trò, ý nghĩa của công tác giám sát ngày càng được nâng lên. Phần lớn các tổ chức đảng được giám sát có ý thức phối hợp, cung cấp tài liệu theo yêu cầu của đoàn giám sát, tham gia làm việc nghiêm túc, đúng thành phần, đúng thời gian.

Thứ hai, quy trình, thẩm quyền và phương thức giám sát đã được quy định khá rõ ràng, tạo cơ sở pháp lý để UBKT cấp tỉnh yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu và làm việc trực tiếp với tổ chức đảng, đảng viên có liên quan, góp phần bảo đảm tính chính danh và hiệu lực của hoạt động giám sát.

Thứ ba, kinh nghiệm tổ chức giám sát của UBKT tỉnh Hưng Yên ngày càng được tích lũy, giúp việc trao đổi, làm việc với đối tượng giám sát có trọng tâm, trọng điểm, hạn chế hình thức, tạo được sự thống nhất và đồng thuận trong quá trình thực hiện.

Tuy nhiên, trong thực tiễn, việc thu thập tài liệu và làm việc với đối tượng giám sát vẫn còn gặp một số khó khăn nhất định, cụ thể:

Một là, chất lượng và tính đầy đủ của tài liệu cung cấp chưa đồng đều; có trường hợp tài liệu còn thiếu, chưa được hệ thống hóa, hoặc chưa phản ánh đúng thực chất tình hình, đòi hỏi đoàn giám sát phải yêu cầu bổ sung, làm rõ nhiều lần.

Hai là, tâm lý e ngại, né tránh trách nhiệm vẫn còn tồn tại ở một bộ phận tổ chức đảng và đảng viên khi làm việc với đoàn giám sát, nhất là đối với những nội dung nhạy cảm, liên quan đến trách nhiệm người đứng đầu

hoặc những hạn chế, khuyết điểm kéo dài.

Ba là, việc tiếp cận một số hồ sơ, tài liệu liên quan đến nhiều cơ quan, nhiều giai đoạn còn gặp khó khăn do cơ chế phối hợp chưa thật sự đồng bộ, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng giám sát.

Bốn là, áp lực về thời gian và khối lượng công việc khiến việc làm việc trực tiếp, trao đổi sâu với từng tổ chức đảng, đảng viên trong một số cuộc giám sát chưa thật sự đáp ứng yêu cầu về chiều sâu.

Từ thực tiễn đó cho thấy, để nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế thu thập thông tin, nâng cao trách nhiệm phối hợp của tổ chức đảng được giám sát, đồng thời tăng cường kỹ năng, phương pháp làm việc của cán bộ giám sát.

- Về khả năng phát hiện vấn đề, dấu hiệu vi phạm thông qua giám sát chuyên đề của UBKT cấp tỉnh hiện nay ở mức khá, nhất là trong việc phát hiện những hạn chế, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của tổ chức đảng và người đứng đầu. Giám sát chuyên đề đã phát huy vai trò phòng ngừa, nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời, góp phần hạn chế vi phạm phát sinh. Tuy nhiên, trong thực tiễn vẫn có một số trường hợp kết quả giám sát chuyên đề đánh giá là “cơ bản tốt”, nhưng sau đó khi tiến hành thanh tra hoặc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm lại phát hiện ra những sai phạm cụ thể, thậm chí nghiêm trọng. Đây là thực tế cần được nhìn nhận thẳng thắn, khách quan trong nghiên cứu khoa học.

Nguyên nhân của tình trạng này, theo tôi, xuất phát từ một số yếu tố chủ yếu sau:

Thứ nhất, tính chất của giám sát chuyên đề chủ yếu là giám sát việc thực hiện chủ trương, quy định, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, chưa đi sâu làm rõ hành vi vi phạm cụ thể như kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Do đó, khả năng phát hiện vi phạm tiềm ẩn, vi phạm được che giấu tinh vi còn có

những giới hạn nhất định.

Thứ hai, phương pháp giám sát trong một số trường hợp còn nặng về nghiên cứu hồ sơ, báo cáo, chưa có điều kiện hoặc chưa đủ thời gian để xác minh sâu, kiểm tra chéo, khảo sát thực tế toàn diện, dẫn đến việc chưa phát hiện đầy đủ các sai phạm ẩn sau những báo cáo “đẹp”.

Thứ ba, chất lượng thông tin đầu vào phục vụ giám sát còn phụ thuộc nhiều vào báo cáo của đối tượng được giám sát, trong khi cơ chế khai thác thông tin độc lập, đa chiều chưa thật sự hiệu quả, làm hạn chế khả năng phát hiện dấu hiệu vi phạm sớm.

Thứ tư, năng lực, kinh nghiệm và bản lĩnh của một bộ phận cán bộ làm công tác giám sát chưa đồng đều; kỹ năng nhận diện dấu hiệu vi phạm, phân tích mối liên hệ giữa trách nhiệm tập thể và cá nhân trong một số lĩnh vực phức tạp còn hạn chế.

Thứ năm, sự phối hợp, chia sẻ thông tin giữa giám sát chuyên đề với các kênh thanh tra, kiểm tra, kiểm toán ở một số nơi chưa thật sự chặt chẽ, dẫn đến việc giám sát chưa tận dụng được đầy đủ các nguồn thông tin cảnh báo sớm.

Từ thực tiễn đó cho thấy, để nâng cao khả năng phát hiện vấn đề, dấu hiệu vi phạm qua giám sát chuyên đề, cần đổi mới mạnh mẽ phương pháp giám sát theo hướng đi sâu, có trọng tâm, trọng điểm; tăng cường khai thác thông tin đa chiều; nâng cao năng lực cán bộ và gắn kết chặt chẽ hơn giữa giám sát với kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

- Về sự phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra với các ban xây dựng Đảng và các cơ quan liên quan trong giám sát chuyên đề hiện nay đã có những chuyển biến tích cực, từng bước đi vào nền nếp, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giám sát của UBKT cấp ủy cấp tỉnh.

Về mặt tích cực, có thể khái quát một số nội dung sau:

Thứ nhất, cơ chế phối hợp bước đầu được xác lập tương đối rõ thông qua các quy chế làm việc, quy chế phối hợp giữa UBKT với Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ban Nội chính, Văn phòng cấp ủy và một số cơ quan có liên quan. Việc phối hợp giúp trao đổi thông tin, thống nhất nội dung, tránh chồng chéo trong tổ chức giám sát.

Thứ hai, trong nhiều cuộc giám sát chuyên đề, UBKT chủ động mời đại diện các ban xây dựng Đảng tham gia đoàn giám sát hoặc tham gia cung cấp thông tin, tài liệu chuyên sâu theo lĩnh vực phụ trách, qua đó nâng cao tính toàn diện và chuyên môn của kết quả giám sát.

Thứ ba, việc chia sẻ thông tin, kết quả giám sát từng bước được tăng cường, nhất là đối với những vấn đề liên quan đến công tác cán bộ, công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần hỗ trợ lẫn nhau trong thực hiện nhiệm vụ chung của cấp ủy.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, sự phối hợp trong giám sát chuyên đề vẫn còn một số hạn chế:

Một là, việc phối hợp ở một số nơi còn mang tính vụ việc, chưa thường xuyên, liên tục, chưa hình thành được cơ chế trao đổi thông tin mang tính hệ thống, chủ động.

Hai là, vai trò, trách nhiệm của các cơ quan phối hợp trong một số cuộc giám sát chưa được phân định thật sự rõ, dẫn đến hiệu quả phối hợp chưa cao, còn biểu hiện nể nang, né tránh.

Ba là, chưa khai thác đầy đủ nguồn thông tin từ các kênh thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra để phục vụ công tác giám sát chuyên đề, làm hạn chế khả năng phát hiện sớm vấn đề.

Từ thực tiễn đó cho thấy, để nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa UBKT với các ban xây dựng Đảng và cơ quan liên quan theo hướng rõ trách nhiệm, thường xuyên trao đổi thông

tin, gắn giám sát với kiểm tra, thanh tra và phòng ngừa vi phạm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Trong thực tiễn thực hiện giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh, kiểm tra viên thường phải đối mặt với nhiều khó khăn và áp lực đan xen, xuất phát cả từ yêu cầu nhiệm vụ chính trị lẫn điều kiện tổ chức thực hiện. Những khó khăn, áp lực lớn nhất có thể khái quát trên một số phương diện chủ yếu sau:

Thứ nhất, áp lực về trách nhiệm chính trị và tính chính xác của kết luận giám sát. Kết quả giám sát chuyên đề không chỉ phục vụ việc đánh giá, nhắc nhở, chấn chỉnh mà còn có thể là cơ sở để chuyển sang kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Do đó, kiểm tra viên chịu áp lực rất lớn trong việc bảo đảm nhận xét, đánh giá khách quan, đúng bản chất, không bỏ lọt vi phạm nhưng cũng không suy diễn, áp đặt.

Thứ hai, tính nhạy cảm của đối tượng và nội dung giám sát. Nhiều chuyên đề giám sát liên quan trực tiếp đến trách nhiệm người đứng đầu, công tác cán bộ, quản lý tài chính, đất đai, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực..., dễ phát sinh tâm lý né tránh, nể nang hoặc chịu tác động từ các mối quan hệ công tác, xã hội.

Thứ ba, khối lượng công việc lớn trong khi thời gian và nguồn lực hạn chế. Kiểm tra viên thường phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, trong khi yêu cầu về tiến độ, chất lượng giám sát ngày càng cao, tạo áp lực về thời gian, ảnh hưởng đến chiều sâu nghiên cứu, xác minh.

Thứ tư, khó khăn trong tiếp cận và xử lý thông tin. Tài liệu phục vụ giám sát ở một số trường hợp chưa đầy đủ, chưa được hệ thống hóa; việc khai thác thông tin độc lập, đa chiều còn hạn chế, đòi hỏi kiểm tra viên phải có kỹ năng tổng hợp, phân tích và sàng lọc thông tin rất cao.

Thứ năm, yêu cầu ngày càng cao về trình độ, kỹ năng và bản lĩnh của kiểm tra viên. Giám sát chuyên đề đòi hỏi không chỉ nắm vững quy định của

Đảng mà còn phải hiểu biết thực tiễn quản lý, lĩnh vực chuyên môn liên quan; trong khi công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên sâu ở một số thời điểm chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn.

Từ những khó khăn, áp lực nêu trên cho thấy, để nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề, cần quan tâm hơn đến bảo đảm điều kiện làm việc, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiểm tra viên, đồng thời hoàn thiện cơ chế bảo vệ, khuyến khích cán bộ kiểm tra thực hiện nhiệm vụ một cách khách quan, bản lĩnh và trách nhiệm.

- Về năng lực chuyên môn và kỹ năng của đội ngũ cán bộ làm công tác giám sát chuyên đề hiện nay về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là trong việc tổ chức, triển khai giám sát theo đúng quy trình, thẩm quyền và các quy định của Đảng. Đội ngũ cán bộ kiểm tra ngày càng có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần trách nhiệm cao và tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tiễn. Tuy nhiên, xét một cách toàn diện và ở tầm yêu cầu ngày càng cao của công tác giám sát trong tình hình mới, năng lực và kỹ năng của đội ngũ cán bộ giám sát vẫn còn những mặt cần tiếp tục hoàn thiện, thể hiện ở một số điểm sau:

Thứ nhất, trình độ chuyên môn về công tác kiểm tra, giám sát nhìn chung đáp ứng yêu cầu, nhưng kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực đặc thù như quản lý đất đai, tài chính – ngân sách, đầu tư, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực... ở một bộ phận cán bộ còn hạn chế, ảnh hưởng đến chiều sâu của giám sát chuyên đề.

Thứ hai, kỹ năng phát hiện vấn đề, nhận diện dấu hiệu vi phạm sớm thông qua giám sát chuyên đề chưa thật sự đồng đều giữa các cán bộ; trong một số trường hợp, việc đánh giá còn dừng ở biểu hiện bề nổi, chưa đi sâu phân tích mối quan hệ giữa trách nhiệm tập thể và trách nhiệm cá nhân.

Thứ ba, kỹ năng thu thập, xử lý, phân tích và tổng hợp thông tin của

một bộ phận cán bộ chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn, nhất là trong bối cảnh khối lượng thông tin lớn, đa nguồn và tính phức tạp ngày càng cao.

Thứ tư, kỹ năng giao tiếp, làm việc, trao đổi, thuyết phục trong quá trình giám sát còn hạn chế ở một số cán bộ, ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc với tổ chức đảng và đảng viên được giám sát, nhất là trong những nội dung nhạy cảm.

Từ thực tiễn đó cho thấy, để đáp ứng tốt hơn yêu cầu nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề, cần tiếp tục đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng theo hướng chuyên sâu, gắn lý luận với thực tiễn; chú trọng rèn luyện kỹ năng phát hiện vấn đề, bản lĩnh nghề nghiệp và đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ làm công tác giám sát.

- Từ thực tiễn công tác giám sát chuyên đề của UBKT tỉnh Hưng Yên, theo tôi, để nâng cao hiệu quả và chất lượng giám sát chuyên đề trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện đồng bộ một số nhóm giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng lựa chọn chuyên đề giám sát. Việc xác định chuyên đề cần bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, tập trung vào những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm, những vấn đề dư luận xã hội quan tâm, đồng thời gắn giám sát chuyên đề với yêu cầu phòng ngừa, cảnh báo sớm vi phạm.

Thứ hai, đổi mới phương pháp giám sát theo hướng đi sâu, thực chất. Cần kết hợp linh hoạt giữa nghiên cứu hồ sơ, làm việc trực tiếp, khảo sát thực tế và khai thác thông tin đa chiều; tăng cường giám sát có trọng tâm, trọng điểm, hạn chế giám sát dàn trải, hình thức.

Thứ ba, tăng cường mối liên hệ giữa giám sát chuyên đề với kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Kết quả giám sát cần được sử dụng hiệu quả hơn trong việc phát hiện, lựa chọn đối tượng kiểm tra, bảo đảm sự liên thông, kế thừa giữa các khâu trong công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

Thứ tư, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác giám sát.

Cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ kiểm tra, giám sát; trang bị kiến thức liên ngành; rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp và kỹ năng phát hiện vấn đề cho đội ngũ cán bộ kiểm tra.

Thứ năm, hoàn thiện cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin giữa UBKT với các ban xây dựng Đảng và các cơ quan liên quan, bảo đảm khai thác hiệu quả các nguồn thông tin phục vụ giám sát, tránh chồng chéo, nâng cao hiệu quả tổng hợp.

Thứ sáu, tăng cường theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị sau giám sát. Cần coi trọng khâu sau giám sát, bảo đảm các kiến nghị được thực hiện nghiêm túc, kịp thời, qua đó nâng cao tính răn đe và hiệu quả thực chất của giám sát chuyên đề.

Những kiến nghị trên, nếu được thực hiện đồng bộ, sẽ góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát chuyên đề của UBKT cấp tỉnh, đáp ứng yêu cầu tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong giai đoạn hiện nay.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin và khai thác dữ liệu số trong công tác giám sát chuyên đề của UBKT tỉnh Hưng Yên, hiện nay vừa mang lại những hỗ trợ quan trọng, đồng thời cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức trong quá trình tổ chức thực hiện.

Về những mặt hỗ trợ, có thể khái quát như sau:

Thứ nhất, công nghệ thông tin giúp nâng cao hiệu quả thu thập, lưu trữ và xử lý thông tin. Việc số hóa hồ sơ, tài liệu, báo cáo giúp cán bộ giám sát thuận lợi hơn trong tra cứu, đối chiếu, tổng hợp thông tin, nhất là đối với các chuyên đề giám sát có phạm vi rộng, nhiều đối tượng.

Thứ hai, khai thác dữ liệu số góp phần hỗ trợ phân tích, so sánh, phát hiện bất thường trong quá trình giám sát, nhất là khi kết hợp dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau, qua đó giúp nâng cao khả năng nhận diện sớm vấn đề, dấu hiệu vi phạm.

Thứ ba, ứng dụng công nghệ thông tin góp phần rút ngắn thời gian chuẩn bị và triển khai giám sát, tạo điều kiện cho việc trao đổi, phối hợp giữa các thành viên đoàn giám sát và giữa UBKT với các cơ quan liên quan.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, việc ứng dụng công nghệ thông tin hiện nay vẫn còn một số hạn chế, thậm chí có thể trở thành lực cản nhất định:

Một là, hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác giám sát chưa đồng bộ, chưa liên thông, dữ liệu còn phân tán, thiếu chuẩn hóa, gây khó khăn cho việc khai thác, đối chiếu và phân tích thông tin.

Hai là, mức độ số hóa hồ sơ, tài liệu ở một số cấp, một số lĩnh vực còn hạn chế, nhiều tài liệu vẫn chủ yếu tồn tại dưới dạng giấy, làm giảm hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát chuyên đề.

Ba là, kỹ năng sử dụng công nghệ, khai thác dữ liệu số của một bộ phận cán bộ làm công tác giám sát chưa đáp ứng yêu cầu, ảnh hưởng đến việc tận dụng đầy đủ các tiện ích mà công nghệ thông tin mang lại.

Bốn là, yêu cầu bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin đặt ra những ràng buộc nhất định trong việc chia sẻ, kết nối dữ liệu, khiến việc khai thác dữ liệu số phục vụ giám sát chưa thật sự linh hoạt.

Từ thực tiễn đó cho thấy, trong thời gian tới cần đẩy mạnh đầu tư, hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo hướng đồng bộ, an toàn; đồng thời nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ làm công tác giám sát, qua đó phát huy tốt hơn vai trò hỗ trợ của công nghệ thông tin trong giám sát chuyên đề.

Thời gian PV: Tháng 01/2026

14. Chuyên gia: UVBTV, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy xã Bắc Thái Ninh, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên

Công tác giám sát chuyên đề của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh hiện

nay có vai trò rất quan trọng: Thông qua công tác giám sát chuyên đề, ủy ban kiểm tra sẽ tham mưu, giúp Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát; phát hiện sớm sai phạm, uốn nắn kịp thời; nâng cao kỷ luật Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tăng cường phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; và củng cố niềm tin của nhân dân, thông qua việc đi sâu vào các lĩnh vực, vấn đề trọng tâm, đột xuất, phức tạp, nhạy cảm của địa phương, đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả của công tác xây dựng Đảng trong thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Việc lựa chọn nội dung, đối tượng giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy tỉnh hiện nay được căn cứ trên 2 nhóm cơ sở chính: **Một là**, Cơ sở chính trị, pháp lý: Căn cứ vào chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản, quy định về công tác kiểm tra, giám sát; các chính sách, pháp luật của Nhà nước; **Hai là**, cơ sở thực tiễn: Căn cứ vào tình hình thực tế địa phương và cơ sở (*lĩnh vực nhạy cảm, phức tạp, dư luận quan tâm*), kết quả nắm tình hình, dấu hiệu vi phạm (*qua báo chí, tố cáo, đơn thư,...*), và chỉ đạo của cấp ủy cấp trên, nhằm đảm bảo tính trọng tâm, trọng điểm, đi trước một bước, phòng ngừa vi phạm và siết chặt kỷ luật Đảng. Bên cạnh đó, việc lựa chọn nội dung giám sát cũng cần phải tính đến những đặc thù kinh tế - xã hội của địa phương để bảo đảm hiệu quả giám sát đúng, trúng và sát với thực tiễn..

Về quy trình giám sát chuyên đề hiện nay: Quy trình giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh thường gồm các bước: Chuẩn bị (xây dựng kế hoạch, thành lập đoàn), Thực hiện (nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, thẩm tra xác minh, làm việc tại địa bàn, thu thập thông tin, lấy ý kiến), Kết luận (thảo luận, ra kết luận, ban hành thông báo), Theo dõi (giám sát việc chấp hành kết luận) và rút kinh nghiệm, nhằm đánh giá việc chấp hành Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị và phát hiện dấu hiệu vi phạm để chuyển kiểm tra nếu cần thiết. Trong đó, khâu then chốt trong giám sát chuyên đề là khâu thực hiện,

trong đó quan trọng là quá trình nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, thẩm tra, xác minh,..

Về chất lượng kết luận, kiến nghị sau giám sát chuyên đề hiện nay trên địa bàn xã cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu trong công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh với các tiêu chí cơ bản như: tính hiệu quả thực chất (chuyển biến nhận thức, hành vi, kết quả thực hiện nhiệm vụ sau giám sát); khách quan, minh bạch (không hình thức, không bỏ sót sai phạm, được cấp ủy và nhân dân tin tưởng); tác động tích cực (xây dựng tổ chức Đảng vững mạnh, nâng cao ý thức đảng viên, phòng ngừa vi phạm) và sự hài lòng của đối tượng giám sát (thái độ đồng tình, ủng hộ). Trong đó, tiêu chí về tính hiệu quả và thực chất giữ vai trò quyết định đối với chất lượng giám sát chuyên đề hiện nay.

Công tác giám sát chuyên đề tác động tích cực bằng cách phát hiện sớm, ngăn chặn từ gốc các vi phạm (nhất là tham nhũng, tiêu cực tại lĩnh vực nhạy cảm), giúp nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của đảng viên, làm rõ bất cập cơ chế, từ đó củng cố kỷ luật, kỷ cương, xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, tăng niềm tin của nhân dân và đảm bảo hệ thống chính trị hoạt động hiệu quả hơn tại địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thì công tác giám sát chuyên đề tại địa phương hiện nay vẫn còn có những hạn chế, như: năng lực, trình độ, phương pháp công tác của cán bộ kiểm tra còn hạn chế; cơ chế phối hợp chưa chặt chẽ, chưa hiệu quả; công tác nắm tình hình địa bàn chưa sâu, chưa kịp thời; quy trình thực hiện còn lúng túng, thiếu hướng dẫn chi tiết (như kê khai tài sản); và việc xử lý tài sản, tiền vi phạm chưa hiệu quả, gây khó khăn trong việc khắc phục hậu quả. Hiện nay, dự báo có một số tính chất các sai phạm mà giám sát chuyên đề còn khó phát hiện như: sự thay đổi về tính chất, mức độ hành vi vi phạm có xu hướng thực hiện tinh vi hơn; việc che giấu

hành vi vi phạm kỷ luật hơn....; khó khăn về cơ chế phối hợp, thông tin, nhân lực và sự đồng bộ trong quy trình/kết quả kiểm tra giữa các địa phương; thiếu văn bản hướng dẫn cụ thể cho các trường hợp đặc thù; cũng như sự khác biệt trong thực tiễn triển khai vo tình chung đã tạo ra vướng mắc khi xác định trách nhiệm, xử lý các sai phạm liên quan nhiều địa phương, đòi hỏi sự chủ động, linh hoạt và tăng cường phối hợp liên ngành.

Trong thời gian tới, để nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy các cấp, cần tập trung vào các giải pháp trọng tâm, như: nâng cao nhận thức và bản lĩnh cán bộ; đổi mới nội dung, phương pháp giám sát (chủ động chọn trọng tâm, lĩnh vực nhạy cảm); tăng cường phối hợp liên ngành (với HĐND, MTTQ, cơ quan Nhà nước cùng cấp và ngạch dọc); hoàn thiện cơ chế phối hợp và quy chế hoạt động; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (IT) trong giám sát và xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra đủ năng lực, phẩm chất; mô hình giám sát chuyên đề cần chuyển đổi từ "số hóa hình thức" sang tái cấu trúc toàn diện, tập trung vào quản trị dữ liệu thông minh, công nghệ tiên tiến (AI, Big Data), nâng cao năng lực chuyên gia số, và xây dựng hệ thống thể chế linh hoạt; chủ động, liên thông, hiệu quả hơn trên nền tảng Chính phủ số một cách toàn diện.

Thời gian PV: Tháng 01/2026

15. Chuyên gia: ĐUV, Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy xã Việt Yên, Đảng bộ tỉnh Hưng Yên

Công tác giám sát chuyên đề của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã có vai trò quan trọng trong việc phòng ngừa vi phạm từ sớm, từ xa, góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Thông qua giám sát, kịp thời phát hiện những hạn chế, thiếu sót trong lãnh đạo, quản lý, nhất là ở các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực. Giám sát chuyên đề giúp đánh giá thực chất trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu, làm cơ sở để kiến nghị chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế. Đồng thời, đây là căn cứ quan

trọng phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá cán bộ và hoàn thiện cơ chế, chính sách ở địa phương, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng.

Việc lựa chọn nội dung, đối tượng giám sát chuyên đề của UBKT đảng ủy hiện nay chủ yếu căn cứ vào nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng; chương trình công tác kiểm tra, giám sát hằng năm của cấp ủy và UBKT; yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương và tình hình thực tế ở cơ sở. Nội dung giám sát được lựa chọn theo hướng tập trung vào những lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm, những nơi có dư luận, đơn thư hoặc có biểu hiện hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo, quản lý. Quá trình lựa chọn có tính đến các dễ nảy sinh vi phạm, nhất là các vấn đề về quản lý đất đai, đầu tư công, giải phóng mặt bằng các dự án và quản lý tài chính ở cơ sở, nhằm bảo đảm giám sát có trọng tâm, trọng điểm và sát thực tiễn.

Quy trình giám sát chuyên đề hiện nay thực hiện theo 3 bước gồm: Bước 1. Chuẩn bị giám sát; Bước 2. Thực hiện giám sát; Bước 3. Kết thúc giám sát. Trong đó, khâu then chốt là việc lựa chọn đúng nội dung, đối tượng giám sát và quá trình thu thập, đánh giá thông tin, tài liệu bảo đảm khách quan, đầy đủ. Khâu khó khăn chủ yếu là việc tiếp cận thông tin chuyên sâu, tài liệu liên quan đến các lĩnh vực nhạy cảm; trình độ năng lực, kinh nghiệm của cán bộ làm công tác giám sát chưa đồng đều; việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kiến nghị sau giám sát có mặt còn hạn chế.

UBKT cấp ủy cấp xã hiện nay chủ yếu áp dụng các phương pháp, hình thức giám sát như: Giám sát thông qua báo cáo của tổ chức đảng và đảng viên; Giám sát trực tiếp tại chi bộ; Giám sát thông qua dự họp, làm việc với cấp ủy, tổ chức đảng. Giám sát việc thực hiện nghị quyết, quy định, kết luận sau kiểm tra, giám sát. Trong đó, giám sát trực tiếp kết hợp với nghiên cứu hồ sơ, tài liệu và làm việc trực tiếp với đối tượng giám sát được đánh giá là

phương pháp hiệu quả nhất, vì giúp cấp ủy nắm bắt sát tình hình thực tiễn, phát hiện kịp thời hạn chế, thiếu sót và nâng cao chất lượng các kết luận giám sát.

Nhìn chung, chất lượng kết luận, kiến nghị sau giám sát chuyên đề hiện nay cơ bản đáp ứng yêu cầu, thể hiện rõ nội dung đã giám sát, chỉ ra được ưu điểm, hạn chế và trách nhiệm của tổ chức đảng, đảng viên liên quan. Nhiều kết luận có tính định hướng, phòng ngừa vi phạm và góp phần chấn chỉnh kịp thời trong lãnh đạo, quản lý ở cơ sở. Tuy nhiên, việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kiến nghị sau giám sát chưa thường xuyên, làm giảm hiệu quả giám sát.

Để đánh giá chất lượng công tác giám sát chuyên đề cần dựa trên một số tiêu chí cơ bản như: Tính đúng đắn, phù hợp của nội dung và đối tượng giám sát; Quy trình, phương pháp giám sát khoa học, chặt chẽ; Tính khách quan, chính xác của kết luận; Mức độ cụ thể, khả thi của kiến nghị; Hiệu quả khắc phục hạn chế sau giám sát. Trong các tiêu chí trên, tiêu chí giữ vai trò quyết định là chất lượng kết luận và kiến nghị sau giám sát, vì đây là cơ sở trực tiếp để chấn chỉnh, phòng ngừa vi phạm và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát trong thời gian tới.

Công tác giám sát chuyên đề đã góp phần quan trọng trong việc phòng ngừa vi phạm từ sớm, từ xa, nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương của tổ chức đảng và đảng viên ở địa phương. Thông qua giám sát, nhiều hạn chế, thiếu sót trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý được kịp thời phát hiện, nhắc nhở, chấn chỉnh, không để phát sinh vi phạm nhỏ thành vi phạm nghiêm trọng. Giám sát chuyên đề cũng giúp tăng cường trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu, tạo chuyển biến tích cực trong việc thực hiện nghị quyết, quy định của Đảng, góp phần giữ vững kỷ cương, kỷ luật trong Đảng.

Những hạn chế lớn nhất trong công tác giám sát chuyên đề hiện nay là

phạm vi giám sát còn hẹp, chiều sâu chưa cao; một số nội dung giám sát còn dàn trải, kết luận chưa thật sắc bén. Nguyên nhân chủ yếu do năng lực, kinh nghiệm của cán bộ làm công tác giám sát chưa đồng đều; việc phối hợp cung cấp thông tin, tài liệu còn khó khăn; một số lĩnh vực ngày càng phức tạp. Từ năm 2015 đến nay, tính chất các sai phạm có xu hướng tinh vi, ẩn dưới hình thức đúng quy trình, đúng thẩm quyền nhưng sai về bản chất, nhất là trong quản lý đất đai, đầu tư công, tài chính, công tác cán bộ, gây khó khăn cho việc phát hiện thông qua giám sát chuyên đề.

Để nâng cao chất lượng giám sát chuyên đề của UBKT cấp ủy cấp tỉnh trong thời gian tới, cần lựa chọn nội dung giám sát có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm. Nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch, đề cương giám sát, bảo đảm rõ mục tiêu, phạm vi và tiêu chí đánh giá. Tăng cường phối hợp giữa UBKT với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy và UBKT Đảng ủy. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trách nhiệm của cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát. Gắn giám sát với theo dõi, đôn đốc việc khắc phục hạn chế, kịp thời chuyển sang kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

Với tầm nhìn đến năm 2045, mô hình giám sát chuyên đề cần chuyển mạnh từ phương thức truyền thống sang giám sát dựa trên dữ liệu số và ứng dụng công nghệ thông tin. Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu liên thông, phục vụ phân tích, cảnh báo sớm rủi ro vi phạm. Đổi mới phương pháp giám sát theo hướng kết hợp trực tiếp và trực tuyến, tăng cường giám sát thường xuyên, liên tục. Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ kiểm tra, giám sát, bảo đảm thích ứng yêu cầu chuyển đổi số. Đồng thời, hoàn thiện cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cấp, các ngành trong môi trường số.

Theo hiểu biết của tôi trong bối cảnh đẩy mạnh liên kết vùng ĐBSH,

UBKT tỉnh ủy gặp một số khó khăn trong giám sát các chuyên đề mang tính liên tỉnh, liên thành phố. Cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các địa phương chưa thật sự đồng bộ, thống nhất. Phạm vi giám sát rộng, liên quan nhiều cấp, nhiều ngành, trong khi thẩm quyền giám sát còn có giới hạn. Hệ thống dữ liệu phục vụ giám sát liên vùng chưa được kết nối, liên thông đầy đủ. Bên cạnh đó, sự khác biệt về điều kiện phát triển và cách thức tổ chức thực hiện ở mỗi địa phương cũng ảnh hưởng đến hiệu quả giám sát.....

Thời gian PV: Tháng 01/2026

16. Chuyên gia: Vụ Địa bàn 6 - UBKT Trung ương

Hiện nay, UBKT các tỉnh ở đồng bằng sông Hồng nói riêng và các tỉnh trên cả nước nói chung đã tích cực, chủ động thực hiện nhiệm vụ giám sát thường xuyên; phân công nhiệm vụ, quy định rõ chế độ báo cáo; gắn trách nhiệm của cán bộ theo dõi địa bàn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương, đơn vị phụ trách.

Việc thực hiện giám sát thường xuyên và giám sát chuyên đề luôn được Bộ Chính trị, Ban Bí thư quan tâm, nhất là việc chấp hành các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là việc kiểm tra, giám sát lại các kết luận kiểm tra, giám sát trước đó để đánh giá việc khắc phục các vi phạm, khuyết điểm đã được chỉ ra; chủ động, kịp thời báo cáo, cung cấp thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Về công tác Giám sát chuyên đề UBKT các cấp, Tại hội nghị sơ kết 06 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025 và thời gian tới đã chỉ ra thực trạng công tác giám sát chuyên đề của UBKT các địa phương nhìn chung còn hình thức, chất lượng còn hạn chế, chưa phản ánh đúng thực tế; chưa phát hiện kịp thời dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên, tỷ lệ chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm thấp với tổ chức đảng và đảng viên, chưa phản ánh đúng

thực chất tình hình vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên; hiệu quả cảnh báo, phòng ngừa vi phạm từ công tác giám sát còn hạn chế. Nhiều vụ việc khi Trung ương chỉ đạo kiểm tra, giám sát thì mới phát hiện và khi đó đã để lại hậu quả, làm giảm uy tín của tổ chức đảng với nhân dân, nhất là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tham nhũng, tiêu cực...

Như vậy có thể thấy đây là một vấn đề cấp bách trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng ở địa phương cần phải nhận diện và chỉ ra, cụ thể như:

- Một là, mức độ quan tâm của một số cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cấp ủy chưa thực sự coi trọng, việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ giám sát chuyên đề chưa được quan tâm đúng mức; có nơi việc xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát chuyên đề còn hình thức; nội dung kiểm tra, giám sát còn chung chung; chưa tập trung vào những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm, tham nhũng, tiêu cực; nhiệm vụ phòng, phòng chống lãng phí chưa được quan tâm đúng mức; chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác xây dựng đảng và thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, đơn vị.

- Hai là, công tác giám sát chuyên đề nói chung vẫn còn mang tính thụ động, chủ yếu xem xét qua báo cáo, chưa sát với thực tiễn, thiếu chủ động trong phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên dẫn đến còn hạn chế; chất lượng, hiệu lực, hiệu quả chưa cao; chưa có hệ thống cảnh báo sớm các dấu hiệu vi phạm thông qua việc đa dạng các kênh thu thập, tiếp nhận thông tin kiến nghị, phản ánh. Cán bộ theo dõi địa bàn còn chưa chủ động, phương pháp nắm tình hình, giám sát thường xuyên chưa tốt; chưa kịp thời phát hiện, xác định được dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên, nên việc ngăn chặn, phòng ngừa vi phạm từ sớm, từ xa hiệu quả chưa cao, dẫn đến khi tiến hành kiểm tra, xử lý thì hậu quả để lại rất lớn; chưa đóng góp thực sự có hiệu quả vào việc thúc đẩy thực hiện các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Trung ương.

- Ba là, địa phương chưa xây dựng được tài liệu chuyên đề để phổ biến, tuyên truyền rộng rãi đến các tổ chức đảng và cán bộ đảng viên về các loại vi phạm điển hình, các bài học kinh nghiệm rút ra qua công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; những hạn chế, bất cập trong cơ chế, chính sách; những sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý đã được chỉ ra qua công tác kiểm tra, giám sát và các giải pháp khắc phục, phòng ngừa để giúp các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên nhận thức rõ những vi phạm cần tránh, nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên.

- Bốn là, việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kết luận sau kiểm tra, giám sát còn thiếu quyết liệt; nhiều tổ chức đảng, đảng viên thực hiện yêu cầu trong các kết luận thiếu nghiêm túc, chưa triệt để, tiến độ còn chậm, kéo dài. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp của Đảng, đơn vị sự nghiệp chưa được chú trọng; việc xem xét xử lý kỷ luật còn chưa tương xứng tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm. Công tác kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản, thu nhập có nơi còn lúng túng, nhiều cán bộ, đảng viên kê khai tài sản, thu nhập chưa đúng mẫu theo quy định.

- Năm là, một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến công tác báo cáo, thống kê; chất lượng báo cáo chưa cao, số liệu thống kê chưa chính xác, chưa đảm bảo tiến độ về thời gian.

- Sáu là, một bộ phận cán bộ kiểm tra chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, còn lúng túng trong xử lý các tình huống phức tạp, nhất là những vấn đề mới nảy sinh liên quan đến kinh tế số, tài chính, chuyển nhượng đất đai, đầu tư công...

Để khắc phục những bất cập và hạn chế nêu trên, thời gian tới các cấp ủy đảng ở địa phương cần nghiên cứu và làm tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Chủ động tham mưu, phối hợp, thực hiện đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ các nhiệm vụ do Trung ương chỉ đạo và cấp ủy cấp tỉnh chỉ đạo.

2. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, phương pháp, cách thức tổ chức công tác kiểm tra, giám sát theo tinh thần chỉ đạo của Đồng chí Tổng Bí thư, chuyển trọng tâm thực hiện tốt công tác giám sát bảo đảm các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư được tổ chức thực hiện kịp thời, có hiệu quả, đúng định hướng, đúng quy định; gắn công tác kiểm tra, giám sát với kiểm soát quyền lực; xây dựng cơ chế giám sát hiệu quả, có khả năng cảnh báo sớm và phòng ngừa vi phạm ngay từ cơ sở, không để các vi phạm nhỏ tích tụ thành vi phạm nghiêm trọng, hình thành và lan tỏa văn hóa chính trị trách nhiệm trong nội bộ Đảng, góp phần giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh đáp ứng yêu cầu lãnh đạo đất nước trong kỷ nguyên mới; nhận diện cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả để nhân rộng. Nghiên cứu tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện đồng bộ các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy đảng và UBKT các cấp, trong đó coi trọng nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát ngay từ chi bộ.

3. Triển khai có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát đối với những vấn đề nóng, dư luận xã hội quan tâm như quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản, năng lượng, an toàn thực phẩm...góp phần khơi thông các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Tiếp tục làm tốt công tác kiểm tra, giám sát góp phần phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

4. Tăng cường kiểm tra, giám sát cấp ủy, các địa phương, cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các nghị quyết, kết luận của Trung ương về phát triển đất nước, nhất là 06 Nghị quyết trụ cột của Trung ương trong thời gian vừa qua, đảm bảo phòng, chống lãng phí để sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội trong các lĩnh vực như: (1) Quản lý, sử dụng ngân sách chi thường xuyên; (2) Quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; (3) Quản lý, sử dụng vốn tại doanh nghiệp nhà nước; (4) Quản lý, sử dụng cơ sở nhà đất; (5) Quản lý nhà nước về đất đai; (6) Quản lý, khai thác, sử dụng khoáng

sản; (7) Công tác quy hoạch đất đai, xây dựng, khoáng sản, năng lượng; (8) Công tác tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động khu vực nhà nước, ... với mục tiêu cao nhất là đảm bảo đời sống Nhân dân.

5. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp giữa UBKT với các cơ quan thanh tra, kiểm toán, nội chính, điều tra, truy tố, xét xử; thúc đẩy kết nối, chia sẻ dữ liệu thông suốt, chính xác, kịp thời, phục vụ công tác kiểm tra, giám sát toàn diện và hiệu quả trong toàn hệ thống chính trị. Tăng cường phối hợp, liên thông thông tin giữa các cơ quan kiểm tra, giám sát và tổ chức đảng.

6. Phổ biến, tuyên truyền rộng rãi đến các tổ chức đảng và cán bộ đảng viên về các loại vi phạm điển hình, các bài học kinh nghiệm rút ra qua công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; những hạn chế, bất cập trong cơ chế, chính sách; những sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý đã được chỉ ra qua công tác kiểm tra, giám sát và các giải pháp khắc phục, phòng ngừa để giúp các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên nhận thức rõ những vi phạm cần tránh, nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên.

7. Quán triệt, nâng cao nhận thức những quy định, quan điểm, chủ trương mới về công tác kiểm tra, giám sát cho cán bộ ngành Kiểm tra Đảng. Hoàn thiện chương trình, kế hoạch, triển khai thường xuyên công tác tập huấn, đào tạo, hướng dẫn nghiệp vụ, xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thông nghiệp vụ, am hiểu pháp luật, sử dụng hiệu quả công nghệ số, gương mẫu về phẩm chất đạo đức, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, nhất là đối với đội ngũ cán bộ kiểm tra mới được bố trí tại cấp xã và tương đương. Tăng cường năng lực và hiệu lực của UBKT các cấp, bảo đảm thống nhất trong chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn theo chiều dọc và thực hiện tốt chức năng kiểm tra, giám sát theo chiều ngang; gắn công tác kiểm

tra với nhiệm vụ xây dựng tổ chức đảng, thực hiện nghiêm, thực chất trách nhiệm kiểm tra, giám sát của cấp ủy cấp trên đối với tổ chức đảng và cấp ủy viên cấp dưới. Tổ chức xây dựng tài liệu, chuyên đề bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng để đào tạo bồi dưỡng cán bộ ngành Kiểm tra từ Trung ương đến cơ sở.

8. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số toàn diện, triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu "giám sát trên dữ liệu, kiểm tra trên dữ liệu" trong toàn Ngành. UBKT Trung ương khẩn trương hoàn thiện, vận hành 06 phần mềm, ứng dụng số. UBKT các cấp triển khai thực hiện số hóa tài liệu, cập nhật, xây dựng cơ sở dữ liệu công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo theo đúng lộ trình tại Kế hoạch 2 chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại trong toàn bộ quy trình kiểm tra, giám sát. Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong và ngoài Ngành, bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin. Phân đấu hình thành nền tảng kiểm tra số hiện đại, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

Thời gian PV: Tháng 12 năm 2025